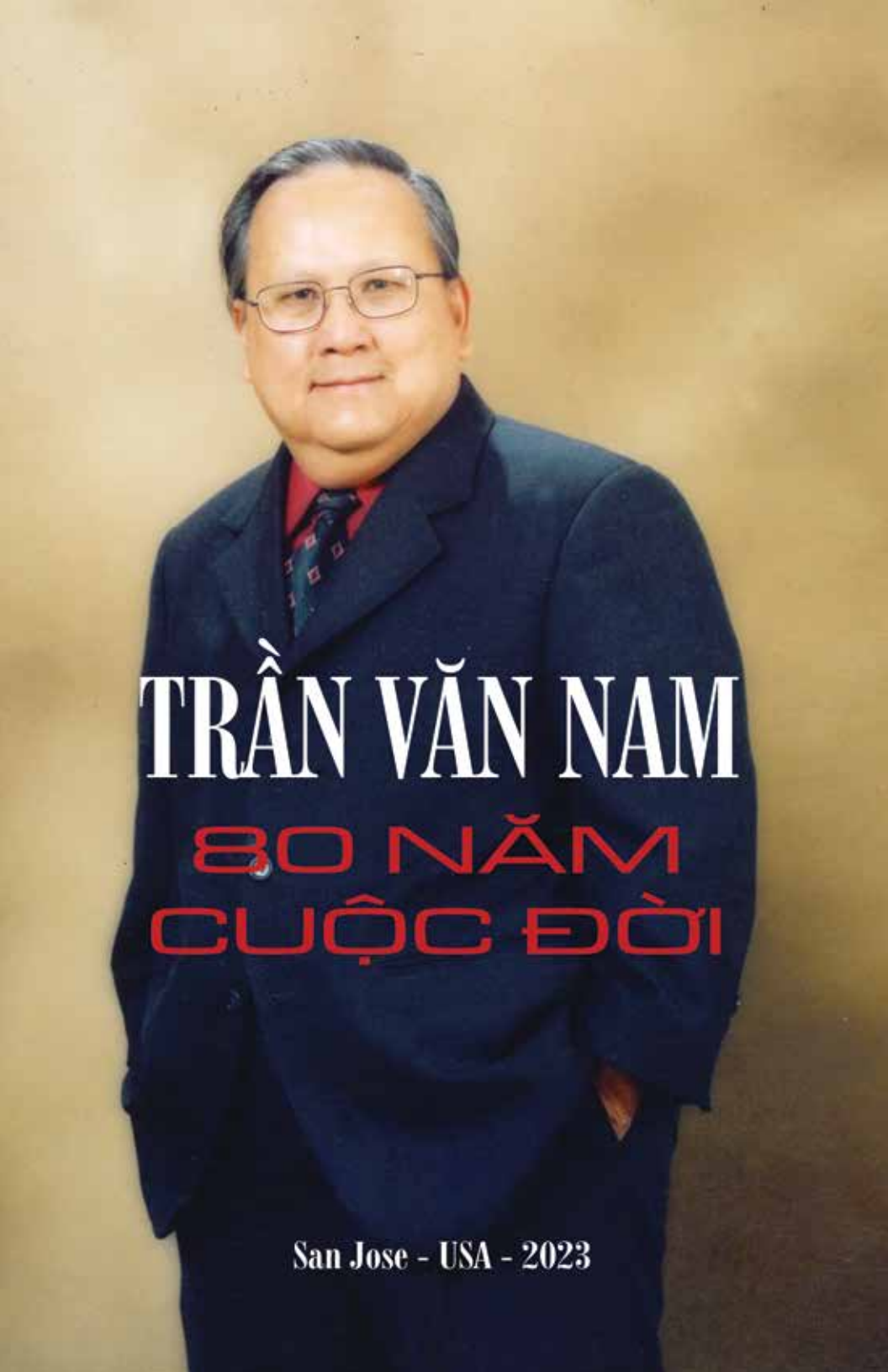

TRẦN VĂN NAM

80 NĂM CUỘC ĐỜI

San Jose - USA - 2023

BIÊN TẬP:
Bác sĩ Đặng Phương Trạch - Đinh Văn Hùng Sơn -
Quách Đại- Nguyễn Vũ Trâm Anh

ĐÁNH MÁY:
Trần Nghĩa Sĩ

TRÌNH BÀY/IN ẤN:
Papyrus Printing
1437 Monterey Road
San Jose, CA 95110
Tel: (408) 971-8843

TRẦN VĂN NAM

80 NĂM CUỘC ĐỜI

Bác Sĩ TRẦN VĂN NAM

1943 - 2023

TIỂU SỬ BÁC SĨ TRẦN VĂN NAM

- Sinh ngày 29-7-1943 tại Saigon.
- Đại Học Y Khoa Saigon 1961-1968 (Tiến sĩ y khoa)
- Hậu Đại Học về Bệnh Ngoài Da, Hậu Đại Học về Cơ Thể Bệnh Lý Đại Học Y Khoa Saigon (1968-1970)
- Định Cư tại Mỹ : Hawaii từ 1983 - 1987,
  California 1987 - 2023
- Cao Học Y Tế Công Cộng (Master of Public Health, Đại Học Hawaii 1987)
- Tốt nghiệp chuyên khoa Cai Rượu và Ma Túy (Đại Học Berkeley 1990)

BINH NGHIỆP

- Động viên Khóa 12 Y Sĩ Trưng Tập (4/1970)
- Được thuyên chuyển về phục vụ tại Quân Y Hải Quân /QLVNCH (10-1970-3-1975): Y Sĩ Trưởng Lực Lượng Đặc Nhiệm Trung Ương 214 kiêm Y Sĩ Trưởng Bệnh Xá Hải Quân Cát Lái (1970-1973)
- Trưởng Phòng Khám Ngoại Chẩn Quân Nhân & Gia Đình và Bệnh Ngoài Da BV Hải Quân Saigon (1973-1975)

  Thăng cấp Y Sĩ Đại Úy 1972
- Bị chính quyền cộng sản tập trung tù cải tạo: từ 23/6/1975 - 5/1/1977

HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

- Nguyên BS chuyên khoa Bệnh Ngoài Da và Hoa Liễu tại Việt Nam.
- Nguyên Phó Giám Đốc Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng, Đại Học Y Khoa California San Francisco (1988-1990).
- Chuyên Viên Giáo Dục Y Tế Hạt Santa Clara, Chương Trình Ngừa Rượu và Ma Túy & Chương Trình Cai Thuốc Lá (1990-2009).
- Đã nghỉ hưu năm 1999 nhưng vẫn tích cực sinh hoạt các hội đoàn chuyên môn, văn hóa, xã hội

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

Trước 1975:

- Nguyên huynh trưởng Phong Trào Thanh Sinh Công Việt Nam (1960-1965)
- Nguyên Tổng Thư Ký Hội Bác Sĩ Công Giáo Việt Nam (1974-1975)
- Nguyên hội viên Phong Trào Trí Thức Công Giáo Việt Nam Pax Romana.

Tại Hoa Kỳ:

- Tham gia hoạt động nhiều hội đoàn chuyên môn San Jose (Hội Y Sĩ Việt Nam Vùng Bắc California, Hội Y Tế Công Cộng (American Public Health Association).
- Chủ tịch Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Petrus Ký Bắc California từ năm 2000.
- Đã xuất bản nhiều sách và tài liệu y tế cộng đồng.

LỜI NÓI ĐẦU

Nhiều văn sĩ nổi tiếng, nhiều nhân vật quan trọng đã viết hồi ký viết về cuộc đời của mình chẳng hạn như: văn sĩ danh tiếng Lâm Ngữ Đường và cuốn sách *Bát Thập Tự Tự* (80 Tuổi Kể Chuyện Mình) và đã được giáo sư Lưu Khôn dịch ra tiếng Việt, giáo sư Vũ Quốc Thúc với cuốn sách *Thời Đại Của Tôi,* giáo sư Nguyễn Thanh Liêm với cuốn *Sự Thật Đời Tôi...*

Trong giới y sĩ, đã có bác sĩ Văn Văn Của với cuốn sách *Mộng Không Thành*, Trần Ngươn Phiêu với cuốn sách *Gió Mùa Đông Bắc,* Huỳnh Hữu Cửu với *Sông Mỹ Sông Việt Nam* rồi đến Nguyễn Duy Cung với *Y Sĩ Trong Thời Chiến*, Lê Ánh với *Từ Hòn Khói Tôi Đi*, Nguyễn Duy Hảo với *Một Thời Để Nhớ,* Nguyễn Công Trứ với *Vượt Qua Gian Khổ* và cuối cùng Vĩnh Chánh với *Một Thời Tao Loạn*.

Tôi, không phải là văn sĩ, cũng không có một chức phận gì quan trọng, nhưng cũng như văn sĩ nổi tiếng Lâm Ngữ Đường, tôi muốn khi mình 80 tuổi kể một số chuyện về đời mình, với những hoạt động, sinh hoạt với cùng xã hội, để thế hệ sau biết những chuyện đã xảy ra thời đó.

Từ Saigon, Việt Nam đến San Jose, California có lẽ *80 Năm Cuộc Đời Mình* là cuốn sách mà tôi muốn gởi đến các bạn, trong mục đích đó.

Ba đàn anh của chúng tôi là bác sĩ Văn Văn Của với *Mộng Không Thành* và hai đàn anh cựu học sinh Petrus Ký là Trần Ngươn Phiêu với *Gió Mùa Đông Bắc* và Nguyễn Thanh Liêm với *Sự Thật Đời Tôi* đã để lại những tác phẩm để đời- cho tôi cảm hứng viết sách nầy.

Trong sách nầy có một số bài tôi mới viết vào cuối năm 2022 và đầu năm 2023. Còn một số bài khác tôi đã viết từ lâu và đã đăng trong Đặc San Petrus Ký, Đặc San Y Khoa 68, Tập San Y Sĩ Canada và vài đặc san khác. Tôi đã tập trung các bài viết đó để hoàn thành cuốn sách nầy.

Như tôi đã nói ở trên, tôi chỉ là một thường dân, một thanh niên trong thời tao loạn và bắt đầu trưởng thành từ năm 1960. Tôi cũng chứng kiến một số sự kiện lịch sử, không quan trọng và cũng không to tát bằng các vị đàn anh, nhưng với tài hèn sức mọn tôi muốn để lại cho thế hệ mai sau biết- chúng tôi đã sinh hoạt ra sao trong thời gian đó. Tôi xin cám ơn bạn Trần Nghĩa Sĩ đã giúp tôi đánh máy bản thảo và nhà in Papyrus đã layout và in cuốn sách nầy.

Trần Văn Nam

QUÊ ANH Ở ĐÂU?

Tôi sanh ra ở Saigon, lớn lên và làm việc tại Saigon. Từ lúc niên thiếu đến khi sang định cư tại Mỹ năm 1983, tôi đều ở Saigon (trừ một thời gian ngắn bị "đi tù cải tạo do cộng sản". Vậy nếu ai có hỏi: Quê anh ở đâu? Tôi xin thưa: Quê tôi là Saigon.

Saigon, nói đúng ra là Tân Định, Quận 3, là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi và tôi đã trải qua thời niên thiếu với nhiều kỷ niệm.

Tôi xin kể ra đây về căn nhà tôi đã sống suốt thời niên thiếu và những nét đặc biệt về khu Tân Định. Đó là nơi mà tôi đã có nhiều kỷ niệm và chẳng bao giờ tôi có thể quên được. Tôi kể lể hơi dài dòng và luộm thuộm, xin các bạn thứ lỗi.

Nhà tôi ở đường Hiền Vương, ngay ngã ba Hiền Vương/ Duy Tân, trong ngõ hẻm, số 146 trường La San Đức Minh, bên phải là số 144 là nhà và phòng mạch của bác sĩ Nguyễn Văn Bửu, một bác sĩ lão thành, tốt nghiệp năm 1937 và từng là giám đốc bệnh viện Nhi Đồng. Cạnh nhà và đâu lưng nhà bác sĩ là nhà của cụ Chánh lục sự Tòa Saigon Huỳnh Kim Long. Kế bên đó là nhà của cụ phán Trần Văn Khải. Cụ là thân phụ của bác sĩ Trần Hiếu Thuận, một bác sĩ chuyên khoa sản nổi tiếng của Saigon và là nhạc phụ của ông Nguyễn Văn Vàng, Bộ trưởng Phủ Thủ Tướng (chánh phủ Trần Thiện Khiêm). Cụ Vàng

từng ở nơi đây trước khi về cư ngụ tại Chợ Lớn (khi lên Phó Đô Trưởng) và sau ngày 30 tháng 4, 1975 cụ cũng về cư ngụ tại đây. Cụ vừa mới qua đời vào tháng 8/2022. Hai căn nhà nầy rất rộng và dài (trên 30 mét). Hẻm số 140 Hiền Vương, là ngõ hẻm đối diện với đường Trần Tấn Phát, có nhiều quán ăn nhậu nổi tiếng vì có xe mì của chú Xuân rất ngon (chú Xuân bán xe mì đã mấy chục năm).

Đối diện với nhà cụ phán Khải là cơ ngơi rất rộng của cụ Nguyễn Hạnh (một người bạn của ba tôi). Nơi đây có bãi đậu xe hơi rộng rãi, chứa được nhiều xe và một xưởng chế tạo xe xích lô. Cụ Hạnh cũng có một dàn xích lô cho thuê. Vợ cụ Hạnh là bà Trần Thị Biên, là bà con với cha Cao Văn Luận, nguyên viện trưởng Viện Đại Học Huế. Cha Luận từ Huế vào Saigon thì đều đến đây cư ngụ. Vào bên trong nữa là cổng trường La San Đức Minh. Nơi đây có hai ngõ: một ngõ qua nhà thờ Tân Định và một ngõ vào xóm chúng tôi ở hơi ngoằn ngoèo. Đầu ngõ hẻm sát trường Đức Minh là nhà của anh Đỗ Văn Hợp (CVA 54), cựu Thiếu tá Hành Chánh Tài Chánh và chị Trần Thị Nga (bạn của chúng tôi thuộc nhóm thân hữu ở Oakland), kế đến là nhà của chị vợ Chuẩn tướng Lê Quang Lưỡng, Tư lệnh Nhảy Dù. Kế bên là nhà thân phụ Linh mục Nguyễn Văn Trinh, bạn cùng cỡ với tôi, nguyên Cha sở Xóm Chiếu, rồi đến nhà của đại tá Nguyễn Vũ Hản (An Ninh Quân Đội) và em vợ là Linh mục Nguyễn Tiến Lộc, Dòng Chúa Cứu Thế.

Và bên trong có một hẻm lớn và một hẻm nhỏ. Vào trong một chút nữa có nhà của dược sĩ Mai Hoàng Châu

(DK 67) là một người bạn thân của tôi cũng là con rể của ông Nguyễn Văn Vàng, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng.

Kế đến vào trong một chút có nhà tôi ngay sát bên cạnh trường Đức Minh. Kế bên nhà tôi là nhà cụ giáo Nguyễn Văn Miêng, cụ đã dạy cho trường La San Mỹ Tho và La San Đức Minh rất lâu, ai cũng biết đến cụ. Cháu ngoại cụ là Ánh Hoa, một người đẹp nổi tiếng và đã đóng phim chung với tài tử Nguyễn Long. Cũng sát với nhà tôi là nhà của chị Nguyễn Bạch Tuyết (Trưng Vương 54-61), bạn thân của chị em tôi. Chị là vợ của luật sư Vũ Ngọc Anh, em bác sĩ Vũ Ngọc Oánh. Gia đình bác sĩ Oánh khi mới di cư vào nam cùng ở hẻm Nguyễn Đình Chiểu gần đó.

Trên ngả ra đường Pasteur có một ngã ba nơi đây có Đài Đức Mẹ, một ngả ra đường Hiền Vương số 164, một ngả ra đường Nguyễn Đình Chiểu. Ở ngả ra đường Nguyễn Đình Chiểu, có nhà của thân sinh ông Đặng Toàn Tú. Tú là bạn với tôi, cùng đậu tú tài một lượt và đi làm linh mục và sau đó làm cha sở nhà thờ Huyện Sĩ. Ở gần đó có nhà của gia đình cha Lê Trung Tướng, hiện nay là chánh sứ nhà thờ St. Maria Goretti (San Jose) và nhà của tu sĩ Nguyễn Hữu Vang, một cựu học sinh Đức Minh, có một anh ruột là linh mục và một chị là bà phước. Kế đến là nhà của anh em Đặng Đăng Giai (Chu văn An 59), và Đặng Đăng Đài (YK70). Ra khỏi hẻm Nguyễn Đình Chiểu thì có một ngã ba đường, phía bên kia là đường Huỳnh Tịnh Của và phía bên đường Nguyễn Đình Chiểu có nhà của thân sinh bạn Nguyễn Duy Toàn (YK68) và chị là Ngọc

Hợp. Phía bên kia đường Huỳnh Tịnh Của có nhà của hai chị em Nguyễn Thị Anh Thư, Hạp Thư. Cả hai đều học chung lớp tôi (YK68). Ở hẻm thông ra đường Nguyễn Đình Chiểu có một ca sĩ nổi tiếng là ca sĩ Xuân Mai (ở thập niên 60) và hẻm ra Hiền Vương (số 160) có ca sĩ nổi tiếng Phương Hồng Quế.

Cư ngụ gần trường Đức Minh, lúc đó có gia đình Nguyễn Duy Hy. Anh Hy hát thánh ca rất hay, và có tài về chụp ảnh. Sau nầy, anh có mở một tiệm chụp ảnh ở đường Đinh Công Tráng, trước cửa nhà thờ Tân Định, gần trại hòm Vạn Thọ. Cũng trên đường Đinh Công Tráng, có chị Phạm Đoan Chính học y khoa lớp tôi. Lúc mới di cư vào miền nam gia đình chị ở căn nhà đường này, sau dọn vô cư xá ở đường Công Lý, gần nhà giáo sư Nguyễn Hữu. Thân phụ chị Chính là cụ Phạm Gia Hệ, Chánh án tòa Quân Sự Mặt Trận.

Khu Tân Định có một nhà sách mà chúng tôi thường đến mua tập vở mùa tựu trường là nhà sách Phương Anh. Nhà sách nầy của cụ thân sinh chị dược sĩ Nguyễn Kim Phụng (DK65), là vợ anh bác sĩ Trịnh Quốc Hưng (YK66).

Ngoài trường Đức Minh, lại có trường Thiên Phước của các soeur dòng Thánh Phao Lồ lúc đầu có tên là La Sainte Enfance (Thánh Hài Đồng). Trường chỉ dạy từ mẫu giáo đến trung học đệ I cấp chương trình Pháp. Chị tôi và nhiều bạn đã học trường nầy: chị Phạm Kim Thiên (YK68), Nguyễn Thị Thanh Hương (DK67). Trường tiểu học công lập thì có trường Đồ Chiểu (trên đường Nguyễn

Đình Chiểu) và tiểu học Tân Định (đường Huỳnh Tịnh Của). Đây là hai trường công lập và đa số các học sinh Tân Định đều học ở hai trường nầy. Năm 1955 thì trường Trần Lục ở ngoài Bắc có mượn cơ sở để dạy cho các học sinh trung học. Khu Tân Định cũng có hai nhà thuốc đông y nổi tiếng: nhà thuốc Kim Tân (gần tiệm sách Phương Anh) và nhà thuốc Kim Khuê (gần tiệm giò chả Phú Hương ở đường Hiền Vương).

Ngoài ra, có một đông y sĩ nổi tiếng là cụ Phạm Văn Diêu, là một nhân vật công giáo được các cha ở Tân Định quý mến.

Ở trên đường Nguyễn Đình Chiểu có nhà thuốc Đại Cồ Việt nổi tiếng. Sau năm 75, con gái của cụ là cô Mẫn coi bói rất hay.

Một nhà may nổi tiếng là nhà may Thiết Lập ở đường Pasteur (gần viện Pasteur). Các bà lớn thường đến đây may áo dài và sau 75 vẫn đông khách. Ông bà Thiết Lập đã di cư sang Hoa Kỳ.

Tiệm giò chả Phú Hương là một tiệm giò chả nổi tiếng của Saigon đông khách bậc nhất vào thời điểm đó.

Tiệm phở gà đầu tiên nổi tiếng là phở gà Hiền Vương của anh Trần Văn Xuân, anh Xuân trước đúng là một thợ máy và thợ cưa, chạy máy bị tai nạn, giải nghệ, mua tiệm phở. Tô phở gà của tiệm nầy thường có lòng gà và có một trứng gà được đập và bỏ vào tô phở. Tiệm rất đông khách và có nhiều khách phương xa tới, trong số khách đặc biệt có Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, lúc đó là Chủ

Tịch Hành Pháp Trung Ương (Thủ Tướng) đến ăn.

Về phở bò thì trên đường Pasteur, trước cửa Viện Pasteur có hai tiệm phở ngon là Phở Hòa, lúc đầu chỉ là một xe phở sau nầy trở thành một tiệm phở sang trọng và Phở Ngân có chủ nhân là cô Ngân đã từng đóng phim với Ngọc Phu, La Thoại Tân...

Trên đường Hiền Vương nầy cũng có một tiệm hớt tóc nổi tiếng là tiệm hớt tóc Đàm, nhiều sĩ quan cao cấp Không Quân đến hớt tóc tại đây. Gần đó có tiệm phở Bình (phở bắc) cũng nổi tiếng vì trên lầu có một studio nhảy đầm cũng là một cơ sở Việt Cộng nằm vùng, về sau bị an ninh của Việt Nam Cộng Hòa khám phá được.

Bên kia đường Hiền Vương là đường Duy Tân có nhiều hẻm. Hẻm đầu tiên có nhà của minh tinh Thẩm Thúy Hằng, gần đó có gia đình anh Bác sĩ Phạm Đỗ Tường và dược sĩ Phạm Đỗ Hùng. Kế đó là hẻm nhà của thân phụ của thiếu tá Nguyễn Xuân Soạn, tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù và đại tá Ngô Xuân Nghị. Em của anh Nghị là Ninh Thuận, cùng học với tôi và là Sage femme ở Bảo sanh viện Từ Dũ.

Hẻm thứ ba có nhà các bác sĩ Cao Xuân An, Nguyễn Đăng Chúc và Nguyễn Duy Cung. Trước mặt bên nầy là cư xá số 57 Duy Tân, cư xá Đại Học, nơi cư ngụ của nhiều giáo sư tên tuổi như Trần Văn Tấn, Khoa trưởng Đại Học Sư Phạm, GS Đặng Đình Áng, kỹ sư Lê Tuấn …

Hẻm thứ tư là một cư xá của ngân hàng, có gia đình bác sĩ Trần Văn Thuần, gia đình cô Kim Phụng, giáo sư

Petrus Ký và kế đến là biệt thự của bác sĩ Phạm Tấn Tước, Khoa trưởng Y Khoa.

Vùng Tân Định có nhiều trường trung học nổi tiếng. Ở đường Đinh Công Tráng có trường Trung học Tân Thịnh, trường Les Lauriers. Rồi Đông Tây Học Đường ở trên đường Hai Bà Trưng, nơi đây có chương trình Việt -Pháp và các lớp luyện thi tú tài với các Giáo sư Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Xuân Nghiên, Trần Bích Lan,...

Ở đường Pasteur có trường Cộng Hòa với GS Phạm Văn Vận, Hoàng Tường Phạm, Hoàng Lý, ... Tôi có học ở đây những lớp luyện thi Trung Học Đệ I Cấp.

Ở gần đó có trường Vạn Thắng, trường nầy có mướn thêm phía sau biệt thự của kiến trúc sư Nguyễn Bá Chí, thân phụ của bác sĩ Nguyễn Bá Cường (YK 69) làm trường trung học. Trên đường Hai Bà Trưng, góc đường Hiền Vương có một trường nổi tiếng là trường Nguyễn Công Trứ với nhiều giáo sư tên tuổi và có một vị hiệu trưởng tên là Hoàng Nhân về sau cũng học trở thành bác sĩ (YK69). Về phía chợ Tân Định, rồi đến Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, vào trong nữa có trường Huỳnh Thị Ngà, Việt Nam Học Đường là hai trường kỳ cựu. Một trường mới thành lập sau nầy do GS Ngô Duy Cầu làm hiệu trưởng là trường Văn Lang. Bác sĩ Trần Đông A (YK68) học ở trường nầy.

Ở ngã tư Hiền Vương và Pasteur thì có nhà của bác sĩ Hoàng Tiến Bảo. Đi xuống một chút là nhà của Giáo sư Đại học Y khoa Nguyễn Văn Út và kế đó là mặt sau của trường Regina Mundi mà mặt trước ở trên đường Công Lý.

Khi còn nhỏ, ở tuổi thanh niên, tôi đã đi bộ đi học, đi nhà thờ qua tất cả con đường Hiền Vương, Duy Tân với cây dài bóng mát, đường Pasteur xinh đẹp, … đã cho tôi nhiều kỷ niệm của thời niên thiếu. Ôi, biết bao là kỷ niệm với vùng Tân Định nầy!

Khi nói đến khu Tân Định thì phải nói đến nhà thờ Tân Định, một nhà thờ đẹp, mặt tiền ở đường Hai Bà Trưng, mặt sau sát trường Đức Minh, qua bức tường là nhà của tôi.

Sau nhà thờ Chánh tòa Đức Bà Saigon (1877), nhà thờ Tân Định (1876) là một trong những nhà thờ nổi tiếng của Saigon. Một Cha sở người Việt đầu tiên của Giáo xứ Tân Định, Cha J.B. NGUYỄN BÁ TÒNG (1926-1933) sau này đã được phong chức giám mục đầu tiên ở Việt Nam và ra làm giám mục Hải Phòng năm 1933.

Một Cha sở Tân Định khác là Linh mục Huỳnh Văn Nghi (1967-74), đã được phong làm Giám mục phụ tá Tổng Giáo phận Saigon rồi Giám mục chánh tòa Giáo phận Phan Thiết.

Trong khuôn viên nhà thờ Tân Định lại có một nhà in của Giáo phận Saigon, được thiết lập từ năm 1883 để in những sách kinh cho đến năm 1976. Lại có một building của Đại Nam Ngân Hàng và có trụ sở của Phong trào Pax Romana. Đó là những công trình của linh mục Huỳnh văn Nghi trước khi Ngài được phong chức giám mục. Cũng có nhiều Cha sở nổi tiếng như Linh mục Nguyễn Văn Vàng (1946-1965), Phan văn Thăm (1974-1997). Một Cha nổi tiếng nữa là Linh mục Trần Văn Thông về

sau làm Tuyên úy khám Chí Hòa, người đã chứng kiến những phút sau cùng của cố vấn Ngô Đình Cẩn. Một cha nữa rất tốt là Cha Vincent Trần Minh Khang, sau đó về làm Cha sở ở Bình Long. Cha là thầy dạy giáo lý cho trường Đức Minh và Thiên Phước. Tôi nhớ Cha đã cho tôi mượn một chiếc xe đạp để đi học rồi tôi làm mất chiếc xe đó nhưng Cha vẫn không buồn. Cha còn viết giấy giới thiệu để chị của tôi được đi học miễn phí ở trường Thiên Phước.

CHA GIÀ DẤU YÊU

Tôi xin trình bày một số nét về gia đình tôi.

Má tôi là người Saigon 100%. Má tôi sinh ở Saigon, lớn lên, làm việc và chết tại Saigon, nhưng ngoại tổ của tôi thì ở Bắc Ninh, làng Nội Duệ. Ông ngoại tôi là Cụ Nguyễn Văn Ngữ, là ông tiên chỉ ở làng Nội Duệ, Bắc Ninh, vào Saigon lập nghiệp ở đầu thế kỷ 20. Ông ngoại tôi là một thầu khoán về may mặc, có xưởng may mặc. Ông ngoại tôi có nhiều tiệm may và tôi có một người cậu có tiệm may ở đường Catinat (Tự Do) và là con rể của ông Thái Văn Biểu, một thương gia ở đường Tự Do. Má tôi rất thông minh, khéo tay cũng hành nghề may mặc. Má tôi có trình độ học hết tiểu học, đáng lẽ tiếp tục học trung học, nhưng ở với bà mẹ kế nên không thể học thêm được nữa, mặc dầu vậy má tôi cũng rất khá về Pháp văn và Việt văn.

Má tôi cũng giỏi về may mặc về sau nầy cũng hợp tác với dì tôi (bà con bạn dì) có tiệm may Hồng Hoa và sau đổi tên là Thúy Loan (đường Trần Quang Khải) cạnh pharmacy Nguyễn Xuân Duyệt.

Ba tôi cũng là người Saigon, nhưng chỉ được 70%. Ba tôi sanh ở Thanh Chương, Nghệ An. Sau khi đậu Thành Chung (Diplome), ba tôi thi đậu vào làm việc ở Sở Hỏa Xa (Chemin de Fer) Nghệ An một thời gian ngắn.

Ông thấy tương lai không khá ở một chỗ đất đai khô cằn, nên vào Nam lập nghiệp ở đầu thập niên 30. Ba tôi rất thông minh, cần cù, khéo tay, ông đã học trung học ở trường Vinh, Nghệ An, sau Bác sĩ Phạm Biểu Tâm hai lớp và trường Pellerin Huế. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông định ra Hà Nội để tiếp tục học, vì ở Vinh, Nghệ An, không có trường đệ Nhị cấp, hoặc ra Huế. Song vì gia đình nghèo, bà nội tôi mất sớm, nên ba tôi phải bỏ học đi làm và sau đó vào Nam lập nghiệp.

Theo gia phả bên nội tôi, thì ông tổ của dòng họ Trần chúng tôi là danh tướng Trần Nguyên Đán của đời Trần, cháu bảy đời của danh tướng Trần Quang Khải và có bà con với Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Tới đời ông nội tôi là qua mấy chục đời. Ông nội tôi là một thầy thuốc đông y và là thầy giáo dạy học, ông chữa bệnh rất mát tay và có tiếng tốt. Ba tôi có một người anh học giỏi, nhưng mất sớm, một em gái cũng làm công nhân viên ở Nghệ An và có con là Kỹ sư xây dựng. Sau năm 1954, cả hai đều ở lại Vinh, Nghệ An. Phía bên nội tôi, đa số làm nghề giáo hoặc nghề y như bác sĩ, dược sĩ. Tôi có một người bác (bà con chú bác ruột với cha tôi) là Dược sĩ Trần Văn Uyển, rất nổi tiếng, và học cùng với Dược sĩ Phạm Doãn Điềm ở Saigon (thân phụ của Bác sĩ Phạm Doãn Đễ). Tôi có người chú (chú bác ruột với ba tôi) là Bác sĩ Trần Văn Nguyên, là bạn thân của Bác sĩ lão thành Trần Hữu Nghiệp.

Mấy vị trên đây đều ở lại ngoài Bắc cho đến năm 1975 mới vào Nam gặp lại ba tôi. Ba tôi vào Nam chỉ có một

mình với hai bàn tay trắng, nhưng ông là một người tự lực cánh sinh, hiền hòa, chịu khó làm việc. Ở trong Nam tôi có người chú họ (bà con cô, cậu ruột với ba tôi) là Luật sư Nguyễn Đức, Luật sư tòa Thượng Thẩm Saigon trước 75. Ông từng làm công chức cao cấp ở Đệ I và Đệ II Cộng Hòa, ông từng giữ chức Đổng Lý Văn Phòng Bộ Kiến Thiết và Thiết Kế Đô Thị dưới thời Bộ trưởng Hoàng Hùng (Chánh Phủ Ngô Đình Diệm). Ông sang Mỹ năm 1975 và là một trong những người đầu tiên thi đậu luật sư của Mỹ và đậu bằng hành nghề luật sư năm 1980 nhưng mất vài tháng sau đó vì bị đột quỵ.

Ông cậu tôi, em ruột bà nội tôi, là cụ Phương Phủ Nguyễn Hữu Quỳ. Lúc nhỏ, từng học chung lớp bậc tiểu học với cụ Phan Huy Quát, sau nầy là Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa. Ông cậu tôi được học trường Quốc Tử Giám và làm công chức tại tòa Đại Biểu Chánh Phủ ở Huế và ở tỉnh Quảng Ngãi. Sau nầy khi về hưu, ông làm chuyên viên Hán học ở Phủ Quốc Vụ Khanh, đặc trách Văn hóa của cụ Mai Thọ Truyền. Ông có dịch nhiều sách Hán văn ra tiếng Việt cùng với các cụ Hồng Liên Lê Xuân Giáo, Đông Tùng Nguyễn Văn Bổng. Ông rất được cụ Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền quý mến. Tôi có một người bà con nữa là Dược sĩ Thiếu Tá Phạm Văn Chiêu (DK67), bà mẹ của Chiêu là chị họ của ba tôi (cô, cậu ruột).

Nhà tôi lúc đầu ở số 77 Mayer (Hiền Vương), sau nầy là nhà may Cao Minh. Ba tôi có mở một tiệm bán đồ mộc có tên là Le Rabot. Ba tôi còn có một xưởng làm đồ mộc ở số 146/15 Hiền Vương cũng là nhà và cơ sở kinh doanh

của cụ Nguyễn Hạnh, nhạc phụ của Dược sĩ Thái Khắc Ngôn (DS57).

Lúc đầu, gia đình tôi rất khá giả, nhưng vì tình hình chiến tranh năm 1945, kinh tế suy sụp nên ba tôi bị thất bại, phải dọn vào ở nhà số 146/46 đường Hiền Vương. Nhà tôi sát bên trường Đức Minh và ở phía sau căn nhà Cha sở họ Tân Định, nên mỗi sáng lúc 5 giờ là tôi nghe tiếng Cha sở đọc kinh và làm lễ ở nhà thờ. Sau đó, tôi lại nghe các sư huynh đọc kinh và dự thánh lễ do các Cha khách đến làm lễ mỗi ngày ở trong trường.

Ba tôi đã gặp má tôi vào thập niên 30 và kết hôn năm 1940. Gia đình tôi có bốn chị em, hai trai hai gái. Chị tôi là Dược sĩ Trần Thị Chương (DK70). Chị tôi từng là Giáo sư chánh ngạch tại trường Quốc Gia Nghĩa Tử Saigon, và sau 75, ở trường Trung học Nguyễn Thượng Hiền, quận Tân Bình, Saigon. Anh rể tôi là Kỹ sư Nguyễn Hoàng Sang, cựu học sinh Petrus Ký (năm 59), đậu Master of Mechanical Engineering ở Perth Úc châu năm 1967. Về nước, anh là Giảng sư ở trường Kỹ Sư Công Nghệ và làm việc cho hãng xăng Esso. Sau khi vượt biên năm 1981, anh rể tôi có làm việc cho Bộ Năng Lượng ở Luân Đôn và là xướng ngôn viên của đài BBC với biệt hiệu là Nguyễn Khánh từ năm 1982 và nay đã về hưu. Anh chị tôi có người con trai là Bác sĩ Duke Nguyễn Hoàng Đức, chuyên khoa gan và tiêu hóa hiện đang hành nghề tại Orange County, Nam California.

Em gái tôi, Trần Thị Kim Chi, cử nhân Luật khoa Saigon. Năm 1974-75, em tôi là Luật sư tập sự tại văn phòng

Luật sư Phan Tấn Chức, ở Gia Định. Sau 75 là công nhân viên của Sở Ngoại Thương. Em rể tôi Đỗ Văn Toàn, cử nhân Luật khoa 1974.

Em trai tôi, Trần Văn Kỳ, trước 75 cũng tốt nghiệp Trung học, nhưng vào năm 1966, được đi làm ở sở Mỹ, đời sống cũng nhàn nhã và tài chánh cũng khá. Sau đó, bị động viên vào Hạ sĩ quan ngành hành chánh tài chánh. Nhiệm sở cuối cùng là Cục Xã Hội QL/VNCH. Sau 75, làm nghề y tá và vợ là Trần Thị Hạnh, y tá ở bệnh viên Y Học Dân Tộc (Clinique Trần Đình Đệ cũ).

Ba tôi là một người hiền lành, thông minh, nhưng không gặp thời, nên chịu cảnh nghèo. Nhưng ba tôi là một người cha tuyệt vời mà trong đời tôi, tôi không thấy ai hay hơn ba tôi. Tôi yêu mến ba tôi vô cùng.

Ba tôi tuổi Dần, má tôi tuổi Thân, nên hai người xung khắc nhau, thường hay cãi nhau. Ba tôi chịu đựng rất giỏi, nhưng cuối cùng ba má tôi ly thân. Má tôi về ở với dì tôi, còn ba tôi và chúng tôi ở chung với nhau ở đường Hiền Vương. Sau nầy má tôi về ở với chị tôi khi chị tôi lập gia đình.

Ba tôi ở vậy nuôi con, má tôi cũng vậy, không ai đi thêm bước nữa.

Trước năm 1955 ba tôi làm ăn rất khá, ngoài tiệm bán đồ mộc, một xưởng mộc, xưởng cưa. (Một người thợ của ba tôi là Trần Văn Xiêm, sau khi bị tai nạn nghề nghiệp, giải nghệ và ra mở tiệm phở gà Hiền Vương rất nổi tiếng). Ba tôi còn có một chiếc xe chuyên chở hàng hóa, lộ trình

Saigon-Biên Hòa, nhưng vì thiếu người trông coi, tiền bạc bị thất thoát, và thời cuộc 1954-55, kinh tế bị ảnh hưởng sau khi Pháp rút quân, ba tôi bị lỗ lã, nợ nần và trở nên nghèo.

Sau nầy, ba tôi phải đổi nghề, ba tôi dạy Pháp văn ở một số trường như Tân Phương, Đức Chánh… Sau nầy ba tôi có làm kế toán viên trong nhà thuốc Bác sĩ Tín.

Mặc dầu gặp nhiều khó khăn và nhiều lúc "chạy ăn từng bữa toát mồ hôi", song ba tôi cũng ráng chịu đựng, chịu nhiều cay đắng trong cuộc đời. Lương bổng của ba tôi, bằng lương một giáo viên tiểu học hay một thư ký, nhưng ba tôi đã nuôi chúng tôi thành tài, có địa vị trong một xã hội và được nhiều người mến phục. Trong xóm tôi, có ba người được nhiều người kính nể là ông Phán Khải (cha của Bác sĩ Trần Hiếu Thuận), ông Nguyễn Hạnh (nhạc phụ của Dược sĩ Thái Khắc Ngôn) và ba tôi. Bên đường Duy Tân có cụ Ngô Xuân Khiêm (thân phụ của Đại tá Ngô Xuân Nghị, cố Thiếu tá Ngô Xuân Soạn) cũng được nhiều người nể phục.

Ba tôi theo dõi sự học của chúng tôi, và kèm cho tôi môn Toán và Pháp văn, nhờ đó tôi học giỏi nhất lớp. Nhờ học giỏi, nên các sư huynh rất thương mến tôi và cho tôi được học miễn phí. Sau nầy, em trai và em gái tôi cũng được học miễn phí ở trường Thiên Phước, trường La San Đức Minh.

Tôi cũng may mắn trong việc học và nhờ ba tôi động viên, giúp đỡ và được ở khu Tân Định với nhiều phương tiện. Nếu tôi ở tỉnh, chắc tôi học đến trung học là nhiều.

Đời niên thiếu của tôi cũng đầy những kỷ niệm. Ba tôi không bao giờ rầy la chúng tôi và luôn luôn an ủi chúng tôi mỗi khi chúng tôi gặp chuyện buồn. Ông đúng là một người cha, một người anh và một người bạn của chúng tôi. Ông còn đóng vai một người mẹ của chúng tôi nữa. Thông thường một "gà trống nuôi con" khó thành công hơn "gà mái nuôi con". Ba tôi rất vất vả, trong điều kiện sinh sống, lại bận rộn trong việc nuôi con, giáo dục cho con. Có lúc, tôi định bỏ học hay đi làm với trình độ Tú tài, nhưng ba tôi không cho, và có lúc phải vay nợ để trang trải chi phí trong nhà, ba tôi đã qua hình ảnh của Tú Xương "chạy ăn từng bữa toát mồ hôi" nhưng ba tôi không bao giờ nản lòng hay phàn nàn. Ba tôi là một người ba tuyệt vời tôi ít thấy ai hơn trong cuộc đời của tôi.

Chị tôi đi học năm chót trung học, chị thấy hoàn cảnh gia đình nên đã nộp đơn thi vào trường Quốc Gia Sư Phạm và đậu rất cao, nhưng ba tôi không muốn chị tôi bỏ học nên khuyến khích chị tôi tiếp tục học hết trung học để lên đại học hầu có một tương lai tốt đẹp hơn. Chị tôi học ở trường Thiên Phước, chị tôi đáng lẽ ra dược sĩ vào năm 1968, nhưng trong lúc đi học, để kiếm thêm lợi tức cho gia đình, chị đã xin đi dạy học ở trường Mạc Đĩnh Chi, trường Văn Hóa Quân Đội và trường Quốc Gia Nghĩa Tử, vì thế chị rớt hết hai năm, chị tôi đã tốt nghiệp dược sĩ năm 1970.

Tôi may mắn học ở trường La San Đức Minh, các sư huynh cho tôi kèm cặp các bạn học kém. Chị tôi và tôi đi lượm trái điệp về đập ra và bán cho các bà bán hàng, kiếm

thêm chút đỉnh và có tiền để ăn vặt.

Gia đình tôi cũng xảy ra nhiều sóng gió, nhưng nhờ Ơn Trên mọi việc đều êm xuôi. Tôi học xong Trung học, rồi y khoa, đúng với ước nguyện của ba tôi.

Sau khi đậu tiểu học, tôi đã thi đậu vào trường Petrus Ký, trường công lập nổi tiếng nhất của Saigon. Chị tôi cũng đậu tiểu học một lượt với tôi và cũng thi đậu vào trường Gia Long, khiến cho ba tôi đỡ vất vả. Lúc đầu tôi định lên học trường Taberd, nhưng học phí nhiều quá, gia đình tôi không kham nổi và trường Petrus Ký đã giúp tôi thấy một tương lai tốt đẹp.

Ba tôi lúc trẻ rất cơ cực nhưng về già, ba được đền bù lại bằng sự thành công của con cái, cũng an ủi cho ba tôi.

Chúng con rất thương mến ba "Cha Già Dấu Yêu".

NHỮNG NGÀY THÁNG KHÔNG QUÊN: TÙ CẢI TẠO

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, lúc 11 giờ tôi chạy về nhà ba tôi ở đường Hiền Vương (Võ Thị Sáu) sau khi nghe Đại Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ba tôi và em gái tôi vừa mừng vừa lo, mừng vì được gặp lại tôi, vì tưởng tôi đã ra đi rồi, nhưng cũng ngậm ngùi, không biết số phận tôi sẽ ra sao.

Tôi chạy về nhà phía bên vợ tôi, tôi thấy nhà đóng cửa, tôi phân vân không biết thế nào nên đã ra chỗ làm của ông già vợ thì biết ông, bà và các con tôi đang tạm trú ngụ tại đây. Tôi gặp lại các con tôi, tôi rất vui mừng, nhưng em bà xã tôi rất ái ngại cho tôi, không biết số phận tôi sẽ ra sao, và khuyên tôi nếu được lo thoát thân một mình, còn các con tôi và mọi việc khác ở nhà có bên vợ tôi lo liệu. Nhưng tôi còn biết đi đâu được nữa. Quân đội cộng sản đã treo cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ở dinh Độc Lập rồi! Tôi về nhà riêng ở đường Hoàng Đạo thì thấy một số nhà đã treo cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Nhà tôi ở sát nhà văn Vũ Hạnh thì nhà ông là nhà đã treo cờ sớm nhất. Tôi băn khoăn, bàng hoàng và thiếp đi. Sau khi tỉnh giấc ngủ trưa, tôi đem các bộ quân phục, mấy bộ lon Hải Quân và các giấy tờ đốt hết, tôi thấy giữ những giấy tờ nầy không có lợi cho tôi.

Ngày hôm sau, tôi đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở bến Bạch Đằng để trình diện, tôi có vào Bệnh viện Hải Quân đã do quân giải phóng tiếp thu rồi để trình diện. Anh thủ trưởng bộ đội tiếp thu có nói chuyện với tôi vì trước đây vào năm 1945, khi đi theo kháng chiến, anh có phục vụ dưới quyền của hai giáo sư bác sĩ Trần Vỹ và Phan Đình Tuân, nên có hỏi thăm tôi về hai vị giáo sư trên. Sau đó, cho tôi về và cho phép tôi được vào bệnh viện tạm thời làm việc trở lại.

Ngày 2/5, tôi đã theo lệnh của Ủy Ban Quân Quản ra trình diện ở trường Gia Long.

Tôi đến đây thật sớm, khoảng 5-6 giờ sáng thì thấy rất nhiều sĩ quan chế độ cũ sốt sắng trình diện, hưởng ứng nồng nhiệt lời kêu gọi của Ủy Ban Quân Quản. Tôi thấy có cả bác sĩ Vũ Quí Đài, cựu khoa trưởng Y khoa (cựu bác sĩ quân y biệt phái) cũng đi trình diện và không chen lấn được để vào bên trong. Tôi đã vào trong và lấy được một bản tự khai dùng để khai, tôi lấy thêm một bản nữa và tôi đi ra ngoài đưa cho ông để ông tự khai và nộp lại cho các cán bộ phụ trách.

Về nhà tôi phải kiếm một chiếc xe đạp để đi, may quá, có một người quen còn một chiếc xe tốt (loại xe đàn bà) nhường lại cho tôi.

Sau khi trình diện hai ngày, tôi vào bệnh viện Hải Quân cũ và làm việc vài ngày. Sau vài ngày, họ cho tôi một số tiền lương và lương thực, kêu tôi về nhà chờ lệnh của Ủy Ban Quân Quản. Tôi chờ lệnh và ở nhà, sống, ăn uống rất dè dặt.

Khi trở lại làm việc tại bệnh viện Hải Quân (cũ), tôi được biết bác sĩ Nguyễn Thanh Trước, nguyên y sĩ trưởng Bệnh Viện Hải Quân, rời bệnh việc về nhà chiều ngày 30/4, thì ngày 1/5/75, ông đã trở lại bàn giao đầy đủ cho bộ đội giải phóng. Trên đài phát thanh đã nêu tên bác sĩ Trước đã có công bàn giao đầy đủ và rất được tín nhiệm với chánh quyền mới.

Tôi cũng được biết trong bệnh viện Hải Quân có một y tá mà tôi rất thân là người nằm vùng của cộng sản, họ đã báo cáo các bác sĩ cũ cho bộ đội, nhưng may cho tôi, khi tôi làm việc ở bệnh viện Hải Quân cũ, tôi đã làm việc tận tình, rất tốt, nên được y tá nầy báo cáo tốt lên thủ trưởng mới. Vị thủ trưởng nầy vì muốn sử dụng những máy móc, dụng cụ mà bệnh viện Hải Quân có mà các anh không biết dùng, nên đã định cho tôi đi làm việc và học tập tại chỗ.

Theo lệnh của Ủy Ban Quân Quản, các sĩ quan cấp úy phải trình diện để đi học tập và phải đem đầy đủ lương thực dùng trong 10 ngày.

Ngày 23/6/75, tôi đã đi trình diện, nhưng tối hôm đó, công an phường đã đến nhà tôi để kiểm tra xem tôi đã trình diện chưa, thì sáng ngày 24/6/75, có xe jeep của bộ đội Hải Quân đến nhà tôi nói có lệnh chở tôi vào Hải Quân Công Xưởng để tôi được học tập tại chỗ, nhưng tôi đã vào trình diện tại trường Trưng Vương.

Đầu tháng 6/75, chúng tôi, tất cả sĩ quan của chế độ Saigon đã phải đi trình diện để theo học lớp "tập trung cải tạo", cấp úy thì phải đem lương thực đủ dùng trong 10

ngày. Tôi và một bạn cùng xóm, đã trình diện tại trường Trưng Vương ngày 23/6/75 (có 2 ngày 23/6 và 24/6 để trình diện). Chúng tôi được ăn ngủ, nghỉ một đêm tại trường nầy và ngày 24/6, lúc nửa đêm, chúng tôi được gọi ra để làm thủ tục lên đường. Sau khi giảng thuyết về chính sách "khoan hồng của cách mạng", chúng tôi được đưa lên xe molotova bít bùng và thấy có các anh bộ đội lên cò súng kêu răng rắc thì chúng tôi đã hiểu rõ những chuyện gì sẽ xảy ra cho chúng tôi.

Xe chạy trong thành phố và chạy nhiều vòng, nhiều khi chạy trở lại gần như vị trí cũ và đưa chúng tôi đến một địa điểm gọi là Long Giao thuộc tỉnh Long Khánh.

Các anh bộ đội không cho chúng tôi biết địa điểm, nhưng trong số anh em sĩ quan trình diện, đã từng ở Sư Đoàn 18 Bộ Binh, nên biết rõ địa điểm nầy (Long Giao, thuộc tỉnh Long Khánh). Trước đây, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã đóng ở căn cứ nầy. Tôi đã trải qua 3 trại Long Giao (từ 25/6/75- tháng 6/78), trại Katum (Tây Ninh, gần biên giới Miên), trại Trảng Lớn (căn cứ cũ của Sư đoàn 25 Bộ Binh).

Nhiều tác giả đã viết về trại tù cải tạo, tôi không muốn lặp lại những điều đã cũ mà chỉ muốn ghi lại một số đặc điểm của trại tôi đã trải qua, và những sự kiện lịch sử.

Đa số các trại cải tạo do bộ đội cộng sản quản lý, hình thức cũng giống nhau cách tổ chức, chỉ thị, điều động và cách sinh hoạt cũng giống nhau. Chính tôi muốn ghi ra một số nét đặc biệt nơi các trại mà chúng tôi trải qua mà thôi.

Trại đầu tiên là trại Long Giao, như tôi viết ở trên, đó là doanh trại của Sư Đoàn 18 Bộ Binh của VNCH. Nơi tôi đến là một dãy nhà lợp tôn, vách tôn, dài khoảng 25m, ngang 10m. Mỗi nhà mà các anh bộ độ gọi là lán. Lán tôi là lán 10 và địa chỉ là Hòm Thư L2T1. Mỗi lán chứa 70 người trong một căn nhà chia làm hai dãy và chỗ giữa là một con đường đi qua lại độ 2m, cho nên mỗi người được khoảng rộng 8 tấc để xoay trở. Thật là chật hẹp. Trại của chúng tôi gồm 12 lán (12 căn).

Lúc đầu trại chúng tôi chỉ ở cách trại của các sĩ quan cấp tá một hàng rào, bên cạnh một giếng nước. Ở nơi đây, tôi đã gặp lại bác sĩ Nguyễn Thanh Trước, y sĩ Trung Tá, chỉ huy trưởng bệnh viện Hải Quân, bác sĩ Nguyễn Văn Hoàng, y sĩ Trung Tá, trưởng khu X-Ray Tổng Y Viện Cộng Hòa và các linh mục giám đốc Nha Tuyên Úy Công Giáo QL/VNCH.

Một lán được tổ chức như sau: một lán trưởng, một lán phó và 4 tổ học tập, mỗi tổ có một tổ trưởng và một tổ phó.

Mỗi chiều, lán trưởng lên nhận lệnh từ ban chỉ huy Trung Đoàn và về truyền lại cho các tổ viên và phân chia công tác.

L2T1 gồm 12 lán chứa khoảng 700-800 người, mà có đến hơn 25 bác sĩ, 8 dược sĩ, 3 nha sĩ, 2 linh mục tuyên úy Công giáo, 3-4 đại đức Phật giáo.

Lán tôi gồm 5 bác sĩ: Nguyễn Minh Khiêm, (YK66, hiện dịch 13), Đặng Nha Khánh (YK66, Trưng tập 9),

Hà Hiển Thắng (YK67, Trưng tập 10), Nguyễn Thanh Hà (YK68, hiện dịch 15) và tôi Trần Văn Nam (YK68, Trưng tập 12).

Ngoài ra lán khác còn có các bác sĩ như Nguyễn Sơ Đông, Lê Xuân Lộc, Hoàng Xuân Tài, Hoàng Bá Ước Gioanh, Vương Bình Dzương, Nguyễn Văn Dõng, Đào Bá Ngọc, Lại Ngọc Hoàn, Trần Vinh Hoa, Nguyễn Cẩm Thạch, Nghiêm Xuân Sơn, Trần Văn Mân… Ngoài ra còn độ 10 bác sĩ thuộc Y Khoa Huế, Y Khoa Saigon, các khóa đàn em…

Có một chuyện vui là có một bác sĩ giả (không phải bác sĩ thiệt, mà chỉ là hạ sĩ quan Không Quân) khai là bác sĩ để đi học tập (vì lỡ khoe với bạn gái là bác sĩ, nên phải cắn răng đi học tập, anh còn khoe là có giấy về làm giám đốc bệnh viện Chợ Rẫy, mặc dầu tuổi chưa tới 30. Trong trại có danh thủ bóng bàn Lê Văn Tiết (vô địch Pháp quốc 1959), bên cạnh lán tôi còn có nhà thơ Thanh Tâm Tuyền (đại úy Dzư Văn Chất).

Sau khi ổn định chỗ ăn ở như phải làm nhà cầu, phải đào giếng…. thì chúng tôi phải làm tờ khai lý lịch. Phần nầy xong rồi thì chúng tôi phải chuẩn bị học tập và đóng những ghế nhỏ dùng để ngồi học tập (10 bài) và đi lao động.

Khai lý lịch.

Quan trọng nhất là khai lý lịch. Mỗi người được phát 10 trang giấy để khai lý lịch. Phải khai lý lịch ba đời, về quê quán, trình độ học vấn, có tham gia cách mạng hay

tham gia chế độ Mỹ ngụy… và quan trọng là tại sao các anh trở thành sĩ quan tay sai Mỹ ngụy và phải khai báo tội của các anh đối với cách mạng. Khó khai nhất là phần nầy, phải khai báo thành khẩn mới mong được "khoan hồng của cách mạng".

Nhiều người như các cha Tuyên úy, Thượng Tọa Phật giáo cũng phải khai tội của mình, nhiều người không biết khai tội như thế nào cũng bịa ra tội để khai.

Riêng tôi, tôi cũng phải khai đại khái như sau: Gia đình tôi nghèo, nên thời niên thiếu, tôi cố gắng học hành để mai sau có việc làm tốt nuôi gia đình. Tôi may mắn học giỏi và đã được vào học đại học y khoa Saigon. Khi tốt nghiệp, tôi đã bị động viên vào quân đội VNCH rồi trở thành sĩ quan. Tôi được mang cấp bậc trung úy rồi đại úy. Tuy tôi không cầm súng để chống lại cách mạng, nhưng tôi đã tận tâm chữa bệnh cho sĩ quan, binh lính ngụy mau lành bệnh để họ cầm súng chống lại cách mạng, vì thế tôi đã có tội đối với nhân dân và cách mạng".

Nhưng trong số sĩ quan học tập có một số cương quyết không nhận tội là bác sĩ Nguyễn Văn Dõng, và 1, 2 bác sĩ khác. Anh Dõng can đảm nhất, nhất quyết không nhận tội. Mấy anh nầy bị chúng ghi vào sổ bìa đen và phải học tập lâu hơn các bạn khác.

Khai xong rồi phải nộp cho quản giáo. Độ vài ngày sau quản giáo xuống các trại và tuyên bố: các anh làm chưa đạt và phải khai báo lại. Như vậy, chúng tôi phải khai lại nhiều lần. Anh em chúng tôi đều phải ghi chép vào một trang giấy trong một cuốn sổ nhỏ để mỗi lần phải

khai đúng như lần đầu không thời bị các anh đó kêu lên làm việc lại.

Về ăn uống:

6 người thành một nhóm. Tôi nhớ tới hôm nay là bữa cơm gồm 6 người chia nhau một quả trứng, một chén canh (gồm rau muống và muối mặn). Gần một năm tôi ở Long Giao, ngày nào cũng có canh rau muống, một miếng thịt (bằng một đốt của ngón tay) hoặc một miếng cá nhỏ. Vào ngày lễ lớn, chúng tôi được bồi dưỡng và được ăn thịt gà. Lán chúng tôi gồm 70 người và được ăn một con gà, mỗi người được một miếng thịt gà nhỏ xíu, ăn cho đỡ thèm.

Việc nấu ăn giao cho cải tạo viên, các lán, các tổ thay phiên nhau dùng dụng cụ gồm một chảo lớn để nấu cơm, một chảo để nấu canh, một chảo để nấu món ăn mặn…

Gạo lúc đầu, còn ăn được gạo cũ, nhưng sau là gạo của Trung Cộng, bị mốc rất nhiều nên phải sạn lọc đi lấy gạo tốt mà ăn và loại bỏ gạo bị mốc. Khẩu phần gạo rất ít chỉ độ 300 gram mỗi ngày, ai cũng bị đói, do đó chuột là loại anh em được để "cải thiện", rồi rau gì cũng ăn, kể cả rau sam… Người nào có tiền có thể nhờ quản giáo ra chợ để mua đồ "cải thiện". Sau nầy có vấn đề gởi quà thì ai nấy cũng tạm đỡ.

Riêng tôi, tôi không được tiếp tế nhiều, cho nên rất ốm. Sau đó được tiếp tế, tôi phục hồi lại, mặt mày hóp xuống rồi phồng lên trở lại, tất cả là ba lần.

Cũng vì có sự giao lưu giữa cải tạo viên và quản giáo, cho nên cũng có nhiều quản giáo hiền lành, tốt bị đổi đi xa.

"Miếng khi đói, bằng gói khi no". Vì đói quá, nhiều anh đã ra lấy trộm khoai mì, do cải tạo viên trồng trọt và thu hoạch sau nầy… và nhiều người gồm đủ thành phần trong xã hội phải kiểm điểm trước tổ và trước lán…

Để trồng rau cho tươi tốt vì không có phân, cho nên chúng tôi phải dùng phân người làm phân bón cho rau cải. Đội thường cắt khoảng 2 đến 4 người để gánh những thùng (thùng fuy) chứa phân và dùng một đòn gánh để gánh, hai người phải gánh một thùng phân. Tôi nhớ một lần, tôi phải gánh một thùng phân với người bạn, khi đi, tôi nói với anh là phải đi rất chậm để phân khỏi bắn ra ngoài. Anh nầy không nghe lời tôi, đi mau đế bớt mùi hôi thúi thì phân bắn vào thân anh và có một con giòi bò ngay sát miệng anh. Anh thấy nhột nhột, lấy lưỡi liếm môi, ngờ đâu trúng con giòi. Anh nầy cũng là một sĩ quan Hải Quân cũ.

Còn tôi, vì thiếu dinh dưỡng nên bị phù, mỗi ngày tôi phải xin nước gạo nấu để uống cho bớt sưng và có lần bị phù thũng nặng, nên đã phải ăn cám heo…

Tại Long Giao, sau nầy tại các nơi khác nữa, tôi thấy có phong trào làm lược chải đầu cho vợ, cho người yêu cải tạo viên. Các anh em dùng những mảnh nhôm của M113, mảnh các máy bay và tự đục, đẽo, biến nó thành những lược và vòng đeo tay…rất đẹp.

Tại Katum, thì lại có làm những xách tay mà chúng tôi thường gọi đó là samsonite, giống một cái xách tay làm việc của các giám đốc xí nghiệp hoặc văn phòng. Quản giáo đi tìm một tấm tôn rồi giao cho một cải tạo viên, buổi chiều là có ngay một samsonite cũng giống như

samsonite thiệt. Không có búa, kềm, đinh… các dụng cụ do các anh em tự chế lấy, thế mà cũng hoàn thành một cái xách tay đẹp mắt. Trong lán ai cũng biết có bác sĩ Nguyễn Sơ Đông (YK65) làm hay lắm. Có anh khác như bác sĩ Đoàn Minh Quang (YK66) lại có tài đan những phên, mái nhà bằng tranh rất nhanh. Anh Đông đã leo lên mái nhà để ráp thành mái phên rất đẹp.

Rồi vào Trảng Lớn, anh em lại làm những dụng cụ âm nhạc như trống, đàn guitar bằng những miếng tôn và những dây điện. Khi đàn hay khi đánh trống, cũng phát ra âm thanh không thua gì mấy cây đàn thiệt. Thường thường trong buổi tối, tiếng đàn réo rắt khiến lòng chúng tôi cũng tan nát.

Trong thời gian trên, ở các trại, các bác sĩ không được hành nghề hay làm việc tại bệnh xá. Mọi công tác y tế, chữa bệnh đều do các y sĩ bộ đội phụ trách. Các bác sĩ phải lao động và làm việc như các cải tạo viên khác.

Ở Long Giao có một trường hợp bất khả kháng, các bộ đội đã cho phép tôi chữa bệnh một cải tạo viên. Có lần trong trại có cho anh em ăn một con cá mà chúng tôi không biết gọi là loại cá gì chỉ biết rằng con cá có nhiều râu dài, và bề dài con cá hơn một thước. Có một anh ăn cá bị dị ứng mạnh, ngứa ngáy, toàn thân bị đỏ và chảy nước vàng với mùi hôi thối do nước vàng chảy ra. Bác sĩ bộ đội đã chữa và chích thuốc péniciline mà không khỏi. Anh em trong trại chịu không nổi mùi hôi, nghi là bệnh cùi hoặc bệnh da liễu nên báo cáo cho quản giáo để tống xuất anh ra khỏi lán, hoặc phải đi nhập bệnh viện. Anh bệnh nhân

nầy là sĩ quan Hải Quân biết tôi là bác sĩ chuyên khoa Da Liễu, nên đề nghị bộ đội kêu tôi ra để xem ý kiến chữa trị của tôi. Tôi được mời lên tiểu đoàn và các bộ đội cho phép tôi chữa bệnh. Lúc đầu, tôi từ chối vì tôi là một cải tạo viên như các anh em khác. Nhưng cuối cùng, các anh đồng ý cho tôi chữa bệnh. Những thuốc chữa ngoài da lúc đó ở phòng khám đã không có, tôi đề nghị cho tìm mua thêm thuốc ở pharmacy bên ngoài để chữa. Các anh cũng đồng ý cho tôi chữa bệnh cho bệnh nhân nầy (lúc đó còn cho mở pharmacy cũng còn một số nhà bán thuốc). Để không mất mặt các bộ đội, tôi cũng dùng các thuốc do bộ đội dùng và thêm một số thuốc khác như thuốc trị dị ứng, rồi rửa thuốc tím…. Còn péniciline dư trong chai rắc vào chỗ chảy nước cho mau khô… và phước chủ may thầy anh ấy đã lành lặn lại như thường. … anh cảm ơn tôi và sau nầy anh đi trồng rau và thỉnh thoảng cho tôi một chén canh rau ăn cho đỡ đói.

Một anh khác thuộc Công Binh bị bệnh ghẻ do ký sinh trùng. Bệnh nầy ngứa ngáy và lây lan dữ lắm. Anh nầy cũng nhờ tôi chữa bệnh và tôi dùng DDT (thuốc trừ sâu diệt chuột còn sót lại trong trại) pha loãng, chấm vô chỗ ngứa. Anh nầy sau khi đã lành, đã đóng cho tôi một thùng chứa nước tôi dùng để hứng nước mưa và tắm mỗi ngày nên không bị ghẻ ngứa.

Qua các trại khác, tôi cũng được các các bạn chiếu cố nhờ tôi chữa một số bệnh như mụn cóc, mổ áp xe. Tôi dùng dao cạo râu để mổ. Tôi lau chùi, hơ lửa, chấm một chút alcohol rồi rạch và nặn mủ. Tôi có mổ cho giáo sư

Lâm Thanh Liêm, giáo sư đại học Văn Khoa, ông nầy tưởng đi học có 10 ngày, nên xách theo một samsonite thứ thiệt rất xịn khi đi học.

Về tinh thần:

Ngày 30/4/75 tôi đã lỡ chuyến đò sang Mỹ vì tin tưởng sẽ có chính phủ 3 thành phần do Đại Tướng Dương Văn Minh lãnh đạo và cũng nghĩ rằng chắc mình là bác sĩ cấp bậc Đại Úy quèn, nên cộng sản vào thì chắc mình cũng không đến nỗi nào. Sau nầy, tôi mới thấy mình "ngu" và không biết gì về tình hình chính trị. Lúc đó, tàu bè trước mặt, chỉ cần đi bộ vài trăm thước và lên tàu rồi đi thôi. Tôi đã biết rõ giờ đi, do Đại Tá Tư Lệnh Hạm Đội Hải Quân cho tôi hay và tôi quen hết các hạm trưởng Hải Quân, tôi muốn lên tàu nào cũng được vì trên tàu cũng cần có bác sĩ để lo sức khỏe của mấy ngàn người. Tôi bị kẹt lại, âu cũng là số phận không may của tôi.

Bởi vậy, trong trại tù cải tạo, tôi cũng cố gắng vui vẻ học tập "vui là vui gượng kẻo mà" vì vợ tôi lúc đó ở Hawaii. Vợ tôi là dược sĩ, giảng nghiệm trưởng môn vi trùng học ở khu Vi Trùng Học của Giáo sư Vũ Quí Đài. Chính bác sĩ Đài đã gởi vợ tôi đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ trong vòng một năm, cuối năm 1975 mới về. Tôi có 3 con lúc đó 5 tuổi, 3 tuổi và 1 tuổi, phải gởi các cháu bên ngoại. Đêm nào cũng nhớ đến ba tôi, vợ, 3 con…

Mỗi lần, tôi nhận được thơ nhà do quản giáo trao lại của ba tôi, tôi đã khóc thầm và tôi phải che mặt, không cho ai thấy. May cho tôi là trong phòng tôi có một cha tuyên úy tên là Nguyễn Quốc Túy cũng mang cấp bậc đại úy,

Tuyên úy của Hải Quân Vùng 4 Sông Ngòi, nên mỗi chủ nhật hoặc ngày lễ tôi được xem lễ chui vào 3 giờ sáng, làm lễ trong mùng. Nếu không được dự lễ thì tôi cũng được rước lễ. Tôi nói: xin anh cho tôi một viên thuốc cảm là cha Túy… hiểu ý ngay. Và trong năm 1975 vào dịp lễ Giáng Sinh chúng tôi được dự lễ nửa đêm do cha Túy cử hành và sau đó đã bị kiểm điểm, cha không được làm lễ nữa.

Thỉnh thoảng cha cũng giải tội chui cho chúng tôi. Tôi nhớ có một lần, sau khi được giải tội, được rước lễ chui, tôi ngồi một mình ở cái lều bên cạnh lán (dùng để ăn và ngồi học tập) thì trên trời mây đen nghịt rồi mưa gió, sau đó hết mưa. Lúc đó tôi ngồi cầu nguyện, tôi khóc lên vì tủi thân mình, nhớ vợ, con, cha già… bỗng tôi nghe có tiếng nói gì đó ở trên đầu tôi, tôi không nhớ rõ lắm… tôi ngất đi trong mấy giây rồi trời lại quang đãng, tâm hồn tôi, đầu óc tôi trở nên sáng suốt, thấy ấm áp lại, tôi thấy có sự bình an trong tâm hồn. Tiếng đó là tiếng Chúa phán và Chúa đã hiện ra và tôi đã được gặp Chúa lần đầu tiên trong đời tôi. Nếu có ai hỏi tôi, có gặp Chúa lần nào không? Tôi nói "có" ở trong trại cải tạo.

Về ăn uống, có người hỏi tôi: có bữa ăn nào là bữa ăn ngon nhất của đời tôi? Tôi nói rằng: bữa ăn đó là bữa ăn bên trong trại tù cải tạo.

Số là sau gần một năm, các cải tạo viên được nhận quà do gia đình gởi, trước đó tôi phải gởi thơ về nhà xin tiếp tế. Tôi không dám xin nhiều và ba tôi cũng sợ, nếu gởi nhiều thì quản giáo để ý và sẽ ảnh hưởng đến việc "học tập". Tôi được một lon guigoz trong đó có thịt chà bông,

mấy con khô, một số lạp xưởng… Vào trại chúng tôi lấy lạp xưởng làm cơm chiên mà chúng tôi gọi là cơm chiên Dương Châu. Tôi ăn cùng các bạn như Liêu Mỹ Tuấn, Trần Văn Mân là hai bác sĩ Hải Quân cùng cải tạo. Vì đói lâu ngày nên mỗi khi tôi nhai một miếng lạp xưởng thì nó ngon làm sao không thế nào tả nổi. Tôi thấy mát ruột mát gan vô cùng.

Ba tôi cũng có gởi cho tôi một cuốn sách về bệnh ngoài da và một cuốn Thánh Kinh thế mà cũng có ăng ten báo cáo. Một hôm, quản giáo gọi tôi ra hỏi "anh có đọc sách nước ngoài phải không? và hỏi tôi về cuốn Thánh Kinh. Tôi phải nói rằng tôi đọc sách thuốc để chữa bệnh mà thôi. Tôi cũng có đem theo một xâu chuỗi và do đó mỗi ngày tôi đều đọc kinh chui vào nửa đêm.

Về Katum thì chúng tôi phải đốn cây để làm nhà cho tổ chúng tôi và cho quản giáo. Cây ở rừng nhiều, to lắm, đường kính cũng phải 3, 4 tấc và dài khoảng 15, 20 thước. Phải có 10 người mới khiêng nổi đem về trại và những người khiêng phải có chiều cao gần bằng nhau mới khiêng được. Tôi hơi lùn nên bị mấy anh loại tôi ra không cho khiêng và cho tôi làm nhà bếp. Nơi đó, tôi cũng đỡ khổ vì tránh được những lao động nặng.

Tại Katum có cho thăm nuôi, chúng tôi phải làm một số lều để làm nơi tiếp đón và một số phòng để vợ chồng có thể tâm sự. Một số gia đình được ở lại ban đêm, sáng ra, gặp chúng tôi, chúng tôi hỏi: "Đêm qua làm ăn ra sao?" Có anh nói: "tôi làm ăn 3 quả, anh thì 4 quả…" và cười nói vui vẻ lắm.

Về sau, có anh đi tù cải tạo về, thì chị vợ đã bồng con, lối xóm chửi thậm tệ chị đó, nhưng anh lại cười vì biết tác giả là ai rồi… Đó là kết quả của "học tập cải tạo" (thăm nuôi).

Một chuyện khác xảy ra: bộ đội cộng sản không phân biệt đâu là kính mát và kính cận. Đầu tiên, chúng tôi đi trình diện ở trường Trưng Vương, tôi đi cùng một anh bạn cũng cận thị như tôi và đeo kiếng. Anh đến ghi danh trước tôi, còn tôi lẽo đẽo theo sau. Anh bộ đội phán cho chúng tôi một câu xanh rờn: "Hai anh kia sao bất lịch sự quá, khi nói chuyện với chúng tôi, anh phải bỏ kiếng mát ra". Chúng tôi phải đính chánh là chúng tôi đeo kính cận thị, chớ không phải bất lịch sự. Hai chúng tôi bị cận thị nặng nên phải đeo kiếng mới nhìn rõ được.

Một lần nữa, trong trại cải tạo ở Katum, tôi và bác sĩ Đặng Nha Khánh phải lên ban chỉ huy Trung Đoàn làm tạp dịch. Chúng tôi được phân công đi chăn trâu. Tôi và Khánh bị bộ đội chê trách: "Các anh đi chăn trâu mà lại đeo kính mát". Tôi và Khánh nói: Hai chúng tôi bị cận thị, nếu không đeo kính, không thấy đường và không làm việc được.

Đó là những câu chuyện vui mà chúng tôi nhớ đời.

Ở trại Long Giao có một sự kiện mà tất cả cải tạo viên không bao giờ quên: Một anh bị xử tử vì có "hành động chống phá cách mạng, tư tưởng phản động mặc dầu đã được cách mạng khoan hồng". Đó là anh Lê Đức Thịnh, thuộc trường Bộ Binh Thủ Đức. Số là ở Long Giao, một số cải tạo viên được điều động ra ngoài đi khiêng những

khúc gỗ về trại để làm củi. Thông thường, các anh ra ngoài, có tiếp xúc với dân làng, lợi dụng cơ hội để nhờ gửi thư về nhà. Anh Thịnh có nhờ một anh bạn gởi thư về nhà. Chẳng may anh nầy không biết lính quính ra sao, làm rớt thư và quản giáo bắt được. Anh nầy bị giam vào conex còn anh Thịnh bị đưa ra tòa xử. Thơ của anh Thịnh gởi về cho vợ có lời chửi bới chế độ cộng sản, thề không đội trời chung và khuyên vợ con vượt biên sang Thái Lan liên lạc với đồng đội cũ của anh.

Hôm xử án, tôi được lệnh của quản giáo lên Trung Đoàn để xem xử án. Các tổ được đề cử một người và phải ăn mặc chỉnh tề. Khi đi tôi cũng hơi lo âu vì không biết lên trên đó "làm việc" với cán bộ có nguy hiểm gì không hay là sắp được cho về. Trên đường đi, tôi thấy có một quan tài mới làm xong, thì tôi cũng hiểu rằng sắp có chuyện gì xảy ra.

Khi ngồi nghe xử án, tôi ngồi im thin thít, cũng có quan tòa buộc tội, có sĩ quan làm luật sư bào chữa, và cuối cùng tòa tuyên án tử hình. Rời khỏi hội trường chừng 5 phút, tôi nghe nhiều phát súng nổ rền, tôi hiểu là đã xảy ra chuyện gì rồi: anh Thịnh bị bịt miệng và đem ra bắn liền.

Khi về trại, hồn vía tôi còn lên mây nên tôi chỉ nói vắn tắt cho các bạn biết sự kiện xảy ra mà thôi. Nhưng tối hôm đó, lại xảy ra hai anh trốn trại, một anh ở an ninh phủ Tổng Thống và một anh là Đại Đức Tuyên úy Phật giáo.

Cả hai anh đã đi thoát và về sau, chúng tôi không nghe nói gì cả. Hôm sau, các trại, các tổ có một màn khám xét và họp lán để kiểm điểm.

Việc tử hình các cải tạo viên, việc vượt thoát của anh em, tôi nghe thấy các trại khác đều có xảy ra, nhưng có anh bị bắt lại và chịu nhiều cực hình.

Chuyện ở tù cải tạo đã có nhiều người viết, viết rất rõ ràng và văn chương rất hay. Theo tôi cuốn sách hay nhất là cuốn Mảnh Da Vàng của Chu Lynh vừa mới xuất bản.

Ở Katum có sự việc xảy ra làm các anh em bác sĩ rất đau lòng. Số là ở Katum, có nhiều hố bom và có một loại bom chưa nổ là bom Pi. Thông thường, có một số dân bên ngoài lặng lẽ vào trại đi tìm bom Pi và bán ra bên ngoài, nghe nói rất được giá.

Hôm đó bác sĩ Nguyễn Phúc Hải 40 tuổi chưa vợ con, rất hiền lành, cùng học lớp tôi, được phân công ở nhà. Nhưng hôm đó có một anh được phân công đi lao động, bị bệnh, nên quản giáo cử anh Hải đi thế. Anh Hải được phân công đến một gốc cây, để đốn cây về cho trại. Anh được phân công một cây bên trái, nhưng không biết vì lý do gì anh lại xin đổi qua cây bên phải, cách nhau độ 10 thước. Khi anh giơ cuốc đào cây nầy lên anh cuốc đúng vào quả bom Pi và quả bom phát nổ, anh chết tại chỗ. Âu cũng là số phận. Anh bạn đổi chỗ cho anh thoát chết và anh bạn ở nhà cũng thoát chết.

Quả thật có ăng ten trong các lán, các tổ, nhưng không ai biết được. Tổ tôi có một anh bạn là bác sĩ, anh bị quản giáo để ý, bị chê là lao động yếu và khi làm bài kiểm điểm, anh cũng bị cho là không đạt yêu cầu. Anh sợ quá, sợ phải đi học tập lâu, anh gặp riêng quản giáo để phân trần, nhưng không may cho anh, có 1, 2 anh thấy được và nghi

anh là ăng ten và các anh ấy định tổ chức "bề hội đồng bằng cách trùm mền". May thay, tôi có biết chuyện đó và khẳng định anh không phải là ăng ten nên mọi việc đều êm đẹp.

Trại tù, có anh Lê Văn Tiết, danh thủ bóng bàn, vô địch Á Vận Hội 1958, được quản giáo kêu lên đi phụ giúp và chỉ dẫn về bóng bàn, anh cũng thỉnh thoảng được quản giáo cho vài tin tức, khi về anh truyền lại cho chúng tôi. Chúng tôi cũng hơi phấn khởi một chút rồi thôi. Mọi việc đâu vào đó. Thỉnh thoảng chúng tôi có tin là có tù cải tạo sắp được thả ra, "Mỹ đã có giao kèo rồi, sẽ cho tất cả sĩ quan học tập đi Thái Lan, rồi sang Mỹ, được lãnh tiền rappel", lúc đó anh em mừng lắm. Nhưng sau đó mới biết tin nầy là cái bánh vẽ để anh em hy vọng một chút mà thôi.

Khi đi học tập, một số anh em có hỏi là bao giờ chúng tôi được về thì các anh cho biết, là khi các bạn học tập tốt, thì trên sẽ chiếu cố và thả ra. Nhưng đâu cũng vào đó, chẳng có tin tức gì cả.

Đợt về đầu tiên là ngày 2-9-1975 là lễ Quốc Khánh của cộng sản. Được ra trại lần nầy thuộc thành phần gia đình cách mạng và có công với cách mạng như: bác sĩ Nguyễn Văn Hoàng (y sĩ Trung Tá, Trưởng Phòng Quang Tuyến X – Tổng Y Viện Cộng Hòa, là con rể luật sư Trịnh Đình Thảo), bác sĩ Nguyễn Thế Lạc (y sĩ Thiếu tá, em rể Cao Đăng Chiếm, Trưởng Ban An Ninh Nội Chính, Ủy Ban Quân Quản)… và các bác sĩ nằm vùng như bác sĩ Trương Thìn (y sĩ Đại Úy, Thủy Quân Lục Chiến), bác sĩ Trang Vĩnh Thuận (y sĩ Đại Úy Nhảy Dù), rồi đến Noel,

Tết Tây cũng có một số khác được về: bác sĩ Nguyễn Thanh Trước (y sĩ Trung Tá, CHT Bệnh Viện Hải Quân, Từ Văn Tư (Đại Úy, em bác sĩ Trần Thị Mỹ), Nguyễn Thúc Cường (y sĩ Đại Úy)…

Mỗi năm, vào ngày 2 tháng 9 là ngày lễ Quốc Khánh, lễ Độc Lập, thì nhà nước cộng sản sẽ cho khoan hồng một số phạm nhân như đã có ăn năn, hối cải trong thời gian ở tù, cho nên các cải tạo viên của chế độ cũ cũng không ra khỏi trường hợp đó. Khoảng hai tuần lễ đầu của tháng 8, một số anh em được gọi để chuyển trại (chuẩn bị về), tôi nhớ có anh Nguyễn Sơ Đông và 1, 2 anh em khác. Anh Đông và các bạn đã may mắn được gọi và đã về Trại Sóng Thần để cùng một số anh em ở trại khác được tha và chánh quyền cộng sản có làm lễ rầm rộ để quảng cáo cho "chánh sách khoan hồng của cách mạng".

Vài hôm sau, tôi cũng được gọi để chuyển trại, kỳ nầy cũng không khác kỳ trước, khoảng 10 người và ngày 19/8, chúng tôi được xe molotova chở đến một địa điểm tập trung tối đen. Tôi thấy cũng có một số anh em ở các hộp thư khác, tổng số khoảng 100 người và sau đó chuyển chúng tôi về Trảng Lớn, bản doanh của Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Về tới đây, chúng tôi vô cùng phấn khởi, và được lăn tay... Tại đây, chúng tôi cũng gặp lại một số anh em lúc trước ở các trại khác được chuyển về đây. Rồi anh em chúng tôi được biên chế trở lại thành lán, tổ. Trại chúng tôi được tổ chức thành 1B. B trưởng là bác sĩ Võ Thành Thời. Tôi cũng được chọn làm tổ trưởng một tổ và tôi thấy có nhiều bác sĩ như Lê Long Ngân, Huỳnh

Kim Chung, Nguyễn Huỳnh Anh, Lê Quan Tín, Nguyễn Phong Nghi, Nguyễn Phan Khuê…

Đáng lẽ vào ngày 2/9, chúng tôi được tha về. Nhưng vì tình hình bên ngoài có thay đổi: Chu Ân Lai băng hà, có đảo chánh ở Thái Lan, bên Trung Cộng có thay đổi… nên chúng tôi bị giữ lại, chỉ cho ra về từng đợt mà thôi.

Ngày 2/9/76 chỉ có nha sĩ Nguyễn Tư Cảo và một vài anh khác được về mà thôi, và đa phần phải ở lại. Thỉnh thoảng cứ 2, 3 tuần mới có một đợt về với khoảng 5, 10 người.

Những người được thả ra đa phần là thuộc gia đình cách mạng, có công với cách mạng và có bảo lãnh. Riêng trường hợp tôi, là ba tôi đã theo lệnh của chánh quyền địa phương xin cho tôi về vùng kinh tế mới sau khi cải tạo nên tôi được tha về.

Cuối cùng ngày 5/1/77, khoảng 20 người được kêu lên ban chỉ huy trại để làm lễ mãn khóa có đông đủ bộ chỉ huy trại và đông thân nhân các cải tạo viên.

Sau những lời huấn từ, khuyên bảo chúng tôi về cố gắng làm tốt, lao động tốt để trở thành công dân của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa, chúng tôi được phát một giấy ra trại do ông xếp trại phát. Chúng tôi cũng được cấp một số tiền nhỏ để đón xe về với gia đình.

Mọi người rất vui và ra về với thân nhân, còn tôi ra về có một mình, vì gia đình tôi không nhận được thơ mời, xem lại giấy ra trại có ghi tôi phải về huyện Long Phước, Long Thành (vùng kinh tế mới). Tôi rất vui nhưng khóc

trong lòng. Ngồi xe từ Tây Ninh về Saigon, tôi đã che mặt khóc. Không biết tương lai thế nào, vì tôi không biết sinh sống ra sao tại vùng kinh tế mới, đó cũng là một hình thức lao động khổ sai. Một số người ngồi gần, không hiểu vì sao tôi khóc.

Sau khi về gặp gia đình tôi và các con, hôm sau tôi ra công an phường để trình diện. Công an phường đã cho tôi tạm trú qua Tết mới đi kinh tế mới. Vài hôm sau, tôi không đi, nhưng người nhà tôi đến vùng kinh tế mới để thăm hỏi và có cầm một bản sao giấy ra trại của tôi. Nhưng ở đây, ủy ban xã không muốn cho sĩ quan chế độ cũ về sinh sống và quản lý các sĩ quan chế độ cũ. Thế là tôi rất mừng để khỏi phải đi kinh tế mới nữa.

Sau đó, tôi đã nộp đơn ở sở y tế để làm việc.

Cũng rất gian nan, vì có hộ khẩu thì mới đi làm việc được, và mới mua thực phẩm được. Tôi cũng làm tạm và sau đó, nộp đơn xin ở lại thành phố vì lý do thuộc diện Khoa Học Kỹ Thuật. Sau một thời gian, tôi được giấy phép của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố cho phép được ở lại thành phố. Tôi thấy cùng nhận giấy phép với tôi có nhiều anh là kỹ sư công chánh, kỹ sư cầu cống, tiến sĩ và giáo sư đại học.

Với giấy nầy tôi xin được hộ khẩu để thường trú ở Saigon.

Bắt đầu từ năm 1977, chánh quyền cộng sản cho thả ra từ từ các tù cải tạo, mỗi lần độ 50 tới 100 người, đa số là có bảo lãnh và có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Sau khi được

thả ra, mỗi tuần phải trình diện công an phường và hứa là sẽ đi vùng kinh tế mới. Nếu xin được việc làm thì khỏi phải đi vùng kinh tế mới và mới xin lại được hộ khẩu.

Tuy có việc làm, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng phải lên công an trình diện và tôi thấy rất nhiều sĩ quan cựu tù cải tạo, gồm cả bác sĩ, dược sĩ. Công an phường thúc giục mọi người phải đi vùng kinh tế mới. "Đi kinh tế mới" là một cụm từ mà anh em sĩ quan tù cải tạo về rất sợ, đó là một hình thức đày đọa khổ sai. Chính vì thế nên có phong trào vượt biên rất nhiều. Nhiều sĩ quan tù cải tạo mới về nhà thì gia đình đã chuẩn bị sẵn sàng để vượt biên. Gia đình đã xin phép phường đi vùng kinh tế mới và lúc đi đã rẽ qua đường khác để vượt biên.

Theo như công ước quốc tế, trong chiến tranh, dù có bị bắt tại mặt trận thì phe thắng trận cũng không được hành hạ, làm nhục các bác sĩ. Chúng tôi, các bác sĩ chỉ lo chữa bệnh cho bệnh nhân, không phân biệt phe nào. Chúng tôi, các bác sĩ cải tạo nên khi đi cải tạo, cũng làm việc, lao động như các bạn khác. Một bạn mới của tôi, Chu Lynh đã viết cuốn *Mảnh Da Vàng* với máu và nước mắt. Tôi không phải là văn sĩ, văn chương chữ nghĩa cũng không hay ho gì, nhưng những ngày tháng trong tù cải tạo là những ngày tháng không quên với nước mắt của tôi.

CON ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT: SINH HOẠT CỦA TÔI SAU KHI CẢI TẠO VỀ

Khi tôi về:

Ra khỏi trại cải tạo, tôi trở về nhà tôi ở đường Hoàng Đạo thì nhà tôi đã trống trơn. Các con tôi đã gởi ở nhà ông bà ngoại mấy năm rồi, quang cảnh thật buồn "cảnh đó, người đây, luống đoạn trường". Nhà tôi còn đó, nhưng có cái gì khác lạ.

Tôi không còn tiền bạc gì cả. Trước năm 1975, tôi cũng khá giả, tôi đã có 3, 4 triệu bạc gởi ngân hàng (đó là một số tiền lớn lúc bấy giờ). Nay, nhà nước đã quản lý và không ai được rút tiền ra. Trong túi tôi chỉ còn 10 đồng mới (5000 đồng cũ) mà thôi. Tôi mở sách Thánh kinh ra và thấy có câu "Chúa cho những người giàu có tay không". Nay tôi đã trở thành tay không rồi.

Thành phố buồn:

Saigon có bộ mặt khác hẳn xưa, nay đã đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh, không còn có vẻ sầm uất, nhộn nhịp như xưa nữa. Các tiệm ăn uống, may mặc, dịch vụ đều đóng cửa. Những tiệm bán gạo, thực phẩm… đều do nhà nước quản lý. Ngoài đường, không thấy nhiều xe hơi, xe gắn máy như trước nữa mà chỉ toàn là xe đạp thôi.

Chỉ có quan chức nhà nước mới sử dụng xe hơi để đi làm hay đi công tác.

Tôi cũng đạp xe đạp để đi kiếm việc làm. Trên đường đi, tôi thấy mọi người có vẻ tư lự, người nào cũng lo đạp xe để mau mau về nhà. Một số người mua thực phẩm, vật dụng cũng thế, không ai nói chuyện với ai.

Trước mắt, tôi chỉ được tạm trú ở Saigon và ra giêng (Tết xong) phải lo đi vùng kinh tế mới. Đó là lệnh của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố!

Trước đó, tôi ở nhà mấy ngày liền. Ba má tôi và vài người thân đến thăm và chúc mừng tôi. Tôi cũng nhờ má tôi mua thức ăn để tôi ăn ở nhà. Việc đầu tiên tôi phải đi tìm việc làm thì mới có thể xin ở lại thành phố và có hộ khẩu được nhưng trên nguyên tắc, có hộ khẩu mới xin việc làm được! Đó là những trở ngại lúc ban đầu của tôi. Cũng thật may mắn, vì nhờ Ơn Trên, tôi đã nhanh chóng kiếm được việc làm.

Chuyện may mắn của tôi xảy ra như sau: một hôm khi lên Sở Y Tế thành phố (tọa lạc tại đường Hai Bà Trưng, nguyên là Tòa Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc cũ) để xem tin tức. Thấy tôi đang đứng xớ rớ trước văn phòng, một anh "cán bộ" ra hỏi:

- Sao anh đứng đó làm gì? Tôi trả lời:

- Chẳng giấu gì anh, tôi là bác sĩ chế độ cũ, mới tù cải tạo về, tôi muốn xin đi làm lại có được không?

Anh ta hỏi:

- Anh có chuyên khoa gì? Tôi đáp:

- Tôi là bác sĩ chuyên khoa da liễu của chế độ cũ.

Anh ta lộ vẻ vui mừng bảo:

- Tốt quá, anh vào đây, chúng tôi đang cần bác sĩ cho chuyên khoa nầy.

Thế là anh ta cho tôi nộp đơn ngay, và một tháng sau thì được đến làm việc, lúc đó vào khoảng đầu năm 1977. Tôi tạm an phận "cá chậu chim lồng" làm việc tại Bệnh viện Da Liễu.

Tôi rất vui mừng vì có được công ăn việc làm, được gần ba tôi tuổi già sức yếu và các con tôi.

Ở thời điểm đó, những sĩ quan đi tù cải tạo trở về, rất khó kiếm việc làm nếu không có chuyên môn về khoa học kỹ thuật. Một số phải ra mở chỗ sửa xe, vá xe đạp; một số phải hành nghề đạp xích lô. Trong số người đạp xích lô này có một bạn là bác sĩ học chung lớp với tôi, mãi sau nầy mới tìm được việc làm trong ngành Y Tế trở lại. Còn thầy giáo thì khỏi nói, tôi thấy nhiều thầy giáo cũng đi đạp xích lô, trong đó một thầy giáo từng dạy tôi ở Petrus Ký.

Lương bổng lúc đó là 60$/tháng. Tất cả các bác sĩ đều lãnh lương bằng nhau (sau nầy mới điều chỉnh lên theo năm ra trường). 60$ là lương công nhân viên hạng A, 45$ hạng B và 30$ là hạng C.

Lương bổng của các bác sĩ và dược sĩ như sau: mới ra trường chỉ được 85% của số lương 60$. Sau đó bậc 1,60$; bậc 2, 75$; bậc 3, 85$; bậc 4, 100$ và bậc 5, 120$, tùy số năm đã ra trường và phục vụ trong ngành y tế để được

nâng bậc.

Sau nầy, tôi được điều chỉnh lên 75$ rồi 85$. Chỉ có các bác sĩ thâm niên, lão thành mới được 100$ hoặc 120$. Tại bệnh viện Da Liễu, chỉ có bác sĩ Nguyễn Thứ, cựu Giám đốc bệnh viện, bác sĩ Văn Văn Của, cựu Đô trưởng, được lãnh 120$ mà thôi.

Lúc đó, tôi thấy chỉ có ngành y, dược, nha, kỹ sư công chánh, hoặc kỹ sư điện là được chánh quyền cộng sản cho làm việc trở lại. Còn các ngành dạy học, thẩm phán, đốc sự thì đa phần bị cho nghỉ việc, và nếu làm việc, chỉ lãnh lương hạng B. Tại bệnh viện tôi, có một anh nguyên là Tham vụ ngoại giao, làm kế toán chỉ lãnh có 45$. Tôi cũng biết một anh khác là luật sư cũng chỉ được lãnh 45$ mà thôi.

Vì là công nhân viên, tôi được mua gạo và một số nhu yếu phẩm với giá chính thức. Tôi còn nhớ, mỗi tháng tôi được 21 kg gạo nhưng tôi có ba đứa con (được ăn theo), nên mỗi tháng tôi mua được 40 kg gạo, 1.2 kg thịt, một ít bột ngọt với giá chánh thức.

Mỗi lần trực ở bệnh viện thì được bồi dưỡng một lon sữa, một gói mì, một chút bột ngọt. Sữa chỉ dành cho trẻ em và phụ nữ dành cho con bú, 6 hộp/tháng. Tôi không dám dùng sữa mà đem bán ra ngoài, mua thức ăn cho các con tôi.

Cuộc sống của tôi cũng tạm yên, nhưng với số lương như vậy, đời sống cũng hơi chật vật. Gia đình tôi cũng như nhiều gia đình khác phải bán bớt những đồ dùng trong

nhà để có tiền xài. Tôi cũng bán bớt máy giặt, máy sấy… và quan trọng hơn hết, bán chiếc xe hơi Deux Cheveau mà tôi rất thích.

Mỗi ngày, tôi đi làm bằng xe đạp. Trên đường đi, tôi thấy GS Phạm Biểu Tâm, GS Nguyễn văn Út cũng đạp xe đạp, vừa đạp vừa thở.

Những vật dụng cần thiết, nhu yếu phẩm, do nhà nước quản lý, do đó phải có hộ khẩu và phải có tem phiếu mới mua được. Mỗi khi mua, vì đông quá, phải sắp hàng mới mua được, vì thế mới có cụm từ XẾP HÀNG CẢ NGÀY (XHCN).

Trong hai năm đầu (77, 78), sau khi đi làm từ bệnh viện về, tôi thường ghé thăm các con gởi bên nhà ông bà ngoại, hay ghé thăm ba tôi ở đường Hiền Vương rồi đi về nhà. Tôi không dám đi đâu hay giao thiệp với bạn bè. Cuối tuần, tôi thường đến nhà thờ Tân Định để xem lễ mà thôi. Thỉnh thoảng, tôi phải lên công an phường họp về vấn đề đi kinh tế mới. Đi vùng kinh tế mới là một chánh sách do nhà nước quản lý các sĩ quan đi tù cải tạo về!

Vì có việc làm rồi, cho nên tôi không phải đi vùng kinh tế mới và không phải đi làm thủy lợi. Đi làm thủy lợi là một cực hình vì phải lội nước và lao động nặng. Đi kinh tế mới hay đi làm thủy lợi là hai sự việc mà các cựu tù cải tạo ngán nhất.

Cuối năm 77, công an mời tôi lên phường họp với đông đủ bà con lối xóm để tôi đọc bài kiểm điểm. Công an phường ra lệnh cho đồng bào lối xóm phê phán tôi,

nhưng tất cả đều nói tốt, cho nên tôi được trả quyền công dân. Tôi đã trở thành công dân của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Sau đó, tôi được ban lãnh đạo bệnh viện cho tôi qua thời gian thử thách và trở thành công nhân viên được biên chế (chánh ngạch) của Sở Y Tế.

Tôi xin trình bày một số nét về y tế, xã hội, tôn giáo trong những năm sau 1975 và đầu 1980.

Y Tế

Mỗi phường có trạm y tế phường do một y tá trông coi. Mỗi gia đình phải có sổ hộ khẩu và một sổ khám bệnh. Khi có bệnh, phải lên phường để nhờ y tá xem trước. Nếu chữa không được thì cấp giấy giới thiệu lên tuyến trên. Tuyến trên là phòng khám đa khoa thuộc quận, rồi lên trên nữa là bệnh viện thuộc thành phố (bệnh viện Bình Dân, bệnh viện Da Liễu, …) Hoặc bệnh viện trung ương (bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Thống Nhất). Không có tiệm thuốc tư nhân, các hãng bào chế thuốc đều do nhà nước quản lý.

Về phần đi bệnh viện và mua thuốc men có hơi phức tạp. Khi nằm bệnh viện thì phải đem gạo ở nhà nộp, vì bệnh viện không có khẩu phần gạo. Bệnh nhân được bệnh viện cung cấp thuốc miễn phí hoặc phải mua thêm ở các tiệm thuốc thuộc bệnh viện với giá chính thức. Cho nên nói rằng được điều trị miễn phí nhưng không phải hoàn toàn miễn phí. Nhưng các bệnh viện đều không có đầy đủ thuốc cho nên bệnh nhân phải mua thuốc bên ngoài với giá rất cao.

Cán bộ, công nhân viên thì có phòng khám gọi là Phòng Khám Công Nhân Viên tại Bệnh Viện Thanh Quan cũ (cùng cơ sở với Bệnh Viện Da Liễu). Muốn được khám bệnh phải có giấy giới thiệu của y tế cơ quan và sẽ được mua thuốc theo giá chánh thức.

Các cán bộ, tùy theo ngạch trật, nếu ngạch trật cao có được vô khám và điều trị ở Bệnh Viện Thống Nhất hoặc Bệnh Viện Chợ Rẫy. Các Ủy viên Trung Ương Đảng được khám ở Bệnh Viện Chợ Rẫy và được nằm ở tầng 10 của Bệnh Viện Chợ Rẫy. Có lần tôi được điều động sang đó khám cho một Ủy viên Trung Ương Đảng và ông Phó Tổng Lãnh Sự Tiệp Khắc tại Saigon.

Có hai sự kiện đáng chú ý trong thời gian nầy (1979-1980) là có dịch ghẻ ngứa và dịch bệnh lậu và giang mai: từ bắc tới nam, nhất là mấy nơi tập trung như khám Chí Hòa, Trung Tâm Phục Hồi Nhân Phẩm Phụ Nữ, những trại cải tạo. Bệnh nhân rất ngứa nhất là về ban đêm, thường ngứa ở bộ phận sinh dục của phái nam và đầu nhũ hoa của phụ nữ.

Khi tôi đang làm việc ở trạm Da Liễu Thành Phố, bác sĩ trạm trưởng cử tôi đi vào khám Chí Hòa và Trung Tâm Phục Hồi Nhân Phẩm Phụ Nữ để chữa bệnh ghẻ ngứa nầy. Lúc đó, có hai thứ thuốc thoa để trị bệnh nầy là DEP (Diethyl Phthalate) và thuốc Benzoate Benzine. Hai thuốc nầy rất tốt, có thể chữa được bệnh nầy.

Tôi còn nhớ một kỷ niệm: vì có dịch ghẻ ngứa ở khám Chí Hòa, tôi được điều động đến đây khám. Ở đây tôi có gặp bác sĩ Phan Huy Quát nguyên Thủ tướng VNCH,

bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, Tổng Trưởng Giáo Dục, (nội các bác sĩ Phan Huy Quát), bác sĩ Nguyễn Đan Quế, bác sĩ Nguyễn Thị Thanh và một số linh mục.

Một sự kiện lạ nữa, tôi có gặp bác sĩ đặc trách y tế ở khám Chí Hòa, đó là bác sĩ N.H K.D. Trước 75, anh là Y sĩ Thủy Quân Lục Chiến của VNCH, nay tôi thấy anh mang lon Thượng Úy.

Lại thêm một dịch bệnh nữa là bệnh giang mai và lậu. Tôi còn nhớ, tôi được cử đến trại giam của Ty Cảnh Sát

Quốc Gia cũ ở Quận 1 đường Mạc Đĩnh Chi vì nơi đây có một số phạm nhân bị bệnh lậu. Vì thiếu điều kiện vệ sinh và không được điều trị, có anh lại quẹt mủ vào mắt và bị mù và lây lan đến các bạn khác. Chúng tôi phải xét nghiệm và chích ngay một mũi thuốc Péniciline 4.5 triệu đơn vị để chữa bệnh nầy.

Rồi tôi cũng được cử đi khám bệnh giang mai, sử dụng RPR (Rapid Plasma Regain) để thử nghiệm, nếu có dương tính là chúng tôi cho chích ngay Benzathine Pénicilline 2.4 triệu đơn vị. Lúc đó, còn thuốc cũ do tổ chức Y Tế Quốc Tế đã viện trợ cho VNCH cho nên việc chữa bệnh cũng dễ dàng hơn.

Tôi còn được cắt cử đi theo những phái đoàn quân sự, giám định sức khỏe của những thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự. Theo tiêu chuẩn của quân đội cộng sản, các thanh niên bị phong (cùi), bị lậu hoặc giang mai, được hoãn thi hành nghĩa vụ quân sự. Nếu có xét nghiệm dương tính thì sẽ được hoãn thi hành nghĩa vụ quân sự.

Vì thương con, nhiều cha mẹ dẫn con đến chốn chơi bời, để mong cho con bị mắc bệnh, và sẽ được hoãn thi hành nghĩa vụ quân sự. Lúc đó Việt Nam đang đưa quân đội sang Cam Bốt, cho nên cũng dễ chết lắm.

Sở Y Tế cũng đưa những phái đoàn y tế gồm có bác sĩ tâm thần, bác sĩ da liễu, bác sĩ sản phụ khoa đến các quận nội, ngoại thành để kiểm soát hai bệnh trên và đẩy mạnh chương trình Kế Hoạch Hóa Gia Đình.

Chúng tôi còn nhớ có một lần đến quận Củ Chi, nơi được gọi là "đất thép thành đồng", chúng tôi vào từng nhà để thăm hỏi và khám cho dân chúng. Tôi thấy nhà nào cũng có bàn thờ và bàn Tổ Quốc Ghi Công, có nhà có đến ba hoặc bốn người hy sinh. Một quận gần thủ đô Saigon mà tôi thấy rất nhiều thanh niên bị tử trận, chứng tỏ Việt cộng bị tổn hại rất nhiều trong cuộc chiến. Có một chuyện vui là bác sĩ tâm thần và tôi (bác sĩ da liễu) được đồng bào mến mộ, nhưng bác sĩ sản phụ khoa và nữ hộ sinh bị mấy bà la mắng, chửi bới thậm tệ vì chưa quen lối khám phụ khoa và việc đặt vòng xoắn để ngừa thai. Mấy bà nói "bộ muốn coi l… hả" vì mấy bà là mấy bà mẹ chiến sĩ có bằng Tổ Quốc Ghi Công nên không ai dám hó hé gì.

Có một vài chuyện vui vui cũng xin kể ra đây: Vì phải sắp hàng hoặc có giấy giới thiệu để được khám bệnh nên nhiều người không có giấy giới thiệu phải nhờ một người đi sắp hàng dùm. Sau đó báo chỗ để được thù lao hay cho mượn thẻ khám bệnh.

Một lần khác, tôi chữa cho một bệnh nhân bị bệnh lậu. Tôi đã chích thuốc và cho uống thuốc trụ sinh, thông

thường là 100% khỏi bệnh nhưng lần nầy, có một bệnh nhân tôi thấy trong hồ sơ bệnh lý, đã có chích thuốc mà sao không hết bệnh. Tôi gạn hỏi thì biết anh nầy đã mua thẻ khám bệnh của một bệnh nhân khác.

Vì dân số Saigon quá đông, nhu cầu y tế do nhà nước đảm trách không kham nổi, nên cuối năm 1979, chánh quyền cộng sản cho phép các bác sĩ chế độ cũ được mở phòng khám bệnh ngoài giờ và được nhận thù lao do Sở Y Tế qui định. Cũng trong thời gian trên, vì số bác sĩ vượt biên quá nhiều, nên nhiều bác sĩ vượt biên bị bắt, cũng cho phép làm việc trở lại.

Xã Hội

Vì cuộc sống có phần chật vật, nên nhiều người phải buôn bán thêm ngoài giờ, và chạy hàng, làm trung gian buôn bán, do đó chợ trời mọc lên như nấm: chợ trời thuốc tây, chợ trời máy móc…

Chợ trời thuốc tây là quan trọng hơn cả, vì dân chúng vẫn quen dùng thuốc tây của Pháp, của Mỹ. Một số thuốc được gửi từ Pháp và Mỹ về cho thân nhân Việt Nam được đem ra bán lại để kiếm tiền hoặc một số thuốc còn lại từ những hãng bào chế trước năm 1975 hoặc từ những cửa hàng bán thuốc do nhà nước quản lý cũng được đưa ra ngoài. Có hai chợ trời thuốc tây nhộn nhịp: một ở bên hông chợ Tân Định và một ở đường Nguyễn Thông gần nhà thờ Chúa Cứu Thế. Dân chợ trời gồm đủ thành phần như sĩ quan đi tù cải tạo về, dược sĩ không có việc làm hoặc những trình dược viên cũ… Cũng nhờ chợ trời này mà một số người đã để dành được tiền để đi vượt biên.

Ngoài chợ trời thuốc tây, cũng có chợ trời trên đường Huỳnh Thúc Kháng chuyên bán radio, cassette, những giàn máy magné Akai với hệ thống loa ampli hiện đại…

Các băng nhạc cũng thế, có đủ các loại băng nhạc cũ, vọng cổ vui và khách hàng là các bộ đội, công nhân viên từ ngoài bắc vào. Ba thứ mà họ thích là "đồng (đồng hồ), đài (radio), đạp (xe đạp)". Ngay chợ trời, có đủ loại xe đạp rất tốt, rất xịn và về sau xe Honda, xe gắn máy được các bộ đội và các cán bộ thích lắm.

Một vấn đề xã hội khác nữa là: nhiều người ra đạp xích lô để kiếm sống và các quán cà phê vỉa hè.

Theo giáo sư Trần Vỹ, trong cuốn sách *Saigon- Dưới Ách Cộng Sản Thời Kỳ 79-89* thì trước năm 75, chỉ có 3.000 xích lô, nhưng đến năm 79 đã có 40.000 xích lô. Khi tôi còn ở Việt Nam thì khoảng độ 5.000 – 10.000 chiếc. Và nhiều sĩ quan tù cải tạo về hoặc thanh niên đạp xích lô để kiếm sống. Quán cà phê vỉa hè xuất hiện là do nhiều gia đình vì lý do kinh tế phải ra mở để kiếm sống. Chỉ cần một vài bàn nhỏ, một chiếc xe nhỏ rồi có những dụng cụ pha cà phê, nước trà là đủ rồi, cũng có thể kiếm lai rai đủ sống. Tôi được biết có một anh y tá kỳ cựu lâu năm ở xóm tôi, nay đã cùng ra phụ vợ đi mở quán cà phê. Tôi còn nhớ cũng tại những quán vỉa hè này, có lần tôi đã ngồi uống cà phê với GS Trần văn Tấn, cựu Khoa Trưởng Đại học Sư Phạm hay ngồi ăn với bác sĩ Văn Văn Của, cựu Đô Trưởng Saigon.

Tình hình kinh tế lúc đó cũng căng thẳng: chánh phủ cho đổi tiền, rồi cải tạo tư sản mại bản và quan trọng là

kiểm kê tài sản của những người được gọi là tư sản như các giám đốc hoặc chủ các công ty, nhà máy, các cửa tiệm buôn bán lớn, …nhằm vào việc tịch thu nhà cửa đất đai của người dân miền Nam buộc họ phải đi về vùng kinh tế mới.

Nhạc phụ tôi có tiệm thuốc tây trên đường Trần Quốc Toản do vợ tôi đứng tên cũng bị coi là tư sản và bị kiểm kê tài sản. Cũng ở trước nhà tôi có một ông bạn có sạp vải ở chợ Bến Thành cũng bị kiểm kê và buộc phải đi vùng kinh tế mới.

Dược sĩ La Thành Trung có một biệt thự trên đường Duy Tân, cũng bị tịch thu tài sản, chỉ cho ông tạm trú tại garage nhà của ông. Còn hãng bào chế thuốc của dược sĩ La Thành Nghệ thì bị tịch thu và trở thành nhà thuốc của Sở Y Tế. Tôi có một người cậu trên đường Tự Do cũng bị kiểm kê tài sản bị tịch thu nhà, xe hơi, và phải ở lậu, không có hộ khẩu vì không muốn đi về vùng kinh tế mới.

Từ đó, nhiều người đã tìm cách vượt biên. Nhất là năm 1979, khi có chiến tranh Việt- Trung Cộng thì chánh quyền cho đi bán chánh thức rất nhiều. Nhiều người đi vượt biên bằng đường biển mà đa số là sĩ quan chế độ cũ. Sau này cũng có nhiều người vượt biên bằng đường bộ qua ngả Campuchia đi đến Thái Lan. Bác sĩ Nguyễn Thanh Thế ở bệnh viện Thanh Quan đã đi theo lối nầy.

Vì số người vượt biên bằng đường biển quá đông trên những con thuyền nhỏ không có khả năng hoặc không chuẩn bị kỹ nên nhiều người đã bị đói và khát, bị nạn hải tặc, bị chết vì chìm tàu,…và đã không bao giờ đặt chân

lên đất liền được. Một triệu rưỡi thuyền nhân đã bằng mọi cách để đi ra khỏi đất nước Việt Nam nhưng con số người chết lên đến vài trăm ngàn người nên Cao Uỷ Liên Hiệp Quốc đã thảo luận với chánh quyền cộng sản để có chương trình Đi Trong Trật Tự (O.D.P).

Từ ngày có chương trình nầy, các sĩ quan đi tù cải tạo về có vẻ phấn khởi, lo đi nộp đơn để đi ra nước ngoài. Các quán cà phê ở gần phòng Xuất Cảnh trên đường Nguyễn Du đầy những khách. Rất nhiều người đã đến đó để ngóng chờ tin tức, để lo bổ túc hồ sơ. Các quán cà phê ở gần Sở Ngoại Vụ, ở góc đường Alexandre de Rhodes/ Duy Tân cũng đông nghẹt những khách.

Rồi dịch vụ gởi quà về Việt Nam cho thân nhân sinh sống cũng khá quen thuộc. Nhờ tiền nầy mà lúc đó nhiều người đã sống qua ngày và có thể để dành tiền đi lo các dịch vụ xuất ngoại. Bưu điện đông nghẹt người đã đi lãnh quà do thân nhân gởi về và gởi thơ sang Mỹ để lo giấy tờ xuất cảnh.

Về Tôn Giáo

Các cha tuyên úy công giáo bị đi cải tạo và khi được trở về, không được quyền làm lễ nữa và cũng phải trình diện quản chế như các sĩ quan khác.

Tại thành phố Saigon, đầu những năm 80, các giáo dân đi tham dự những thánh lễ cuối tuần nhiều hơn. Những thánh lễ đặc biệt như lễ Giáng sinh ở nhà thờ Đức Bà và nhà thờ Tân Định có rất đông giáo dân đến dự lễ. Tuy thế, các linh mục chỉ được làm lễ trong khuôn viên nhà thờ và

không được phép mở các lớp dạy giáo lý. Các trường học công giáo của nhà thờ cũng phải bàn giao cho nhà nước. Tòa Giám Mục không được tuyển sinh để đào tạo linh mục cho tương lai. Một số cha, bà phước cũng phải đi lao động, kiếm việc làm ở bên ngoài hoặc trong các tổ hợp để sinh sống.

Các rạp chiếu bóng đều đóng cửa, sau nầy, cho phép được mở lại và chỉ chiếu phim của những hãng phim nhà nước và của các nước xã hội chủ nghĩa mà thôi.

Mặc dầu có sự hạn chế, nhưng chưa bao giờ có sự thờ phụng ở tôn giáo lại mạnh như hiện tại trong quần chúng ở Việt Nam vào những ngày chủ nhật và những ngày lễ, các nơi như nhà thờ, chùa đều có đông người đến dự lễ. Một nơi thờ phượng được nhiều người dân đến cầu nguyện, không phân biệt có đạo hay không có đạo, đó là nhà thờ Fatima ở Bình Triệu, cách Saigon độ 12 km. Nhiều người đã đến đây để xin lễ và xin được xuất ngoại bình yên, trong đó có Giáo sư Vũ Quốc Thúc, mặc dầu ông không phải là tín đồ công giáo. Trong cuốn sách *Thời Đại Của Tôi,* xuất bản năm 2010, Giáo sư Thúc đã đến nhà thờ Fatima cầu nguyện xin Đức Mẹ cho ông được ra nước ngoài. Nơi đây, ông đã thấy Đức Mẹ hiện ra. Về nhà ông mở radio ra nghe thì được biết một người bạn cùng đi thi Thạc sĩ (Agrégé) một lượt với ông, nay là Thủ tướng Raymond Barre của nước Pháp. Ông nẩy ra ý định là nhờ ông nầy can thiệp với Thủ tướng Việt Nam là Phạm Văn Đồng để sang Pháp. Cuối cùng, nhờ ơn Đức Mẹ, ông đã được toại nguyện.

Ngoài nhà thờ Fatima ra, tôi biết nhiều nơi khác, nhà thờ cũng như chùa có rất nhiều người dân đã đến xin Chúa hoặc Phật phù hộ và đều được như ý.

Một nơi khác thiên hạ cũng hay đến là Lăng Ông ở Bà Chiểu, để xin xâm xem có đi được không.

Nộp Đơn Xin Xuất Cảnh

Khoảng cuối năm 1979, tôi nhận được giấy báo của bà xã tôi gởi từ Honolulu về để tôi và ba đứa con nhỏ có thể nộp đơn xin đi đoàn tụ. Tôi vô cùng phấn khởi vì thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Tôi tin tưởng rằng, cỡ chừng một năm, tôi sẽ được xuất cảnh. Nhưng cuộc đời tôi hay bị trục trặc, năm 1975, có phương tiện mà không đi, nay, đã có giấy bảo lãnh rồi và có ưu tiên một vì là vợ bảo lãnh. Nhưng tôi cũng gặp nhiều trục trặc.

Theo thủ tục, khi nộp giấy tờ ở công an quận, rồi công an quận mới chuyển hồ sơ lên Phòng Xuất Cảnh ở đường Nguyễn Du. Tôi đến quận 3 thì biết có một văn phòng ở đường Phan Thanh Giản. Tôi đến đây thì không thấy có bảng đề tên văn phòng gì cả. Tôi gõ cửa thì gặp một anh công an, tôi biết anh đặc trách văn phòng nầy vì không mở cửa như giờ hành chánh, mỗi tuần chỉ mở cửa vài ngày và mỗi ngày chỉ vài giờ. Cuối cùng, tôi cũng nộp đơn xong và ở nhà chờ đợi. Trong thời gian chờ đợi, tôi vẫn đi làm như thường lệ và thỉnh thoảng tôi lên Nguyễn Du để xem tin tức. Ngồi ở quán cà phê, tôi thấy mọi người phấn khởi và có nhiều tin tức: anh thì cho biết phải có giấy nầy, anh thì cho biết phải có giấy kia. Tin thật cũng có mà tin giả cũng có. Độ một tháng sau, thì có anh công

an quận đặc trách giấy tờ xuất cảnh đến nhà tôi. Anh đến thăm và thực ra đi điều tra xem có đúng những gì tôi đã viết trong tờ đơn xin xuất cảnh hay không. Anh cho tôi biết: tôi thuộc diện khoa học kỹ thuật, nên cũng hơi khó đi. Lúc đó, ở Saigon, trong các cơ quan nhà nước, nhất là các bệnh viện rất xôn xao, nhiều người vượt biên. Sáng hôm nay, có tin anh bác sĩ A đã vượt biên; sáng hôm sau, đến phiên bác sĩ B đã vượt biên; anh C đi không thoát; anh D đã bị bắt lại… khiến tôi cảm thấy hoang mang, bồn chồn trong lúc làm việc.

Có những tin ở Phòng Xuất Cảnh (Nguyễn Du) có người nộp đơn chỉ một hoặc hai tháng mà đã có giấy xuất cảnh. Rồi có tin anh C đã vượt biên chừng hơn một năm, nay đã có giấy bảo lãnh về cho gia đình, làm tôi lo âu và tự hỏi sao giấy tờ mình chậm thế!

Quan trọng nhất đối với chúng tôi lúc đó là giấy "Hứa Cho Nghỉ Việc" ở cơ quan khi có "Giấy Xuất Cảnh". Ban đầu tôi tưởng giấy nầy không quan trọng bằng giấy bảo lãnh, giấy cho quá cảnh ở Thái Lan.

Giấy tờ của tôi do bà vợ gởi về từ năm 1979, thì đầu năm 1980 đã chuyển lên Phòng Xuất Cảnh và Quản Lý Người Nước Ngoài ở đường Nguyễn Du, tôi có giấy mời lên để bổ túc hồ sơ.

Tôi về bệnh viện Da Liễu để nộp lên Ban Giám Đốc để xin giấy nầy, thì Ban Giám Đốc lại chuyển hồ sơ tôi đến Sở Y Tế.

Lúc đó, rất nhiều người nộp đơn và một số đã được

cấp giấy nầy, họ đi chạy chọt với anh Phó Giám Đốc Sở Y Tế, đặc trách nhân viên. Tới phiên tôi, chắc có động tĩnh về vấn đề đút lót, nên ông thoái thác cấp cho tôi. Ông hứa miệng với tôi là nếu tôi có giấy xuất cảnh, thì ông sẽ cấp ngay cho tôi giấy nghỉ việc. Bên xuất cảnh, thì phải có giấy nghỉ việc mới cấp giấy xuất cảnh cho tôi không có gì trở ngại hết. Tôi rất buồn không biết làm sao. Thế là hồ sơ của tôi bị khựng lại đến hai năm. Trong thời gian nầy, một số anh lại khai bệnh để ra Hội Đồng Giám Định Y Khoa. Nếu có bệnh thì được cho nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Rất nhiều anh chạy chọt, lo lót để được giấy nầy.

Riêng tôi, mặc dầu có bệnh huyết áp cao, cũng xin không được vì không biết chạy chọt. Tôi làm đơn đến Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, kê khai hoàn cảnh, cũng không được giải quyết. Mãi đến năm 1982, tôi làm đơn lại và tôi lên Sở Y Tế để nộp, tôi may mắn gặp chị Nguyễn Thị Thương tự Út Thu, Phó Giám Đốc Sở chịu ký cho tôi. Tôi không phải tốn tiền bạc gì cả. Có tờ giấy nầy, tôi nộp đơn lên Phòng Xuất Cảnh, đường Nguyễn Du và được cấp giấy xuất cảnh.

Với giấy xuất cảnh, tôi nộp đơn xin nghỉ việc và được cho nghỉ việc từ 15/3/1983.

Tuy thế, tôi cũng phải chờ đợi để phái đoàn Mỹ phỏng vấn. Đầu tháng 8 thì phái đoàn Mỹ gởi giấy cho tôi lên phỏng vấn ở một địa điểm trước Làng đại học ở Thủ Đức và gởi giấy lên bệnh viện Chợ Rẫy để khám sức khỏe.

Việc khám sức khỏe, tôi và các con tôi cũng bị một trục trặc là hình phổi của các con tôi phải khám và chụp

lại, nhưng sau cùng tất cả, đều được thông qua.

Khám sức khỏe xong, phải lên Sở Ngoại Vụ ở đường Alexandre de Rhodes để xin sắp xếp chuyến bay nơi đây. Muốn có chuyến bay sớm thì nhiều người nói cũng phải biết chạy chọt. Nhưng tôi không làm và phải đợi đến 20/10/1983 mới có chuyến bay của Air France đi Thái Lan, là trạm dừng chân để làm visa trước khi vào Hoa Kỳ.

Trước khi lên máy bay, cũng phải làm nhiều thủ tục nhiêu khê, phải có giấy không thiếu thuế, giấy không thiếu nợ ngân hàng, giấy chích ngừa và phải ra ngân hàng nhà nước để đổi một số tiền và chỉ được đem theo mấy chỉ vàng mà thôi. Còn giấy tờ tùy thân, văn bằng, luận án, cũng phải qua khâu kiểm soát, tôi muốn đem theo cuốn luận án Tiến sĩ Y Khoa nhưng họ không cho và giữ lại.

Nhiều người đã ra đến phi trường rồi, thì bị giữ lại vì không có giấy không thiếu thuế, không thiếu nợ ngân hàng hay giấy bán nhà. Đó là trường hợp của GS Vũ Quốc Thúc, sau nầy cũng phải ký giấy giao căn nhà 230 Phan Thanh Giản cho nhà nước và GS Trần Vỹ vì giấy tờ bán nhà, mà giờ chót suýt bị giữ lại…

Cho nên tới ngày lên đường, đi ra phi trường cũng còn hồi hộp lắm vì nhiều người giờ chót bị giữ lại. Tối hôm trước khi ra phi trường, tôi đã đến nhà ông bà nhạc ngủ để sáng ngày 20/10 tôi rời nhà thật sớm. Chuyến bay của tôi là chuyến máy bay Air France đi Thái Lan. Đi cùng chung chuyến với tôi có bác sĩ Nguyễn Đức Hạnh (YK 57), bác sĩ Võ Tam Anh (YK 60), cả hai đã có vợ con cũng đã đi

trước rồi. Bác sĩ Anh đã ra phi trường để đi Pháp cách đó mấy tháng, nhưng cũng bị chận lại vì giấy tờ gì đó, và bây giờ mới được đi lại chuyến nầy, cho nên lúc ra phi trường, ông ngồi trong một góc và khi gọi tên lên máy bay ông mới xuất hiện.

Rồi việc gì đến thì sẽ đến. Chuyến máy bay Air France, đã khởi hành đúng giờ và trong chốc lát, đã rời khỏi Việt Nam. Tôi vô cùng nhẹ nhõm. Trên máy bay, lần đầu tiên tôi được ăn cơm tây rất ngon, tráng miệng bằng trái nho. Các con tôi cũng vui vẻ, vì cũng là lần đầu được ăn những món ngon.

Tại Thái Lan.

Khi đến phi trường Thái Lan, thật không ngờ tôi thấy một phi trường tráng lệ, sạch sẽ và đẹp gấp nhiều lần phi trường Tân Sơn Nhất của Việt Nam…

Cách đây gần 40 năm, mà phi trường có phòng đợi sạch sẽ, mấy thùng vệ sinh thật sạch và có những nhà ga đưa hành khách từ chỗ ngồi đợi lên máy bay giống như bây giờ.

Sau khi rời máy bay, chúng tôi được đưa đến một văn phòng gần đó để lăn tay, chụp hình và được cấp thẻ xanh do các nhân viên INS phụ trách.

Sau đó, chúng tôi được đưa lên xe bus đi về một trại tị nạn cách xa thủ đô chừng 100 km, đó là trại Phanat Nikhom.

Chúng tôi đến trại nầy thì đã khuya rồi. Chúng tôi được cho vào ở trong một doanh trại và phải ngủ dưới đất

nhưng trại phân phát chiếu, mền cho từng gia đình.

Ngay khi ở phi trường Thái Lan, tôi đã được một nhân viên INS, yêu cầu tôi làm trưởng nhóm và nhờ tôi làm thông dịch (Anh-Việt) cho những thông báo từ văn phòng và chịu trách nhiệm phân chia cơm mỗi ngày ở trong trại. Chúng tôi được lệnh ở trong trại không được ra ngoài tiếp xúc với bất cứ người nào. Tuy nhiên, cũng có nhiều anh em vì tò mò muốn đi ra ngoài trại các anh em đó bị giữ lại, và phải làm kiểm điểm, xong rồi mới cho vào trại trở lại.

Trong thời gian chờ đợi, chúng tôi không có làm gì, ngoại trừ việc tham dự các lớp học do những nhân viên INS đến giảng dạy về một số vấn đề cần thiết, những điều cần biết khi tới Mỹ… Tôi cũng phụ trách giữ trật tự khi từng gia đình đến lấy cơm, mỗi ngày ba lần. Đồ ăn cũng khá, không đến nỗi tệ. Có mấy chỉ vàng mang theo tôi đổi một chỉ vàng ra tiền bat (1 chỉ vàng =47 bat) để mua thêm những gì cần thiết.

Bác sĩ Võ Tam Anh đi Pháp, nên được chuyển qua một chuyến bay khác. Bác sĩ Nguyễn Đức Hạnh vì bị bệnh nên được đưa lên Bangkok để được chữa trị. Tôi được ở tại đây 8 ngày, từ 20/10 đến ngày 28/10 khi có những máy bay sang Hoa Kỳ và đi định cư tại Hawaii. Không có máy bay đi thẳng qua Mỹ nên phải dừng chân Hong Kong, Nhật Bản rồi mới tới. Còn một số bạn khác được đi thẳng tới Los Angles.

Trong trại Thái Lan tôi ở, có nhiều trại khác gần bên cạnh. Những trại nầy là trại các anh em bị giữ lại, vì thiếu

giấy tờ, không thuộc diện ưu tiên, hoặc có vấn đề gì đó.

Ngày 28/10/1983, một số anh em ở bệnh viện cũng được cho về, trong đó có bác sĩ Nguyễn Đức Hạnh.

Chúng tôi được đi xe bus để trở về Bangkok.

Một số người đi L.A. thì có máy bay đi thẳng đến đó. Tôi đi Hawaii và hai gia đình nữa phải lên một chuyến bay khác, đi đến Hong Kong, ở đó mấy tiếng, rồi đi Nhật Bản, ở đó 8 tiếng, và sau đó đi Hawaii.

Khi rời Việt Nam, sang Thái Lan, lòng tôi tràn ngập vui sướng và khi rời Bangkok, tôi cảm thấy dễ chịu hơn nhưng cũng có phần hồi hộp vừa vui mừng vừa lo cho tương lai.

Tôi đã ra khỏi Việt Nam, quê hương của tôi rồi!

TRƯỜNG PETRUS KÝ GIỮA THẬP NIÊN 50

Tôi được vào học trường Petrus Ký vào mùa thu năm 1955, sau khi đậu bằng Tiểu học và sau khi trải qua một kỳ thi tuyển gay go vào tháng 7/1955. Đây là một kỳ thi tuyển quy mô rộng lớn với số thí sinh tham dự vào khoảng 4000 người, trường chỉ lấy có 350 học sinh mà thôi.

Tôi vẫn còn nhớ ngày khai giảng là ngày 26-9-1955. Tôi được xếp vào lớp Đệ Thất D. Tính đến nay đã 67 năm rồi, mà ngày khai giảng vẫn còn nhớ trong ký ức của tôi, giống như cảm nghĩ của nhà văn Thanh Tịnh "Mỗi năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nao những kỷ niệm của buổi tựu trường".

Nhà tôi ở đường Hiền Vương, ngay ngã ba Duy Tân - Hiền Vương, trong ngõ hẻm trường La San Đức Minh, tôi chỉ đi bộ vài bước là tới trường. Trường Petrus Ký ở gần vùng Chợ Lớn, rất xa nhà. Mỗi ngày, ba tôi phải đèo tôi lên một chiếc xe mô-bi-lết để đến trường. Tôi như một cậu học trò nhỏ từ quê lên tỉnh và còn ngây ngô lắm.

Với một ngôi trường đồ sộ nguy nga, với danh tiếng của trường lúc bấy giờ, tôi vô cùng hãnh diện được học

trường nầy và trường đã ghi sâu đậm cho tôi nhiều kỷ niệm khó quên.

Vào năm 1955, hiệu trưởng lúc ấy là ông Phạm Văn Còn. Khi tôi vào học được một, hai tháng gì đó thì có vị hiệu trưởng mới thay thế là ông Nguyễn Văn Kính. Tôi thấy ông Kính rất nghiêm nghị: thầy mặc bộ đồ veste trắng hoặc xám, ăn nói rất hay và lưu loát. Sau ông Kính thì có ông Nguyễn Văn Thơ làm hiệu trưởng. Ông có giọng nói hơi eo éo, khô khan. Sau ông hiệu trưởng Nguyễn Văn Thơ đến ông Nguyễn Văn Trương làm hiệu trưởng, giám học là ông Trương Văn Huấn rất hiền từ, ăn nói nhẹ nhàng.

Lớp tôi gồm khoảng 45 học sinh mà tới nay, tôi vẫn còn nhớ một số tên tuổi tiêu biểu như Nguyễn Ngọc Bách, Nguyễn Thế Hiền, Phạm Đức Dụ, Võ Tấn Ngôn, Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Văn Mai, Trương Bá Hùng, Mai Hà Xuân, Ngô Văn Phủ, Trần Văn Thông, Nguyễn Võ Kỵ, Nguyễn Thái Chí, Phan Quang Khải, Trương Văn Tuấn... và khi lên lớp Đệ Lục D (niên khóa 1956-57), tôi lại có một số bạn khác như Nguyễn Thành Toán, Lê Phú Xuân, Trương Văn Thông…

Tôi được học buổi sáng và lớp tôi ở trên lầu, dãy bên phải, nằm cùng một phía với văn phòng hiệu trưởng… Lớp tôi cũng nằm gần các lớp Đệ Tứ và tôi thấy có nhiều vị giáo sư tên tuổi dạy lớp nầy: đó là giáo sư Trần Văn Thử dạy toán về sau có thời gian làm hiệu trưởng Petrus Ký, giáo sư Bùi Trọng Chương ở miền Bắc vào. Về phía giáo sư của lớp chúng tôi, tôi còn nhớ nhiều thầy cô với

nhiều kỷ niệm. Về Việt văn, tôi đã học với cô Nguyễn Thị Sâm ở cả hai lớp Đệ Thất, Đệ Lục. Về Pháp văn, có ông Hổ dạy lúc đầu, về sau có ông Nguyễn Phước Trạch thay thế. Ở lớp Đệ Lục có ông Phạm Văn Ba. Về Toán có ông Phấn dạy lúc đầu, về sau có ông Nguyễn Trí Vị ở Pháp về dạy. Vì thiếu giáo sư, nên trường có nhờ một số nhân viên văn phòng và giám thị dạy chúng tôi như các ông Khiêm, ông Tốn, bà Ngà… Về Lý Hóa chúng tôi được một kỹ sư điện, Võ Hoài Nam, tốt nghiệp ở Pháp về dạy. Khi mới về nước, còn chân ướt chân ráo và trước khi tìm việc cho đúng khả năng, ông đã dạy môn Lý Hóa ở lớp Đệ Thất. Ông sinh năm 1930 ở Tây Ninh, dáng người nhỏ con và lùn cũng như tôi, cũng có một cái răng khểnh và nói chuyện rất có duyên. Sau nầy, ông viết văn rất hay và dí dỏm với bút hiệu là Tiểu Tử, hiện đang sống tại Pháp. Rồi khi lên Đệ Lục, tôi cũng được học với bà Nguyễn Thị Hai, cũng ở Pháp về, dạy chúng tôi môn Toán, Lý Hóa. Về Vạn Vật, ở lớp Đệ Lục, tôi được học với giáo sư Trần Thượng Thủ và Sử Địa với bà Dung.

Về Việt văn, tôi vẫn nhớ mãi và quý mến cô Sâm. Khi dạy chúng tôi, tuổi cô khoảng 24, tính tình vui vẻ nhưng rất nghiêm nghị, chúng tôi rất sợ cô. Cô dạy Việt văn rất hay, nói chuyện rất có duyên và có sức thuyết phục. Tôi rất yêu thích môn Việt văn khi học với cô. Có một điều lạ là, tuy dạy Việt văn nhưng cô lại thích học y khoa, nhưng vì lý do sức khỏe nên không học được, cô có ghi danh học ban Vạn Vật ở trường đại học Khoa Học và sau nầy cô có hoàn tất cử nhân khoa học (Vạn Vật), cô còn phụ trách môn Công Dân Giáo Dục. Nhà cô ở trong cư xá của

trường, nằm phía sau lưng trường, gần bên thư viện, nên thỉnh thoảng, tôi có ghé đến thăm cô. Học sinh chúng tôi ai ai cũng đều thương mến cô Sâm.

Trong lớp tôi, có một học sinh rất giỏi về Việt văn, anh dáng người cao, tóc hơi quăn. Anh luôn luôn được điểm cao khi làm luận văn, và cô Sâm đã đọc bài làm của anh cho lớp tôi nghe, đó là anh Nguyễn Thế Hiền. Gia đình Hiền ở Biên Hòa, anh xuống ở nhà người bà con tại đường Hiền Vương để đi học, nhà anh trọ rất gần nhà tôi. Bài của anh thường được cô Sâm cho 14, 15, còn chúng tôi chỉ được 12, 13 thôi. Sau nầy, năm 1975, khi đi "học tập cải tạo" ở Trảng Lớn, tôi có gặp lại anh trong trại.

Một vị giáo sư khác mà ai ai cũng nhớ là ông Phạm Văn Ba. Ông nầy hơi mập, cằm có ngấn, ông hay nói chuyện tiếu lâm và diễu. Ông thường cho chúng tôi dịch một vài câu có hai nghĩa, chẳng hạn như câu "*phòng nội vô phong, phàm tự lập*" có nghĩa là trong phòng không có gió, cột buồm vẫn đứng và cả lớp cười ngất. Dáng ông Ba rất lè phè, tôi thấy ông ta ưa ngáp và buồn ngủ, có lẽ vì thức đêm nhiều. Thỉnh thoảng, ông có nhờ tôi đi mua cà phê và vài cái bánh ngọt cho ông. Ông không chấm bài mấy mà chỉ đưa cho nhóm nầy chấm bài và ghi lỗi bài của nhóm kia và ông cho điểm. Ông dạy cũng vui vui, không có gì xuất sắc. Ông dễ tính và hay nói chuyện tiếu lâm, nên ai cũng nhớ đến ông. Sau nầy, nghe nói ông gặp nhiều chuyện không may.

Còn trước đó ở lớp Đệ Thất, chúng tôi có một vị giáo sư khác là ông Nguyễn Phước Trạch. Ông nguyên là giáo

học bổ túc, được thuyên chuyển về trường Petrus Ký. Ông thường đem các bài ngụ ngôn của La Fontaine mà ông thuộc lòng ra giảng. Ông thường hay kể chuyện ông và gia đình. Chẳng hạn như ông học ở trường Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, với một số giáo sư tên tuổi, ông có xuất bản một tập thơ tên Duyên Thơ vào năm 1950, 1951 gì đó và đoạt giải thưởng hạng nhứt cuộc thi ở đài Pháp Á. Ông có cô con gái học Gia Long rất giỏi. Khi dạy chúng tôi, ông chỉ có bằng Thành Chung. Sau nầy, ông tự học thêm và đậu Tú Tài II vào khoảng năm 1961, rồi sau nầy ông theo học Văn Khoa đỗ cử nhân cao học Việt Hán.

Về môn Anh văn, chúng tôi được học với ông Nguyễn Văn Thái ở lớp Đệ Thất và Đệ Lục. Ông nầy người Bắc, đeo kính cận thị rất dầy, ông hay hút thuốc lá và sau giờ dạy học thường hay uống bia ở các quán gần trường. Sách mà ông dạy chúng tôi là cuốn *Anglais Vivant, classe de sixième* màu xanh. Ông thường bắt chúng tôi mua bộ văn phạm và ngữ vựng của Lê Bá Kông và Lê Bá Khanh soạn do nhà Ziên Hồng xuất bản. Chúng tôi phải soạn trước bài vở dựa theo sách nầy, vào lớp, ông truy chúng tôi về các bài nầy. Nếu không làm đúng ý ông, ông thường cho điểm thấp và thỉnh thoảng cũng có học sinh bị ông phạt. Tuy dạy Anh văn, nhưng ông không nói Anh văn lưu loát. Tôi còn nhớ khi đó có một giáo sư người Anh đến thăm lớp học và được ông giám học dẫn đến lớp chúng tôi, ông đã nói chuyện với giáo sư đó bằng tiếng Pháp! Sau nầy, khi lên đại học, tôi có dịp gặp ông một lần tại đại học Văn Khoa. Đó là trong niên khóa 1961-62, tôi đang theo học chương trình y khoa, nhưng thường thường có qua Văn

Khoa dự thính thì tôi gặp ông cũng theo học dự bị Văn Khoa tại đây. Ông ngồi ghi chép rất cẩn thận như một sinh viên gương mẫu. Sau nầy nghe nói ông mất vì một tai nạn xe cộ.

Còn một vị giáo sư nữa mà tôi phải kể ra đây: đó là Bà Dung dạy môn Sử Địa. Bà hay khảo bài trước khi dạy bài mới. Bà đem ra một bản đồ địa lý và thường hỏi các con sông bắt đầu từ đâu và chúng chảy ra đâu và bắt chúng tôi phải chỉ trên bản đồ. Lần đó, tôi rất thuộc bài, nhưng gặp bà, khớp quá, nên chỉ ngược từ biển vào, nên bị bà hỏi "Bộ cậu đẻ ngược hay sao mà chỉ ngược vậy?" cả lớp cười ngất, khiến tôi vô cùng đỏ mặt.

Có một vị giáo sư khác mà tôi còn nhớ: đó là giáo sư Trần Thượng Thủ. Ông nầy dạy môn Vạn vật ở lớp Đệ Lục. Hiện nay, tôi biết ông viết nhiều bài khảo cứu về thiên văn và lịch được các báo ở vùng Bắc Cali đăng tải. Ông hơi mập và cũng không cao mấy, thường bận áo sơ mi ngắn tay đi xe đạp. Ông cũng hay khảo bài và xét các tập vở của chúng tôi, nên chúng tôi rất sợ ông.

Một vị giáo sư chót là ông Trương Đình Ý, dạy môn Vẽ và Thủ công ở lớp Đệ Lục. Ông thường bắt chúng tôi nặn đất sét, làm những tượng hoặc hình và cho điểm. Ông có một xưởng nắn tượng ở đường Lê Văn Duyệt, gần chùa Xá Lợi và có dẫn chúng tôi đến xem một lần. Nếu không làm được, hoặc bị nứt, bị bể là ông cho điểm 0 hay bị phạt. Tôi rất yếu kém về môn nầy và suýt bị phạt vì những đồ nặn bị bể.

Nếu nói về Họa mà không nói về Nhạc, có lẽ là một

thiếu sót. Năm Đệ Thất, chúng tôi học Nhạc với giáo sư Marcel, có mái tóc bồng bềnh rất nghệ sĩ, chân bị tật nên đi hơi khập khiễng.Vào lớp là ông lôi bài *Quê Mẹ* của Thu Hồ ra dạy chúng tôi về xướng âm: mi mi mi mi rề đô rề mí đô là… Ông thường hay cho viết chính tả nhạc. Chúng tôi lúc đó, chưa phân biệt được các tên gọi của các nốt nhạc, một hôm ông đọc cho hai câu nhạc, rồi gọi một vài người lên chấm điểm, trong đó có tôi. Tôi được ông ưu ái tặng cho hai con số 0 có gạch dưới (zéro consigne), cuối tuần đó, tôi phải mang bài vở vào trường để học dưới sự coi sóc của giám thị trực: tôi bị cấm túc.

Trong các ông giám thị, tôi nhớ đến ông Tốn. Năm đó, ông có dạy chúng tôi môn Lý Hóa. Ông bị gãy tay và đang bó bột, nhưng ông có tài chế biến. Ông chế biến chiếc xe Gobel của ông thành một chiếc xe giống như xe hơi, chạy vòng vòng coi cũng đẹp mắt và khá vui. Lúc đó, ở Saigon, ông là người đầu tiên làm cho xe có mui, có cửa y như một chiếc xe hơi vậy. Ông hiền hòa và nhã nhặn, nhiều người rất mến ông.

Ngoài những môn chánh, chúng tôi có một giờ thể dục. Chúng tôi được học với các ông Giỏi, người Nam và ông Khê, người Bắc. Ông Khê có một thân hình giống lực sĩ, đá banh rất hay, tính tình cũng hiền hòa, ông Giỏi hơi khó tính. Hai ông nầy luyện tập rất kỹ và mỗi kỳ thi lục cá nguyệt đều bắt chúng tôi chạy, nhảy xa, … để cho điểm. Tôi rất ốm yếu nên thường bị điểm thấp về môn nầy.

Đó là những kỷ niệm của tôi đối với một số giáo sư của trường, lúc tôi theo học tại đây, còn đối với anh em

cùng lớp thì sao? Một số anh em cùng lớp cũng đã ghi sâu đậm nhiều kỷ niệm khó quên. Người mà tôi nhớ nhất là Trần Văn Thông, nhà ở trước nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Dáng người Thông cao lớn, nên được đề cử làm trưởng ban văn nghệ. Vì ở gần nhà tôi nên thỉnh thoảng có chở tôi đi học trên chiếc xe đạp của Thông. Thông đã học lớp Đệ Thất bên ngoài rồi mới vào Đệ Thất Petrus Ký năm 1955-56. Khi đi học, tôi thấy cũng không có gì xuất sắc lắm, nhưng khi học xong Đệ Lục, năm 1957, Thông đã thi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, sau đó, học nhảy lớp Đệ Tam và thi đậu Tú Tài I năm 1958 và Tú Tài II năm 1959. Sau đó, ra Huế học, đậu MPC năm 1961, rồi đi du học tại Canada. Từ đó đến nay quá lâu, tôi không gặp lại. Vì thế, tôi cũng bắt chước Thông, tôi cũng học thêm ở trường tư trong niên khóa 1957-58 và cuối năm đó, tôi đã đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp. Sau đó, tôi đã bỏ lớp Đệ Tam, lên học lớp Đệ Nhị ở trường tư và đậu Tú Tài I năm 1959. Tôi đã rút học trình từ Đệ Thất đến Đệ Nhị sáu năm xuống còn bốn năm. Vì học nhảy nên tôi phải chính thức rời trường sớm vào năm 1958.

Lớp tôi, tôi không nhớ hết, nhưng sau nầy cũng đỗ đạt nhiều. Về y khoa có bác sĩ Ngô Văn Phủ, tốt nghiệp năm 1969, sau tôi một năm. Về dược khoa có dược sĩ Võ Tấn Ngôn, tốt nghiệp năm 1966, có dược sĩ Nguyễn Thành Toán (DS68) nay đều ở Nam Cali. Về bên khoa học có Nguyễn Duy Phương đã đậu Cử nhân và Cao học, là giảng nghiệm trưởng đại học Khoa Học. Về ngành tư pháp có Phan Quang Khải, làm biện lý ở Châu Đốc. Và kỹ sư có Trương Bá Hùng, có Trương Thành, kỹ sư công chánh

Khóa 67 hiện ở Nam Cali.

Ở khu Tân Định gần xóm tôi cũng có vài người học Petrus Ký cùng một cỡ với tôi có Phạm Văn Ngọ ở ngõ hẻm đường Pasteur, sau nầy cũng nhảy lớp, đậu Tú Tài II năm 1960 và đậu dược sĩ năm 1967. Học sau một lớp có Nguyễn Ngọc và nổi tiếng nhất là Nguyễn Hữu Anh. Học Petrus Ký từ năm 1956-63, Anh đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, Tú Tài I và Tú Tài II đều hạng Bình. Thi đậu vào nhiều trường sau khi thi đậu Tú Tài và theo học đại học Sư Phạm Saigon, Anh đã đỗ năm chứng chỉ trong ba năm và sau đó được đi Mỹ để lấy Ph.D. Gia đình tôi thân với gia đình Anh lắm, trước khi đi, tôi có gặp Anh và Anh nói với tôi "Tôi sợ trở ngại về sinh ngữ Anh văn, không biết tôi có theo kịp chương trình master hay không?" Tôi cũng nói vài câu an ủi "Thì cậu cứ ráng xem sao". Sau đó, Anh không về Việt Nam mà qua Canada và đi theo một con đường khác. Sau năm 1975, tôi gặp Anh trở lại sau khi tôi "bị đi học tập cải tạo" trở về, và được biết trước đó Anh có về Hà Nội giảng dạy và sau năm 1975, giảng dạy tại Đại Học Tổng Hợp Saigon. Từ đó tôi không gặp lại Anh nữa.

Trong lúc học y khoa, vì muốn có thêm chút tiền tiêu, nên vào năm 1964 tôi có nộp đơn xin dạy học. Nhưng số tôi không phải là số đi dạy học, nên mặc dầu đã được sự vụ lệnh của Giám Đốc Nha Trung Học Bộ Giáo Dục là giáo sư Lý Chánh Trung ký vào đầu năm 1964, tôi đến trường Petrus Ký để nhận việc. Nơi đây, tôi gặp giáo sư Trần Ngọc Thái, hiệu trưởng. Giáo sư Thái rất vui vẻ tiếp tôi

và giới thiệu tôi đến gặp giáo sư Nguyễn Văn Long, giám học. Sau 15 phút nói chuyện cởi mở, giáo sư Long nói với tôi: "Tôi thấy anh nhỏ con quá, hiền quá, giống như một cậu học sinh, tôi sợ anh không điều khiển lớp học được, vì bây giờ, sau khi lật đổ ông Diệm, học sinh dữ lắm".

Tôi coi như bị chê và tôi rất buồn ra về. Lần thứ nhì, tôi cũng được sự vụ lệnh của giáo sư Huỳnh Hòa làm việc trên bộ ký để đi dạy nữa, rồi cũng bị chê. Tôi thật không có duyên giống giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, được học Petrus Ký, được dạy và được làm hiệu trưởng Petrus Ký. Vì bị chê, nên tôi về ráng học tập nên trở thành một trong những sinh viên xuất sắc nhứt tốt nghiệp y khoa năm 1968.

Trường Petrus Ký với một kỷ luật nghiêm minh, với một tinh thần học tập tốt, tập trung nhiều học sinh giỏi, đã đóng góp nhiều nhân tài cho đất nước nên rất nhiều người, trong đó có chúng tôi rất hãnh diện là được theo học tại Petrus Ký. Tôi còn nhớ vào năm 1977, khi bị đi học tập về và đang làm việc tại bệnh viện Da Liễu, tôi và các anh em khác đi học tập chánh trị tại giảng đường bệnh viện Chợ Rẫy, tôi có dự một khóa thuyết trình của một cán bộ giảng dạy là một người Nam. Trong khi thuyết trình, anh cho biết anh đã từng theo học lớp Đệ Lục (deuxième année), Đệ Ngũ (troisième année) của trường Petrus Ký và rất hãnh diện để chứng tỏ mình cũng ngon lành về tiếng Pháp, sau khi đưa ra một nhận định gì, anh thường giơ tay lên và nói: Le voilà.

Thời gian trôi nhanh quá, mới đây mà đã gần 50 năm.

Tôi ra trường đã lâu, mong có dịp đến thăm trường cũ để ôn lại những kỷ niệm ngày xưa. Tôi cũng mong chánh quyền hiện thời ở Việt Nam, mau mau trả lại cái tên Petrus Ký cho một ngôi trường nổi tiếng nhất ở miền Nam, đã đóng góp cho đất nước nhiều nhân tài: Trường Trung Học Petrus Ký Saigon. Mong lắm thay.

NHỮNG NĂM CUỐI TRUNG HỌC

Tôi học Petrus Ký từ 1955-1958, tôi học nhảy lớp và đậu Trung Học Đệ I Cấp năm 1958. Sau khi đậu Trung Học Đệ I Cấp với hạng Bình Thứ, tôi có nộp đơn xin vào lớp Đệ Tam ở trường Petrus Ký và trường Trần Lục gần nhà tôi. Cả hai trường đều chấp thuận cho tôi vào học.

Có một anh bạn lớp tôi Trần Văn Thông (Petrus Ký) vừa đậu Đệ I Cấp (1957) đã học nhảy lớp và đậu Tú Tài I (năm 1958). Anh bạn tôi cũng là anh rể tôi sau nầy cùng thi, đang học Đệ Tam Petrus Ký, cũng học thêm ở lớp Toán Lý Hóa của GS Nguyễn Văn Phú và Nguyễn Xuân Nghiên ở Đông Tây Học Đường và cũng đậu Tú Tài I liền năm 1958. Tôi có ý định bắt chước và quyết định học nhảy lớp.

Ban đầu, tôi định học Đệ Tam Petrus Ký, rồi mua sách tự học để đi thi Tú Tài I nhưng không được, là vì muốn thi Tú Tài I, phải có giấy chứng nhận của trường đang học (học lớp Đệ II) và ngoài ra như trường hợp tôi, nếu tôi dự thi Tú Tài I (năm 1959) thì lúc đó tôi chưa tới 16 tuổi, phải xin miễn tuổi và phải có giấy xin của Hiệu trưởng trường mình theo học.

Gia đình tôi nghèo, không có tiền, tôi không biết làm sao đây. Tôi nhớ học phí Đệ II lúc đó rất cao 430$/tháng.

Lúc đầu tôi ghi danh học Đệ II ở trường Cộng Hòa đường Pasteur, mới mở lớp Đệ II và có nhiều giáo sư danh tiếng dạy, như Toán: giáo sư Nguyễn Phúc, giáo sư Đệ I Chu Văn An, Phạm Văn Vận (Lý Hóa), Bàng Bá Lân (Việt văn). Giáo sư Vận biết hoàn cảnh gia đình tôi, nhưng chỉ giảm cho tôi 20%, mỗi tháng tôi phải đóng 350$, cho nên tôi không kham nổi. Sau đó, tôi ghi danh học ở trường Tân Thịnh, đường Đinh Công Tráng lớp ban đêm. Ban Lý Hoá có giáo sư Lý Hóa là giáo sư Trương Đình Tùng cùng ở xóm tôi và bạn thân của dược sĩ Thái Khải Ngôn (anh rể Thọ, bạn tôi). Tôi nhờ anh Ngôn nói chuyện với giáo sư Tùng. Giáo sư Tùng đã xin với giáo sư Phan Ngô cho tôi được học miễn phí. Lúc đầu tôi chưa được học miễn phí.

Thế là tôi may mắn lắm, nhưng cũng rất nhiều trở ngại. Sự thực, tôi có cây dù che là giáo sư Trương Đình Tùng dạy Lý Hóa ở trường Tân Thịnh. Tôi hay bị giám thị hỏi thăm sức khỏe vì việc đóng học phí, tôi nói là giáo sư Trương Đình Tùng đã xin giáo sư Phan Ngô cho tôi được miễn phí, thế là mọi chuyên êm xuôi trôi qua, cuối cùng nhờ sự giúp đỡ của giáo sư Tùng, tôi được học miễn phí. Tôi rất mang ơn giáo sư Tùng.

Trường Tân Thịnh có hai lớp Đệ II A và Đệ II B. Sau nầy, tôi xin đổi sang học lớp Đệ II B ban ngày. Lớp nầy có một thành phần giáo sư hùng hậu, dạy rất hay. Về Việt văn có giáo sư Phan Ngô, Pháp văn có giáo sư Trịnh Chuyết, Toán có giáo sư Nguyễn Khải, Lý Hóa có giáo sư Lương Duyên Trinh, Vạn vật có bác sĩ Nguyễn Nhuận và sau đó là bác sĩ Nguyễn Minh, Sử Địa có giáo sư Thiền Giang

và Anh văn có giáo sư Phạm Thái tự Phạm Hồng Giang. Sau nầy giáo sư Phạm Thái làm Tổng Trưởng Thông Tin ở Nội Các Nguyễn Khánh, và Quốc Vụ Khanh ở Nội Các Nguyễn Bá Cẩn.

Ngoài ra ở Tân Thịnh có nhiều người nổi tiếng dạy tại đó như Bà Tùng Long (văn sĩ), Lê Đình Duyên (Việt Nam Quốc Dân Đảng, về sau là dân biểu), Nguyễn Đình Hưng, về sau là thượng nghị sĩ, Vũ Ký, cũng là đảng viên cao cấp của Quốc Dân Đảng.

Về Việt văn, giáo sư Phan Ngô giảng về truyện Kiều rất hay, khi giảng thầy thường làm điệu bộ, hoặc trình diễn một vài điệu bộ ý nhị, khiến học trò chúng tôi rất phục và nhớ mãi. Tôi còn nhớ, khi giảng đến câu "Hai nàng e lệ nấp vào dưới hoa", giáo sư Ngô chạy tới núp ở dưới bảng đen và mắt liếc liếc nhìn nhìn, khiến chúng tôi cười vui vẻ và nhớ hoài…

Giáo sư Nguyễn Khải dạy Toán rất hay, ông lấy các bài tập ở Lebosé cho chúng tôi làm và luyện cho chúng tôi giải toán, nên các bài Toán về hình học không gian, tôi làm rất khá.

Lý Hóa thì có kỹ sư Lương Duyên Trinh dạy cũng xuất sắc.

Năm 1959, kỳ thi Tú Tài I ra một đề tài Việt văn như sau: Một nhà phê bình đã viết "Sau Thúy Kiều mà Nguyễn Du xem như đồng học đồng thuyền với mình thì Từ Hải là người mà Nguyễn Du mộng tưởng", anh hay chị nghĩ gì về lời phê bình đó.

Tôi xem như trúng tủ vì giáo sư Phan Ngô dạy rất kỹ về Truyện Kiều, làm tôi mê say. Về Việt văn (hệ số 3) bằng với Toán, cho nên kỳ thi đó, nhờ môn Việt văn, tôi đã đậu hạng Bình Thứ, mà bài Toán là một môn chính, muốn đậu Bình Thứ phải làm trúng từng câu của bài Toán, có 4 câu, tôi chỉ làm được 3 câu. Vào vấn đáp: tôi gặp giáo sư Nguyễn Phương Yêm, giáo sư cho tôi một đề tài về Kiều: tả cảnh và tả tình trong truyện Kiều. Tôi trả lời thao thao bất tuyệt, cho nên tôi được điểm số cao bù vào các môn Sử Địa, Vạn vật, tôi không thuộc mấy.

Kỳ thi Tú Tài I năm đó quả là một kỳ thi gay go, rớt rất nhiều, lớp tôi chỉ có 3 người đậu: đó là tôi, Nguyễn Anh Dũng (Dũng về sau học y khoa ra trường năm 1968 cùng với tôi), Nguyễn Trung Tâm về sau học Dược Khoa (DK66) và là bạn đồng hao với Phạm Long Trung (YK68)

Kỳ đó, chánh chủ khảo là cụ Cư Bướu (Nguyễn Ngọc Cư) và chỉ có một người đậu Bình và là thủ khoa, mà thôi, đó là cô Lê Quỳnh Anh ở trường Gia Long mà cụ Cư từng là nam giới nên sau khi xướng danh đậu, cụ có lời khen ngợi cô Lê Quỳnh Anh. Rất ít người đậu Bình Thứ năm đó. Trong số người đậu Bình Thứ, tôi nhớ có Tạ Văn Năng, Lê Trọng Mưu và Trần Văn Nam.

Một câu chuyện vui: đó là các cô rất mê giáo sư Nguyễn Nhuận dạy Vạn vật ở trường Tân Thịnh, lúc đó gần ra bác sĩ rồi.

Nguyễn Nhuận nói tiếng Huế, nhưng ăn nói nhịp nhàng, cử chỉ cũng khoan thai. Anh Nhuận, còn độc thân có mướn một phòng để ở trong building ở ngã tư Hiền

Vương/ Hai Bà Trưng. Anh ít cho ai biết chỗ ở, chỉ cho tôi biết mà thôi. Mấy cô nữ sinh hay tìm đến nhà tôi để xin địa chỉ nhà anh Nhuận.

Bác sĩ Nhuận về sau dạy Vạn vật nổi tiếng ở Saigon, nhiều trường tư nhờ anh dạy Vạn vật. Sau đó anh Nhuận làm việc ở trường Quân Y với BS Trần Minh Tùng. Anh cũng mở phòng mạch cho vui… Dạy Vạn vật ở Chu Văn An có Phạm Tu Chính, Bùi Đồng… nhưng lúc đó, không có ai nổi tiếng bằng Nguyễn Nhuận.

Tôi có học năm cuối ở Chu Văn An niên khóa 1959-60. Sau khi tôi đậu Tú Tài I hạng Bình Thứ, tôi có nộp đơn xin học lớp Đệ I ở hai trường Petrus Ký và Chu Văn An. Tôi đều được cả 2 trường cho vào học. Vì học nhảy lớp nên tôi không dám trở lại trường Petrus Ký mà tôi theo học lớp Đệ I B2 ở trường Chu Văn An.

Trong lớp Đệ I B2, tôi là người Nam duy nhất vì trường Chu Văn An ở ngoài Bắc vào. Lớp tôi còn có những anh khác từ Nha Trang như Phan Xuân Thuận (con Chuẩn Tướng Phan Xuân Nhuận, Nguyên Ngọc (về sau là Trung Tá Hải Quân, Lê Kim Lộc ở Huế, có Nguyễn Xuân Sơn từ Vĩnh Long lên, có Nguyễn Tường Thiết (con nhà văn Nhất Linh), có Trần Văn Bách (anh ruột Trần Văn Khởi, Tổng Cục Trưởng Dầu Hỏa), có Nguyễn Trọng Cơ (về sau là giáo sư cử nhân Lý Hóa và Trương Thiện Hùng (ĐHSP). Các khoa Lý Hóa dạy trường tư rất nổi tiếng có Tôn Thất Khoát (con cụ Tôn Thất Hội, đại sứ Việt Nam tại Lào) hay cúp cua và phá phách, có Phạm Văn Hai về sau là giáo sư ngôn ngữ ở Đại Học Văn Khoa, Phạm Đức

Liên (ĐHSP), có dược sĩ Lưu Tăng Nghĩa (DS66).

Ở trường Chu Văn An lúc đó, tôi thấy có Đặng Vũ Ái (B1), Cai Văn Dung (B3), Đặng Ngọc Đoàn (B4), Cao Xuân An B1, về sau đậu tiến sĩ, Giáo sư Đại Học Paris. Ở Ban C có Lưu Văn Vịnh, Phạm Hữu Giáo.

Trong số những người nam học tại Chu Văn An lúc đó tôi thấy có Bùi Đắc Hàm. Ở ban A tôi thấy có Nguyễn Đăng Khôi, về sau đi Mỹ và cuối cùng là Thứ Trưởng Bộ Kinh Tế.

Ở Ban B tôi được học Toán với Giáo sư Nguyễn Văn Phú (Hình học), Đặng Văn Nhân (cơ học, kỹ sư khí tượng), Nguyễn Bá Cương (kỹ sư khí tượng, thiên văn). Về Lý Hóa có Giáo sư Trần Thế Hiển, cao học Vật lý, giảng nghiệm trưởng Đại Học Khoa Học…

Một người mà tôi nhớ mãi là Nguyễn Anh Vũ, sau khi đậu Tú Tài II, thi vào trường Võ Bị Đà Lạt và đậu thủ khoa khóa 18, và chừng một năm sau, anh đã hy sinh.

Có Tô Tiến Tùng và Hoàng Gia Thụy về sau ra kỹ sư công chánh khóa 1965.

Đại học Sư Phạm có Trịnh Đình Loạt và Nguyễn Ngọc Giao, về sau định cư ở San Jose.

Có Đỗ Mạnh Tuấn về sau ra dược sĩ năm 1967 và đã qua đời.

Còn rất nhiều bạn khác để lại cho tôi nhiều kỷ niệm. Quả thật, trường Chu Văn An đã quy tụ nhiều nhân tài và nhiều giáo sư giỏi. Trường có tổng cộng là 15 lớp Đệ I, 8 lớp Ban B, 6 lớp Ban A và 1 lớp Ban C. Lúc đó, trường

tư chỉ có tới lớp Đệ II. Sau nầy có trường Hưng Đạo mở những lớp Đệ I đầu tiên (giáo sư Nguyễn Văn Phú là hiệu trưởng), sau nầy thêm các trường khác cũng mở những lớp Đệ I.

Trước mặt lớp tôi (Đệ I B2) là lớp Đệ I B3, tôi thấy có Cai Văn Dung, Đàm Quang Hiên (về sau là y sĩ Thiếu Tá, TĐ Trưởng, TĐ1 QY), Nguyễn Phương Nhu… Nguyễn Phương Nhu là em ruột của Nguyễn Phương Thiệp, luật sư, tổng thư ký Quốc Hội rất giỏi và đã được giáo sư Vũ Quốc Thúc ca ngợi trong cuốn hồi ký *Thời Đại Của Tôi*. Anh rể của Nhu là giáo sư Đặng Đăng Định, cử nhân Toán, giáo sư Chu Văn An.

Năm 1960, có giáo sư Trần Văn Tấn, Tiến sĩ Toán, ở Pháp về làm giám đốc Nha Trung Học, nên năm đó thi cử rất gắt. Giáo sư Tấn kiểm soát các giáo sư, không cho phép các giáo sư được coi điểm dùm cho học sinh của mình như thường thấy ở những năm trước, nên Tú Tài II năm đó rớt rất nhiều.

Năm đó, tôi bị bệnh và yếu lắm, gia đình tôi lúc đó lại cũng hơi lục đục. Tôi làm sai bài toán (hệ số 3), tuy nhiên hai môn kia tôi rất khá. Điểm đậu là 80, tôi được 77.5. Vì năm này hội đồng thi chỉ vớt 2 điểm mà thôi, trái với các kỳ thi trên, có thể vớt 4.5 điểm và Tú Tài II ít có người rớt. Tôi phải thi lại năm sau vì đầu kỳ I năm 1961 đáng lẽ tôi đã đậu Bình Thứ, nhưng vì mấy môn phụ như Vạn Vật, Sử Địa tôi không thuộc bài mấy. Sau đó tôi đã vào Đại Học Khoa Học (PCB niên khóa 1961-62).

Khi học năm cuối trung học, tôi được các bạn ở Tân

Định là anh Trần Minh Đức, (cháu của Cha Trần Minh Khang) và anh Trần Văn Thịnh, (em ruột ông Toàn, chủ tiệm may Toàn Thịnh ở đường Hiền Vương) giới thiệu tôi gia nhập Phong Trào Thanh Sinh Công do linh mục Đỗ Long Bộ, làm Tuyên úy và là Cha Bề Trên Dòng Phanxicô ở Đakao (trụ sở ở góc đường Phan Kế Bính và Phan Đình Phùng). Cha Bộ mới ở Pháp về và được Đức Cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền bổ nhiệm làm Tuyên úy. Phong Trào cũng được Bộ Trưởng Nội Vụ Lâm Lễ Trinh ký giấy phép để được hoạt động.

Chủ tịch Phong Trào lúc đó là anh Vũ Minh Trân (anh vừa xong cử nhân luật khoa) và đang tập sự luật sư. Sau nầy, anh trở thành Thượng nghị sĩ của Việt Nam Cộng Hòa trong liên danh với luật sư Nguyễn Văn Huyền.

Phó chủ tịch của anh Trân là anh Vũ Công Định, một người hiền lành, chăm chỉ đọc kinh, lúc đó là giáo sư trường Nguyễn Bá Tòng, chúng tôi thường gọi là ông 'Thánh Định' vì ông đọc kinh rất nghiêm chỉnh, còn hơn là các Cha Cố.

Tổng thư ký là anh Trần Văn Thịnh, về sau là bác sĩ. Anh Thịnh học trước tôi 2 lớp, sau rớt lại và ra trường sau tôi 2 lớp (YK70).

Trưởng ban báo chí là anh Phạm Hữu Giáo, đậu Tú Tài I, một lượt với tôi, tôi thi ban B, còn anh ban C. Sau đó, anh học Chu Văn An, rồi Văn khoa và làm báo với Cha Nguyễn Quang Lãm. Anh đã đắc cử dân biểu năm 1967 và là Tổng thư ký Hạ Viện. Nhiệm kỳ 2 anh thất cử, anh được Tổng Thống Thiệu bổ nhiệm làm Tổng thư ký Giám Sát

Viện. Sau đó, anh qua Paris được bổ nhiệm làm Sứ Thần Ngoại Giao, Phó Đại Sứ Việt Nam tại Pháp tới năm 1975.

Còn một anh cũng lùn như tôi là anh Dương Minh Kính, cũng hoạt động trong Phong Trào Thanh Sinh Công. Về sau, anh được bổ nhiệm Hiệu Trưởng trường Chu Văn An năm 1965. Năm 1967, anh đắc cử dân biểu Hạ Nghị Viện từ 1967 đến 1975.

Còn một chị lúc đó chưa nổi tiếng, nhưng hát rất hay trong nhà thờ là chị Nguyễn Minh Nguyệt. Chị học chương trình Pháp, nhưng sau đó chị vào học trường Gia Long, ban C và thi đậu Tú Tài cùng một lượt với tôi. Sau nầy qua Mỹ, chị học y khoa và trở thành bác sĩ với tên là Nguyệt Mehlert.

Trong Phong Trào Thanh Sinh Công lại có anh em Nguyễn Hữu Tri và Nguyễn Thị Kim Quy. Tri và Quy là em ruột anh Nguyễn Hữu Chỉnh, lúc đó rất nổi tiếng. Anh Chỉnh từng là Đổng Lý Văn Phòng Bộ Quốc Gia Giáo Dục (Bộ trưởng là giáo sư Trần Hữu Thế) về sau là dân biểu Quốc Hội Đệ I Cộng Hòa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Anh Chỉnh còn có người em là giáo sư Nguyễn Tiến Hưng, sau nầy là Tổng trưởng Kế Hoạch trong nội các Trần Thiện Khiêm.

Hai anh em Tri và Quy rất thân với tôi. Trong Phong Trào anh Tri theo đuổi ráo riết chị tôi, nhưng chị tôi không chịu vì Tri có vẻ công tử bột. Cô Kim Quy thì rất đẹp, duyên dáng, rất nhiều anh em Thanh Sinh Công để ý. Riêng tôi thì đứng xa xa. Tôi thường hay đến nhà Tri, Quy và thấy rất đông các bạn đến để "gò" cô Kim Quy.

Chị Nguyệt lúc đó chưa nổi tiếng, năm 1961, chị kết hôn với anh Vũ Ngữ cũng trong Thanh Sinh Công. Chị có dạy ở trường Regina Pacis, nổi tiếng hát hay và là một trong ba thành viên trong ban Tam Ca Đông Phương. Sau nầy, chị học ở Đại Học Y Khoa Minh Đức năm 1970, và sau năm 1975, chị định cư tại Mỹ, tốt nghiệp bác sĩ tại Hoa Kỳ và có tên là bác sĩ Nguyệt Mehlert như vừa nói trên

Một anh khác là Trần Khánh Liêm, đậu Tú Tài II năm 1959, học Văn Khoa, đỗ cử nhân, bị động viên vào khóa 13, sau là Thiếu Tá Hải Quân trong ban Tâm Lý Chiến.

Trong Thanh Sinh Công, cũng có nhiều anh khác nữa như anh Đinh Văn Cân về sau là (Trung Tá Cảnh Sát, Chánh Sở Nhân Viên Tổng Nha Cảnh Sát), anh Phạm Kim Anh (CVA58), sau là giáo sư, Nguyễn Văn Hảo sau cũng trở thành giáo sư.

Trong Thanh Sinh Công có một chị nổi tiếng nữa là chị Phạm Thị Kim Anh, con của giáo sư Phạm Văn Nhu, nguyên Hiệu Trưởng Quốc Học Huế.

Phong Trào nầy rất hay, giúp chúng tôi học hỏi, sinh hoạt, để chuẩn bị vào đời. Lúc đó, chúng tôi tuổi từ đôi tám đến đôi mươi, hăng say và lý tưởng…

Sau nầy, một số anh em Thanh Sinh Công có tập họp lại và ra dạy học ở trường Regina Pacis, trong đó có chị Nguyệt Mehlert, Phạm Kim Anh, Nguyễn Văn Hảo… và toàn thể cột trụ của Thanh Sinh Công trừ tôi mà thôi vì lúc đó tôi bận học.

Sau nầy, lên đại học thì tôi gia nhập vào Liên Đoàn

Sinh Viên Công Giáo và Phong Trào Thanh Sinh Công Đại Học.

Về phía các bạn cùng học với tôi ở Petrus Ký, cùng học nhảy lớp là Vương Bình Dương (YK67), Tô Ngọc Ẩn (YK67), Tô Văn Thình (YK69) và Phạm Văn Ngọ (DK67).

Vào học ở Chu Văn An, tôi được dịp gặp lại giáo sư Nguyễn Phúc, một người rất hiền lành, hay giúp đỡ các học sinh. Tôi thường lên nhà ông chơi ở cư xá Phú Nhuận, gần Tổng Y Viện Cộng Hòa. Ông kết hôn với chị Nguyễn Thị Xuân Nhạn (em bác sĩ Nguyễn Xuân Ba). Ông dạy học rất thành công. Về sau, ông có một biệt thự ở đường Yên Đổ (trước là nhà của bác sĩ Trần Quang Diệu, cựu giám đốc Nha Quân Y) và chị Xuân Nhạn có mở Thái Vân Công Ty (nhập cảnh thuốc tây) rất thành công. Giáo sư Đặng Văn Nhân về sau nầy cũng mở trường thành công, viết sách về Toán và có lúc lên làm Đổng Lý Văn Phòng Bộ Văn Hóa Giáo Dục (Tổng Ủy Viên là bác sĩ Trần Ngọc Ninh).

Tôi mang ơn giáo sư Phúc rất nhiều. Giáo sư Phúc và giáo sư Trương Đình Ngữ (em giáo sư Trương Đình Tùng) có mở lại dạy Toán Lý Hóa, luyện thi Tú Tài II tại trường Phước Truyền rất thành công. Về sau có giáo sư Nguyễn Văn Kỷ Cương, người Nam, có làm giám học Chu Văn An cùng dạy Toán và mở trường với giáo sư Nguyễn Xuân Nghiên rất thành công. Khi bước vào đại học năm 1961, tôi lại gặp nhiều giáo sư tài giỏi giảng dạy chúng tôi như giáo sư Phạm Hoàng Hộ dạy môn Sinh Lý

Thú Vật P.C.B. Ông đã chuyển ngữ để dạy chúng tôi lần đầu tiên bằng Việt ngữ. Chúng tôi cũng được học với giáo sư Nguyễn Vĩnh Niên, Sinh Lý Động Vật, đậu Tiến sĩ khoa học bên Pháp về và các giáo sư khác như Nguyễn Đình Hưng (Đổng Lý Bộ Giáo Dục), giáo sư Đỗ Bá Khê (dạy Vật lý), giáo sư Nguyễn Thanh Khuyến… Tôi có dịp tiếp xúc với giáo sư Trần Văn Tấn, kỹ sư Tiến sĩ Trần An Nhàn, nói tiếng Tây lưu loát…

Sau năm 1975, tôi rất thân với giáo sư Trần Văn Tấn. Giáo sư Tấn có qua Mỹ, mỗi lần đều có đến gặp tôi.

Thật là nhiều kỷ niệm…

Hồi tưởng lại, lúc thiếu thời, cũng như ở tuổi thanh niên, tôi cũng may mắn, và mặc dầu gia đình nghèo, nhưng khi đi học, tôi được các thầy thương mến giúp đỡ cho nên tôi vượt qua được những khó khăn về tài chánh và vào được đại học để có một tương lai xán lạn. Công ơn của ba tôi và các thầy giáo tôi không bao giờ quên.

90 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG PETRUS KÝ VÀ 30 NĂM THÀNH LẬP HỘI AH PETRUS KÝ BẮC CALI

Trường Petrus Ký khai giảng khóa đầu tiên vào năm 1927, tính đến nay đã hơn 90 năm. Từ đó đến nay, biết bao nhiêu là thay đổi.

NÉT ĐẶC BIỆT CỦA TRƯỜNG PETRUS KÝ

1. Những Học Sinh Ở Khóa Đầu Tiên

Theo bài viết của cụ Thừa Phong Lê Văn Cư (đã qua đời), là học sinh khóa đầu tiên, khai giảng năm 1927, thì có khoảng 100 học sinh của trường tây Chasseloup Laubat (sau nầy đổi tên là Jean Jacques Rousseau), được dời qua học khóa đầu tiên của trường Petrus Ký còn đang xây cất dang dở. Khóa nầy đã quy tụ được nhiều học sinh giỏi và sau nầy trở thành những nhân vật nổi tiếng trong chánh trường cũng như trong những ngành chuyên môn. Người nổi tiếng nhất khóa nầy là cụ Trần Văn Lắm, nguyên Tổng Trưởng Ngoại Giao của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa. Sau khi tốt nghiệp trường Petrus Ký, cụ đã ra Hà Nội học Dược, trở thành một dược sĩ nổi tiếng. Sau đó, cụ đảm nhận nhiều chức vụ như Đại Biểu Chánh Phủ, Dân Biểu, Thượng Nghị Sĩ và Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao. Cùng

học lớp đó có cụ Dương Tấn Trương, sau trở thành luật sư. Cùng học lớp Première Année (Đệ Thất) đầu tiên, về phía bác sĩ có Bác sĩ Nguyễn Tăng Nguyên, nguyên Tổng Trưởng Y Tế chánh phủ Ngô Đình Diệm và còn vị khác nữa là Giáo sư Lê Văn Thới, nguyên Khoa Trưởng Đại Học Khoa Học và Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon và Luật sư Lê Văn Thu, nguyên Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp. Tất cả đều cùng học khóa 1927 với cụ Thừa Phong. Khóa nầy tuyển các giáo sư người Pháp, còn có các giáo sư người Việt như Giáo sư Dương Văn Cảnh dạy Pháp văn và Sử Địa, Giáo sư Đặng Minh Trí, Giáo sư Lê Văn Kiêm (sau trở thành hiệu trưởng).

2. Những Học Sinh Ở Thập Niên 30

Những khóa sau đều có những nhân vật nổi tiếng, thành công trong ngành chuyên môn, cũng như hoạt động chánh trị, như các vị sau đây: Bác sĩ Đặng Văn Chiếu (PK 36-39), sau nầy trở thành giáo sư y khoa và Khoa trưởng Đại Học Y Khoa Saigon 71-74, Bác sĩ Nguyễn Văn Út (PK32-36), sau nầy là giáo sư Đại Học Y Khoa, chuyên khoa Da Liễu, Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu (PK39-45), nguyên Tổng Trưởng Xã Hội của chánh phủ Trần Thiện Khiêm và là tác giả "*Gió Mùa Đông Bắc*" được nhiều người mến mộ.

Đầu thập niên 30, có cụ Nguyễn Văn Vàng cũng là một học sinh xuất sắc, sau nầy giữ chức Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, chánh phủ Trần Thiện Khiêm và là Hội Trưởng Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Petrus Ký ở Saigon, thập niên 60.

Ở cuối thập niên 30, niên khóa 37-41 có cụ Lâm Văn Lợi (đã qua đời), cụ là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Hội Ái Hữu Petrus Ký Bắc California. Theo lời kể của cụ, thì lớp cụ có những người nổi tiếng một thời ở Saigon như Bác sĩ Trần Hiếu Thuận (thân phụ Bác sĩ Trần Hiếu Để ở San Jose), chuyên về sản phụ khoa, cụ Mai Văn An là Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Việt Nam Cộng Hòa. Trên một lớp có cụ Trần Khương Trinh, nguyên Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện. Và cùng thời đó phải kể đến kỹ sư Cầu Cống Trần Lê Quang, nguyên Tổng Trưởng Bộ Công Chánh, chánh phủ Ngô Đình Diệm. Ngoài ra có giáo sư Đỗ Bá Khê (PK40-43) là Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục, đặc tránh Đại Học, Viện Trưởng Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức.

Ngoài những vị kể trên, chúng tôi phải kể đến một thiên tài âm nhạc của Việt Nam là giáo sư Trần Văn Khê (PK34- 41). Giáo sư là một nhà nghiên cứu văn hóa, âm nhạc cổ truyền Việt Nam tại đại học Sorbone, là thành viên danh dự Hội Đồng Âm Nhạc Quốc Tế (Unesco). Giáo sư Trần Văn Khê vừa mới qua đời năm 2015, hưởng thọ 94 tuổi.

Rồi đến những học sinh ở thập niên 40 và tốt nghiệp đầu thập niên 50 gồm có Giáo sư Lưu Khôn. Giáo sư Khôn vào trường Petrus Ký năm 1941 và tốt nghiệp năm 1951, nguyên Giảng sư Đại Học Văn Khoa Saigon, hiện là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Hội Ái Hữu Petrus Ký Bắc Cali. Về phần ngoại giao có cụ Đào Nguyên Lãng (thân phụ Bác sĩ Đào Kiều Liên), sau cũng là Sứ Thần

Ngoại Giao tại Nhật Bản đã qua đời năm 2013. Một nhân vật khác là cựu học sinh Petrus Ký và là Giáo sư Petrus Ký, đó là ông Nguyễn Văn Sơn vừa mới qua đời tháng 8/2016, hưởng thọ 88 tuổi. Ông tốt nghiệp Khóa 1 Quốc Gia Hành Chánh và đã giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Tổng Nha Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phí Bộ Quốc Phòng. Ông là con của Giáo sư Nguyễn Văn Nho.

Rồi đến những học sinh đã tốt nghiệp ở đầu thập niên 50.

Tôi được biết có các sư huynh của tôi như Thiếu Tướng Lê Minh Đảo; Đại Tá Không Quân Bồ Đại Kỳ; Trung Tá Ngô Văn Kim; rồi đến Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm (PK56);Bác sĩ Hồ Văn Minh (PK57), Dân Biểu Quốc Hội, Phó Chủ Tịch Quốc Hội; Bác sĩ Phan Văn Vọng (PK57); Bác sĩ Hồ Kim Chi (PK57), Chủ Tịch Hội Petrus Ký miền Đông Hoa Kỳ. Khi tôi vào học Đệ Thất (1955) thì Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm đang học lớp Philo (Đệ Nhất) cùng với Giáo sư Trần Ngọc Thái. Cùng học một thời với tôi, nhưng sau tôi một lớp có Nguyễn Hữu Anh, ở gần xóm với tôi, sau nầy được vào học Đại Học Sư Phạm, cử nhân Toán, tiến sĩ Toán ở Đại Học Berkeley (lúc mới 24 tuổi), nhưng sau nầy, đi qua Canada và ra miền bắc phục vụ chế độ cộng sản.

Sau tôi có 2, 3 lớp có Huỳnh Tấn Mẫm, nổi tiếng một thời ở Saigon, sau nầy theo cộng sản và bị thất sủng. Còn rất nhiều, nhưng tôi không thể kể hết được.

Kỳ thi vào Petrus Ký năm 1955, người đậu thủ khoa là anh Hà Văn Úc. Và học cùng năm với tôi, lúc đó, có

những học sinh sau nầy cũng thành danh là bác sĩ Võ Thành Thời, bác sĩ Ngô Văn Phủ, Thẩm phán Phan Quang Khải (anh ruột bác sĩ Phan Mỹ Dung)… danh thủ bóng tròn Phạm Huỳnh Tam Lang.

CÁC VỊ HIỆU TRƯỞNG PETRUS KÝ

Theo Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm thì từ năm 1927 đến năm 1975 có tất cả 17 ông hiệu trưởng. Trong 17 vị hiệu trưởng nầy, có hai người làm hiệu trưởng đến hai lần: đó là ông Valencot thời Pháp thuộc và Giáo sư Trần Ngọc Thái thời Việt Nam Cộng Hòa. Hiệu trưởng đầu tiên là ông Banchelin và hiệu trưởng cuối cùng là Giáo sư Nguyễn Minh Đức. Hiệu trưởng Pháp sau cùng là ông Taillade và hiệu trưởng Việt Nam đầu tiên là Giáo sư Lê Văn Kiêm. Hiệu trưởng Petrus Ký trẻ nhất lúc đó là Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm (1964) lúc đó mới 30 tuổi.

Một vị hiệu trưởng đặc biệt ai cũng biết là Giáo sư Phạm Văn Còn (hiệu trưởng Petrus Ký 51-55). Cụ Phạm Văn Còn, tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội năm 1923, đã dạy học tại Cần Thơ (1923-25) và có nhiều học trò nổi tiếng như cụ Phan Khắc Sửu, cựu Quốc Trưởng, và Dương Văn Minh, cựu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Giáo sư Phạm Văn Còn có thời gian giữ chức vụ Giám Đốc Kiểm Duyệt Báo Chí (thời Pháp), Công Cán Ủy Viên cho Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân và có thời gian làm Phó Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An thời Thủ Tướng Nguyễn Phan Long năm 1950. Sau vụ học sinh Trần Văn Ơn (1950), Thủ Tướng Trần Văn Hữu bổ nhiệm cụ Phạm Văn Còn làm hiệu trưởng từ năm 1951 đến 1955. Khi tôi

vào học Petrus Ký thì cụ Còn làm hiệu trưởng mấy tháng rồi về hưu. Cụ có Bảo Quốc Quân Chương của Việt Nam và có Officiers de la Legion d'Honneur của Pháp.

NHỮNG GIÁO SƯ PETRUS KÝ NỔI TIẾNG

Theo Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu, cựu học sinh Petrus Ký 1939-45, thì những vị nổi tiếng ở thời Petrus Ký tiền chiến có rất nhiều vị, nhưng tôi chỉ xin kể một vài vị nổi bật (theo tài liệu của Bác sĩ Phiêu). Đó là Giáo sư Võ Văn Lúa, ở Gia Định, dạy Pháp văn, có người vợ người Pháp, du học ở Pháp về, có Cử nhân văn chương Pháp, nói tiếng Tây như…Tây. Học sinh đều ngán ông vì ông chấm thi rất gắt. Thi Tú Tài mà gặp ông thì chắc là bị "lúa" rồi, vì ít có ai ông cho 8/20, đa phần là dưới điểm đó.

Giáo sư Lê Văn Kiêm, có Cử nhân Toán từ Pháp về, là một giáo sư khả kính, thường rất nghiêm nghị. Ông cũng là người Việt Nam đầu tiên làm hiệu trưởng trường Petrus Ký từ năm 1947-51 khi Việt Nam thâu lại chủ quyền từ tay người Pháp.

Một giáo sư gốc Bắc có nhiều hoạt động trong giới văn nghệ, chuyên dạy văn hóa Việt Nam, rất giỏi về Truyện Kiều: đó là Giáo sư Nguyễn Văn Nho. Ông là người tinh thông Hán học và là một sinh viên xuất sắc về Pháp văn ở Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội. Ông có 4 người con trai, đều là học sinh Petrus Ký được đặt tên là Thụ, Đức, Sơn, Hà. Hai người đã tử trận trong thời chiến. Con ông là Giáo sư Nguyễn Văn Sơn, cũng là giáo sư Petrus Ký và đã từng giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phí thuộc Bộ Quốc Phòng. Ông Nho

đã hoạt động cho cộng sản, ông đã có dịp trở về thăm đất Bắc sau 1975, nhưng đã mất trong một tai nạn. Sau 1975, Bác sĩ Nguyễn Văn Đức (con ông Nho) ở Bắc vào, làm giám đốc bệnh viện Nhi Đồng II (bệnh viện Grall cũ).

Một giáo sư được nhiều thế hệ học sinh 1930-40 nhắc đến là giáo sư Sử Địa Trần Văn Quế. Ông là chức sắc cao cấp của đạo Cao Đài, cũng tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội, một thời với cụ Trần Văn Hương. Ông đã từng bị thực dân Pháp bắt giam và đày ra Côn Đảo. Sau nầy, Giáo sư Quế được bổ nhiệm dạy Đại Học Sư Phạm Saigon.

Một vị giáo sư danh tiếng ở Petrus Ký được nhiều người trong giới trí thức miền Nam biết đến là Giáo sư Phạm Thiều. Ông gốc người Nghệ Tĩnh, học rất xuất sắc. Ông chuyên dạy Hán văn, có lúc dạy Toán. Ông tham gia kháng chiến rất sớm, tập kết ra Bắc sau Hiệp định Genève 54. Sau 30/4/1975 ông trở về Nam, được cử làm dân biểu quốc hội thành phố Saigon. Trong một thời gian ngắn, ông giữ chức vụ quản thủ Thư Viện Khoa Học Xã Hội. Thất vọng khi biết rõ đã hy sinh cả đời cho một chế độ không mang lại gì tốt đẹp cho đất nước, Giáo sư Phạm Thiều đã treo cổ tự tử.

Có lẽ, ngoài những vị thầy ở thời tiền chiến, sau nầy Petrus Ký cũng có nhiều giáo sư nổi tiếng như Giáo sư Phạm Văn Thuật, Đổng Lý Văn Phòng Bộ Giáo Dục, Giáo sư Mai Trần Ngọc Tiếng về sau làm khoa trưởng Đại Học Khoa Học, Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, cử nhân Toán học, cao học Hình học, cựu Tư lệnh Không Quân, Giáo sư Nguyễn Văn Kỷ Cương, cử nhân Toán, cao học

Hình học, cựu Thượng Nghị Sĩ Việt Nam Cộng Hòa.

Hai vị trên là những vị có bằng cao học Hình học đầu tiên của Việt Nam và là những giáo sư nổi tiếng một thời. Giáo sư Nguyễn Văn Phú và Giáo sư Nguyễn Xuân Nghiên cũng có thời gian dạy tại Petrus Ký. Các vị giáo sư khác là Lê Xuân Khoa, sau làm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Sai- gon, Giáo sư Vũ Ngọc Khôi (về sau đậu Tiến sĩ Luật), Giáo sư Phạm Mạnh Cương (dạy Triết), Giáo sư Nguyễn Xuân Hoàng (dạy Triết).

Riêng tôi, khi học ở Petrus Ký, tôi được học Việt văn với cô Nguyễn Thị Sâm mà tôi nhớ mãi. Cô có bằng Tú Tài Khoa Học, nhưng lại dạy Việt văn và Sử Địa. Cô dạy Việt văn rất hay và rất giỏi về văn thơ, học trò rất mến cô. Giáo sư Phạm Văn Ba hay nói diễu và nói tục, câu ông thường hay diễu là "Phòng nội vô phong phàm tự lập" (trong phòng không có gió mà cột buồm vẫn đứng). Giáo sư Nguyễn Văn Thái dạy Anh văn, thường hay nhậu la de ở mấy quán gần trường. Tôi rất "ngán và sợ" hai giáo sư Trần Thượng Thủ dạy Vạn vật và cô Lâm Thị Dung dạy Sử Địa. Cô hỏi bài rất gắt và hay chế diễu chúng tôi. Một giáo sư mà tôi "ngán" là Giáo sư Trương Đình Ý, dạy Hội họa và bắt chúng tôi nặn đất sét.

NHỮNG HỌC SINH Ở KHÓA CUỐI CÙNG

Khóa cuối cùng tốt nghiệp năm 1975 gồm có Nguyễn Đình Anh, Phan Tấn Bảng, Bùi Trung, Nguyễn Đại Anh Minh, Võ Chương, Lưu Nam Anh, Quách Đại (1968-75) đang ở San Jose. Có Nguyễn Quân ở Sacramento. Ở Denver có Võ Bá Hải. Ở Arizona có Nguyễn Cao Cường (giáo sư

y khoa rất nổi tiếng ở Mayo Clinic, Scottdale), Trần Thạnh, giáo sư Toán tại Đại Học New South Wales, Úc…

Khóa 70-77 có Đỗ Tiến Dũng, Hà Châu Bảo, Lê Thương, Nguyễn Văn Hào, Hồ Sĩ Hưng, giáo sư y khoa ở UC Davis, con của bác sĩ Hồ Văn Châm, nguyên Tổng Trưởng Chiêu Hồi, VNCH.

Khóa 71-78 có Nha sĩ Lê Trung Sơn ở San Francisco.

Một số học sinh Petrus Ký, sau nầy tốt nghiệp, được trở lại dạy tại Petrus Ký và nổi tiếng là Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm (PK56), Giáo sư Nguyễn Hữu Phước (PK60), Giáo sư Nguyễn Xuân Hoàng (PK59). Thời tôi học y khoa, vì thiếu giáo sư trung học, có một số sinh viên y khoa nộp đơn xin dạy học và được bổ nhiệm dạy tại Petrus Ký như Bác sĩ Võ Văn Tùng, Bác sĩ Đinh Bá Hào, Bác sĩ Nguyễn Sơ Đông. Riêng tôi, trong thời gian học y khoa, có nộp đơn và đã được sự vụ lệnh dạy tại Petrus Ký (tất cả là ba lần) nhưng bị trường từ chối vì tôi quá ốm yếu nhỏ con! Thế mà, nay tôi phải đảm nhận chức vụ Hội Trưởng Petrus Ký từ năm 2000, nay đã 17 năm rồi. Thật là một thiệt thòi cho tôi. Nhân dịp Hội Ái Hữu Petrus Ký kỷ niệm 30 năm thành lập, tôi xin kể lại dưới đây một số kỷ niệm.

KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP HỘI ÁI HỮU PETRUS KÝ BẮC CALI

Một số điểm xin nhắc lại là: Hội đã được phép thành lập vào ngày 8 tháng 9, năm 1986 do giấy phép của bà March Fong Eu, Secretary of State of California. Hội đã bắt đầu hoạt động vào đầu năm 1987 và ra mắt trong một

buổi họp mặt xuân với thành phần Ban Chấp Hành như sau: Nguyễn Thanh Liêm, Hội Trưởng, Bác sĩ Tô Ngọc Ẩn, Phó Hội Trưởng, Trần Văn Sáng, Phó Hội Trưởng và Võ Duy Thưởng, Tổng Thư Ký.

Giáo sư Liêm làm Hội trưởng 3 nhiệm kỳ từ lúc thành lập đến năm 1993, nhiệm kỳ thứ tư (1993-95) do cựu Hải Quân Đại Tá Trần Thanh Điền làm Hội trưởng, và hai nhiệm kỳ (1995-99) do anh Võ Duy Thưởng làm Hội trưởng và từ 1999 đến nay do tôi (Trần Văn Nam) làm Hội trưởng.

Hội đã tổ chức một buổi kỷ niệm long trọng tại nhà hàng Flourishing Garden với trên 200 quan khách tham dự, đặc biệt có hai vị khách quý là cựu Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và cựu Đô Đốc Hải Quân Trần Văn Chơn, và có hiện diện của cựu Hiệu Trưởng Trần Văn Nhơn…

Những người còn gắn bó với Hội kể từ khi Hội được thành lập đến nay phải kể đến hai anh Ngô Văn Kim và Đinh Văn Hùng Sơn.

Anh Ngô Văn Kim là cựu học sinh Petrus Ký (48-53) và sau đó gia nhập binh chủng Không Quân, tới năm 1975, anh đã là Trung Tá Không Quân. Anh cũng là một tuyển thủ bóng tròn của Hội Petrus Ký và Hội Ngôi Sao Gia Định. Từ lúc thành lập đến nay, anh luôn luôn hết lòng với Hội, âm thầm hoạt động. Buổi họp nào anh cũng lo phần tiếp tân, sắp xếp chỗ ngồi, kiểm soát tài chánh… và không nề hà bất cứ công tác nào. Không có anh, chúng tôi không thể hoạt động được.

Kỹ sư Đinh Văn Hùng Sơn (PK67) cũng có mặt từ lúc thành lập đến nay và sẵn sàng đảm nhận công tác được giao phó, nhất là văn nghệ và MC là sở trường của anh. Bác sĩ Tô Ngọc Ẩn cũng có mặt từ lúc đầu, nhưng nay ít đi họp vì lớn tuổi, nhưng sẵn sàng đóng góp mỗi khi Hội có chuyện cần.

Một gương mặt thường xuyên, không vắng bất kỳ buổi họp nào của Petrus Ký là Giáo sư Lưu Khôn. Giáo sư Khôn là một cựu học sinh lão thành của Petrus Ký. Giáo sư Khôn vào học Petrus Ký từ năm 1941 và ra trường năm 1951. Năm nay đã 86 tuổi, nhưng lúc nào Giáo sư cũng đến họp và hoạt động với anh em cựu học sinh, tính tình hiền lành, khiêm cung làm chúng tôi rất khâm phục và mến mộ.

Các bạn khác, từ năm 1999 đến nay vẫn gắn bó với Hội như Bác sĩ Huỳnh Minh Châu, Bác sĩ Đặng Phương Trạch, Bác sĩ Huỳnh Long Hoàng, anh Quách Đại, Bùi Lương, Trần Nghĩa Sĩ, Phạm Quang, Trần Tới, Hoàng Trọng Tâm, Phạm Viết Triệu, Lê Thành Long, Bác sĩ Tô Ngọc Ẩn, Bùi Trung, Nguyễn Đình Anh, Nha sĩ Lê Trung Sơn…

Ba bạn già là Trần Bá Quyên, Nguyễn Văn Tước và Cao Ngọc Tài rất có lòng trước đây, nhưng vì vấn đề sức khỏe, nên không đi họp được. Một bạn già Petrus Ký khác là Trần Phú Thạnh thì đã qua đời cách đây mấy năm.

Những người đã ra đi mà chúng tôi rất quý mến là các cụ Lâm Văn Lợi, Lê Văn Cao, Đoàn Văn Hường, Đỗ Bá Khê, cựu Đại tá Nguyễn Trúc Long, Bác sĩ Trần Hiếu

Thuận, cựu Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện Mai Văn An và hai thân hữu là cựu Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm và cựu Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn. Các vị nầy đã đến tham dự các buổi họp mặt của Hội và rất có lòng với Hội. Năm 2014, chúng tôi đã mất Giáo sư Nguyễn Xuân Hoàng, người rất tích cực ủng hộ Hội. Và vừa qua, năm 2016 chúng tôi đã mất thêm Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm.

Hai vị khác là hai cựu học sinh Petrus Ký, nay không đến tham dự là cụ Trần Khương Trinh, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện và cựu Trung Tướng Lâm Quang Thi (nay đã ở trong viện dưỡng lão). Một vị cao niên là thân hữu và nguyên là cố vấn của Hội, là Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, năm nay đã 86 tuổi vẫn đến sinh hoạt thường xuyên với Hội.

Các vị hiệu trưởng còn liên lạc với Hội là Giáo sư Trần Ngọc Thái, rất có lòng với Hội, nhưng vì sức khỏe nên không tham dự buổi họp nầy, Giáo sư Trần Văn Nhơn, nay cũng đã ngoài 80, vẫn đến sinh hoạt. Ba vị cựu Hội trưởng, nay chỉ còn hai là cựu luật sư Võ Duy Thưởng, đã dọn về Dublin, ít khi xuất hiện ở San Jose, có lẽ bận lo tu tập về thiền, cựu Đại Tá Trần Thanh Điền vẫn đến họp với anh em, và hoạt động mạnh ở Hội Hải Quân.

Tất cả đều đã đóng góp cho Hội, không nhiều thì ít, chúng tôi xin tri ân những ân tình đó.

Chúng ta rất may mắn có một số thân hữu và một số y, nha, dược sĩ đã đến sinh hoạt với chúng ta và luôn luôn ủng hộ tài chánh để chúng ta có quỹ hoạt động. Đó là ông bà Lê Ngọc Linh, chị Trần Thu Phượng, bà Kim Tín, anh

Hòa Vũ (Vũ Heritage Foundation), nhóm bác sĩ y khoa 68, nhóm bác sĩ y khoa ở Oakland, nhóm bác sĩ của hội Premier Care, Hội Y Sĩ, Bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi. Chúng tôi xin tri ân tất cả.

Tất cả các hoạt động của Hội, tuy nhỏ bé, cũng đã đóng góp vào công cuộc xây dựng một cộng đồng Việt Nam vững mạnh tại San Jose. Ngoài các việc tương tế, các sinh hoạt văn hóa, xã hội, truyền thông tại San Jose, Hội đều có tham gia và đóng góp. Đến nay, đã 17 năm, khi làm Hội trưởng, tôi chỉ muốn làm Hội trưởng một nhiệm kỳ thôi, rồi giao lại cho các anh em trẻ luôn và từ giã Hội, nhưng nay tôi bị mắc 'kẹt' chưa rút lui được. Tôi mong anh em Petrus Ký trẻ, trẻ hơn tôi, đứng ra gánh vác Hội, làm cho Hội đi lên, có nhiều khởi sắc hơn.

Thời gian qua, các bạn trẻ, nhưng nay đã 'sồn sồn' rất có lòng với Hội như Quách Đại, Bùi Trung, Nguyễn Đại Anh Minh… nhưng nay vẫn chưa chịu 'chui' ra thay tôi. Nguyễn Đình Anh, cũng là hội viên rất tích cực, nhưng nay phải săn sóc mẹ già, cho nên không có điều kiện sinh hoạt thường xuyên với Hội. Một số bạn khác thì ở xa, bận nhiều công việc như Tôn Tường Vũ, Lê Trung Sơn… nên ít khi tham gia các buổi họp mặt.

30 năm qua là một quãng đường khá dài, từ khi chúng ta bỏ nước ra đi. Chúng ta sắp đi một con đường mới trước mặt nhân dịp Hội được 30 tuổi, tôi xin được cám ơn các bạn Petrus Ký, gia đình, thân hữu và các mạnh thường quân đã giúp đỡ Hội có thể hoạt động và hoạt động vững mạnh.

VÀI NÉT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON

(1961-1968)

Có nhiều bài viết về Đại Học Y Khoa Saigon, chúng tôi muốn ghi lại nơi đây những nét chính về ngôi trường thân thương của chúng tôi và những kỷ niệm về ngôi trường cũ mà hơn 50 năm trước, chúng tôi đã may mắn tốt nghiệp từ trường này.

I. TRỤ SỞ:

Lúc đầu trụ sở của trường ở số 28 đường Testard thuộc Quận 3 Saigon, sau năm 1955, tên đường được đổi thành Trần Quý Cáp, tên một vị chí sĩ từng góp công tranh đấu chống Pháp trong Phong Trào Cần Vương. Trụ sở này là một biệt thự của gia đình BS Henriette Bùi, nữ bác sĩ y khoa đầu tiên. Bà là con gái của ông Bùi Quang Chiêu, Nghị viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ. Gia đình bà đã hiến tặng biệt thự này để làm trụ sở ban đầu cho Trường Đại học Y Khoa Saigon. Trường là một biệt thự hai tầng: tầng trên làm văn phòng Khoa Trưởng, phòng Hội Đồng Giáo sư và cũng là nơi các sinh viên trình luận án-tầng dưới dành cho văn phòng hành chánh, phòng hội và thư viện. Lúc đầu trường chỉ gồm có khu nhà chính, sau này mới xây thêm các dẫy nhà sau nơi khu vườn rất rộng và các cấu trúc này được sắp xếp theo hình chữ U,

gồm phòng ghi danh cho sinh viên, phòng hành chánh, hai giảng đường lớn và một giảng đường nhỏ…

Chúng tôi được học lý thuyết nơi đây vào buổi sáng, từ 7-9 giờ sáng rồi sau đó đi thực tập lâm sàng tại các bệnh viện từ 9:30-12 giờ trưa. Phần thực tập các môn căn bản thì chúng tôi phải chạy đến các địa điểm khác như sau: Sinh Hóa học ở phòng thí nghiệm bệnh viện Đô Thành (nay là bệnh viện Sài Gòn); Vật lý ở Viện Ung thư Quốc gia; Sinh lý học, Ký sinh trùng, Mô học ở phòng thí nghiệm đường Trần Hoàng Quân; Vi trùng học ở viện Pasteur; cuối cùng là Cơ thể học (ở viện Cơ Thể đường Trần Hoàng Quân).

Sau này, năm 1966, trụ sở trường được dời về Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa với hai phân khoa là Đại Học Y Khoa và Đại Học Nha Khoa Saigon tại số 217 Đại Lộ Hồng Bàng, bên kia là Đại Lộ Hùng Vương, nơi có Bảo Sanh Viện Hùng Vương và Trường Trung Học Chu Văn An, ngay trước cửa nhà thờ Ngã Sáu Chợ Lớn.

Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa Saigon ngày đó gồm ba phần: Building 1, ở ngay mặt trước Đại Lộ Hồng Bàng gồm có Phòng Khoa Trưởng, Văn Phòng Hành Chánh và một Giảng Đường nhỏ (Giảng Đường A); trên lầu 2 là Phòng thực tập mổ xác (Cơ Thể học) của GS Nguyễn Hữu và GS Trần Anh; lầu 3 có phòng thí nghiệm Sinh Lý Học của GS Trần Vỹ; lầu 4 có các phòng thí nghiệm như Dược Liệu,… Building 2 gồm có Đại Giảng Đường, Thư viện và Quán cơm Sinh viên. Building 3 có cổng ra đường Nguyễn Trãi, gồm bốn lầu: Lầu 1 là trụ sở Đại Học

Nha Khoa; lầu 2 là Khu Cơ Thể Bệnh Lý và Mô Học; lầu 3 là Khu Vi Trùng Học và Ký Sinh Trùng Học, lầu 4 là Khu Sinh Hóa của BS Bùi Duy Tâm và Văn Phòng Hội Y khoa Hoa Kỳ (American Medical Association, AMA) của các bác sĩ Hoover, Ira Singer,…

Đội ngũ nhân viên giảng huấn được sắp xếp theo 5 cấp:

- Giáo Sư Thực Thụ (Professeur tiltulaire)
- Giáo Sư Diễn Giảng (Professeur délégué)
- Giáo Sư Ủy Nhiệm (Professeur fonctionnel)
- Giảng Sư (Chargée de Cours)
- Giảng Nghiệm Trưởng (Assistant chef)
- Giảng Nghiệm Viên (Assistant)

Những người tốt nghiệp đại học có thời gian học dưới 7 năm (Dược Sĩ, Cử Nhân, Kỹ Sư,…) thi đậu kỳ thi tuyển giảng viên của nhà trường, sẽ được bổ nhiệm Giảng Viên.

Những người tốt nghiệp đại học có thời gian học 7 năm (Bác Sĩ), thi đậu kỳ thi tuyển giảng viên của nhà trường, được bổ nhiệm Giảng Nghiệm Trưởng.

Những người tốt nghiệp Tiến Sĩ, thi đậu kỳ thi tuyển giảng viên của nhà trường, hoặc những Giảng Nghiệm Trưởng có công trình nghiên cứu khoa học và thâm niên giảng dạy, được bổ nhiệm Giảng Sư.

Những Giảng Sư có công trình nghiên cứu khoa học và thâm niên giảng dạy sẽ được bổ nhiệm Giáo Sư Ủy Nhiệm.

Những Giáo Sư Ủy Nhiệm có công trình nghiên cứu khoa học và thâm niên giảng dạy sẽ được bổ nhiệm Giáo Sư Diễn Giảng.

Những Giáo Sư Diễn Giảng có công trình nghiên cứu khoa học và thâm niên giảng dạy sẽ được bổ nhiệm Giáo Sư Thực Thụ.

Từ Giảng Sư trở lên có quyền hướng dẫn Luận Án và tham gia Hội Đồng chấm Luận Án do Trưởng Khoa bổ nhiệm.

Đến niên khóa 1967-1968, Y Khoa Đại Học Đường Saigon có 16 GS thực thụ, 7 GS diễn giảng, 27 giảng sư và 41 giảng nghiệm trưởng-giảng nghiệm viên.

Về hệ thống trợ giảng, có các Nghiệm chế viên (préparateur) cho các bộ môn y học cơ sở. Các nghiệm chế viên này được tuyển hàng năm để trợ giảng cho đội ngũ giảng viên. Ứng viên là các sinh viên y khoa năm thứ 4-6, phải qua một kỳ thi. Nếu được tuyển dụng và chính thức bổ nhiệm, người này sẽ được hưởng một mức lương tương đương 50% lương một bác sĩ mới ra trường. Công việc chính là chuẩn bị và giảng thực tập cho sinh viên, phụ Giáo Sư tiến hành nghiên cứu khoa học (kết hợp làm Luận Án).

Về Nội trú các bệnh viện (Interne des hopitaux): tại các bộ môn lâm sàng có nhu cầu, nhà trường tổ chức thi tuyển nội trú. Ứng viên là các sinh viên y khoa năm thứ 5, thứ 6, phải qua một kỳ thi. Nếu trúng tuyển, ứng viên sẽ chính thức bổ nhiệm và ưu tiên chọn Bộ Môn/Bệnh

Viện theo kết quả xếp hạng. Các nội trú vẫn tiếp tục học như các bạn khác trong lớp, phần lớn thời gian của họ là ở bệnh viện để phụ giúp các GS trong giảng dạy lâm sàng và nghiên cứu khoa học (kết hợp làm Luận Án). Khi ra trường, ngoài tước vị Bác sĩ Y Khoa, họ còn có quyền sử dụng tước vị "Cựu Nội Trú Các Bệnh Viện" trong khi hành nghề.

Ngoài ra, còn có các Nội trú Ủy nhiệm (Interne fonctionnel): sinh viên năm thứ 6, nếu có nhu cầu làm việc như Nội trú, có thể xin Giáo sư Trưởng khoa, nếu được chấp thuận, Giám Đốc Bệnh Viện nơi Bộ Môn hợp tác có thể ký quyết định bổ nhiệm, kỳ hạn sáu tháng, có thể gia hạn. Khi ra trường, ngoài tước vị Bác sĩ Y Khoa, họ không được quyền sử dụng tước vị "Cựu Nội Trú Các Bệnh Viện" trong khi hành nghề.

Tóm lại, lúc này Đại Học Y Khoa mới có trường sở rộng rãi, có đủ phòng ốc cho các môn khoa học căn bản như Cơ Thể Học, Sinh Lý Học, Sinh Hóa Học, Mô Học và Cơ Thể Bệnh Lý, Vi Trùng Học, Ký Sinh Trùng Học...

II. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC Y KHOA:

Chương trình học một năm đầu tiên tại Đại Học Khoa Học và 6 năm y khoa. Từ 1954 đến 1962 muốn vào y khoa phải có chứng chỉ PCB (Physique-Chimie-Biologie) rồi ghi danh vào học; từ 1963 đến 1969, nhà trường tuyển sinh từ Tú Tài 2, sau đó gởi sang Đại Học Khoa Học lấy chứng chỉ APM (Année Pré-Medicine, Dự Bị Y Khoa); từ 1970 đến 1975 đổi từ APM sang SPCN (Science naturelle-Physique-Chimie. Các lớp Khoa Học

Y Khoa Căn Bản (năm 1, 2), các lớp Bệnh Lý Y Khoa (năm 3, 4) và các lớp chú trọng về Trị Liệu, sửa soạn cho người bác sĩ ra trường hành nghề, trở thành một bác sĩ thực thụ (năm 5, 6). Các lớp khác (paramedicale) thì học kèm theo tùy hoàn cảnh. Sau đây là các bộ môn và các giáo sư phụ trách:

A.- **Năm thứ nhất, năm thứ hai**:

Giai đoạn này các sinh viên y khoa được dạy về các môn căn bản y khoa sau đây:

1. Cơ Thể Học: GS Nguyễn Hữu, GS Trần Anh
2. Sinh Lý Học: GS Trần Vỹ
3. Mô Học: GS Linh Mục Lichtenberger (người Bỉ, Dòng Tên)
4. Hóa Học: GS Nguyễn Bính Tiên (Tiến Sĩ), GS Lê Xuân Chất (thay thế GS Trương Văn Chôm, nguyên khoa trưởng Dược Khoa)
5. Vật Lý: GS Nguyễn Đình Hoằng (Quang Tuyến)
6. Môn Triệu Chứng Học (sémiologie): Nhiều giáo sư giảng dậy.

Dĩ nhiên cuối năm các sinh viên phải thi lý thuyết và thực hành các môn trên, nhưng không được phép thi rớt ở lại lớp hai năm liền trong suốt sáu năm học.

B.- **Năm thứ ba, năm thứ tư:**

Đây là giai đoạn các sinh viên y khoa được học về các môn nguyên nhân gây bệnh và học những bước hướng dẫn sơ khởi của hành nghề y khoa:

1. Vi Trùng Học: GS Nguyễn Văn Ái, sau này từ năm 1965 có thêm GS. Vũ Quí Đài.

2. Ký Sinh Trùng Học: BS Lê Văn Hòa (BS Thú Y), và sau này từ năm 1965 có thêm BS Đỗ Thị Nhuận.

3. Y Khoa Thực Nghiệm (Médicine Expérimentaire): GS Trần Vỹ

4. Cơ Thể Bệnh Lý: GS Nguyễn Huy Can, GS Đào Hữu Anh...

5. Bệnh Lý Ngoại Khoa: GS Đặng Văn Chiếu, GS Nguyễn Hữu…

6. Bệnh Lý Nội Khoa: Các GS Lê Xuân Chất, Nguyễn Văn Út, Bùi Quốc Hương, Nguyễn Ngọc Huy…

7. Y Khoa Giải Phẫu (Médecine Opératoire): GS Nguyễn Hữu, GS Trần Anh.

8. Sản Phụ Khoa: Các GS Nguyễn Văn Hồng, Hoàng Ngọc Minh, Vũ Thiện Phương

9. Bệnh Lý Tổng Quát: GS Pièrre Caubet

Ở năm thứ 3, các sinh viên phải thi lý thuyết và thực tập các môn Vi Trùng Học, Ký Sinh Trùng Học, Cơ Thể Bệnh Lý và Y Khoa Thực Nghiệm. Còn năm thứ 4, phải thi Bệnh Lý Nội Khoa, Bệnh Lý Ngoại Khoa, Bệnh Lý Tổng Quát, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa và thực tập (môn Y Khoa Giải Phẫu - Médecine opératoire)

C. - Năm thứ năm:

1. Trị liệu học: Nhiều giáo sư dạy (lúc trước do GS Rivoalen phụ trách)

2. Dược Liệu Học (pharmacology): do BS kiêm DS Nghiêm Xuân Huỳnh phụ trách.

3. Y Khoa Phòng Ngừa (Médecine Préventive): BS Phan Quang Đán

4. Déontology: GS Nguyễn Đình Cát.

5. Y Khoa Pháp Lý (Médecine Légale): BS Đỗ Thanh Mai.

Từ năm thứ 5 đến năm thứ 6, sinh viên nếu giỏi và muốn trở thành giáo sư y khoa, các sinh viên có thể xin thi tuyển vào làm nội trú các bệnh viện, có phòng riêng ở trong bệnh viện và "có lương căn bản" nên không phải lo lắng về vấn đề tài chánh sinh sống, suốt ngày "lăn lóc trong bệnh viện", yên tâm học hành và phục vụ bệnh nhân.

Dĩ nhiên, cuối các năm thứ 5 và thứ 6 cũng có các kỳ thi lý thuyết và thực hành các môn học và năm thứ sáu có kỳ thi viết và vấn đáp về bệnh lý nội thương, ngoại thương và sản phụ khoa và sửa soạn luận án để trình cho Hội Đồng Giám Khảo để lấy Bằng Tiến Sĩ Y Khoa (tiến sĩ quốc gia) sau khi hoàn tất năm học thứ 6.

D.- Năm thứ sáu:

Là năm chót, coi như sinh viên y khoa lúc này đã "trưởng thành" với đầy đủ kiến thức y khoa, chỉ còn học thêm về điều trị học và kinh nghiệm xử trí của các thầy và các bác sĩ đàn anh, đàn chị. Sau khi trình luận án, các sinh viên y khoa đã trở thành Tiến Sĩ Y Khoa Quốc Gia, có quyền mở phòng mạch tư hay bệnh viện tư. Vì nhu cầu

chiến tranh, các bác sĩ hiện dịch (của Trường Quân Y) và các bác sĩ dân sự trưng tập (nhập ngũ) (chỉ vài người được hoãn dịch vì lý do gia cảnh (con trai một) hay lý do "nhu cầu" đặc biệt), nên các bác sĩ chưa trình luận án cũng được quyền hành nghề y khoa và đảm nhiệm nhiều chức vụ đặc biệt trong ngành y khoa (quân y và dân y).

III. SAU ĐÂY LÀ CÁC CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC GS, BS LÃNH ĐẠO (TRƯỞNG KHU):

1. Khoa Trưởng: GS Phạm Biểu Tâm

2. Trưởng Khu Giải Phẫu A: GS Trần Quang Đệ, kế đến là GS Đặng Văn Chiếu.

3. Trưởng Khu Giải Phẫu B: GS Phạm Biểu Tâm

4. Giám Đốc Cơ Thể Học Viện: GS Nguyễn Hữu (đi sang Pháp) và GS Trần Anh thay thế

5. Trưởng Khu Nhãn Khoa: GS Nguyễn Đình Cát, Nguyễn Ngọc Kính (GS Diễn giảng)

6. Trưởng Khu Ung Thư: GS Đào Đức Hoành

7. Trưởng Khu Cơ Thể Bệnh Lý: GS Nguyễn Huy Can, GS Đào Hữu Anh (GS Diễn Giảng)

8. Trưởng Khu Nhi Khoa: Các GS Phan Đình Tuân, Phạm Gia Cẩn, Vũ Thị Thoa, Trương Thị Bạch

9. Trưởng Khu Tim Mạch: GS Nguyễn Ngọc Huy

10. Trưởng Khu Ngoài Da, Hoa Liễu: GS Nguyễn Văn Út

11. Trưởng Khu Nội Khoa A: GS Nguyễn Ngọc Huy

12. Trưởng Khu Nội Khoa B: GS Trần Lữ Y (Louis)

13. Trưởng Khu Sản Khoa: GS Nguyễn Văn Hồng

14. Trưởng Khu Niệu Khoa: GS Ngô Gia Hy

15. Trưởng Khu Tai Mũi Họng: GS Trương Minh Ký (GS Diễn giảng)

16. Trưởng Khu Quang Tuyến: GS. Nguyễn Đình Hoằng, GS Liễu Thanh Tâm, GS Trần Thế Nghiệp (GS Diễn giảng)

17. Trưởng Khu Phế Khoa: GS Pierre Hautier, GS Lê Quốc Hanh (GS Diễn giảng)

IV. CÁC KHOA TRƯỞNG VÀ CÁC BIẾN ĐỘNG CHÍNH TRỊ:

Trong thời gian tôi học, các vị sau đây đã lần lượt làm khoa trưởng:

1. **GS Phạm Biểu Tâm (1954-1967):** BS chuyên về giải phẫu, GS là học trò giỏi của GS Huard từ Đại Học Y Khoa Hà Nội. Ông sinh năm 1913 tại Huế, là con của cụ Tiến Sĩ Phạm Hữu Văn, gốc tỉnh Bến Tre, được triều đình bổ làm Án Sát tỉnh Nghệ An. GS Phạm Biểu Tâm theo học Y Khoa Hà Nội từ năm 1933 tới năm 1940, nội trú các bệnh viện từ năm 1939 tới năm 1947 và đỗ Thạc Sĩ Y Khoa (Agrégé) năm 1948. GS Phạm Biểu Tâm còn là một cựu hướng đạo sinh gương mẫu, tháo vát; trong ngành y khoa, ông là một bác sĩ giải phẫu rất giỏi và là một giáo sư tận tâm, gương mẫu, luôn tận tâm săn sóc các bệnh nhân và hướng dẫn dạy dỗ sinh viên hết lòng. GS Tâm rất có lòng với học trò, các sinh viên hiếu học và nghèo. Chính GS

Tâm đề nghị cho tôi được học bổng Bộ Giáo Dục và phần thưởng của Hội Rotary Club (1965), nhưng oái oăm thay ông đã bị bãi nhiệm vào ngày 30-1-1967 sau gần 13 năm làm Khoa Trưởng. Sau đó, GS Phạm Biểu

Tâm vẫn phục vụ tại trường Y Khoa với tư cách là GS Giải Phẫu, Trưởng Khu Giải Phẫu B. Sau năm 1975, GS Phạm Biểu Tâm vẫn tiếp tục giảng dậy và được kính nể vì tài năng và nhân cách. GS Phạm Biểu Tâm về hưu năm 1984, sau đó sang định cư tại Mỹ. GS Phạm Biểu Tâm mất năm 1999, hưởng thọ 86 tuổi tại Nam California.

2. Ngũ Đầu Chế Y Khoa (1967-1968)

Sau khi GS Phạm Biểu Tâm bị bãi nhiệm bởi Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ năm 1967, một Ủy Ban 5 Người (ngày ấy được gọi là Ngũ Đầu Chế) Hội Đồng Khoa Trưởng được chỉ định điều hành thay thế GS Phạm Biểu Tâm theo nghị định của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, (Thủ tướng) Nguyễn Cao Kỳ ký. Năm người trong Ngũ Đầu Chế gồm GS Trần Anh, GS Ngô Gia Hy, GS Nguyễn Ngọc Huy, BS Nguyễn Thế Minh và BS Lê Minh Trí. Đến tháng 5, 1967 GS Ngô Gia Hy được bầu lên thay là vị Khoa Trưởng thứ 3....

3. GS Ngô Gia Hy (1967-1969): Đến tháng 5, 1967 GS được bầu lên làm Khoa Trưởng. GS Ngô Gia Hy sinh năm 1914 tại Hà Nội, tốt nghiệp, trình luận án năm 1948 và đỗ Thạc Sĩ Y Khoa năm 1962 và là Giáo sư thực thụ, làm trưởng khu Khu Niệu Khoa Đại Học Y Khoa và Trưởng Khu Bệnh Lý Niệu Khoa Bệnh Viện Bình Dân. GS Ngô Gia Hy là một nhân vật ôn hòa và có uy tín nên

khi nền Đệ Nhị Cộng Hòa được thành lập, ông được mời tham gia Thượng Hội Đồng Quốc Gia của cụ Phan Khắc Sửu vào năm 1965. Vì thế GS Hy đã giao toàn quyền Khoa trưởng cho GS Vũ thị Thoa. GS Ngô Gia Hy là một vị bác sĩ tài giỏi, tận tâm, lãnh đạo khu Niệu Khoa tại bệnh viện Bình Dân cho tới 30-4-1975. GS Ngô Gia Hy mất năm 2004 tại Saigon.

4. BS Phạm Tấn Tước (1969-1970): BS Phạm Tấn Tước, người miền Nam, nguyên là Y Sĩ Thiếu Tá thuộc binh chủng Hải Quân. BS Phạm Tấn Tước tốt nghiệp bác sĩ Đại Học Y Khoa Saigon 1948, nguyên Y Sĩ Trưởng, Trưởng Khối Quân Y Hải Quân 1956-1958. Nguyên Bác Sĩ điều trị bệnh viện Chợ Rẫy, chuyên khoa về Gan và Bộ Tiêu Hóa, GS Ủy Nhiệm.

BS Tước được bầu vào chức vụ Khoa Trưởng Đại Học Y Khoa vào ngày 12/11/1968 dưới thời Bộ Trưởng BS Lê Minh Trí. Thông thường chức vụ khoa trưởng phải là một giáo sư thực thụ, lâu năm, trong khi BS Tước mới chỉ là Giảng Sư và mới được nâng ngạch lên Giáo Sư Ủy Nhiệm (Professeur Délégué).

GS Phạm Tấn Tước nhậm chức thì tình hình yên ổn. Ông rất vui mừng và hoạt động hăng say, nhưng chỉ độ năm tháng sau thì tình hình xẩy ra tại Đại Học Y Khoa rất xáo trộn, nhiều khủng hoảng… Ngày thi cuối năm niên khóa 1969- 1970 phải hoãn mấy lần.

Lúc đó xẩy ra vụ sinh viên năm thứ 6 niên khóa 1968-1969 phản đối không chịu thi môn Nhi Khoa ở năm chót, kỳ thi phải dời lại nhiều lần. Rồi GS Khoa trưởng Tước

bị phản đối và tố cáo nhiều chuyện, đòi Giáo sư Tước từ chức. Chính quyền không can thiệp vào trường y khoa vì nguyên tắc các trường Đại Học có quy chế tự trị từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên cuộc tranh đấu đòi GS Tước từ chức cũng chẳng đi đến đâu. Sau GS Tước được bổ nhiệm về Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát đảm nhiệm chức vụ Phụ Tá đặc trách y tế. Vì nhu cầu chiến tranh, ngành Cảnh Sát tăng nhân số lên rất nhiều, trên 100 ngàn người. Lúc đó, GS Tước từ chức khoa trưởng vào cuối năm 1970 để qua ngành Cảnh Sát.

Tôi không thường gặp GS Phạm Tấn Tước nhưng biết ông là người hiền lành, không có thủ đoạn nhưng ông bị nhiều "oan trái". Sau 30-4-1975, ông di tản sang Hoa Kỳ và sau này mất tại Hoa Kỳ.

5. GS Đào Hữu Anh (1970-1971)

Khi GS Phạm Tấn Tước làm khoa trưởng thì có hai Phó Khoa Trưởng là GS Đào Hữu Anh và GS Nguyễn Phước Đại. Cho đến tháng 12/ 1970 thì GS Phạm Tấn Tước từ nhiệm, sang phục vụ tại Khối Y Tế của Lực Lượng Cảnh Sát, GS Đào Hữu Anh lên làm quyền Khoa Trưởng cho đến khi bầu được vị khoa trưởng khác lên thay là GS Đặng Văn Chiếu. Trong thời gian GS Đào Hữu Anh làm quyền Khoa Trưởng, trường Đại học Y Khoa có vẻ "yên bình" không có gì xáo trộn.

GS Đào Hữu Anh sinh năm 1933, cùng tuổi, cùng lớp với GS Vũ Quí Đài, học Đại Học Y Khoa Hà Nội và Saigon (1952-1959), Quân Y Hiện Dịch Khóa 5 (1959). Năm 1965, BS Đào Hữu Anh tốt nghiệp American Board

of Pathology của Mỹ. Về nước năm 1965 làm Phó Khu Cơ Thể Bệnh Lý dưới quyền GS Nguyễn Huy Can và lên chức Trưởng khu từ năm 1972-1975. Di tản sang Mỹ từ tháng 4/1975 và làm GS diễn giảng về Cơ Thể Bệnh Lý ở Đại Học Y Khoa Vanderbilt, tiểu bang Tennessee cho tới ngày về hưu…

Tôi có được làm việc dưới quyền BS Đào Hữu Anh tại Trường Đại Học Y Khoa Saigon. Ông là một người hiền lành, dễ mến. Chính GS Anh đã giới thiệu tôi với GS Nguyễn Huy Can, trưởng khu Cơ Thể Bệnh Lý, để tôi được làm việc nơi đây với GS Nguyễn Huy Can.

6. GS Đặng Văn Chiếu (1971-1974)

Sau GS quyền Khoa trưởng Đào Hữu Anh thì Hội Đồng Khoa đã bầu GS Đặng văn Chiếu lên làm Khoa trưởng vào cuối năm 1971. GS Đặng Văn Chiếu sinh năm 1919 tại Cần Thơ, cựu học sinh Petrus Ký, tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Saigon năm 1949, ông là đệ tử ruột của GS Trần Quang Đệ, rất giỏi về giải phẫu mặc dầu ông không có đi tu nghiệp hay thi bằng Thạc Sĩ nhưng nổi danh là một bác sĩ giải phẫu lỗi lạc, đức độ nên được mọi người kính mến. Ông là chuyên gia về thần kinh sọ não, và làm Giám Đốc Bệnh Viện Vì Dân từ năm 1974 (do bà Nguyễn Văn Thiệu vận động xây dựng). Ông có nhiều con trai gái, dâu rể là bác sĩ và ba con gái tốt nghiệp nha sĩ. Khi VC tấn chiếm Saigon, GS Đặng Văn Chiếu đã đem gia đình sang Mỹ và là BS chuyên Giải phẫu thần kinh ở Fresno, California. GS từng ký chứng nhận cho các bác sĩ đàn em và học trò để thi Educational Commision Foreign Medical

Graduates (ECFMG), bằng tương đương bác sĩ của Mỹ.

Trong nhiệm kỳ khoa trưởng của ông, mọi chuyện yên bình, ổn thỏa vì ông là người hiền lành, nhã nhặn, được lòng Hội Đồng Khoa, Ban Giảng Huấn và sinh viên.

GS Đặng văn Chiếu qua đời năm 2004 tại California.

7. GS Vũ Quí Đài (1974-1975)

GS Vũ Quí Đài coi như khởi đầu của các bác sĩ ảnh hưởng của y khoa Mỹ, dù rằng trước kia ông cũng là những bác sĩ tốt nghiệp ngành y khoa ảnh hưởng Pháp. Sau khi GS Vũ Quí Đài được Hội Đồng Khoa bầu vào chức vụ Khoa Trưởng vào tháng 12/1974. Nhiệm kỳ chính thức của ông là 1974-1977.

Bác sĩ Vũ Quí Đài sinh năm 1933, học Đại Học Y Khoa Hà Nội và Saigon (1952-1959), nguyên nội trú các bệnh viện, trình luận án năm 1960. Quân Y Hiện Dịch Khóa 5, du học Mỹ tốt nghiệp Ph.D năm 1964, về nước năm 1965, ông làm Giảng Sư Đại Học Y Khoa rồi Giáo Sư Thực Thụ, Trưởng Khu Môn Vi Trùng Học từ 1965 tới 1975.

Sau ngày 30-4-1975, GS Vũ Quí Đài bị đi tù cải tạo vì là Y Sĩ Trung Úy Hiện Dịch, được biệt phái về dậy tại trường Đại học Y Khoa. Sau khi tù cải tạo về, ông được trở lại trường cũ và tiếp tục dậy học (chuyên môn) cho đến năm 1982 thì được con bảo lãnh sang Mỹ theo diện Đoàn Tụ Gia Đình (ODP).

V. MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI CÁC GS TẠI ĐẠI HỌC Y KHOA

Ngoài hai giáo sư Nguyễn Văn Út và Vũ Thiện Phương

mà tôi có dịp cận kề làm việc, tôi còn có dịp làm việc với các giáo sư và có một số kỷ niệm với các giáo sư sau đây:

1. **GS Nguyễn Hữu:**

Những ai học Đại Học Y Khoa từ lúc trường di cư vào Nam tại Saigon cho đến năm 1968, không ai là không biết GS Nguyễn Hữu. Ông là một giáo sư về Cơ thể học và tận tụy với nghề, luôn giảng dậy kỹ càng và tận tâm chỉ dẫn thêm cho các sinh viên học trò. Tiếng ông giảng lớn mạnh, ai cũng nghe được và sau này theo gương ông trong tinh thần phục vụ bệnh nhân và học trò. Ông lợi dụng dịp đi dự Hội Nghị ở Luân Đôn, Anh, ông xin tị nạn chính trị ở Pháp rồi trở thành GS Đại Học Y Khoa Brest. Ông mất tháng 10 năm 2008. Ông có trí nhớ rất dai và rất tài. Ông thuộc lòng cuốn *Anatomie Humaine (Tête Et Cou)* Rouvière và Delmas. Khi gặp ai rồi, ông nhớ tên các người đó rất rõ, ngay cả nickname của tôi. Khi tôi gặp thầy vào năm 1995 tại San Jose sau bao năm xa cách. Tôi chào thầy, thầy nhớ ra ngay, hỏi: "Phải Nam S. không?" Và tôi trả lời: "Thưa thầy phải." và thầy cười xòa. Khi thầy mất, chúng tôi có xin một một lễ cầu siêu cho thầy tại San Jose.

2. **GS Trần Anh:**

GS Trần Anh sinh năm 1921. Phải nói rằng ai đã học ngành y khoa đều phải biết GS Trần Anh vì GS là một trong các bác sĩ được đào tại từ trường Đại Học Y Khoa Hà Nội, theo kháng chiến đến năm 1950 mới về Hà Nội, trình luận án (1950) và từng giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Quân Y Việt Nam Cộng Hòa. Ông đậu Thạc Sĩ Y Khoa Pháp, Giáo sư thực thụ Đại Học Y Khoa về môn Cơ

Thể Học. GS từng nghiên cứu thêm về Nhân chủng học cho nên ông dậy lớp Nhân Chủng Học tại Đại Học Văn Khoa Saigon. Khi BS Lê Minh Trí làm Tổng Trưởng Giáo Dục, GS Trần Anh được đề cử làm Quyền Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon (thay thế GS Trần Quang Đệ) với GS Vũ Quí Đài làm phụ tá Viện Trưởng.

Là một giáo sư tận tụy với nền giáo dục y khoa, luôn quan tâm đến học trò và tận tụy dậy dỗ học trò, làm việc chăm chỉ, thân mật lo lắng cho sinh viên, han hỏi sinh viên. Khi dậy học thì ông đã đụng vào ổ kiến lửa là các sinh viên cộng sản, nhóm Dương Văn Đầy, nên bị ám sát một cách oan uổng. Tôi còn nhớ vào cuối tháng 1/1969, tôi đem cuốn luận án tôi đã viết xong để ông ký, ông là Chánh Chủ Khảo kỳ trình luận án vào tháng 3/1969. Ông thấy tôi liền ngoắc tôi vào phòng và ký ngay cho tôi. Khi tôi hỏi thăm, ông khuyên tôi một đôi điều. Khi tôi ra về, ông còn "tâm sự" với tôi là ông "đã tận tụy với nghề nghiệp với học trò mà vẫn có kẻ hăm dọa sẽ giết ông". Ông khuyên tôi nên cẩn thận và nếu có gì cần thì cũng không nên gặp ông nữa. Sau đó hai, ba tuần ông bị ám sát. Cuộc đời của ông cũng chịu nhiều "oan trái".

3. **BS Lê Minh Trí:**

BS Lê Minh Trí được thủ tướng Trần Văn Hương bổ nhiệm làm Tổng Trưởng Bộ Văn Hóa-Giáo Dục. BS Lê Minh Trí khi nhậm chức Tổng Trưởng Giáo Dục muốn trong sạch hóa vấn đề du học nên cương quyết ngăn chặn không cho các sinh viên con nhà giầu muốn mượn cớ du học để trốn quân dịch. BS Lê Minh Trí đã xé bỏ nhiều

nghị định cho phép du học của các bộ trưởng tiền nhiệm, ông gọi các sinh viên xin du học là "con ông cháu cha" và ký nghị định thay thế "chú trọng đến giới con nhà nghèo". Ông cũng hay đến thanh tra các trường trung học, đại học một cách bất thường, không báo trước. Khi ông đến nơi, ông để ý quan sát cách làm việc của các trường và gặp các vị Khoa trưởng, Hiệu trưởng... Vị nào không có mặt thì ông ký nghị định cách chức vì cho là thiếu tinh thần trách nhiệm. Tội nghiệp GS Trần Văn Thứ, Hiệu trưởng Petrus Ký (bố của BS Trần Minh Yến (YK68), là một GS được nhiều người mến mộ, bị đau nặng, không trình diện ông được. GS Thứ bị cách chức hiệu trưởng Petrus Ký một cách oan uổng. Vì quá thẳng thắn, bộc trực nên BS Lê Minh Trí bị nhiều phe phái ghét…, và sau nầy bị ám sát.

4. **GS Trần Vỹ:**

GS Trần Vỹ là người Huế, sinh năm 1920. Ra Bắc học Y Khoa Hà Nội khóa 1939-1946, cùng khóa với GS Nguyễn Hữu, BS Nguyễn Lưu Viên. Ông thuộc gia đình danh giá, thân phụ là cụ Trần Kinh, Đốc Học Quảng Bình, nhạc phụ là Tổng Đốc Quảng Ngãi. Ông rất hiền lành, không hách dịch, dù ở chức vụ Bộ trưởng. Tôi có dịp làm việc với thầy khi thầy là chủ tịch Hội Bác sĩ Công giáo Việt Nam.

Tham gia kháng chiến từ 1945-1950, bỏ vào Miền Nam năm 1951, đi du học Pháp, đậu Thạc Sĩ Y Khoa và Tiến Sĩ Khoa Học năm 1955. Khi về nước, ông được TT Ngô Đình Diệm bổ nhiệm làm Bộ Trưởng Y Tế (1956-1961) thay thế GS Vũ Quốc Thông. Sau này, ông được

cử làm Tổng Giám Đốc Trung Tâm Khảo Cứu Quốc Gia (1961-1965) và là Giáo Sư Thực Thụ trường đại học Y khoa đến 30-4-1975. GS Trần Vỹ có một người con trai tên Trần Tự cũng là bác sĩ, học cùng lớp với BS Nguyễn Xuân Ngãi (YK 74).

GS Trần Vỹ có tham gia chính quyền Việt Nam Cộng Hòa nên cũng bị đi "tù cải tạo" từ năm 1975-1979. Ông từng là chủ tịch Lực Lượng Nhân Dân Kiến Quốc thời Việt Nam Cộng Hòa. Khi mãn tù, ông không được trở lại dạy tại Đại Học Y Khoa, vợ ông là BS Nguyễn Thị Vinh và con là BS Trần Tự mở chung phòng mạch để có phương tiện sinh sống. Nhà cửa của ông bị VC tịch thu mất cả. Năm 1989, gia đình ông được định cư tại Pháp, thoát khỏi cảnh khó khăn dưới chế độ cộng sản. Ông đã xuất bản hai cuốn sách *Prisionier Politique au Viet Nam (Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam)* bằng tiếng Pháp và cuốn *Saigon- Đời Sống Dưới Chế Độ Cộng Sản (1979-1989)* bằng tiếng Pháp, được dịch ra tiếng Việt. Tôi đã giúp thầy tổ chức lễ ra mắt tại San Jose năm 1993. Ông mất năm 1994 tại Pháp, hưởng thọ 74 tuổi.

Trong số các giáo sư Đại Học Y Khoa, ông là người may mắn và thành công nhất trong lãnh vực y khoa và chánh trị nhưng sau năm 1975, ông bị kẹt lại và sống dưới chế độ cộng sản trong sự buồn chán và ông đã dịch sách Thánh Vịnh Công Giáo sang thơ song thất lục bát.

Nhân dịp kỷ niệm sau 50 năm ra trường, tôi xin ghi lại đôi nét về Trường Đại Học Y Khoa Saigon với vài biến động và những kỷ niệm ngày xưa khi theo học, và cũng là

một vài tưởng nhớ đến các thầy, các bạn hầu sau này, các thế hệ con cháu biết về ngôi trường và công lao các vị thầy của cha mẹ, ông bà… ngày xưa đã đóng góp như thế nào cho Đại Học Y Khoa Saigon.

Hình các Thầy trong ban Giảng Huấn

Ghi chú: 50 năm qua, nhiều Thầy trong Ban Giảng Huấn đã về cõi vĩnh hằng. Xin được ghi lại một vài hình ảnh của các vị Thầy đáng kính.

Giáo sư PHẠM BIỂU TÂM
Khoa trưởng Đại học Y Khoa Saigon
(1954- 1967)

Giáo sư NGUYỄN HỮU

Giáo sư Rivoalen

Giáo sư Đào Đức Hoành

Giáo sư Hoàng Tiến Bảo

Giáo sư Phan Đình Tuân

Giáo sư Nguyễn Hữu, Ông bà Giáo sư Nguyễn Huy Can và Giáo sư Nguyễn văn Ái

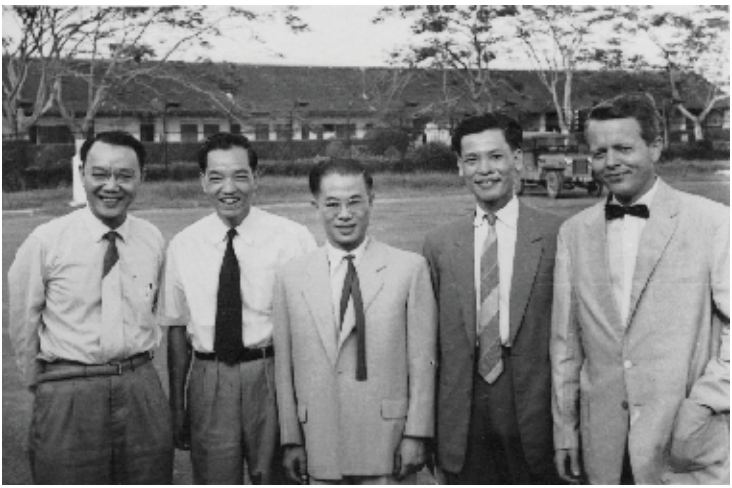

Các Giáo sư: Trịnh văn Tuất, Phạm Biểu Tâm, Nguyễn Hữu, Trần Ngọc Ninh và ??

Các Giáo Sư Phạm Biểu Tâm, Nguyễn Đình Cát, ??, Nguyễn Hữu và Trịnh văn Tuất

Giáo sư Đặng văn Chiếu (khoa trưởng Y Khoa (1971-1974)

Giáo sư Ngô Gia Hy (Khoa trưởng Y Khoa (1967-1968)

Giáo sư Vũ Thị Thoa (quyền Khoa Trưởng Y Khoa 1967-68)

Giáo sư Đào Hữu Anh (Khoa trưởng Y Khoa 1970-1971)

Giáo sư Vũ Quí Đài (Khoa trưởng Y Khoa 1974-1975)

Hình Các Bệnh Viện Thực Tập

Một vài hình ảnh các bệnh viện năm xưa ở Saigon mà khóa YK68 chúng ta đã hằng ngày đi thực tập.
Tiếc rằng không tìm thấy hình bệnh viện Nhi Đồng và Nguyễn văn Học

Bệnh viện Bình Dân Saigon đã được xây cất lại sau khi khóa YKSG68 đã tốt nghiệp

Bệnh viện Hồng Bàng

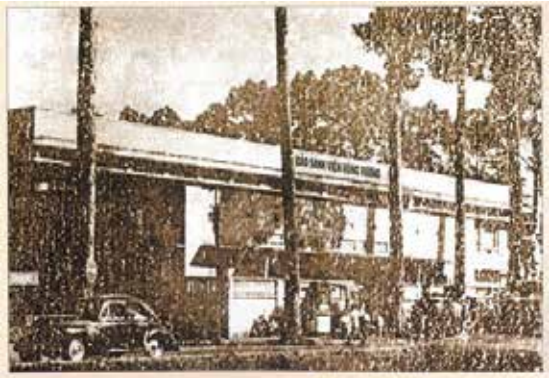

Bệnh viện Hùng Vương xưa

Bệnh viện Chợ Quán

VUI BUỒN VỚI KHU NGOÀI DA BỆNH VIỆN BÌNH DÂN

Theo tôi được biết, và theo lời GS Đào Đức Hoành, bệnh viện Bình Dân được xây dựng xong vào khoảng năm 1954, lúc đầu được dùng làm chỗ tiếp đón đồng bào Bắc di cư vào Nam, sau đó mới được trao trả cho Trường Đại Học Y Khoa Saigon làm nơi thực tập cho sinh viên y khoa. GS Phạm Biểu Tâm lúc đó thật vất vả để tổ chức lại trường Y Khoa Hà Nội mới di tản vào Nam (sau nầy thành trường Đại Học Y Khoa Saigon) và tổ chức Bệnh Viện Bình Dân là bệnh viện trực thuộc trường Y Khoa. Bệnh viện nầy lúc đó thì nhỏ nhưng sau nầy được phát triển thêm và có nhiều khoa: Giải Phẫu Tổng Quát (surgery) với GS Phạm Biểu Tâm và GS Nguyễn Hữu; Giải Phẫu Chỉnh Hình (orthopedic surgery) với GS Trần Ngọc Ninh; Ngoài Da (dermatology) với GS Nguyễn Văn Út; Khu Tai Mũi Họng (Ear-Nose- Throat=ENT) với GS Trương Minh Ký/ Lê Minh Trí); khu Ung Thư với GS Đào Đức Hoành; Khu Tiết Niệu với GS Ngô Gia Hy; Khu Nhãn Khoa (ophthalmology) với GS Nguyễn Đình Cát và Khu Nha Khoa, trực thuộc Đại Học Nha Khoa.

Nhiều giáo sư Đại Học Y Khoa đã làm giám đốc Bệnh viện nầy như GS Phạm Biểu Tâm, GS Ngô Gia Hy, GS Đào Đức Hoành. Bệnh viện Bình Dân như trên đã biết, có

thể nói là một bệnh viện chuyên khoa giải phẫu, nhưng lại có một Khu Ngoài Da. Khu Ngoài Da lúc đầu chiếm một dãy nhà ở sau Khu Nha Khoa là dãy nhà thứ hai của Bệnh viện Bình Dân, nếu đi cổng phụ, phía đường Phan Thanh Giản (gần đường Vườn Chuối và Pharmacie Bình Dân). Sau khi Đại Học Nha Khoa có cơ sở riêng ở Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa (đường Hồng Bàng), Khu Nha Khoa dời về đây, thì Khu Ngoài Da được thêm dãy nhà nầy để làm nơi điều trị cho bệnh nhân. Khu Ngoài Da chỉ có độ 20-30 giường, phần đông là những bệnh kinh niên mà GS Nguyễn Văn Út muốn giữ lại để giảng dạy cho sinh viên.

Tôi muốn ghi lại nơi đây một số kỷ niệm khi học với GS Út và Khu Ngoài Da ở Bệnh Viện Bình Dân.

Tôi còn nhớ vào năm thứ nhất (1962-1963), các sinh viên y khoa được đi thực tập mỗi nơi độ hai hoặc ba tuần lễ, tôi có dịp đến Bệnh Viện Bình Dân, Khu Ngoài Da, gặp anh Nguyễn Phong, nội trú tại đây. Anh đang học năm cuối, sắp ra trường, sau nầy được thầy cho vào Ban Giảng Huấn và gởi đi du học tại Pháp. Anh Phong sau khi học xong đã ở lại luôn bên Pháp. Một người nữa là anh Nguyễn Thứ, cũng sắp học xong. Anh Nguyễn Thứ, nguyên là dược sĩ tốt nghiệp năm 1955, có mở pharmacie. Sau đó, anh thấy ngành y khoa thích hợp với anh hơn nên anh lại sang y khoa học, đáng lẽ anh ra trường vào năm 1962, nhưng ở lại học thêm với thầy đến năm 1964 ra trình luận án do thầy bảo trợ. Sau đó, anh được làm bác sĩ điều trị tại Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu (Bệnh Viện Bạc Hà), rồi lên làm giám đốc trung tâm nầy cho đến năm 1975.

Tôi cũng được gặp thầy Út, nhưng lúc đó tôi chưa có ý định theo đuổi ngành nầy, vì thấy thầy Út hơi khó tính, lúc giảng dạy luôn luôn nói tiếng Pháp, ít khi nói tiếng Việt và bệnh nhân khu nầy thường bôi thuốc có màu xanh hoặc màu tím trên thân thể khiến tôi cũng hơi ngán.

Lúc đầu Khu Ngoài Da chỉ là một dãy nhà thôi, sau đó được thêm một dãy của Khu Nha Khoa, do khu nầy được dọn về trường Đại Học Nha Khoa tại Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa trên đường Hồng Bàng, Quận 5, Khu Chợ Lớn, trước Bệnh Viện Hùng Vương, nên Khu Ngoài Da có thêm chỗ cho bệnh nhân nằm điều trị, một phòng tiểu giải phẫu và một phòng đốt điện riêng biệt. Sau đó, Khu Ngoài Da lại có thêm một phòng để làm Phòng Thí Nghiệm Cơ Thể Bệnh Lý do GS Đào Hữu Anh, mới từ Mỹ về, đảm trách (1965), lúc đầu đọc các mẫu xét nghiệm cho bệnh nhân Khu Ngoài Da, sau được nới rộng đọc các mẫu xét nghiệm của các khu bệnh lý khác.

Tôi có duyên với khu Da Liễu của GS Nguyễn Văn Út và cuộc đời tôi sau khi học chuyên môn nầy đã được thành công khi ra hành nghề sau nầy.

Một Số Kỷ Niệm Tại Bệnh Viện Bình Dân

Tôi may mắn được học với GS Nguyễn Văn Út và trở thành bác sĩ chuyên khoa Da Liễu. Nhờ thế mà sau khi tù cải tạo về, tôi được làm việc ngay tại trạm Da Liễu Thành Phố (góc đường Ngô Thời Nhiệm/Nguyễn Thông) chung với Bệnh Viện Thanh Quan cũ (được gọi là Phòng Khám Bệnh Công Nhân Viên). Sau nầy, phòng khám bệnh công nhân viên dọn đi nên bệnh viện Da Liễu chiếm toàn thể

các khu nầy và các khu Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu.

Tôi may mắn được gặp GS Đào Hữu Anh tại đây và về sau GS Anh đã giới thiệu tôi với GS Nguyễn Huy Can, và tôi được làm việc thêm buổi chiều tại Khu Cơ Thể Bệnh Lý với tư cách nghiệm chế viên có được hưởng lương và sau nầy được giữ lại ở trường để học hậu đại học về Cơ thể bệnh lý và Ngoài da.

Tôi có cơ hội làm việc chung và học hỏi với các bạn trên lớp như BS Tôn Thất Chiểu (tôi có phụ mổ với anh một hai lần), BS Lê Văn Tập, các BS cùng lớp như Nguyễn Gia Khánh, Hồ Tấn Phước, Nghiêm Đạo Đại, Trần Ngọc Quang, Lê Ánh, Trần Bình Chi, Võ Thành Phụng, Lê Văn Tuấn… và có nhiều kỷ niệm êm đẹp với các anh.

Một Số Kỷ Niệm Tại Khu Ngoài Da

Khi tôi về làm nội trú ủy nhiệm tại Khu Ngoài Da của GS Nguyễn Văn Út thì chị nội trú ở đây là Lưu Thị Trà Mi được thầy "cưng nhất", không bao giờ bị thầy rầy la như chúng tôi thường bị. Chị chuẩn bị ra trường nên tôi ít có dịp gặp, và nhờ vậy, thầy cho tôi được theo thầy để phụ giúp cho thầy. Sau nầy, chị Trà Mi được ở lại và được thầy cho vào Ban Giảng huấn.

Lúc đó, có BS Bùi Đồng ở quân đội được biệt phái về. BS Bùi Đồng rất ít nói, không gây phiền hà cho ai, được thầy cho làm việc tại đây. Sau nầy, anh cũng được thầy cho vào Ban Giảng huấn.

Giữa anh Bùi Đồng và chị Trà Mi, thầy thích chị Trà Mi và cho chị lên chức giảng sư (assistant professor) và

đề nghị đi du học ngoại quốc, còn anh Bùi Đồng vẫn còn ở ngạch trật giảng nghiệm viên. Còn một chị nữa là BS Tôn Thị Yên, cũng ít nói, cũng thường bị thầy la rầy, nhưng chị thường "tỉnh bơ"… Thầy cũng thường la anh Bùi Đồng, nhưng anh "phớt tỉnh Ăng lê". Tôi rất quý mến anh Bùi Đồng ở điểm đó.

Học sau tôi một lớp, có hai nội trú thực thụ cũng được thầy thương là Ngô Thanh Hiền, đi du học trước 1975, ở lại Mỹ, nay đã qua đời và BS Vũ Khắc Thảo. BS Thảo tu nghiệp tại Mỹ năm 1973. Năm 1975 trở về Việt Nam, sau đó làm với thầy và vượt biên năm 1980 và không may bị chết trên biển cả. Còn các bạn Dương Duy Sử (nội trú ủy nhiệm), Nguyễn Thanh Thế (nội trú ủy nhiệm) cũng có thực tập tại đây và cũng được thầy yêu thích. Hai bác sĩ Thế và Sử sau năm 1975 có làm chung với tôi tại bệnh viện da liễu trước khi vượt biên năm 1979.

Ngoài ra, những người khác cũng làm việc với thầy Út tại Khu Ngoài Da Bệnh Viện Bình Dân có những nhân vật mà không ai có thể quên được là:

- Anh y tá Nguyễn Văn Sen: anh làm việc với thầy Út lâu năm nên biết cách chẩn đoán của thầy (giống như anh Nguyễn, khu mắt của GS Nguyễn Đình Cát). Anh nầy trước khi dẫn bệnh nhân cho thầy khám thì anh đã nói luôn chứng bệnh trước khi thầy chẩn đoán. Anh cũng vui vẻ, nhưng thầy không ưa. Sau nầy, anh thôi không làm tại Khu Ngoài Da nữa và ra ngoài, làm tư.

- Anh thư ký tên Dương Kỳ Trân (tự Ký Mập) mà thầy thường gọi là anh Ký. Tuy là thư ký nhưng anh làm

việc rất sát với thầy, giống như ông Đỗ Văn Cầu với thầy Nguyễn Văn Hồng bên Từ Dũ. Anh cũng biết rõ các chẩn đoán của thầy, nhưng anh ít nói, nhẹ nhàng nên thầy rất thích. Chúng tôi, mỗi khi bị "bí" chẩn đoán, hay muốn "xin xỏ" thầy điều gì đều phải nhờ anh Ký. Anh Ký không làm mất lòng ai.

- Phòng đốt điện có anh Ý, cũng ít nói, nhưng có tính "nguyên tắc".

- Các chị y tá và các nhân viên khác thì không có gì nổi bật, tuy nhiên, có một chị y tá người bắc, làm ở phòng lấy máu và làm biopsie, không hề sợ thầy, thường hay cãi với thầy…Tại phòng thí nghiệm, có một chị rất dễ thương, dễ mến là chị Nguyễn Thị Ba và một chị nữa, lớn tuổi, là Trần Thị Én hơi khó tính. Còn tất cả các sinh viên, nội trú, bác sĩ chúng tôi đi thực tập hay làm việc tại Khu Ngoài Da đều "ngán" thầy Út, ít ai được thầy chuyện trò thân mật. Riêng tôi, có tiếp xúc nhiều với thầy, tôi thấy thầy là một người hiền lành, rất tốt, nhưng cách xã giao bên ngoài hơi nguyên tắc dễ làm mất lòng nhiều người. Khi tôi có gì cần thiết xin thầy, thầy đều giúp đỡ và đề nghị cho tôi được ở lại Khu Ngoài Da để làm y sĩ thường trú. Khi tôi bị động viên, thầy đã cấp cho tôi một giấy chứng nhận thật tốt. Tôi cũng được học hỏi nhiều về chuyên môn với thầy, nhất là về chẩn đoán bệnh.

Một số bệnh nhân của thầy có bệnh mạn tính: Pian, Pemphigus, Scléroderma thường được thầy cho nằm lại để thầy giảng dạy, khảo cứu và cho làm luận án. Nếu ai đi tập sự ở khu nầy những năm 1966- 1967 đều biết một

bệnh nhân mạn tính bị syphilis aortique phải nằm bệnh viện rất lâu, thầy cho anh Nguyễn Thế Lạc làm luận án "*Sur un cas d'Aortique Syphilitique avec Hémiplégie chez une Eczémateuse"* (1967) hay anh Bùi Văn Rậu, lớp tôi, được thầy cho làm luận án về maladie de Buerger.

Một số bệnh nhân nằm ở đây thường được bôi thuốc xanh, tím… nên ai cũng đùa cho là thầy đủ màu sắc.

Một việc đáng tiếc đã xảy ra không hay cho thầy là BS Hà Thúc Nhơn đã có "phản ứng" và gây thương tích cho thầy.

Anh Hà Thúc Nhơn làm nội trú cho thầy và làm luận án với thầy. Lần đó từ Nha Trang về, anh Nhơn đã đến gặp thầy để hỏi về luận án của anh đã được thầy duyệt xong chưa. Đáng lẽ, thầy cũng thông cảm cho anh ở xa, ít có dịp về Saigon, mà "châm chước" một vài thiếu sót về cách trình bày, nhưng thầy hay quen la rầy các sinh viên nội trú, kể cả bác sĩ chúng tôi nên có nói vài câu làm "nghịch ý" anh Nhơn, cho nên anh nổi nóng mà "thượng cẳng chân, hạ cẳng tay" với thầy. Thầy bị bầm ở mắt và sưng ở chân…

Tôi có đến thăm và thầy cũng trách anh Nhơn hiểu lầm và đã bỏ qua, không có thưa kiện hay có biện pháp kỷ luật gì với anh Nhơn dù thầy rất thân với BS Phó Thủ tướng Nguyễn Lưu Viên, BS Khoa Trưởng Phạm Tấn Tước và nhiều sĩ quan cao cấp trong quân đội. Sau nầy, anh Nhơn nổi loạn ở Quân Y viện Nguyễn Huệ, Nha Trang (về chuyện tham nhũng và lem nhem ở đó) và đã bị bắn chết.

Khu Bệnh Ngoài Da Bệnh Viện Bình Dân, sau năm 1975, vẫn còn ở Bệnh Viện Bình Dân, cho đến đầu năm 1980 thì Khu Ngoài Da của thầy Út phải sáp nhập vào Bênh Viện Da Liễu của thành phố nhưng vẫn trực thuộc trường Đại Học Y Khoa. Khi "bị học tập cải tạo" về, tôi có đến gặp GS Út. Thầy cũng vui vẻ nhận tôi vào làm việc chung với thầy, nhưng lúc nầy vì việc giấy tờ rất khó khăn, vì vậy tôi đành gấp rút nộp đơn tại Sở Y Tế và được nhận vào làm việc ngay tại Trạm Da Liễu thành phố (sau đó trở thành Bệnh Viện Da Liễu).

Khi Bộ môn Da liễu sáp nhập chung với Bệnh Viện Da Liễu, tôi cũng thường gặp thầy và BS Vũ Khắc Thảo. Bệnh Viện Da Liễu chiếm tất cả các khu của Bệnh Viện Thanh Quan và Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu (mặt trước ở đường Ngô Thời Nhiệm, mặt sau ở đường Hồ Xuân Hương và bên hông là đường Nguyễn Thông). Sau nầy Bệnh Viện Da Liễu Thành Phố sửa lại rất khang trang và mặt chính ở đường Nguyễn Thông. Thầy cũng có nhiều lần thuyết giảng cho Ban Giảng Huấn Đại Học Y Khoa và các bác sĩ như chúng tôi. Con gái thầy là BS Nguyễn Thị Huê, cùng chuyên khoa da liễu, làm việc tại đây và nghe nói hiện nay giữ chức Trưởng bộ môn nầy. Theo tôi được biết, thầy còn sống tại Việt Nam, đã 95 tuổi, tại một biệt thự rộng lớn ở đường Pasteur. Bốn giáo sư còn lại của trường Đại Học Y Khoa là giáo sư Nguyễn Văn Út (đã qua đời năm 2014, hưởng thọ 98 tuổi), giáo sư Nguyễn Huy Can (đã qua đời năm 2014, hưởng thọ 92 tuổi), giáo sư Nguyễn Văn Ái 91 tuổi, giáo sư Trần Ngọc Ninh 100 tuổi (hiện đang sống tại Nam California).

Có một câu chuyện vui, xin kể hầu các bạn: Hồi đó, tôi cùng với thầy đi khám bệnh, một bệnh nhân lớn tuổi, có lẽ là một chức sắc ở tỉnh đến xin thầy khám bệnh vì thầy nổi tiếng lắm. Cũng như mọi lần, thầy khám bệnh và nói chẩn đoán cho tôi nghe và biên toa thuốc. Thầy nói bằng tiếng Pháp "C'est la gale, la gale infectée" (Đây là bệnh ghẻ, bệnh ghẻ nhiễm trùng). Nghe câu nầy, bệnh nhân tưởng thầy nói mình bị bệnh gan. Anh nhảy lên và nói lớn: "Bác sĩ hay quá, đúng là tôi có bệnh gan, mà mấy bác sĩ khác khám không ra, chữa tôi không hết." Chúng tôi đều cười to, vì "gale" bệnh nhân nghe lộn phát âm mà tưởng là bệnh gan!

Bệnh Viện Bình Dân là nơi thực tập và là lò đào tạo nhiều bác sĩ tài giỏi cho miền Nam Việt Nam và nhiều bác sĩ ở bệnh viện nầy ra đã nổi tiếng tại ngoại quốc như BS Nghiêm Đạo Đại, BS Nguyễn Gia Khánh, BS Hồ Tấn Phước (Phước Tóc Đỏ)…

Tôi viết lại nơi đây những kỷ niệm về Bệnh Viện Bình Dân, với một đóng góp nhỏ nhoi với các bạn mà tôi đã được học hỏi với các thầy, với các bạn và giúp tôi ra đời với những kiến thức để phục vụ xã hội và cộng đồng.

MỘT SỐ NÉT VỀ HÀNH NGHỀ Y SĨ TẠI MIỀN NAM TRƯỚC 1975

Trong bài dưới đây, tôi xin trình bày về một số nguyên tắc, mà chúng ta thường gọi là quy chế hành nghề y khoa và các luật lệ hành nghề, các nguyên tắc đạo đức mà các bác sĩ hay các cá nhân hành nghề trong các ngành liên hệ với y khoa phải tuân theo.

Qua cách thức đào tạo và quy chế hành nghề chặt chẽ, người ta mới biết những người theo ngành học y khoa, nhất là các bậc đàn anh, đàn chị, đã phải vất vả như thế nào nên khi ra hải ngoại, hầu hết các vị đó đã thi tương đương và hành nghề rất thành công rực rỡ và gây tiếng tốt cho người Việt Nam tại hải ngoại.

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam tức Việt Nam Cộng Hòa với dân số gần 20 triệu người, mà chỉ có gần 2500 bác sĩ mà thôi, đa số lại bị động viên vì chiến tranh (trưng tập), phục vụ trong các đơn vị quân đội, chỉ có một số ít được phục vụ tại các bệnh viện thuộc Bộ Y Tế hay mở phòng mạch tư toàn thời gian sau khi giải ngũ hay hưu trí (tỉ lệ là 1bs/10.000 dân).

Có nhiều người thắc mắc về các danh xưng của các bác sĩ, lúc thì là y sĩ, lúc là bác sĩ, lại thêm dân y, quân y, trưng tập… vì họ không hiểu rõ về hệ thống tổ chức của ngành y khoa, nhất là do hệ thống quân y lại song hành

với ngành dân y, thế nào là y sĩ, thế nào là quân y sĩ (y sĩ chuẩn tướng, y sĩ đại tá, y sĩ trung úy…) họ không phải là bác sĩ sao? Bài viết nầy xin được phân tích và trả lời các vấn đề trên.

Thực sự, trong quân đội và dân sự chỉ có chuyên nghiệp y sĩ là người điều trị bệnh nhân (medecin, hệ thống Pháp; physician, hệ thống Mỹ). Còn danh xưng bác sĩ chỉ là tước vị của các người tốt nghiệp y sĩ sau khi trình luận án và được cấp bằng tiến sĩ y khoa (docteur en medecine, doctor of medicine, MD). Khi hành nghề trị bệnh, những vị nầy vẫn là y sĩ (nghiệp vụ) và tước vị tiến sĩ của họ là tiến sĩ y khoa (mà Việt Nam gọi là bác sĩ), vậy chữ bác sĩ chỉ có nghĩa là tiến sĩ y khoa. Tóm lại, với Việt Nam Cộng Hòa, các người hành nghề chữa bệnh của y khoa, của dân y hay quân y đều gọi là y sĩ, trong đó có những người đã trình luận án và được cấp bằng Tiến Sĩ Y Khoa Quốc Gia (National Doctor of Medecine).

Cũng xin phân biệt rõ là miền Nam (Việt Nam Cộng Hòa) trước 1975 không hề có những y sĩ xuất thân từ y tá với trình độ rất thấp như trong chế độ cộng sản. Trái lại, tại miền Nam chỉ có ngành trợ y để huấn luyện cấp tốc một số sĩ quan làm nhiệm vụ tải thương trên chiến trường, vì không đủ y sĩ, bác sĩ để đảm nhiệm công tác nầy.

Chương Trình Đào Tạo Các Bác Sĩ Ở Miền Nam

Trước nhất, xin nói sơ qua về trình độ các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ và nữ hộ sinh quốc gia miền Nam trước năm 1975. Khi thành lập trường Y Khoa Đông Dương thời Pháp, mặc dù đa số dân Việt Nam còn trình độ học vấn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
Y-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG

CHỨNG-CHỈ TỐT-NGHIỆP BÁC-SĨ Y-KHOA QUỐC-GIA

KHOA-TRƯỞNG

FIGURE 1

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ GIÁO-DỤC
VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
Y-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG

VĂN-BẰNG TIẾN-SĨ Y-KHOA QUỐC-GIA

TỔNG-TRƯỞNG GIÁO-DỤC

Trần - văn - Nam

FIGURE 2

HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC
QUỐC GIA Y SĨ ĐOÀN

Saigon, ngày 20 tháng 10 năm 1969

Số 711/HĐQG

Chủ Tịch Hội Đồng Toàn Quốc
Quốc Gia Y Sĩ Đoàn

Kính gởi : Bác-sĩ TRẦN-VĂN-ĐẠT
Số 196/6 đường Trần-Hưng
SAIGON.

Trích yếu : V/v mở phòng mạch tư.

Tham chiếu đơn ngày 16-10-1969,

Hội-Đồng Quốc-Gia Y-Sĩ Toàn thể thấy không có gì trở ngại về việc quý Đồng nghiệp xin mở phòng mạch tại số 135 Lê-Quang-Định Gia-Định miễn là quý mở phòng mạch không trái với một khoản nào của Dụ-số 27/3 ngày 23-10-1950 và của Nghị Định Bộ Y-Tế ngày 31-10-1950 và cần chiếu kiện sau đây :

1/- Địa chỉ số 135 Lê-Quang-Định Gia-Định không là địa chỉ phòng mạch cố của một đồng nghiệp nên tôi đã không có sự thỏa thuận của đồng nghiệp này.

2/- Phòng mạch mới mở không cần một phòng mạch khám bệnh có từ 30 trước, không cần chung nhà với một người phòng chuyên môn Âu Dược và Dược sĩ Y-Khoa.

3/- Quý đồng nghiệp đóng kỷ vào bảng tại Tòa Án Thẩm Sắc của Tỷ Quốc Gia-Định biết về việc mở phòng mạch tại địa chỉ đã ghi trên.

4/- Gửi bản sao (hai bản) có sự thỏa-thuận Hội về Phòng-Thông Toàn để kiểm nhận.

CHỦ-TỊCH

Bác-sĩ NGUYỄN-HOÀI-NGỌC.

FIGURE 3

HỘI ĐỒNG QUỐC-GIA
Y SĨ ĐOÀN
410 Hồng-Thập-Tự — Saigon

Số 282 /QGYSĐ

QUYẾT-NGHỊ (2828)

— Chiếu Dụ số 27/3 ngày 23-10-1950 thành lập Hội-đồng Quốc-Gia Y-Sĩ Điều và sửa-đổi để bổ-túc nghị Y-sĩ, Nha-sĩ và Nữ Hộ-sinh by Việt-Nam ;

— Chiếu Sắc-lệnh số 73/GD ngày 10-8-1961 ấn định lại tổ-chức các Quốc-Gia Giáo-Sư ;

— Chiếu chứng-thư hành-chánh số Không số ngày tháng năm 196 của Bộ Y-Tế ;

— Chiếu hồ-sơ xin ghi tên của Bác-sĩ TRẦN-VĂN-ĐẠT

sinh năm 1943 tại Saigon
tốt-nghiệp tại Y-Khoa Đại-Học-Đường SAIGON
năm 1969 hiện cư ngụ 196/6 Trần-Hưng Saigon.

— Hội-Đồng Quốc-Gia Y-Sĩ Đoàn trong phiên họp ngày 9 tháng 9 năm 196)

QUYẾT ĐỊNH :

Chấp-thuận đơn xin ghi tên của Bác-sĩ TRẦN-VĂN-ĐẠT

vào danh-sách Y-sĩ Đoàn Việt-Nam.

Đương sự khởi xin mở phòng mạch.

Saigon, ngày 25 tháng 9 năm 1969
CHỦ TỊCH
Hội-Đồng Quốc-Gia Y-Sĩ Đoàn

CHỦ-TỊCH

Bác-sĩ NGUYỄN-HOÀI-NGỌC.

NƠI NHẬN : Trần-Trường
— Ông BUCHANAN-U.
— Ông Chủ-tịch Ủy-ban Y-tế Thượng-Viện
— Bác-sĩ TRẦN-VĂN-ĐẠT
— Hồ-sơ
— Lưu.

FIGURE 4

thấp nhưng chánh phủ Pháp đã tuyển chọn các sinh viên theo học Đại Học Y Dược phải có trình độ văn hóa cao (tú tài).

Trường Đại Học Y Khoa ở ngoài Bắc nầy, sau năm 1954, đã di chuyển vào miền Nam và đặt trụ sở trên đường Trần Quí Cáp Saigon và đa số giáo sư và giảng sư đều di cư vào Nam như các giáo sư Phạm Biểu Tâm, Trần Anh, Ngô Gia Hy, Nguyễn Huy Can, Nguyễn Hữu… và tiếp tục đào tạo các bác sĩ cho dân y và quân y miền Nam. Các sinh viên quân y vẫn học tại Đại Học Y Khoa Saigon, chứ không học tại trường quân y như nhiều người dân thường lầm, nhưng họ tình nguyện gia nhập quân y và khi ra trường sẽ phục vụ cho quân đội như là các quân y sĩ, và những bác sĩ quân y hiện dịch nầy thường đảm nhận những chức vụ chỉ huy cao cấp trong hệ thống Quân Y Việt Nam Cộng Hòa. Vì ảnh hưởng Pháp, nên trước năm 1960, Đại Học Y Khoa Saigon vẫn theo chương trình giảng huấn của Pháp. Sau năm 1960, Mỹ tăng viện cho Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt là sách vở và các dụng cụ y khoa nên chương trình huấn luyện y khoa bị ảnh hưởng mạnh. Cùng thời gian đó, năm 1957, LM Cao Văn Luận được Tổng Thống Ngô Đình Diệm bổ làm Viện Trưởng Viện Đại Học Huế và Ngài đã đi các nước vận động thành lập trường Đại Học Y Khoa Huế (mà khóa đầu tiên ở đây năm 1960) cũng theo khuynh hướng Đức và Mỹ, ra trường năm 1967. Đến năm 1970, Đại Học Y Khoa tư Minh Đức (do Giáo Hội Công Giáo khởi xướng) được thành lập tại Saigon. Sau năm 1975, Đại Học Y Khoa Minh Đức bị giải tán, sinh viên sáp nhập vào trường Y Khoa Saigon.

Trước năm 1962, muốn học Đại Học Y Khoa Saigon, phải theo học một năm dự bị tại Đại Học Khoa Học Saigon. Do thiếu cơ sở trường phải mượn cơ sở của trường Trung Học Petrus Ký tổ chức lớp PCB (physique, chimie, biologie, Lý- Hóa- Sinh). Sau khi đỗ chứng chỉ Lý- Hóa- Sinh mới được vào năm thứ nhất Y Khoa. Sau năm 1962, có thay đổi, Đại Học Y Khoa nhờ Đại Học Khoa Học mở dùm một lớp Dự Bị Y Khoa (APM) với chứng chỉ Lý Hóa Nhiên (SPCN) chú trọng nhiều về sinh vật học (biologie). Số sinh viên được tuyển là 200, rơi rớt dọc đường còn độ 150 – 180 ra trường bác sĩ Việt Nam. Khóa đầu tiên theo chương trình mới APM nầy năm 1962, ra trường năm 1969.

Chương trình huấn luyện y khoa gồm sáu năm, không kể năm dự bị: gồm hai năm đầu học về các môn học căn bản y khoa (cơ thể học, sinh lý học, sinh hóa học); hai năm sau (năm thứ ba, năm thứ tư) học về bệnh lý (nội khoa, ngoại khoa, nhi khoa, sản khoa) được đi thực tập tại bệnh viện; hai năm chót (năm thứ năm, năm thứ sáu) học về trị liệu và thực tập tại các khu chuyên khoa tại các bệnh viện (nội trú và ngoại trú). Riêng năm thứ năm, khi tôi theo học có thêm các môn Y khoa phòng ngừa, Pháp y, Nghĩa Vụ Luận, Pharmacology (dược lý học), toxicology (độc dược học). Năm thứ sáu tiếp tục thực tập về trị liệu tại các khu chuyên môn và phải sửa soạn thi tốt nghiệp, gồm bốn môn bệnh lý nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và nhi khoa. Sau khi đậu các kỳ thi bệnh lý sẽ được cấp chứng chỉ tốt nghiệp và hai tháng sau được quyền trình luận án. Sau khi các giáo sư chánh chủ khảo và các giám khảo chất vấn,

nếu luận án được chấp nhận, sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ tốt nghiệp văn bằng Bác sĩ Tiến Sĩ Y Khoa Quốc Gia (Docteur en Medecine Diplome d'État) và được xin gia nhập Y sĩ đoàn và xin mở phòng mạch tư.

Một thời gian sau khi được Bộ Quốc Gia Giáo Dục phê duyệt, sinh viên mới được nhận văn bằng Tiến Sĩ Y Khoa Quốc Gia (Bác Sĩ).

Đến đây còn phải qua giai đoạn xin hành nghề thông qua y sĩ đoàn (để mở phòng mạch) và phải nộp đơn ghi tên vào danh sách y sĩ đoàn và y sĩ đoàn sẽ cấp cho giấy phép hành nghề.

Những Phương Cách Hành Nghề Trong Quân Y Và Dân Y

Với bất cứ chánh phủ nào cũng có hai ngành hành nghề y khoa: Quân y và Dân y. Dân y thì sau khi tốt nghiệp các bác sĩ có quyền mở phòng mạch tư, làm việc cho các bệnh viện tư hay các cơ sở, công ty tư, hay với Bộ Y tế (các bệnh viện, chẩn y viện…), với các trường y khoa (đại học y khoa, Nữ Hộ sinh Quốc gia, điều dưỡng, y tá, y tá gây mê). Trước năm 1975, các bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ khi mới ra trường phải phục vụ trong Bộ Y Tế một thời gian là hai năm, và sau đó, có quyền ra mở phòng mạch tư. Nhưng sau nầy, vì chiến tranh, các bác sĩ dân y cũng bị trưng tập động viên vào quân đội để phục vụ quân đội. Còn bác sĩ quân y hiện dịch thì dĩ nhiên phải làm việc cho quân đội theo đúng khế ước (một năm học thì hai năm phục vụ cho quân đội) nhưng vì tình hình chiến tranh liên tục, nhu cầu bác sĩ cần cho quân đội luôn luôn cao nên ít có bác sĩ được giải ngũ.

Theo chế độ quân y Pháp thì khi ra trường (quân y hay dân y bị trưng tập) các bác sĩ, nha sĩ hay dược sĩ được đeo lon trung úy và hưởng lương với cấp bậc tương ứng và sẽ được thăng cấp tùy thâm niên quân vụ hay tùy nhu cầu cấp số. Trái lại, theo chế độ quân y Mỹ, các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ quân y ra trường được đeo lon Thiếu tá; còn các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ đi quân dịch chỉ hưởng cấp bậc binh nhì trong thời gian tập luyện quân sự cơ bản; còn bị trưng tập động viên trong thời chiến tranh thì được đeo lon Thiếu tá và sẽ được thăng cấp tùy thâm niên quân vụ hay tùy nhu cầu cấp bậc đòi hỏi.

Sau khi di cư vào Nam năm 1954 thì đến năm 1955 Đại Học Y Khoa Việt Nam (Saigon) mở lại khóa đầu tiên, tốt nghiệp năm 1960. Vì Quân Y Việt Nam ảnh hưởng ngành quân y của Pháp nên khi ra trường, các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ cũng được hưởng cấp bậc sơ khởi là Trung úy. Việc cho hưởng cấp bậc cao chỉ nhằm hai mục đích là khuyến khích các sinh viên Y khoa gia nhập quân đội và tạo quyền thế cho các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ. Theo chế độ quân y của Pháp các sinh viên y khoa xin gia nhập quân đội (quân y) thì được hưởng cấp bậc sinh viên quân y và mang cấp bậc tùy theo năm lớp và hưởng lương tương xứng: thượng sĩ, năm thứ 1; chuẩn úy, năm thứ 2, thứ 3; thiếu úy, năm thứ 4, thứ 5; trung úy, năm thứ 6.

Bác Sĩ Ra Trường Sớm

Trường Đại học Y khoa di cư vào Nam gồm các năm thứ nhất đến thứ sáu đã được tiếp tục học tại Đại Học Y Khoa Saigon. Các bác sĩ ra trường sớm, được phục vụ với

tư cách y sĩ trung úy, sau đó mới trở lại trường để thi bệnh lý (của năm thứ sáu) và sau đó trình luận án. Sau năm 1961 (sau khi di cư vào Nam), chiến tranh tạm hòa hoãn vì hiệp định đình chiến chia đôi đất nước, năm 1954 hai miền Nam Bắc còn bận lo củng cố chính quyền tại miền Nam, các khóa bác sĩ quân y được học hết năm thứ sáu, được thi bệnh lý rồi mới được điều động ra đơn vị. Vì chiến tranh lan rộng, nhu cầu cần nhiều bác sĩ cho các đơn vị quân đội nên có khóa sinh viên quân y hiện dịch mới chỉ học hết năm thứ 5 đã được lệnh ra đơn vị sớm. Còn anh em bác sĩ dân y thì cũng vì nhu cầu phục vụ nên họ cũng bị trưng tập vào quân đội. Còn nếu được hoãn dịch thì phải đi phục vụ tại các bệnh viện dân sự 2 năm rồi mới được cho phép mở phòng mạch hay làm việc tại các cơ sở y tế, hay ứng tuyển làm nhân viên giảng huấn Đại Học Y Khoa Saigon hay các trường y khoa trung cấp (điều dưỡng, y tá….) Về lương bổng, các bác sĩ chưa trình luận án thì chỉ số lương bổng chỉ được 510, nếu đã trình luận án thì chỉ số lương là 690.

Trước năm 1967, các bác sĩ dân y khi bị trưng tập vào quân đội thì được hưởng lương trung úy và khi thăng lên đại úy, hưởng lương đại úy và một số tiền phụ cấp quân y. Khi tôi bị động viên vào khóa 12 trưng tập lúc đó do nghị định của Chủ Tịch Hành Pháp Trung Ương ký, thì các dân y sĩ bị trưng dụng vào quân đội sẽ được hưởng lương như sau:

- Y sĩ trung úy bậc 5 (chỉ số 590) nếu chưa trình luận án.

- Y sĩ trung úy bậc 7 (chỉ số 690) nếu đã trình luận án.

Tôi được hưởng chỉ số 690 vì đã trình luận án rồi. Khoảng tháng 3, 1972 tôi được lên đại úy và được hưởng lương y sĩ đại úy bậc 6, chỉ số 720.

Đơn vị tôi chỉ có tôi và đại tá tư lệnh lãnh lương cao nhất.

Sau nầy, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm lại ký nghị định mới ấn định các y sĩ quân đội chỉ được hưởng lương cấp bậc như các sĩ quan khác (ngoài quân y), nhưng các bác sĩ được hưởng phụ cấp quân y mỗi tháng 8.000$. Vào đầu năm 1975, tôi được hưởng lương khoảng 40.000$/ tháng.

Được biết các nha sĩ, dược sĩ ở dân sự có chỉ số lương là 550, còn các người tốt nghiệp cao học hành chánh thì lương chỉ số 510. Được biết, lương của một phó quận trưởng (gốc đốc sự hành chánh) có chỉ số 430, cùng với phụ cấp, được lãnh khoảng 33.000$/tháng trong khi quận trưởng (gốc sĩ quan quân đội, thời chiến tranh cần các sĩ quan quân đội đảm nhiệm các nhiệm vụ hành chánh để đáp ứng tình hình chánh trị và quân sự) và các sĩ quan thường phải qua một khóa huấn luyện gọi là quân chính với số lương khoảng 40.000$… Còn với công chức cao cấp từ giám đốc đến tổng giám đốc và quân đội, cấp đại tá, với chức vụ chỉ huy, kể cả phụ cấp khoảng độ 50.000$.

Các quân y sĩ (bác sĩ quân y), hiện dịch hay trừ bị (trưng tập) phải có giấy phép của Bộ Tổng Tham Mưu (do Đại Tướng Cao Văn Viên ký) mới được xin mở phòng mạch

tư (thường là gần đơn vị phục vụ). Các quân y sĩ (hiện dịch, không phải y sĩ dân y trưng tập) nguyên là những sinh viên tình nguyện gia nhập quân đội thì vì có ký khế ước cứ một năm học hưởng lương quân y thì phải phục vụ quân đội 2 năm, trước năm 1963, thì không được mở phòng mạch, nhưng sau nầy, vì thiếu bác sĩ, dân chúng cần bác sĩ săn sóc, nên Bộ Tổng Tham Mưu cũng cho phép mở phòng mạch tư ngoài giờ làm việc, nhất là ở vùng ngoại ô hay các tỉnh, huyện nhỏ. Trước năm 1975, vì thiếu y sĩ nên các bác sĩ chưa thi xong bệnh lý hay chưa kịp trình luận án, mới ra trường đã có job rồi, và sau nầy, khi có hoàn cảnh mới trình luận án sau.

Ngay đến ở Saigon, vì thiếu y sĩ (vì bị trưng dụng vào quân đội, nên mỗi năm Tòa Đô Chính cũng phải tuyển dụng một số sinh viên y khoa năm thứ 6 (khoảng 20-30 người) để phục vụ tại các chẩn y viện, đặc biệt là những phiên trực gác với chức vụ y sĩ… Mỗi ngày, những "bác sĩ" nầy làm việc (bán thời gian), khám bệnh 2-3 giờ vào buổi sáng (từ 7 đến 9 giờ) trước khi đến bệnh viện thực tập tiếp về bệnh lý và phải trực cấp cứu mỗi tuần một lần, lương trả khoán mỗi tháng khoảng 4.000$. Lúc đó tôi có làm tại Chẩn y viện Chánh Hưng với bác sĩ trưởng là bác sĩ Lưu Đức Thụ và trực tại Chẩn y viện Phú Lâm (với bác sĩ trưởng là bác sĩ Nguyễn Hữu Thư) từ đầu năm 1968 đến đầu năm 1969. Các bác sĩ Thụ và Thư là y sĩ trung tá quân đội biệt phái, sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân của Việt Cộng.

Trình Luận Án Chậm Vì Kéo Dài Thời Gian Làm Nội Trú Tại Bệnh Viện

Có nhiều bác sĩ kể cả các giáo sư vì thời cuộc chiến tranh, vì nhu cầu đảm nhận chức vụ nội trú ở các bệnh viện:

- GS Phạm Biểu Tâm (cựu nội trú bệnh viện tại Hà Nội). Đúng ra GS đã trình luận án vào đầu năm 1941 nhưng vì nhu cầu, phải làm nội trú thêm 4, 5 năm nên sau nầy GS mới trình luận án vào năm 1947 (tổng cộng thời gian nội trú 8 năm).

- BS Bùi Mộng Hùng (YK59) trình luận án năm 1963 (tổng cộng thời gian nội trú 6 năm).

- BS Trần Xuân Ninh (YK63) trình luận án năm 1967 (tổng cộng thời gian nội trú 6 năm).

Trình Luận Án Chậm Vì Công Vụ

BS Văn Văn Của (YK55): Ông học năm thứ 6 vào năm 1955 và đầu năm 1956 bị trưng tập vào quân đội với cấp bậc Y sĩ trung úy trừ bị, gia nhập binh chủng Nhảy dù, giữ chức Y sĩ trưởng Nhảy dù; cuối cùng được bổ nhiệm làm Đô trưởng Saigon, thời Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (1965-1968). Sau đó, ông trình luận án đầu năm 1969 rồi làm Viện Trưởng Viện Quốc Gia Y Tế Công Cộng Saigon. Sau năm 1975, ông bị tù cải tạo. Sau khi được thả về năm 1979, ông làm việc tại Bệnh Viện Da Liễu chung với tôi. Sau đó ông được bảo lãnh qua Pháp để đoàn tụ gia đình. Sau nầy, ông có đến thăm gia đình và bạn bè tại

Mỹ. Ông đã mất tại Pháp cách đây trên 10 năm.

- BS Bùi Thế Cầu (YK60): Trình luận án năm 1970, cũng gia nhập binh chủng Nhảy dù, sau giữ chức vụ Tỉnh trưởng Gia Định.

- BS Bùi Hoành (YK59): Trình luận án năm 1964, vì công vụ, nguyên tỉnh trưởng Quảng Ngãi.

Không Trình Luận Án Và Không Hành Nghề Y Khoa

Có một số bác sĩ đã tốt nghiệp y khoa nhưng không trình luận án và không ghi tên gia nhập y sĩ đoàn, không hành nghề y khoa. Đó là trường hợp các bác sĩ Trần Kim Tuyến và Trương Khuê Quan.

- BS Trần Kim Tuyến: thuộc Quân Y khóa 1, tốt nghiệp năm 1955, ra đơn vị phục vụ chừng một năm rồi được điều về Phủ Tổng Thống (Ngô Đình Diệm) đặc trách Sở Nghiên Cứu Xã Hội Chánh Trị phủ Tổng Thống và từng trực tiếp làm việc với Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Tuy chức vụ bề ngoài chỉ là một giám đốc một sở Nghiên Cứu Xã Hội Chánh Trị nhưng vai trò của ông trong ngành tình báo của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa rất quan trọng. Trước cuộc đảo chánh năm 1963, ông được cử đi làm Tổng Lãnh Sự Việt Nam tại Ai Cập… Sau năm 1975, ông kịp thoát thân ra hải ngoại và định cư tại Luân Đốn, Anh Quốc.

- BS Trương Khuê Quan (YK57): y sĩ đại tá Trương Khuê Quan ra trường năm 1957, bị trưng tập với cấp bậc trung úy y sĩ, phục vụ tại miền Trung, đóng tại Ban Mê

Thuột, ngoài việc hành nghề y khoa, ông còn chú trọng về nghề chăn nuôi: lập trại chăn nuôi và nuôi cá để giúp lính tráng có thực phẩm tươi. Khi Tổng Thống Diệm ra kinh lý tại Ban Mê Thuột (năm 1958), thấy ông phục vụ tốt và có sáng kiến kinh tế, xã hội (giúp binh sĩ và gia đình). Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã thăng cấp từ trung úy lên trung tá (trung uý y sĩ, đại úy thực thụ rồi lên trung tá giả định) cho ông làm Cục Trưởng Cục Xã Hội. Vì chức vụ cục trưởng là cấp chỉ huy cần cấp bậc cao nên Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã thăng cấp (giả định) cho Bác sĩ Trương Khuê Quan như vậy. Bác sĩ Quan sau nầy đã vận động thành lập trường Quốc Gia Nghĩa Tử tại Saigon, trên đường Nguyễn Văn Thoại nối dài (giữa Lê Văn Duyệt và Lăng Cha Cả, Tân Sơn Nhứt) thu nhận các con cái của các chiến sĩ hy sinh vì tổ quốc. Trường nầy đã do công sức và đóng góp của một số người hảo tâm và tặng lại cho Bộ Quốc Phòng. Sau Bác sĩ Trương Khuê Quan được thăng y sĩ đại tá thực thụ và được bổ nhiệm làm Viện Trưởng Quốc Gia Nghĩa Tử và chức vụ y sĩ đại tá là chức vụ ông mang lâu nhất trong các bác sĩ Việt Nam Cộng Hòa, nhưng thực tế, sau khi tham gia công tác xã hội như vậy, ông không còn thì giờ hành nghề bác sĩ y khoa. Các học sinh Quốc Gia Nghĩa Tử đều mang ơn và cám ơn ông. Nhạc sĩ Trần Quảng Nam ở San Jose chính là một cựu học sinh Quốc Gia Nghĩa Tử, là một trong những học sinh luôn nhớ công ơn ông.

Đôi Nét Về Hành Nghề Sau 1975 (Cộng Sản)

Y khoa sau năm 1975 chỉ học 6 năm (không có dự

bị) Ra trường được cấp chứng chỉ tạm thời, phải phục vụ tại các tỉnh 2 năm với số lương 75% lương khởi đầu. Hai năm sau mới được phát văn bằng bác sĩ y khoa, nếu không đi làm 2 năm đầu nầy thì không được cấp bằng bác sĩ.

Không có y sĩ đoàn "quản lý". Nếu muốn mở phòng mạch tư phải làm đơn xin và được Sở Y Tế cấp phép. Thực ra lúc đầu không có hành nghề tư vì chế độ cộng sản chỉ có công vụ mà không có tư hữu, mãi sau nầy, thấy không thể thực hiện chế độ công xã (vì các bác sĩ và mọi ngành nghề đều làm việc lấy lệ) nên nhà nước phải cho mở phòng mạch tư và cho buôn bán tư hữu "theo định hướng xã hội chủ nghĩa", lúc đó mới có chuyện cho mở phòng mạch bác sĩ.

Tóm lại, với sự chăm lo giảng dạy của các thầy (giáo sư, giảng sư…) các sinh viên được khuyến khích học hành giỏi giang nên các bác sĩ xuất thân trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa đều có trình độ cao. Sau nầy, vì hoàn cảnh đất nước thay đổi, các bác sĩ phải xuất ngoại (vượt biên) ra nước ngoài, đa số có hoàn cảnh và có đủ khả năng học lại các bằng tương đương (Mỹ, Pháp, Úc…, hành nghề lại hải ngoại, làm rạng danh ngành y khoa Việt Nam Cộng Hòa, làm cho tập thể người Việt tị nạn được thơm lây.

VUI BUỒN TRONG NGHỀ NGHIỆP

Cuộc đời hành nghề y sĩ của tôi bắt đầu vào năm đầu 1968 khi tôi đang học năm thứ 6 đang làm nội trú tại bệnh viện Bình Dân. Vì thiếu bác sĩ điều trị nên Sở Y Tế Đô Thành mỗi năm đều có một số ngân khoản để mướn các sinh viên năm thứ 6 làm y sĩ điều trị tại các chẩn y viện thuộc sở.

Mỗi sáng, chúng tôi phải đến các chẩn y viện khám bệnh từ 7 giờ đến 9 giờ, và mỗi tuần phải trực một lần. Tôi được phân chia làm việc tại Chẩn y viện Chánh Hưng bên kia cầu chữ Y. Chẩn y viện nầy thuộc Y Viện Xóm Củi do BS Lưu Đức Thụ (nguyên Y Sĩ Trung Tá) làm y sĩ trưởng và trực tại y viện Phú Lâm (gần trường Mạc Đĩnh Chi) và y sĩ trưởng nơi đây là BS Nguyễn Hữu Thư (nguyên chỉ huy trưởng Tổng Y Viện Cộng Hòa). Tất cả chúng tôi đều được trực thuộc thẩm quyền giám sát của BS Nguyễn Đình Mão, Chánh sự vụ Sở Y Tế.

Tôi còn nhớ là tôi được một sự vụ lệnh từ BS Đại Tá Đô Trưởng Văn Văn Của để đi làm và có thẻ nhân viên của Sở Y Tế Đô Thành. Chúng tôi còn được hưởng lương 4000 đồng mỗi tháng. Chúng tôi làm được một năm tại đây và cuối năm 1968, tất cả đều nghỉ việc để nhập ngũ.

Riêng tôi, được tiếp tục làm việc tại bệnh viện Bình Dân, khu Ngoài Da của GS Nguyễn Văn Út, mỗi buổi sáng trong chương trình Y Sĩ Thường Trú và mỗi buổi

chiều tôi vào Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa Hồng Bàng, phụ trách chỉ dẫn cho các sinh viên y khoa thực tập thuộc năm thứ 3. Đến đây, niên khóa 1969-70, tôi còn nhớ, vì các giáo sư quá bận, anh Lê Tài Sinh bận khám bệnh phòng mạch tư vào buổi sáng, nên GS Nguyễn Huy Can và GS Đào Hữu Anh đã cho tôi tạm thay anh Lê Tài Sinh giảng dạy thực tập cho sinh viên năm thứ 2, trong đó tôi có nhớ tên một người là Huỳnh Minh Châu, hiện đang hành nghề bác sĩ tại San Jose, California.

Sau khi hết làm tại Chẩn y viện Chánh Hưng, tôi lại được may mắn làm việc tại Bệnh viện Phước Thiện (Phước Kiến) mà giám đốc là BS Lương Phán, một bác sĩ đầy kinh nghiệm và lịch duyệt. Anh giao cho tôi khám tổng quát và đặc trách khám các bệnh ngoài da. Một số người Hoa nhập viện ở đây mắc bệnh Hansen và không có bác sĩ chuyên môn nào chịu điều trị cả. Tôi phải cho xuất viện và điều trị ngoại trú. Anh Phán đã viết vài cuốn sách về y khoa "thường thức" rất hay. Nhờ làm việc với anh, sau nầy, tôi đã viết 6 cuốn sách về y khoa tổng quát, sản khoa, y khoa phong ngừa. Tôi hy vọng sẽ viết thêm vài cuốn nữa.

Cuộc đời của tôi đang "lên hương" thì bỗng có một tin buồn xảy đến: chúng tôi không được hoãn dịch và được động viên vào khóa 12 Trưng Tập.

Lúc đó, cuối năm 1969, trường Đại Học Y Khoa Saigon lại xảy ra một biến cố mới: một số sinh viên biểu tình chống giáo sư khoa trưởng Phạm Tấn Tước. Hội Đồng Khoa đã đề nghị bãi nhiệm GS Phạm Tấn Tước

vì nhiều vấn đề. Vì bận họp lu bù nên Hội Đồng Khoa không còn thì giờ để cứu xét về những trường hợp được đề nghị vào làm giảng nghiệm viên nên tôi phải nhập ngũ, chỉ có một mình Nghiêm Đạo Đại bị tai nạn gãy chân nên được giữ lại trường, khu giải phẫu. Nhờ vậy, sau nầy Nghiêm Đạo Đại được ở lại tiếp tục chương trình học vấn chuyên khoa, được vào ban giảng huấn và trở thành một bác sĩ nổi danh ở Việt Nam lúc đó và cả ở ngoại quốc sau nầy. Đầu tháng 4 năm 1970, Hội Đồng Khoa có một phiên họp để xét và tuyển chọn 3 người gồm tôi, Nghiêm Đạo Đại và Nguyễn Đan Quế vào làm giảng nghiệm viên. Nhưng tôi thì đã nhập ngũ rồi!

Tôi đã trình diện vào thụ huấn Khóa 12 Trưng Tập tại Quân Trường Bộ Binh Thủ Đức (về phần quân sự), sau đó về trường Quân Y học về hành chánh, tài chánh, kỹ thuật quân y và mãn khóa ra trường. Cùng trình diện với tôi có Trương Văn Thịnh, hiện nay đang ở tại San Jose.

Vì có ước vọng đi về ngành giảng huấn, tôi đã cố gắng học hành và đạt điểm cao để được nhận vào làm Nội Trú Ủy Nhiệm, Y Sĩ Thường Trú. Tôi đã được xếp hạng nhất cùng với một bác sĩ tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Huế. Khóa Trưng Tập 12 gồm khoảng 100 người gồm các bác sĩ tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Saigon và Đại Học Y Khoa Huế.

Tôi cùng anh bạn Y Khoa Huế được ưu tiên chọn nhiệm sở, và tôi đã chọn Hải Quân. Tôi được bổ nhiệm làm y sĩ trưởng Phòng Quân Y của Bộ Tư Lệnh Đặc Nhiệm Trung Ương đóng tại căn cứ Cát Lái, bên kia sông

Saigon và kiêm luôn chức vụ y sĩ trưởng Bệnh Xá Hải Quân Cát Lái. Cát Lái thuộc quận Thủ Đức, thuộc thủ đô Saigon, nằm bên kia Thủ Thiêm, cách Saigon độ 10 dặm. Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa lúc đó đang bành trướng mạnh vì cần đáp ứng nhu cầu chiến cuộc gia tăng, cần nhiều y sĩ nên ngoài tôi còn có 6 anh khác như Văn Sơn Trường, Nguyễn Tấn Hiển…

Tôi đã ở chức vụ nầy khoảng 3 năm và theo cấp số thì chức vụ nầy phải là y sĩ Thiếu Tá nên tôi được thăng cấp Đại Úy rất sớm vào tháng 3 năm 1972…

Sau khi thăng Y Sĩ Đại Úy, tôi được thuyên chuyển về Bệnh Viện Hải Quân (Trung Ương) nằm ngay tại Bến Bạch Đằng, và giữ chức vụ Trưởng Phòng Khám Tổng Quát và Khám Ngoài Da. Vì lúc đó tại bệnh viện Hải Quân, các chuyên khoa khác đã đầy đủ chỉ còn thiếu chuyên khoa Ngoài Da. Do đề nghị của BS Trịnh Quốc Hưng (hiện ở San Jose) với BS Nguyễn Thanh Trước, y sĩ trưởng Bệnh Viện Hải Quân, với câu nói tếu "cho Nam hắn về đó để kể chuyên vui cho anh em nghe". Thế là tôi được đề nghị lên bác sĩ trưởng khối Đặng Tất Khiêm và tôi được đưa ngay về Bệnh Viện Hải Quân, Khu Ngoài Da.

Đầu năm 1975, tôi đã được BS Khiêm cho đi tu nghiệp về Dermatology tại Bệnh Viện Hải Quân Hoa Kỳ ở San Diego, nhưng tôi chuẩn bị lên đường thì xảy ra biến cố 30-4, 1975. Với các tàu Hải Quân ngay trước mặt, việc đi nước ngoài của tôi thật dễ dàng, thế mà tôi "vì ngây thơ" nghĩ rằng mình chỉ là bác sĩ không đến nỗi nào, tôi đã ở

lại, không ngờ cũng bị đi "học tập cải tạo". Và định mệnh éo le nầy đã làm cuộc đời tôi thay đổi rất nhiều.

Sau khi tù cải tạo về (đầu năm 1977), nhờ chuyên khoa da liễu, tôi lại được may mắn làm việc tại Trạm Da Liễu của thành phố (Bệnh viện Thanh Quan) và rồi tại Bệnh viện Da Liễu (Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu cũ, thời Việt Nam Cộng Hòa). Về sau, Bệnh viện Da Liễu (chiếm toàn bộ khu vực Y Viện Thanh Quan và Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu cũ) là cơ quan duy nhất trị bệnh hoa liễu cho toàn thành phố. Tại đây, tôi gặp lại BS Nguyễn Thứ (nguyên giám đốc Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu, đã đề cập đến ở trên) và BS Dương Duy Sử. Sau đó BS Sử giới thiệu tôi với bác sĩ trưởng Trung Tâm Da Liễu và tôi được giao cho tôi khám trị bệnh và kiêm luôn khoa xét nghiệm (chữ dùng sau năm 1975) cơ thể bệnh lý nhưng lúc đó không có dụng cụ và phương tiện. Cho đến khi sáp nhập khu Da Liễu của GS Nguyễn Văn Út vào bệnh viện Da Liễu, thì BS Vũ Khắc Thảo đảm nhiệm chức vụ nầy.

Rồi thì dần dần gặp lại các bác sĩ da liễu cũ như Hoàng Giang (chuyên khoa cùi, bệnh viện Chợ Quán), Vũ Ngọc Bội (Tổng Y Viện Cộng Hòa), Hoàng Xuân Tài (Bệnh viện Trần Ngọc Minh, trong trường Quân Y cũ). Rồi bộ môn Da Liễu của GS Nguyễn Văn Út cũng dọn về đây. Được gặp nhau, thầy Út và tôi đều cảm thấy vui. Ngoài thầy Út, bác sĩ Vũ Khắc Thảo, tôi còn gặp 2 bác sĩ đàn em mới ra trường là Ngô Ngọc Tuyên (hiện ở San Jose), Lý Hữu Đức.

Như trên đã viết, sau khi bị đi "học tập cải tạo" về,

tôi đã gặp lại GS Út, thầy cũng vui vẻ nhận tôi làm việc chung với ông, nhưng vì trường Đại Học Y Khoa thuộc Hà Nội nên thủ tục giấy tờ rất khó khăn, phải chuyển giấy tờ ra Hà Nội mà tôi lại là sĩ quan tù cải tạo nữa. Cho nên tôi gấp rút nộp đơn tại sở Y Tế Thành Phố để được chấp thuận cho làm việc, để được ở tại Sài Gòn.

Cuối năm 1979, lại có anh Trương Đông (Tổng Y Viện Cộng Hòa chuyên khoa Hansen) và BS Văn Văn Của (nguyên Đô Trưởng thời Nội Các Chiến Tranh của Nguyễn Cao Kỳ khoảng 1965-68) vào làm việc với chúng tôi tại bệnh viện Da Liễu.

Sau nầy, khi các anh em lần lượt ra đi, thoát cũi sổ lồng thì chỉ còn GS Út, BS Văn Văn Của, tôi và vài anh em khác. Đến cuối năm 1979, vì nhu cầu cần nhiều bác sĩ, nên "nhà nước" cho phép các bác sĩ có quyền mở phòng mạch tư ngoài giờ làm việc hành chánh với giá biểu ấn định là 15 tới 20 đồng mỗi lần khám.

Tôi may mắn được tiếng là bác sĩ "mát tay", mỗi ngày bệnh nhân đến ngồi chật cả phòng khám. Sau khi khám hàng trăm bệnh nhân tại bệnh viện công, về nhà ăn uống qua loa, rồi làm việc ở phòng mạch từ 4 giờ chiều tại nhà. Vì số bệnh nhân quá đông, trên 60 người, nên tôi phải cho phát số đến số 60. Thế mà có hôm tôi phải khám đến cả trăm bệnh nhân. Ngày ấy, có lần dịch ghẻ ngứa (gale) lan tràn từ bắc chí nam, và có lần lại có dịch lậu mủ nên người bệnh rất nhiều, ùn ùn kéo đến phòng mạch tôi khám bệnh. Nói chung, thì cuộc đời tôi, trong giai đoạn từ năm 1979 đến năm 1983, 4 năm đó tôi sống dễ chịu một chút,

vì ngoài đồng lương ở bệnh viện, tôi còn kiếm được "chút ít" để chuẩn bị đi Mỹ.

Thuốc men lúc đó, có được là do một số thuốc từ ngoại quốc gởi về, còn thuốc pha chế thì tôi còn nhờ một cô làm việc tại pharmacy trên đường Tự Do pha chế dùm. Cô nầy làm việc cẩn thận và vui vẻ, nên về mặt nầy tôi có đủ thuốc men để điều trị. Về xét nghiệm, có một anh nguyên là xét nghiệm viên thuộc Tổng Y Viện Cộng Hòa, sau có làm cho phòng mạch bác sĩ Pháp Crozafon, mở một phòng xét nghiệm trước cửa viện Pasteur. Tôi thường nhờ anh làm những xét nghiệm cần thiết để định bệnh. Nhờ những xét nghiệm nầy, nên việc định bệnh của tôi được nhiều dễ dàng, chữa bệnh thành công và giúp tăng thêm uy tín: bác sĩ "mát tay". Nhờ đó nên nhiều "cán bộ" cao cấp cũng đến nhờ tôi chữa bệnh. Phòng mạch của tôi ở trong xóm mà đông vui như ngoài phố lớn. Nhiều lần tôi phải chích trụ sinh cho các bệnh nhân, có lần đang chích thì bị cúp điện, tôi phải nhờ cậu con trai cầm đèn cầy soi cho sáng để chích. Thế mà cũng xong và bệnh nhân càng đông thêm.

Thế rồi, cuối năm 1983, tôi được sang Mỹ đến Hawaii… đoàn tụ gia đình. Cuộc đời tôi lại đi về một hướng khác.

Đời hành nghề của tôi, kể ra cũng có nhiều chuyện vui:

Tôi may mắn được làm công chức (công nhân viên) ba chế độ: chế độ Việt Nam Cộng Hòa (bệnh viện Bình Dân, sở Y Tế Đô Thành), chế độ Cộng Sản sau 75, sang

Hoa Kỳ tôi được làm công chức chánh ngạch tại Santa Clara County.

Ở bệnh viện Bình Dân, là bệnh viện chuyên khoa duy nhất chữa bệnh ngoài da nên có rất nhiều bệnh nhân ngoài da kinh niên.

Lúc làm việc ở Chẩn y viện Chánh Hưng, tôi khám tổng quát cho dân chúng nghèo, đa phần là những bệnh nhẹ đến khám được cấp thuốc miễn phí.

Ở quân đội, khi ở Cát Lái, tôi làm tham mưu cho bộ Tư Lệnh Hải quân để cấp phát thuốc men cho các đơn vị trực thuộc, lo về y khoa phòng ngừa, khám bệnh và lo quân y dân sự vụ…

Ở bệnh viện Hải Quân, tôi phải khám tổng quát cho sĩ quan, hạ sĩ quan, khám nhập ngũ, (có lúc tôi phải lên Trung Tâm Y Khoa Không Quân khám chung với họ), khám ngoài da hoa liễu. Khi các tàu về bến Bạch Đằng thì một số quân nhân thường xa nhà lâu ngày, hay nhậu nhẹt, chơi bời có đến gặp tôi. Vì khám sĩ quan, nên tôi quen biết các hạm trưởng, thế mà năm 1975, tôi đã ở lại. Đây cũng là số phận!

Trước năm 1975, khoa ngoài da và hoa liễu ít được quan tâm như những khoa khác, bệnh nhân thường hay giấu diếm vì xấu hổ và thường hay đến y xá để chích thuốc. Sau 1975, dân chúng mới thấy tầm quan trọng của bệnh nầy vì dịch bệnh lại xảy ra, như là dịch bệnh ghẻ ngứa, dịch bệnh lậu vì giang mai. Trước 1975, ngoài những bệnh viện công chỉ có một số bác sĩ tư chữa bệnh

nầy.

Tại Mỹ môn da liễu là môn quan trọng, và các bác sĩ cũng được tuyển chọn khó khăn để vào môn y khoa nầy. Các bác sĩ da liễu bên Mỹ có lợi tức rất khá.

Khi ở Việt Nam, vì ở trong quân đội, ít thì giờ nên lợi tức chúng tôi cũng rất khiêm nhường.

Hồi tưởng lại, trong những năm hành nghề y sĩ, trong dân y, quân y, bệnh viện da liễu… tôi đã phục vụ đồng bào nghèo, các tầng lớp quân, cán, chính, với một tinh thần phục vụ hăng say nhiệt huyết.

Và hơn thế nữa, tôi đã hãnh diện phục vụ trong ngành y tế của Việt Nam.

Dạ Tiệc Thân Mật 18-7-2015
Thành Hôn
Quý Hiền

Dạ Tiệc Thân Mật 18-7-2015
Thành Hôn

Dạ Tiệc Thân Mật 18-7-2015

Sprite

KỶ NIỆM HOẠT ĐỘNG TRONG LIÊN ĐOÀN SINH VIÊN CÔNG GIÁO SAIGON

Bước vào ngưỡng cửa đại học vào mùa thu năm 1961, tôi chọn học y khoa, ghi danh học chứng chỉ PCB (Lý Hóa Sinh) tại Đại Học Khoa Học, ghi tên gia nhập vào Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo Saigon tại số 229 Hiền Vương. Sở dĩ như thế là vì nhà tôi cũng ở đường Hiền Vương, nếu đi bộ đến đó chỉ mất 10, 15 phút, còn đi xe đạp chỉ mất 5 phút.

Mỗi tuần, tôi dự thánh lễ dành cho sinh viên Công Giáo lúc 8 giờ sáng tại nguyện đường Mai Khôi (trong cư xá Phục Hưng, số 43 Nguyễn Thông, cư xá nầy, một bên thông thương với trụ sở Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo, số 229 Hiền Vương, và một bên thông ra đường Tú Xương).

Linh mục chủ tế cũng là Tuyên úy Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo, Lm Nguyễn Huy Lịch, cũng là giám đốc Câu Lạc Bộ Phục Hưng. Cha Lịch là một người mập mạp, tròn trịa, vui vẻ, nhưng lúc nào cũng phì phèo với ống pipe. Cha rất cởi mở, chú tâm khi đối thoại với sinh viên. Cha không nghiêm nghị và quá đạo mạo như các cha khác. Tư tưởng của cha cũng phóng khoáng, cũng không gắt gao. Tôi có giúp lễ với cha và thỉnh thoảng gặp

cha khi cần có ý kiến, giúp đỡ. Tôi có một số kỷ niệm với cha, tôi sẽ kể ở đoạn sau.

Sinh hoạt của Đoàn lúc đầu chỉ có thánh lễ thôi. Sau nầy cha Lịch thỉnh thoảng có tổ chức những buổi thuyết trình về các đề tài giáo dục, văn chương, xã hội và mời các cao thủ đạo và đời thuyết trình, lâu quá tôi không còn nhớ hết các sinh hoạt. Tôi có tham dự một buổi thuyết trình do GS Trần Văn Tấn, GS Đại Học Khoa Học và sau nầy là Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm với đề tài "Con Đường Tiến Thân của các Sinh Viên Đại Học Khoa Học", và một buổi nói chuyện của Đức cha Trần Văn Thiện, nguyên Giám Mục Mỹ Tho, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Đà Lạt về đề tài "Công Thiện và Công Hảo".

Theo bài viết của anh Trần Ngọc Báu, nguyên Chủ tịch Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo (nhiệm kỳ 1963-1964) thì lúc đầu, Đoàn Sinh Viên Công Giáo (sau nầy là Liên Đoàn) thì Đoàn là một tập họp tự do, phóng khoáng, không bắt buộc, cũng không đòi hỏi các sinh viên tham dự cam kết gì. Đoàn có xuất bản một nguyệt san tên là Thông Cảm để mọi sinh viên Công Giáo có thể tham dự viết lách và thông báo những tin cần biết cho sinh viên. Khi tôi mới tham gia thì Ban Chấp Hành lúc đó gần mãn nhiệm. Chủ tịch là anh Nguyễn Ứng Long (Đại Học Sư Phạm) và kế đến là các anh Lê Minh Tâm, Nguyễn Phúc Khánh (Đại Học Khoa Học, sắp tốt nghiệp Cử Nhân Lý Hóa), Trần Ngọc Báu làm chủ tịch.

Trong những buổi sinh hoạt, tôi thường gặp các cổ thụ sau đây của Đoàn Sinh Viên Công Giáo: anh Trương Văn

Ngọc (Nha Khoa, gần tốt nghiệp nha sĩ, nhà anh cũng ở đường Hiền Vương, góc Hai Bà Trưng, gần nhà thờ Tân Định, đi lễ tại nhà thờ Tân Định, thỉnh thoảng có gặp anh). Trương Văn Ngọc là cựu chủ tịch của Đoàn, anh Đinh Thành Châu, lúc đó đã đậu cử nhân luật và đang tập sự luật sư sau nầy đắc cử dân biểu quốc hội, anh Phạm Quang Tịnh (cũng xong luật khoa, đang tập sự thành luật sư), anh Trần Ngọc Báu, anh Nguyễn Hữu An (kiến trúc), các chị Trần Thị Bạch Yến (y khoa), Đào Xuân Viên (y khoa), Nguyễn Thị Cẩm Vân (dược khoa), anh Đinh Hà (y khoa), Nguyễn Phúc Khánh (khoa học), Đỗ Phan Hạnh (văn khoa)… Ngoài ra, có hai đàn anh đã tốt nghiệp dược sĩ nhưng vẫn đến giúp đỡ là dược sĩ Hoàng Ngọc Tuệ và Trần Quý Thái… Các anh đều vui vẻ, cởi mở, có vẻ đạo mạo, khác với tôi, có vẻ nhóc tì, ốm yếu. Nhìn các anh, tôi ao ước được như các anh, học hành thông suốt và tốt nghiệp để có chỗ vững chắc trong xã hội.

Sau nầy, anh Trần Ngọc Báu làm chủ tịch (1963-1964), theo lời đề nghị của anh Báu, với sự chấp nhận của Cha Tuyên Úy Nguyễn Hữu Lịch, có những thay đổi như sau: thành lập Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo có nội quy hẳn hoi gồm 3 cơ cấu Đoàn Sinh Viên Công Giáo (anh Báu), Phong Trào Sinh Viên Đại Học Công Giáo (JUC, Đinh Hà) và Hiệp Hội Thánh Mẫu Đại Học (CMU, BS Hưởng) cùng hoạt động.

Thành Lập Ban Hợp Ca Trùng Dương (lúc đầu do anh Nguyễn Phúc Khánh tự Khánh Râu phụ trách), nhạc trưởng là ông Trần Văn Quý, với nhiều ca viên xuất sắc

như chị Phan Thanh Hằng, chị Nguyễn Thị Quý. Ca đoàn thường hát trong các thánh lễ, thường tập hát tại trụ sở Liên Đoàn, số 229 Hiền Vương với tầng trên là phòng làm việc của cha Nguyễn Huy Lịch .

Từ khi lên học ở Đại Học Y Khoa, tôi thường sinh hoạt với Phong Trào Sinh Viên Đại Học Công Giáo (chủ tịch là Đinh Hà, học trên tôi 3 lớp, bên Dược thì có chị Nguyễn Như Anh, Nguyễn Thị Thu Cúc, Ngô Minh Châu, bên Văn khoa thì Tăng Thế Tường, Lê Thanh Thủy, Nguyễn Ánh Tuyết, Bùi Thế Cần, Nguyễn Minh Châu, Rosa, Rosé Liêu…), bên Khoa học có anh Nguyễn Văn Tới, La Vĩnh Cát, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, bên Sư phạm có anh Trần Thanh Quang. Đặc biệt có nhiều anh chị không phải là Công giáo, nhưng trước đây có học trường Công giáo, cũng gia nhập Phong Trào với tư cách cảm tình viên như chị Nguyễn Như Anh (Dược khoa), Tôn Nữ Tâm Thường… Trong khi đó, tại Câu Lạc Bộ Phục Hưng cũng có nhiều anh em sinh viên Công giáo thường hay hoạt động bên Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo như Dư Quốc Trung, Phạm Trung, Nguyễn Tiến Cảnh. Ngoài ra, cùng lớp với tôi có hai anh Trần Văn Đức và Trần Khắc Trung, cả hai đều tham gia Hiệp Hội Thánh Mẫu Đại Học (CMU).

Tất cả các sinh viên lúc bấy giờ, người nào cũng phải lo học, phải gạo thì mới có thể đậu được. Đại Học Y Khoa lúc đó còn dùng Pháp ngữ để giảng dạy. Chúng tôi nhận thấy Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo, Phong Trào Thanh Sinh Công là môi trường tốt để gặp gỡ, trao đổi và học tập.

Ngoài ra, Câu Lạc Bộ Phục Hưng cũng là một cư xá lý tưởng (giá rẻ) để anh em có chỗ ăn uống, nghỉ ngơi.

Tuy nhiên, các sinh hoạt của Phong Trào Sinh Viên Công Giáo cũng không có gì là rôm rả, không có nhiều, vì sinh viên còn bận học hành, mưu sinh, chỉ có các thánh lễ chiều thứ tư, lúc 6-7 giờ chiều, mới qui tụ được đông anh chị em, nhưng cũng chỉ khoảng 20-30 người, ngoài ra, hàng năm có các buổi du ngoạn Đà Lạt, Vũng Tàu là dịp anh chị em gặp gỡ, học hỏi, hàn huyên…

Tôi có tham dự cuộc du ngoạn ở Viện Đại Học Đà Lạt vào mùa hè 1963 và có nhiều kỷ niệm.

Khi còn học Đại Học Khoa Học (chứng chỉ PCB), mỗi tháng thì có một thánh lễ cho Sinh Viên Công Giáo do Lm Hoàng Quốc Trương, giáo sư Đại Học Khoa Học, chủ tế tại nhà nguyện Thánh Giu Se ở đường Nguyễn Thiện Thuật (thuộc giáo xứ Chợ Đũi) với 20, 30 sinh viên Công Giáo tham dự.

Trong Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo cũng như ở Phong Trào Sinh Viên Công Giáo Đại Học, tôi thường gặp nhiều anh chị em sau nầy thành công trên đường đời cũng như đường tu trì như các chị Gabrielle Nguyễn Thị Cẩm Nhung (con của Ls Nguyễn Văn Huyền, một nhân sĩ Công Giáo, sau nầy là Thượng Nghị Sĩ, Chủ Tịch Thượng Viện và Phó Tổng Thống). Chị đã đỗ cử nhân giáo khoa Lý Hóa và đi du học Pháp để lấy bằng tiến sĩ, nhưng chị đã bỏ ngang về, vào tu dòng kín và sau này trở thành mẹ Bề Trên của dòng nầy tại tu viện trên đường Cường Để Saigon. Anh Phạm Hữu Giáo, tức ký giả Mạc Giao, lúc ở

trung học đậu tú tài 1 cùng với tôi, hoạt động chung trong Phong Trào Thanh Sinh Công ở nhà thờ Đakao, sau lên Đại Học, tham gia Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo và Legio Mariae, sau nầy đắc cử dân biểu quốc hội (pháp nhiệm 1), Tổng Thư Ký Giám Sát Viện và Sứ Thần Ngoại Giao tại Paris (Phó Đại Sứ). Luật sư Đinh Thành Châu, dân biểu quốc hội lập hiến, soạn thảo hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hòa, sau làm phụ tá Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, mất tại San Jose năm 2015. Nha sĩ Trương Văn Ngọc, giảng sư Đại Học Nha Khoa Saigon, thành viên nòng cốt Phong Trào Trí Thức Công Giáo Pax Romana. Ngoài ra, trong giới y khoa, có nhiều bác sĩ thành công như Trần Văn Cảo, Đinh Hà, Nguyễn Tiến Cảnh (chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam tại Florida).

Các anh chị em ở Phong Trào Thanh Sinh Công, ngoài thánh lễ chiều thứ tư, thỉnh thoảng có tham gia vào những công tác xã hội như ủy lạo các bệnh nhân tại nhà thương Hồng Bàng và tham gia các buổi khám bệnh, phát thuốc cho các xóm nghèo.

Với cha Nguyễn Huy Lịch, trước 30-4-1975, tôi thường gặp cha, mỗi tháng ít ra một lần. Sau năm 1975, tôi chỉ gặp cha hai lần: một lần cha bị đau mắt, có nhờ tôi đưa vào bệnh viện Thanh Quan (sau là Phòng Khám Công Nhân Viên Chức) chung với Bệnh Viện Da Liễu (nơi tôi làm việc) để khám mắt. Lần khác là cha phải đổi bằng lái xe, gặp tôi ở Nha Lộ Vận đường Phạm Ngũ Lão, cha cho biết cha bị bệnh tiểu đường, ăn uống không kiêng cữ, nên bị biến chứng. Sau nầy, cha bị mờ mắt, không thấy

đường, năm 1992 phải qua Pháp chữa trị, để cứu cho mắt cha khỏi bị mờ, nhưng sau đó, khi về Việt Nam, khoảng năm 1993, cha bị nhiễm trùng vết loét chân, phải cưa chân. Tôi được biết tin cha nhờ cha Đỗ Xuân Quế, khi cha Quế có việc phải đến San Jose. Tôi liên lạc được với cha từ đó. Sau nầy, tôi được biết cha bị stroke và không nói được, bị cưa chân. Khi về Saigon thăm gia đình, năm 1998, tôi thấy cha nằm bất động ở trụ sở 229 Hiền Vương, có một thầy giúp đỡ và chỗ chân cưa bị nhiễm trùng, chân phải chuẩn bị cưa chân một lần nữa. Tôi chỉ nhìn cha và hỏi thăm về cha với thầy săn sóc cha, còn cha thì nằm im, không nói năng gì được. Sau nầy, cha bị biến chứng nhiều và đã qua đời năm 2000.

Tôi có một vài kỷ niệm với cha: Cha là một người có tư tưởng phóng khoáng, cũng nghiêm nghị nhưng không gắt gao. Cha thường giúp đỡ các sinh viên khi có việc cần. Được biết gia đình tôi hơi chật vật về tài chánh và có đông anh chị em đi học, cha thường xuyên tiếp tế cho tôi để đi ăn phở và mua sách vở. Không riêng tôi, các anh em khác cũng nhờ cha giúp đỡ rất nhiều. Khi tôi lập gia đình, cha đã cho tôi nhiều ý kiến quý báu và có tham dự lễ cưới của tôi.

Cha được số đông trí thức công giáo cảm mến và thường xuyên gặp cha, trong đó có các vị sau: bác sĩ Nguyễn Văn Ái, chủ tịch Pax Romana, giáo sư Trần Vỹ, cựu bộ trưởng Y Tế, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, giáo sư Đại Học Y Khoa, viện trưởng Viện Đại Học Saigon (sau bị xe đụng chết trước khi xuất ngoại sang Pháp, có người cho là thầy bị ám sát), giáo sư Lý Chánh Trung (Văn

khoa), giáo sư Nguyễn Văn Trung, giáo sư triết, Đại Học Văn Khoa, dược sĩ Trần Quý Thái, nha sĩ Trương Văn Ngọc, bác sĩ Nha khoa Nguyễn Văn Thơ, Khoa Trưởng Đại Học Nha Khoa…

Mục đích của cha cũng như dòng Đa Minh chi nhánh Lyon là sinh hoạt, truyền giáo, khai phóng, đào tạo giới trẻ thành những người hữu ích cho bản thân, cộng đồng, xã hội, quốc gia dân tộc. Mỗi cha có một phương pháp truyền giáo, giúp đỡ khác nhau, giúp đỡ cho con người sống đúng tư cách, nhân phẩm. Mọi anh em ở Câu Lạc Bộ Phục Hưng cũng như Liên Đoàn, các sinh viên ai cũng yêu mến và biết ơn cha. Riêng tôi, rất biết ơn cha với tất cả tấm lòng.

Với cha Phạm Long Tiên

Cha Phạm Long Tiên thì tôi thỉnh thoảng có gặp ngài, mỗi lần đi lễ hoặc đến Câu Lạc Bộ Phục Hưng thăm các bạn ở đó: Nguyễn Công Bình (luật khoa), Võ Gia Huy (y khoa), Đinh Hà (y khoa), Phạm Ngọc Giao (y khoa), La Vinh Cát (khoa học). Cha rất vui vẻ và nhớ đến tôi. Sau năm 1975, khi bị tù cải tạo về, tôi có ghé thăm cha, cha nhận ra tôi ngay. Hai kỷ niệm mà tôi không bao giờ quên là: hè 1963, khi cha mới đi Pháp về, cha có đi với chúng tôi lên Đà Lạt du ngoạn. Một buổi tối, cha có tham gia trò chơi "vượt chướng ngại vật", cha bị chúng tôi "lừa" và "diễu": Trước tiên, cho cha thấy tất cả chướng ngại vật, rồi bịt mắt, nếu qua được sẽ được thưởng, nếu đụng vào các chướng ngại vật thì sẽ phải thường. Sau khi bịt mắt, tất cả chướng ngại vật bị lấy đi. Cha không biết, nên cha phải né

tránh các chướng ngại vật, đi nghiêng ngả, ai thấy cũng cười ngất và sau khi mở mắt, biết bị lừa, cha chợt bật ra tiếng "Mẹ…" khiến mọi người cười ngất vui vẻ.

Năm 1993, cha qua Mỹ, có ghé San Jose. Ban tổ chức là các anh Trần Văn Cảo, Nguyễn Công Bình hẹn gặp cha ở nhà hàng Botown. Anh Cảo và anh Bình có phận sự đứng chờ, đón tiếp ở đó. Tôi cũng có mặt, đứng cạnh anh Cảo. Khi cha mới đến, anh Cảo ra đón, cha thấy tôi ngay, chỉ vào tôi reo lên vui vẻ:

- Phải Nam không? Sao mà mập thế?

Tôi tưởng cha đã quên tôi, ai ngờ cha vẫn nhớ. Khi ăn, ngài có nói về nhiều dự tính trong đó có dự tính xin lại Câu Lạc Bộ Phục Hưng và sẽ đổi lại thành Trung Tâm Phao Lồ Nguyễn Văn Bình, tiếc quá, ngài đã qua đời năm 1994.

Với cha Đỗ Xuân Quế tôi cũng gặp khi ở Việt Nam. Cha biết về tôi rất nhiều khi theo dõi tin tức bên Mỹ. Cha Quế cũng thường sang Mỹ, mục đích công tác mục vụ, khi ghé San Jose, tôi có gặp ngài và có đi ăn chung với ngài hai lần. Các năm sau nầy có lẽ vì vấn đề sức khỏe, không thấy ngài qua Mỹ nữa.

Một kỷ niệm buồn mà tôi còn nhớ mãi về anh La Vĩnh Cát (Khoa học) và hôn thê là cô Suzane Võ Đức. Anh Cát chở Suzane đi du ngoạn bằng xe lambretta trong dịp lễ Phục Sinh năm 1966, chẳng may bị tai nạn khi xe vừa qua khỏi ngã tư Hàng Xanh trên Xa Lộ Biên Hòa. Nhìn cặp đôi Cát & Suzane rất đẹp, xứng đôi vừa lứa, bị chết,

khiến chúng tôi vô cùng xúc động và còn ghi trong tâm khảm cho tới ngày nay.

Sau khi tốt nghiệp y khoa, nhờ những kinh nghiệm khi hoạt động ở Sinh Viên Công Giáo, Phong Trào Thanh Sinh Công, tôi xin gia nhập Hội Bác Sĩ Công Giáo (từ 1970-1975, và giữ chức vụ Tổng Thư Ký nhiệm kỳ 1974-1975) và gia nhập Phong Trào Pax Romana từ năm 1972 tới năm 1975…

Một số anh chị em ở Đoàn Sinh Viên Công Giáo và Phong Trào Thanh Sinh Công về sau cũng thành gia thất như bác sĩ Đinh Hà kết hôn cùng chị Nguyễn Thị Minh Châu, GS Nguyễn Phúc Khánh với chị Nguyễn Thị Quý, chị Phan Thanh Hằng với anh Trần Văn Quý (Sứ thần ngoại giao)…

Trong lễ giỗ 22 năm cha Phạm Long Tiên ở San Jose vừa qua ngày 30-9 và 1/10/2016, khi ôn lại những kỷ niệm ở Câu Lạc Bộ Phục Hưng, ai ai cũng thương mến và nhớ đến ngài.

Tôi được tham dự Buổi Lễ Giỗ Thứ 22 của cha Phạm Long Tiên do Tổng Đoàn Hiệp Sinh các lưu trú sinh Câu Lạc Bộ Phục Hưng và Sinh Viên Công Giáo tổ chức tại San Jose. Các buổi họp mặt thật vui và thánh lễ thật trang nghiêm và cảm động nói lên sự yêu mến của tất cả anh em với cha Phạm Long Tiên, tiếp nhiệm từ cha Nguyễn Huy Lịch, hai cha đều dấn thân phục vụ giới trẻ mới bước vào ngưỡng cửa đại học trong vai trò người hướng dẫn khởi đầu và do tư cách của hai cha, chúng tôi cùng quý mến, ghi ơn hai cha vì học hỏi được nhiều điều hữu ích khi ra đời.

Năm mươi lăm năm đã trôi qua (từ 1961), khi nói đến đời sống vui, tôi luôn nghĩ tới Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo, Phong Trào Thanh Sinh Công Đại Học là những nơi mà chúng tôi được gặp gỡ nhau, nâng đỡ nhau để học tập và hướng về tương lai. Đa số anh chị em ở Sinh Viên Công Giáo đều thành công tốt đẹp trong xã hội, có thể đến hơn 90%. Đến nay, mặc dầu trí nhớ kém đi, nhưng những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt.

Ở ngoài tuổi 70, như tôi, tôi vẫn nhớ đến những kỷ niệm khi hoạt động ở Đoàn Sinh Viên Công Giáo, Phong Trào Thanh Sinh Công Đại Học, đã giúp tôi rất nhiều để trau luyện bản thân trở thành người hữu ích cho xã hội. Tuy là một hội viên "nhỏ bé, nhóc tì" nhưng được các cha, các anh chị em thương mến, hướng dẫn, giúp tôi ra đời bớt nhút nhát và mạnh dạn hơn. Mặc dầu lo học hành, chúng tôi cũng tham gia sinh hoạt hội đoàn và công tác xã hội, như tham gia khám bệnh miễn phí, ủy lạo bệnh nhân tại nhà thương Hồng Bàng.

Viết bài nầy để giúp ôn lại nơi đây những kỷ niệm cùng các cha, các anh chị em, hy vọng cũng để lại cho thế hệ con cháu hiểu được đôi điều về nếp sinh hoạt của cha mẹ ngày xưa, khi đang tuổi trẻ trung như chúng ngày nay và mai sau…

KỶ NIỆM PHỤC VỤ QUÂN Y HẢI QUÂN QUÂN LỰC VNCH

Để tưởng nhớ Y Sĩ Đại Tá Đặng Tất Khiêm Y Sĩ Trung Tá Nguyễn Thanh Trước

Sau khi ra trường vào cuối năm 1968, tôi được hoãn dịch một năm để theo chương trình Hậu Đại Học và sau đó, tôi bị động viên vào Khóa 12 Trưng Tập vào tháng 4/1970 và sau khi thụ huấn quân sự tại Trường Bộ Binh Thủ Đức và Hành Chánh Quân Y tại trường Quân Y, tôi được bổ nhiệm về phục vụ tại Quân Y Hải Quân từ tháng 10/1970 đến 30 tháng tư năm 1975 thì "đứt phim". Trong thời gian 5 năm phục vụ trong quân đội, một thời gian không quá dài nhưng cũng đã đủ để lại trong tâm tư tôi nhiều kỷ niệm khiến tôi không thể quên được nhiều kỷ niệm thân thương của "gia đình Hải Quân".

NĂM THÁNG KHÓ QUÊN

Sau biến cố Tết Mậu Thân và khi Tổng Thống Nixon muốn "Việt Nam Hóa Chiến Tranh" thì binh chủng Hải Quân đã bành trướng mau chóng. Từ quân số khoảng 10 ngàn người, đến năm 1970, quân số Hải Quân đã tăng gấp 4 lần, đến hơn 40 ngàn người. Lực lượng chiến hạm của Hải Quân đã được tiếp nhận nhiều chiến hạm của Hải Quân Hoa Kỳ như Khu Trục Hạm HQ1, Tuần DươngHạm HQ5... Lãnh hải của Hải Quân trước đó được

phân thành 4 vùng duyên hải và 2 vùng Sông Ngòi, sau thêm một vùng Viễn Duyên là Vùng 5 Duyên Hải căn cứ đặt tại Năm Căn, Cà Mâu, và thành lập thêm nhiều đơn vị chiến đấu như Lực Lượng Thủy Bộ 211, Lực Lượng Tuần Thám 212, Lực Lượng Duyên Phòng 213, Lực Lượng Đặc Nhiệm Trung Ương 214. Mỗi lực lượng đặc nhiệm đồn trú tại một vùng và có cấp số tương đương với một vùng duyên hải hoặc sông ngòi và vị tư lệnh có cấp số là Phó Đề Đốc...

Vì gia tăng quân số và nhiều lực lượng tác chiến nên Hải Quân cần nhiều bác sĩ để đảm nhận các chức vụ của các cơ cấu Quân Y Hải Quân như Phòng Quân Y (Trưởng Phòng) hay các Bệnh Xá (Y Sĩ Trưởng) của các vùng hoặc lực lượng cho nên Khối Quân Y Hải Quân đã xin Bộ Tổng Tham Mưu bổ nhiệm nhiều bác sĩ về Hải Quân. Đợt bổ nhiệm của tôi có 7 bác sĩ theo thứ tự (do xếp hạng cao thấp) như sau: Trần Văn Nam, Văn Sơn Trường, Nguyễn Tấn Hiển, Nguyễn Diêu (Y Khoa Huế), Nguyễn Thế Lịch (Y Khoa Huế), Phạm Văn Cự (lý do gia cảnh), Lữ Chí Thành (ly do gia cảnh). Nguyên tắc phân hạng cao thấp để chọn nhiệm sở của Cục Quân Y là sau khi thụ huấn quân sự và hành chánh quân y, Cục Quân Y sẽ xếp hạng các bác sĩ theo nguyên tắc sau đây: Điểm học quân sự tại trường Bộ Binh Thủ Đức, chấp hành kỷ luật khi học tập, các tiêu chuẩn chuyên môn như chức vụ đã đảm nhận tại các phân khu trường Đại Học Y Khoa và tại các bệnh viện (nội trú ủy nhiệm hoặc nghiệm chế viên…), đã trình luận án hay chưa, lý do gia cảnh và điểm học hành chánh quân y tại Trường Quân Y. Các bạn nào có điểm cao thì được ưu

tiên chọn nhiệm sở trước, ai có điểm thấp thì chọn sau. Tôi đứng đầu bảng xếp hạng nên được ưu tiên chọn về Hải Quân.

Khi chúng tôi được điều động về Hải Quân, chúng tôi phải trình diện Trưởng Khối Quân Y, lúc đó là Bác Sĩ Đặng Tất Khiêm. Lúc đó, anh Khiêm mang lon Trung Tá, sau thăng chức Đại Tá, anh tốt nghiệp tại Đại Học Y Khoa Bordeaux, Pháp, năm 1956, và đã phục vụ tại Bệnh Xá Hải Quân Cát Lái từ năm 1957 đến năm 1960.

Anh Khiêm có dáng người to lớn, trông rất bề thế, anh thường đeo kính râm, tính hơi nghiêm, tôi "hơi ngán" nên tôi cũng ít tiếp xúc với anh. Các anh em y, nha, dược sĩ trong Khối Quân Y Hải Quân thường gọi anh là "Anh Năm". Khi ở Hải Quân, tôi có mấy lần tiếp xúc với anh Khiêm khi có chuyện cần hoặc khi nào anh gọi tôi lên để hỏi han về một số việc hay tình hình trong đơn vị. Khi tiếp xúc, tôi thấy anh rất vui vẻ và rất quan tâm đến các bác sĩ đàn em và các quân nhân thuộc cấp, không có gì là "khó khăn" trái với tướng tá cao lớn của anh. Năm 1984, khi định cư tại Hawaii, tôi có viết thư thăm hỏi anh, anh trả lời kèm với những lời khuyên quý báu và anh đã viết thư giới thiệu (letter of recommendation) cho tôi học lại ngành Y Tế Công Cộng (public health).

Khối Quân Y Hải Quân lúc đó gồm 4 phòng chính do các bác sĩ và sĩ quan hành chánh Quân Y đảm trách. Một vị bác sĩ khác mà tôi có dịp tiếp xúc là anh Nguyễn Văn Đính, lúc đó mang cấp bậc thiếu tá, sau thăng trung tá. Anh Đính là Y Sĩ Phụ Tá Trưởng Khối kiêm Trưởng

Phòng Kỹ Thuật. Anh rất hiền, ít nói và rất trực tính. Tôi có nhiều dịp nói chuyện với anh và các anh em bác sĩ ở Khối Hải Quân rất quý mến anh.

Rồi lại có một bác sĩ khác cũng dễ thương và đầy tinh thần trách nhiệm, bác sĩ Nguyễn Tích Lai, là Trưởng Phòng Kế Hoạch và Quân Y Dân Sự Vụ. Anh học trên tôi 4 lớp ở Đại Học Y Khoa Saigon và tôi có biết anh ngay từ dạo đó. Anh là một người rất hiền lành, ít nói và rất tử tế, thân thiện với mọi người và rất hợp tình với anh Đặng Tất Khiêm và anh Khiêm rất mến anh. Riêng tôi rất quý mến anh Lai và không bao giờ quên anh. Anh rất được các binh sĩ Hải Quân và các thân nhân rất quý mến.

Các cấp chỉ huy Hải Quân cũng vậy, rất quý mến anh. Một vị chỉ huy mà tôi làm việc dưới quyền, ở đơn vị Lực Lượng Đặc Nhiệm Trung Ương 214 là Đại Tá Nguyễn Phổ từng là Hạm Trưởng HQ400 (Hát Giang) mà anh Nguyễn Tích Lai là Y Sĩ Trưởng Bệnh Viện Hạm HQ400; Đại tá thường nhắc nhở đến BS Lai khi nói chuyện với tôi.

BS Nguyễn Thanh Trước, mang cấp bậc Thiếu Tá, phụ trách Phòng Tổ Chức Huấn Luyện Hải Quân VNCH. Anh người dong dỏng cao, hay cười lớn tiếng rất vui vẻ, nên cũng được nhiều người quý mến. Sau thăng Trung Tá và được thuyên chuyển về làm Y Sĩ Trưởng Bệnh Viện Hải Quân, thay thế BS Tạ Văn Luyện, cấp bậc Trung Tá, giải ngũ. Khi anh ở Khối Quân Y Hải Quân, tôi ít có dịp tiếp xúc với anh. Sau này, khi về Bệnh Viện Hải Quân, làm việc với anh nên tôi có nhiều kỷ niệm với anh, sẽ kể ở đoạn sau.

Một người khá vui là BS Nguyễn Quang Giao, thường gọi là "Giao Đen", lúc đó ở Phòng Kỹ Thuật Quân Y Hải Quân, sau này lên Thiếu Tá và giữ chức Y Sĩ Phụ Tá kiêm Trưởng Phòng Kỹ Thuật thay thế anh Đính khi anh Đính được thuyên chuyển về làm Trưởng Phòng Quân Y Bộ Tư Lệnh Hạm Đội. Anh Giao rất có tình, có nghĩa và tử tế với anh em. Tôi ở cùng xóm với nhà anh Giao ở Saigon và sau này, khi tù cải tạo về, anh em thường gặp nhau chuyện trò và có nhiều kỷ niệm.

Một vị nữa là Thiếu Tá Hành Chánh Quân Y Cao Sanh Nhờ, Trưởng Phòng Nhân Viên, rất lịch sự và hiền lành, còn Dược Sĩ Phạm Xuân Dũng lúc đó là Trung Úy Chánh Văn Phòng của Trưởng Khối. Lúc đó, anh chưa học xong Dược Sĩ, bị động viên. Sau khi thi đỗ dược sĩ, anh được cải ngạch, đeo lon Dược Sĩ Trung Úy. Còn hai dược sĩ nữa ở Khối Quân Y mà tôi cũng thường tiếp xúc là dược sĩ Nguyễn Tất Tiên (Phòng Kỹ Thuật) và DS Vũ Huy Đạo (Trưởng Kho Y Dược). Hai anh, sau này, được biệt phái sang Bộ Y Tế, và anh DS Nguyễn Như Thụy về thay anh Đạo. Dược Sĩ Nguyễn Như Thụy hiện định cư tại San Jose. Cũng như các bác sĩ kể trên, hai vị dược sĩ này cũng tử tế và hiền lành. Khi anh Nhờ đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ thì có anh Nguyễn Hữu Trí, Đại Úy Hành Chánh Quân Y thay thế. Sau này anh Trí cũng lên cấp Thiếu Tá.

Tuy làm việc ở Cát Lái, tôi hay về Khối Quân Y để liên lạc hoặc báo cáo nên tôi thường gặp các anh, lúc thì 15 phút, lúc cả tiếng đồng hồ. Mối quan hệ giữa chúng tôi rất tốt đẹp. Tôi được các anh chỉ dẫn và giúp đỡ, tôi không

bao giờ quên những ưu ái và tình đồng nghiệp và "huynh đệ chi binh".

Ngoài Khối Quân Y ở Bộ Tư Lệnh (trụ sở ở trong Hải Quân Công Xưởng), Khối Quân Y Hải Quân còn có một bệnh xá được nâng lên thành Bệnh Viện Hải Quân trước ở ngay trong Bộ Tư Lệnh (Bến Bạch Đằng), sau dời về Trung Tâm Quản Trị Hành Chánh, số 9 đường Cường Để (sát ngay Bến Bạch Đằng).

Bệnh Viện Hải Quân lúc đó có chỉ huy trưởng là Y Sĩ Thiếu Tá Tạ Văn Luyện, sau này lên Trung Tá và giải ngũ. Anh Luyện thuộc khóa 1 Sĩ Quan Thủ Đức bị động viên năm 1951, cùng khóa với Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương Nguyễn Cao Kỳ). Sau này anh Luyện thi vào Quân Y và tốt nghiệp bác sĩ năm 1961. Dáng người cao ráo, đẹp trai và cũng rất hiền lành nhưng hơi "lè phè". Mỗi lần đi họp, tôi thường gặp anh và nói chuyện vui vẻ. Anh không bao giờ làm mất lòng ai. Vợ anh là chị BS Công Huyền Tôn Nữ Tường Vi, BS điều trị tại Bệnh Viện Nhi Đồng, và là chị vợ BS Đặng Vũ Báy.

Từ tháng 10/1970 đến tháng 10/1973, ba năm làm việc tại căn cứ Hải Quân tôi từng đảm nhiệm các chức vụ Trưởng Phòng Quân Y Lực Lượng Trung Ương 214 kiêm Y Sĩ Trưởng Bệnh Xá Hải Quân Cát Lái. Cát Lái thuộc Quận Thủ Đức, chỉ cách Saigon 18km (nếu đi qua ngã Thủ Thiêm thì chỉ cách Saigon 12km, còn nếu đi qua xa lộ Biên Hòa khoảng 5km thì có lối đi vào Cát Lái). Cát Lái có một căn cứ Hải Quân quan trọng được xây cất từ thời Pháp và sau này thì có thêm căn cứ của Hải Quân Hoa

Kỳ, và Hoa Kỳ đã xây giúp nhiều cơ sở cho Hải Quân như Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn Người Nhái, nhiều cơ sở chỉ huy của nhiều Giang Đoàn và một bệnh xá rất khang trang và tôi làm việc tại bệnh xá này sau khi việc xây cất hoàn tất và Hoa Kỳ chuyển giao cho Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa. Tại Cát Lái còn nhiều đơn vị khác như Trung Tâm Huấn Luyện Tuần Giang, một Trung Đội Pháo Binh, một Đại Đội Quân Vận và bên kia bờ sông là Kho Đạn Nhơn Trạch, và do đó quân số phục vụ tại đây có khi lên tới khoảng 2.000 người vì Đặc Khu Cát Lái là một vị trí chiến lược quan trọng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa.

Theo cấp số, Phòng Quân Y thuộc Khối Tiếp Vận của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng tại Đặc Khu Cát Lái. Với chức vụ Trưởng Phòng Quân Y Hải Quân, tôi là tham mưu cho vị Tư Lệnh Hải Quân về các vấn đề y tế, điều động và theo dõi tình trạng nhân viên, lo cung cấp y dược và dụng cụ cho các đơn vị trực thuộc, thanh tra đơn vị và thỉnh thoảng làm công tác Quân Y Dân Sự Vụ ngoài nhiệm vụ khám bệnh cho các quân nhân hải quân trực thuộc căn cứ Cát Lái và gia đình. Vì phương tiện giới hạn nên chúng tôi chỉ khám bệnh mà thôi. Khi cần những xét nghiệm quan trọng hơn, hay chụp hình quang tuyến, hoặc gặp những trường hợp bệnh nặng hay cần nhiều khả năng chuyên môn hơn, chúng tôi thường giới thiệu lên Bệnh Viện Hải Quân tại Bến Bạch Đằng.

Lúc đầu, Phòng Quân Y ngoài tôi là trưởng phòng, còn có một thượng sĩ y tá và độ 10 nhân viên. Sau này, năm 1973, có thêm một dược sĩ phụ trách trông coi Kho Y

Dược bệnh xá. Vị dược sĩ này tên là Vũ Văn Hồng (nếu tôi nhớ không lầm), thuộc khóa 1972, Trường Đại Học Dược Khoa Sai- gon. Cơ sở của tôi rất rộng rãi do Hải Quân Hoa Kỳ làm và bàn giao lại, nên tôi đã tổ chức thành một bệnh xá hẳn hòi, có giường nằm, có cả khu chụp quang tuyến và một phòng nha khoa, do nha sĩ đảm trách, tuy lúc đó chưa có cấp số cho bệnh xá hải quân Cát Lái này.

Tại Bộ Tư Lệnh Đặc Nhiệm Trung Ương 214, vị chỉ huy lúc đó là Hải Quân Đại Tá Vương Hữu Thiều. Đại Tá Thiều thuộc Khóa 1 Thủ Đức Nam Định (cùng khóa với Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ), sau này được cử đi học Khóa 1 Brest, tại Pháp. Năm 1972, ông rời đơn vị, sang đảm nhiệm một chức vụ khác tại một đơn vị khác. Người thay thế là Đại Tá Đặng Cao Thăng, sau lên Phó Đề Đốc. Sau này Ông Thăng đổi về Cần Thơ làm Tư Lệnh Hải Quân Vùng 4 Sông Ngòi. Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng cũng xuất thân Khóa 1 Thủ Đức Nam Định và cũng được đề cử đi học Khóa 1 Brest, Pháp. Cả 2 vị Vương Hữu Thiều, Đặng Cao Thăng là những sĩ quan hải quân thâm niên, ưu tú của Hải Quân Việt Nam và đều đảm nhận những chức vụ quan trọng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa như Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Giám Đốc Hải Quân Công Xưởng, Hạm Trưởng. Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng có lúc còn làm Tư Lệnh Phó Hải Quân kiêm Tham Mưu Trưởng Hải Quân.

Vị Tham Mưu Trưởng lúc đó của Lực Lượng Đặc Nhiệm Trung Ương, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, là

Trung Tá Nguyễn Phổ sau lên Đại Tá, và đi làm Tư Lệnh Hải Quân Vùng 2 Duyên Hải.

Với 3 vị này, tôi có nhiều kỷ niệm: Đại Tá Thiều nói tiếng Huế rất nặng, hơi khó nghe, và có tật hút thuốc lá liên miên, ông cũng thích chuyện trò vui vẻ, là một cấp chỉ huy thâm niên, nhiều kinh nghiệm, không giận dữ hay la mắng ai bao giờ. Ông là người hiền lành và tốt. Ông có một người em ruột là nha sĩ Thiếu Tá Vương Hữu Cáp, phục vụ tại Tổng Y Viện Cộng Hòa. Sau này, ông mất tại Hoa Kỳ vì bệnh ung thư phổi.

Hai vị kia là Đặng Cao Thăng và Nguyễn Phổ là những vị được nhiều người mến mộ. Phó Đề Đốc Thăng là một người lịch sự, nhã nhặn, hiền hòa. Ông có tính cẩn thận, mỗi khi đi hành quân về, ông thường nhờ tôi khám bệnh và tham khảo về sức khỏe. Sau này, tại Nam California, tôi có dịp gặp lại ông, thăm hỏi. Ông mất cách nay gần 10 năm, hưởng thọ 77 tuổi và tôi có tham dự tang lễ của ông. Ông là người chủ biên cuốn Hải Sử của Việt Nam Cộng Hòa. Qua Mỹ, ông cũng tích cực hoạt động với cộng đồng.

Vị chỉ huy mà tôi mến nhất là Hải Quân Đại Tá Nguyễn Phổ. Đại tá Phổ tốt nghiệp Khóa 5 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, cùng khóa với Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, ông đã làm hạm trưởng HQ400 (Hải Vận Hạm Hát Giang) một bệnh viện hạm của Hải Quân). Ông ăn nói nhỏ nhẹ, nhã nhặn, không bao giờ nói lớn tiếng, không bao giờ la mắng ai, kể cả lính tráng, không hề phạt ai... Ông như là một "Phật sống", chúng tôi thường nói với nhau như thế, nên rất mến ông.

Còn một vị nữa cũng được gọi là "Phật sống" là Hải Quân Trung Tá Trịnh Hòa Hiệp, chỉ huy trưởng Liên Đoàn Người Nhái. Tôi không bao giờ nghe hai vị này nói nặng ai, thường có thái độ hòa nhã, lịch sự với các sĩ quan và binh lính.

Hai vị cuối cùng mà tôi biết và quý là Hải Quân Đại Tá Lê Thanh Truyền, người đã thay thế Đại Tá Nguyễn Phổ trong chức vụ Tham Mưu Trưởng và Hải Quân Trung Tá Noel Nguyễn Thiện Nhựt. Đại Tá Truyền rất vui vẻ, hay cười xòe xòe. Ông thích nghiên cứu về Y Khoa và thường hay trao đổi với tôi về bệnh tật, thuốc men. Trung Tá Noel Nguyễn Thiện Nhựt rất hiền lành và vui vẻ. Cả hai vị đều là Sĩ Quan Hải Quân khóa 3 Hải Quân Nha Trang (cùng khóa với Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy). Tuy đã cách xa khá lâu nhưng vẫn luôn nhớ đến các vị này. Tôi may mắn được làm việc với nhiều sĩ quan tài giỏi, nhiều kinh nghiệm của Hải Quân.

Khi mới ra trường và khi bị gọi nhập ngũ tôi rất ốm yếu và nhỏ con (cao 1.53m, nặng 90 pounds=42kg, cận thị 6.0). Tôi có được ra Hội Đồng Giám Định Y Khoa, đáng lẽ tôi phải được giải ngũ vì không đủ sức khỏe, nhưng không biết lý do gì đã giữ tôi trong quân ngũ, trong khi đó có một số bác sĩ cùng khóa trưng tập cùng cỡ chiều cao và kích thước, đã được giải ngũ.

Tôi có dáng thư sinh, nên lính tráng có vẻ không nể tôi.

Tính tình tôi cũng không thích hợp với cuộc sống và kỷ luật của nhà binh, có lẽ tôi thích hợp với vai trò một nhà

giáo hơn là một sĩ quan, tôi không có "uy" và quá hiền, nên bị anh em "lính tráng" có người dễ ngươi, qua mặt, đôi khi đòi hỏi quá đáng, gây phiền hà cho tôi, nhưng tôi vẫn cương quyết giữ đúng nguyên tắc, và nói cho cùng, bản chất tôi là thương người nên cũng không chấp nhặt, bỏ qua, nên không có gì nặng nề, mâu thuẫn lắm… Đó là tinh thần huynh đệ chi binh trong đời quân ngũ. Tôi vẫn nhớ đến nhiều y tá có tình nghĩa như Thượng Sĩ Thạch Liêm, Trung Sĩ Trịnh Minh Thể, Trung Sĩ Nguyễn Văn Chính, Trung Sĩ Huỳnh Khải Nguyên, Trung Sĩ Đào Minh Tư, Lương Văn Thạnh... tất cả đều rất tốt. Cũng có vài sĩ quan hống hách, ỷ cấp bậc chèn ép anh em, kể cả tôi, nhưng không phải là điều làm tôi quên nhiệm vụ của mình, lương y như từ mẫu, yêu thương bệnh nhân và anh em.

Tuy nhiên quân đội là một môi trường giúp tôi trưởng thành. Nói chung các cấp chỉ huy đều dễ mến, lịch sự nên cuộc sống quân ngũ, đối với tôi cũng đầy tình huynh đệ chi binh.

Khi tôi về làm việc tại Bệnh Viện Hải Quân thì BS Nguyễn Thanh Trước là y sĩ trưởng, mang cấp bậc Trung Tá. BS Trước dáng người cao, hơi gầy, là một người tính tình vui vẻ, rất tốt, biết trên, biết dưới, nhưng nhân viên dưới quyền phải tuân theo kỷ luật, có tôn ti trật tự, nhân viên đều thương yêu và mang ơn anh. Khi BS Trước về làm Y Sĩ Trưởng Bệnh Viện Hải Quân thì người thay thế cho anh ở Khối Quân Y là BS Vũ Tiến Bản, cấp bậc Trung Tá Y Sĩ. BS Bản là sĩ quan thâm niên trong Bệnh Viện Hải Quân, chỉ sau anh Tạ Văn Luyện và là bác sĩ chuyên môn

về quang tuyến. BS Bản lúc đó đảm nhiệm vai trò Trưởng Phòng Tổ Chức Huấn Luyện. Anh rất hiền lành và dễ mến. Năm 1975, anh đã có giấy bảo lãnh của vợ anh, một giáo sư Anh Ngữ đang tu nghiệp tại Hoa Kỳ. Anh vào Tòa Đại Sứ Mỹ để đi mà không được. Sau anh phải đi tù cải tạo, về đi vượt biên, nhưng không may chết trên đường vượt biên.

Lúc đó, ở Bệnh Viện Hải Quân, ngoài BS Nguyễn Thanh Trước, người thâm niên nhất là Bác Sĩ Thiếu Tá Phạm Minh Ngọc, y sĩ giải phẫu. Khi anh Trước đi học Khóa Tham Mưu Cao Cấp Quân Y, anh đã lên làm Y Sĩ Trưởng trong vòng 4 tháng cuối năm 1974. Anh Ngọc cũng vui vẻ, ít nói và hay tập trung ở Phòng Sĩ Quan Quản Lý là anh Vĩnh Độ (cấp bậc Đại Úy Hành Chánh Quân Y) để chuyện trò khi rảnh rang, hết công việc.

Kế đến là BS Trịnh Quốc Hưng, cấp bậc Y Sĩ Thiếu Tá, chuyên khoa gây mê kiêm trưởng phòng mổ. Sau này, BS Hưng làm phụ tá cho BS Trước (chức vụ Chỉ Huy Phó)

Sau đó là BS Thiếu Tá Nguyễn Như Vọng làm một thời gian ở Khu Nội Khoa rồi đi du học tại Mỹ, sau đó trở lại Bệnh Viện Hải Quân chuyên về Nội Thương.

Vì ở gần Bộ Tư Lệnh Hải Quân nên tôi thường biết chung quanh có nhiều tai mắt và cấp trên, nếu không thi hành nhiệm vụ tốt, có thể bị quy trách. BS Trước và BS Hưng biết tính tôi nhát gan nên hay hù tôi, và khi biết tôi mắc mưu thì các anh cười lớn "diễu tôi" nhưng các anh rất tốt, chỉ giỡn chơi mà không có ác ý.

Ngoài các vị đàn anh, đa số các bác sĩ còn lại thuộc khóa 1968 như Trần Bình Chi (Y Sĩ Thiếu Tá, giải phẫu), Liêu Mỹ Tuấn (Y Sĩ Đại Úy, Nhãn Khoa), Văn Sơn Trường (YK69, Nội Khoa, tu nghiệp tại Mỹ một năm), Trần Bình Diệp (YK68, sản phụ khoa, khu Gia Đình Quân Nhân), Trần Kiêm Sử (Quang Tuyến), Nguyễn Tấn Hiển (YK69, Tai Mũi Họng) và Trần Văn Nam (YK68, Ngoại Chẩn và Ngoài Da), và BS Trần Văn Mân (YK69).

Khi tôi đổi về Bệnh Viện Hải Quân, BS Mân còn làm việc một thời gian ngắn mới đi tu nghiệp tại Mỹ, sau khi về thì được đổi đi làm việc ở Bệnh Xá Hải Quân Cam Ranh.

Về dược sĩ thì có hai vị làm việc ở phòng thí nghiệm là Dược Sĩ Đại Úy Trịnh Văn Nượng (DK67, con rể của BSGS Nguyễn Văn Hồng), Dược Sĩ Nguyễn Mạnh Lương; còn Kho Y Dược thì có hai vị là Dược Sĩ Nguyễn Văn Thẩm và DS nữa tôi quên mất tên.

Sĩ quan quản lý bệnh viện là Đại Úy Hành Chánh Quân Y Vĩnh Độ rất hào hoa phong nhã và chúng tôi thường tụ tập ở phòng của anh để nói chuyện chơi sau khi xong việc. Sau này, anh Nguyễn Văn Sáu (Đại Úy Hành Chánh Quân Y) (tính tình cũng năng nổ, vui vẻ) về thay thế anh Độ (thuyên chuyển ra Nha Trang). Còn hai nha sĩ phụ trách Phòng Nha Khoa là Nha Sĩ Thiếu Tá Đỗ Hùng Phi và Nha Sĩ Thiếu Tá Dương Đức Phước, hai anh rất hiền. Riêng nha sĩ Phi thì tôi có nhiều kỷ niệm, anh là một nha sĩ có nhiều thâm niên nhất trong quân đội và Quân Y Hải Quân, tốt nghiệp nha sĩ năm 1962, rất nghệ sĩ và lè

phè, có một thời gian cặp kè với ca sĩ Giao Linh nên "bị trù". Anh sống rất bụi đời. Trước năm 1975, anh có một cô vợ rất trẻ và đã lên tầu Hải Quân đi Hoa Kỳ vào ngày cuối cùng (29/4). Anh nha sĩ Phước ít nói và sau khi làm xong việc, thỉnh thoảng anh còn về Đại Học giảng dậy cho các sinh viên các khóa đàn em.

Quản Nội Trưởng là anh Chu Đình Trương (cấp bậc chuẩn úy, nguyên là Thượng Sĩ Y Tá già) cũng rất vui vẻ, lém lỉnh và cũng hay "hù tôi" vì biết tính tôi nhát. Cùng làm việc lúc đó có hai y tá là Thượng Sĩ Y Tá Nguyễn Minh Châu (nay đã mất) mà tôi rất quý mến, một Thượng Sĩ Y Tá nữa là Vũ Văn Khấu rất lém lỉnh. Còn tại Khối Quân Y cũng có một anh y tá trông giống người ngoại quốc, to lớn, là thượng sĩ y tá Hứa Văn Vương (anh ruột BS Hứa Thị Năm, học sau tôi), sau này được thăng Chuẩn Úy, rất vui vẻ và nói tiếng Pháp rất hay tại phòng thí nghiệm. Tại phòng thí nghiệm, ngoài hai dược sĩ phải kể đến một người rất có tài và tính tình rất dễ thương, chuyên về xét nghiệm máu, đó là Thượng Sĩ Y Tá Nguyễn Văn Viễn, tự Viễn Phương, anh đã từng được du học tại Mỹ về xét nghiệm. Ngoài tài chuyên môn, anh còn có khả năng về âm nhạc và là một nhạc trưởng biết sử dụng nhiều loại đàn. Anh đã sáng tác nhiều nhạc phẩm, nhất là về Thánh Ca Công Giáo. Anh cũng bị kẹt lại ở Saigon và mới vượt biên sau này. Hiện nay anh định cư tại Texas.

Về làm việc tại Hải Quân từ tháng 10/1973 tới 30 tháng 4, 1975, tôi đã sống trong một môi trường thân thương giữa anh em trong ngành quân y và đã được anh

Đặng Tất Khiêm cho đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ về môn Ngoài Da tại Bệnh Viện Hải Quân Hoa Kỳ tại San Diego vào tháng 11 năm 1974. Nhưng vì bà xã tôi lúc ấy đang tu nghiệp về vi trùng học tại Hoa Kỳ nên tôi xin hoãn lại, chờ bà xã tôi về săn sóc các con nhỏ, để đi vào mùa thu năm 1975, nhưng chưa kịp thì xẩy ra biến cố 30 tháng 4, 1975.

Trong thời gian ở Cát Lái và Bệnh Viện Hải Quân, thỉnh thoảng tôi cũng có đi công tác dân sự vụ tại vài nơi mà tôi không bao giờ quên. Đó là vùng Năm Căn, Cà Mau, là vùng xôi đậu, là căn cứ tiềm phục của Việt Cộng (và tôi đã đi công tác hai lần) và Đại Tá Vương Hữu Thiều là tư lệnh chiến dịch Trần Hưng Đạo tại đây, đã tham gia hành quân phối hợp với Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Thủy Quân Lục Chiến. Sau đó, cuối tháng 1/1973, khi Hiệp Định Ba Lê có hiệu lực, tôi đã đi công tác dân sự vụ tại đây và có dịp gặp và làm việc với Đại Tá Phạm Mạnh Khuê, tư lệnh Chiến Dịch Trần Hưng Đạo tại đây.

Tôi cũng có lần đi công tác tại hai đảo Hoàng Sa và Trường Sa của chúng ta và được vinh hạnh đi trên các chiến hạm của Hải Quân của chúng ta như Khu Trục Hạm HQ1 của Hạm Trưởng Trung Tá Võ Văn Huệ, Hạm Phó là Trung Tá Nguyễn Văn Bé. Tôi cũng được đi trên chiến hạm tuần dương HQ5 của hạm trưởng HQ Trung Tá Phạm Trọng Quỳnh. Tôi cũng được đi trên cơ xưởng hạm HQ802 của hạm trưởng Hải Quân Trung Tá Bùi Trọng Kim. Trên các chiến hạm này đều có một phòng y tế trang bị rất đầy đủ như phòng khám bệnh, phòng tiểu giải phẫu... Khi mới lên tầu, tôi cũng bị say sóng "với anh em" rồi quen dần,

cứ như là đi chơi, du lịch trên biển bao la hay các cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp trên các hải đảo thân yêu của ta.

Một kỷ niệm không thể bao giờ quên được là trận đánh bảo vệ Hoàng Sa chống lại quân Trung Cộng xâm lăng tháng 1 năm 1974, lực lượng Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa của ta có 74 sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ hy sinh, trong đó Hạm Trưởng Thiếu Tá Ngụy Văn Thà đã quyết ở lại trên tầu, cùng chết với tầu. Ngoài ra, chúng ta cũng có nhiều chiến sĩ bị quân xâm lăng Trung Cộng bắt làm tù binh, sau mới được Trung Cộng trao trả và tôi cũng được lệnh ra Qui Nhơn đón anh em về Bệnh Viện Hải Quân để tiếp tục săn sóc sức khỏe và trình diện vị Tư Lệnh Hải Quân lúc đó là Đô Đốc Trần Văn Chơn (ông hiện ở San Jose). Cho đến hiện nay, mỗi lần nhớ đến những anh em chiến sĩ của ta hy sinh bảo vệ biển đảo của ta, quả thật tôi không cầm được nước mắt vì thương cảm cho anh em.

Cuối cùng, khi nói đến Bệnh Viện Hải Quân, phải nói đến một BS hiền lành mà anh em rất quý mến là BS Nguyễn Như Vọng. BS Vọng trên tôi 3 lớp và có vợ là bạn thân của chúng tôi, khoảng trung tuần tháng 4 trong một đêm cấm trại. BS Vọng gọi tôi vào phòng riêng và nói nhỏ cho tôi biết về tình hình chiến sự và còn nhấn mạnh rằng Miền Nam sẽ bị lọt vào tay cộng sản và khuyên tôi hãy ra đi vì không thể sống với cộng sản và BS Vọng đã có chuẩn bị ra đi chung, nhưng tôi không nghe, cho rằng chắc anh là Bắc Kỳ di cư nên sợ cộng sản, chứ cộng sản cũng là người mình, chắc cũng không sao đâu. Vì không

nghe lời anh mà sau này tôi phải ân hận, đã không di tản cùng anh.

BỆNH VIỆN HẢI QUÂN NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Tối ngày 29 rạng ngày 30 tháng 4 năm 1975 là phiên trực cuối cùng của tôi tại Bệnh Viện Hải Quân (thực ra phiên trực bắt đầu từ trưa ngày 29 và chấm dứt vào trưa ngày hôm sau, 30-4) và sau phiên trực sẽ được nghỉ bù. Trưa ngày 29 tôi lấy xe tính về nhà ăn cơm với ba má bà xã và các con của tôi (lúc đó mẹ các cháu còn tu nghiệp tại Hoa Kỳ) nhưng vừa ra đến cổng bệnh viện thì gặp Hải Quân Đại Tá Phạm Mạnh Khuê, tân Tư Lệnh Hạm Đội (mà tôi đã viết ở trên) đang đi bộ về nhà, ngang qua Bệnh Viện Hải Quân. Sau khi nói chuyện với Đại Tá Khuê, tôi biết đã có lệnh di tản vào ban đêm. Đại Tá Khuê khuyên tôi về nhà ngay và chuẩn bị để đi. Trước đó, tôi cũng có nguồn tin từ các sĩ quan cao cấp của Bộ Tư Lệnh Hải Quân mà tôi quen cho biết sẽ có di tản. Chạy vội về nhà, tôi báo cho ông bà nhạc biết lệnh di tản tối đó, nhưng ông bà không dám đi vì sợ nguy hiểm, sợ pháo kích. Tôi lại chạy về nhà tôi kêu ba tôi đi nhưng ba tôi cũng không chịu đi, lúc đó sức khỏe ba tôi cũng không được tốt và cũng sợ nguy hiểm.

Chiều hôm đó, 29-4, tất cả các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ đều tập trung đầy đủ. Gia đình Bác Sĩ Nguyễn Thanh Trước cũng đầy đủ, có cả gia đình người anh ruột là Nguyễn Chánh Lý, nguyên thứ trưởng Bộ Tài Chánh, cựu Tổng Giám Đốc Kỹ Thương Ngân Hàng cũng có mặt

sẵn sàng để di tản. Nhưng không hiểu vì sao, sau khi bàn bạc với anh Nguyễn Chánh Lý, anh Trước và một số anh em đã bỏ về, chỉ có bác sĩ Lâm Tài Thượng, dược sĩ Vũ Dũng lên tầu mà thôi. Vắng mặt hôm đó có BS Trần Văn Mân, BS Vũ Tiến Bản. BS Nguyễn Như Vọng, BS Văn Sơn Trường cũng đã ra đi bằng phương tiện khác. Trưởng Khối Quân Y Hải Quân BS Đặng Tất Khiêm đã đi theo ngõ Phi Trường Tân Sơn Nhứt. Nha sĩ Đỗ Hùng Phi cũng lên tầu. Riêng BS Liêu Mỹ Tuấn đã lên tầu rồi lại xuống.

Thấy nhiều người lên tầu hải quân, tôi cũng nôn nao, nhưng tôi nghĩ không thể nào bỏ đi một mình, để lại cha già, mẹ yếu cùng ba con (một trai, hai gái nhỏ) nên tôi đã ở lại, kẹt lại, lòng cũng hoang mang, đành phó mặc, chỉ còn biết cầu nguyện Thiên Chúa… Lúc sau, thấy BS Trần Bình Chi cũng vừa vào Bệnh Viện Hải Quân. BS Chi là em Đại Tá Trần Bình Phú, người phút chót đảm nhiệm quyền Tư Lệnh Phó Hải Quân nhưng rồi ông cũng ra đi kịp vào giờ thứ 25.

Tối hôm đó, không còn ai bên Khối Quân Y Hải Quân và Bệnh Viện Hải Quân nên BS Tôn Thất Minh, Y Sĩ Trung Tá, là sĩ quan thâm niên nhất tạm thời nắm quyền Trưởng Khối Quân Y, và tại Bệnh Viện Hải Quân BS Trần Bỉnh Chi thâm niên nhất, tạm thời nắm quyền chỉ huy trưởng và chỉ định tôi làm phụ tá. Tôi cũng muốn lên tầu nhiều lần vì nhiều tầu đậu ngay bến Bạch Đằng, trước Hải Quân Công Xưởng, nhưng BS Trần Bình Chi khuyên tôi không nên đi vì sắp có dàn xếp giữa chính quyền Cộng Sản và TT Dương Văn Minh. Một người nữa là Thiếu Tá Quân

Cảnh Trang Khắc Trung, chỉ huy trưởng Quân Cảnh Hải Quân có vợ đang nằm Bệnh Viện Hải Quân cũng khuyên tôi như vậy. Vì đang trực tại Bệnh Viện Hải Quân, và ngay Hải Quân Công Xưởng, trên Bến Bạch Đằng nên tôi đã chứng kiến nhiều cảnh chia ly xẩy ra trong những giờ phút cuối cùng ở bến cảng và toàn bộ những diễn tiến của việc di tản ấy: Chuyến hải hành cuối cùng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa: Tôi đã thấy những tướng lãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nhiều bộ trưởng, giám đốc của chính quyền cuối cùng Nguyễn Bá Cẩn đi theo các tầu hải quân. Tôi cũng đã qua nhà Đô Đốc Trần Văn Chơn ở ngay cạnh Bệnh Viện Hải Quân, tôi đã gặp vị sĩ quan quản gia của ông, cho biết ông cũng không đi. Vậy là trong chuyến hải hành cuối cùng của Hải Quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã vắng mặt Đô Đốc Trần Văn Chơn và tôi. Thật là "vô duyên" khi có đầy đủ phương tiện mà không đi, biết rõ giờ khởi hành và có đầy đủ phương tiện và việc ra đi thật dễ dàng mà không đi, mà ở lại để chịu nhiều đắng cay, đầy đọa... Đô Đốc Trần Văn Chơn chịu 13 năm tù cải tạo, còn tôi thì tù cải tạo ít hơn nhưng gia đình tôi bị tan nát, khiến bao năm qua, tôi vẫn mang nặng nỗi đắng cay của một người lỡ bước.

Tối hôm đó, được biết Dương Văn Minh có gọi Đô Đốc Chung Tấn Cang lên gặp, bàn về tình hình chiến sự nhưng Đô Đốc Cang đã không lên mà nhờ Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy đi thay. Tướng Minh cũng không đi và cho con rể là Đại Tá Nguyễn Hồng Đài đem vợ con đi theo tầu Hải Quân.

Sau một đêm không ngủ, vì hoang mang về hoàn cảnh mình, về gia đình mình, về tình trạng tan nát của chính quyền mà mình từng phục vụ, cảnh đời thay đổi tang thương, tôi vẫn tiếp tục làm việc và được chứng kiến cảnh dân biểu tới Bệnh Viện Hải Quân hỏi thăm, tìm đường ra đi, nhưng trễ rồi, tất cả tầu đều đã ra đi, chỉ còn mấy chiếc tầu hư, nằm ụ đâu đó.

Lúc đó, Đô Đốc Chung Tấn Cang, tư lệnh Hải Quân đã di tản. Đại Tá Nguyễn Văn Tấn lên nắm Quyền Tư Lệnh và Hải Quân Đại Tá Trần Bình Phú lên làm Tư Lệnh Phó. Đến khoảng 9, 10 giờ sáng thì Đại Tá Trần Bình Phú và Trung Tướng Vĩnh Lộc cũng ra đi "trễ tràng" bằng chuyến tầu Hải Quân chót, vừa kịp thoát khỏi kiếp tù đầy nhục nhã vào giờ phút 25.

Đến 11 giờ trưa, qua radio, nghe Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, lúc đó tôi mới vỡ mộng về giải pháp "dàn xếp" mà BS Trần Bình Chi và một số người bảo tôi như vậy. Vào giờ phút chót ấy, không còn tin tưởng, bấu víu vào đâu được, tôi phải lấy đồ dân sự ra thay, cởi bỏ quân phục lấy xe Honda chạy về nhà.

Vào giờ phút chót, được biết chỉ có một ít y tá còn ở lại Bệnh Viện Hải Quân và cũng giờ phút chót, có BS Nguyễn Thanh Trước quay trở lại bệnh viện để bàn giao cho quân đội Việt Cộng.

Vào giờ chót, trong chuyến hải hành cuối cùng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đáng lẽ phải có các bác sĩ của Hải Quân nhưng lại vắng mặt hầu như tất cả các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, vắng mặt cả Đô Đốc Trần Văn Chơn,

và cả tôi, BS Trần Văn Nam và BS Vũ Tiến Bản và tất cả những người vắng mặt đã phải trả giá bằng những kỷ niệm hằn đau suốt đời. BS Bản sau này vượt biên đã mất tích trên biển cả.

Sau này, nghĩ lại, thời Việt Nam Quốc Gia (từ 1943 tới 1975), được sinh sống trong an bình, được ăn học, kể ra đời mình cũng đã được nhiều may mắn. Rồi khi tốt nghiệp bác sĩ y khoa, theo tiếng gọi của tổ quốc, gia nhập quân đội, phục vụ các chiến sĩ Hải Quân, được đề cử đi tu nghiệp về Bệnh Ngoài Da, nhưng không may, chuyến đi bị lỡ, phải ở lại học tập cải tạo "trong kiếp tù đầy". Ôi chẳng qua cũng là vận số không may của dân tộc, mà cá nhân mình cũng chịu ảnh hưởng, chịu trách nhiệm với biến cố 30 tháng 4 năm 1975. Cho đến giờ phút chót, vẫn tiếp tục phục vụ tại nhiệm sở, không rời bỏ quân ngũ, rời bỏ chiến hữu...

Sau này tôi đã sang Hoa Kỳ vào cuối năm 1983 và lập lại cuộc đời. Qua Mỹ, sau nhiều thăng trầm, tôi đã vượt qua nhiều khó khăn, trôi nổi nhưng rồi đã ổn định được cuộc sống tốt đẹp, các con tôi cũng đã tìm thấy tương lai xán lạn, không còn phải khổ đau, khốn khó nơi quê nhà, tôi cũng cảm thấy vui và bớt ân hận vì đã để lỡ không đưa các con và cha mẹ thoát khỏi cuộc sống khốn khó, mất tự do nơi quê nhà. So với bao người đã chết, tôi tự nghĩ vẫn còn may mắn sau khi đến được bến bờ tự do, được học lại, lấy bằng Cao Học Y Tế Công Cộng (master of public health) tại Đại Học ở Hawaii, có công ăn việc làm, lo cho các con ăn học thành tài, kể cũng là nhờ ơn Chúa,

đã vượt qua được mọi thử thách. Cuối cùng, tự vấn lương tâm mình, thấy không làm gì trái với trách vụ khi phục vụ trong Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa và luôn nhớ mãi những kỷ niệm ngày xưa cùng anh em Hải Quân…

Tôi hãnh diện đã làm tròn bổn phận của một thanh niên Việt Nam trong thời chiến, và rất hãnh diện đã phục vụ trong Hải Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

CUỘC HÔN NHÂN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Ở tuổi sinh viên, tôi rất nhỏ con, ốm yếu.

Bởi vậy, tôi có hai mặc cảm: nhỏ con và con nhà nghèo. Tôi ăn nói cũng không được hay và không biết "cua đào". "*Đường vào tình yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn…*", anh chàng trai lúc nào cũng vậy, cũng mộng mơ người đẹp "nữ hoàng của lòng anh" nhưng rồi gặp duyên số mới gặp được người mình yêu mến và cưới làm vợ.

Trong đời tôi, vào tuổi đôi tám, tôi có gặp và để ý một người là PTXN ở cùng khu Tân Định với tôi, học trường Thiên Phước với chị tôi. Mỗi ngày đi xem lễ ở nhà thờ Tân Định, tôi đều gặp N. N. có mái tóc dài như cô đào Thanh Nga, có khi còn dài hơn nữa, đôi mắt rất xinh, bộ ngực đẹp, nhưng cao hơn tôi một cái đầu. Tôi thường đến nhà N. chơi nhưng tôi chỉ lo học thôi, chưa dám có ý định gì.

Sau nầy, N. học y tá ở trường Cán Sự Xã Hội đường Tú Xương do mấy bà phước dòng Vincent de Paul giảng dạy. Sau đó, làm việc tại Bệnh viện Grall, rồi đi làm việc ở Thụy Sĩ và kết hôn với một giáo sư đại học người Pháp. N. và ông xã định cư ở Pháp, về hưu ở Nice. Chồng N. vừa mới qua đời.

Người thứ hai tôi gặp là NTT Cúc, cựu học sinh Couvent des Oiseaux. Tôi gặp Cúc ở tiệc tất niên của trường Dược Khoa năm 1963. Đại học Dược khoa lúc

đó ở góc đường Hiền Vương và Công Lý, gần nhà tôi. Cúc học Dược Khoa từ năm 1962-1967, Cúc có gia nhập Thanh Sinh Công và thường đi phát thuốc và ủy lạo bệnh nhân với tôi. Cúc và tôi rất mến nhau, còn tôi lúc đó chưa ra trường, nên chưa mở lòng với Cúc. Sau nầy Cúc cặp với Louis Hồ Tấn Tài ở trong Phong Trào C.M.U trường Taberd. Hai người sau đó sang Pháp đi du học và kết hôn. Cúc và Tài nay đều đã qua đời.

Lúc học năm thứ 5, khi đi tập sự ở Bảo Sanh Viện Từ Dũ, tôi có quen một nữ hộ sinh tên là PTS. Sau đó S. ra trường và làm việc tại Tây Ninh. Lúc đó, tôi chưa học xong và chưa có ý định gì. Sau nầy S. gặp một anh Đại Úy phi công và kết hôn với anh nầy.

Lúc học ở y khoa, tôi cũng đến các bạn cùng lớp như các cô A.N, D.C, T.N và tôi rất gần gũi với các bạn đó. Nhưng tôi phải lo học vì thấy phải chăm chú vào việc học, sợ nếu thi rớt thì bị đi lính (động viên) nên tôi không dám ngỏ lời, nhưng nếu tôi ngỏ lời, tôi biết các nàng cũng không chịu tôi vì tôi nhỏ con ốm yếu.

Con người ta có duyên số. Duyên tùy của tôi rồi một ngày đẹp trời, tôi đã gặp cô nàng của tôi và kết duyên cùng nàng.

Tôi gặp cô M.T.K. Liên (DK 67) trong một buổi gác thi ở Đại Học Y Khoa Saigon. Số là, cuối năm thứ 5, tôi đã được làm nghiệm chế viên ở khu Cơ Thể Bệnh Lý. Ở kỳ thi cuối năm thứ 3, niên khóa 1968, bác sĩ Lê Tài Sinh, giảng nghiệm viên, được cử đi làm trưởng ban giám thị kỳ thi, không biết vì lý do gì, anh lại nhờ Nguyễn Gia Khánh

thay thế, rồi Khánh lại nhờ tôi thay thế, tôi cũng nhận lời. Ở phòng thi, gặp dược sĩ Kim Liên, là giảng nghiệm viên khu Vi Trùng Học của bác sĩ Vũ Quí Đài cùng gác thi chung với tôi.

Tôi cũng xã giao, trong khi nói chuyện, tôi thấy cô Liên hiền lành, dễ thương và nói chuyện có duyên lắm. Cô có dáng dấp e dè, rụt rè của một nữ sinh Gia Long và có tầm vóc như tôi. Tôi vui quá và tán tỉnh, và cuối cùng tôi xin "*Em cho tôi xin số nhà" và cho tôi biết tên em luôn*.

Từ đó, tôi thường lên lầu 3 của Giáo sư Vũ Quí Đài (giáo sư trưởng khu) và thường trò chuyện với nàng, vì nàng cùng làm việc chung với bác sĩ Lê Tiến Văn (bạn cùng lớp với tôi).

Tôi thì làm việc ở lầu 2 gồm có khu Cơ Thể Bịnh Lý (giáo sư Can, giáo sư Anh) và khu Mô Học, Di Truyền Học (giáo sư L.M. Lichtenberger).

Rồi một ngày đẹp trời, tôi gồng mình để tỏ tình, tôi cũng dùng văn chương để hỏi em "*Mắt xanh đã để ai vào đó chưa?*" và nếu chưa thì vui lòng để ý đến tôi." Nghe tôi nói nàng cảm động và bật khóc, nói một câu khiêm nhượng "*Em không biết làm dâu và cũng vụng về."* Nhưng tôi nói: *"Em không có làm dâu gì hết, mình sẽ ra ở riêng."*

Rồi chúng tôi tìm hiểu nhau thêm, và cũng vào mùa xuân, tôi mạnh dạn tuyên bố: "*Ra giêng anh cưới em.*" Đám hỏi của tôi vào tháng 5 năm 1969 và đám cưới vào

tháng 12 năm 1969.

Bà xã tôi là một người hiền lành, dễ xúc động và hay khóc. Bà xã tôi là người con thứ hai (theo trong nam là thứ ba), có một người chị và 5 em (3 trai, 2 gái). Gốc gác bên vợ tôi là người Thủ Thừa, tỉnh Long An, thuộc gia đình phú nông. Nhạc phụ tôi là một người giỏi giang, từ Long An lên Saigon làm việc, từ một chức nhỏ làm kế toán trưởng cho hãng Dainam Kosi, nhạc mẫu tôi cũng thuộc gia đình phú nông ở Thủ Thừa, Long An. Nhạc phụ tôi có bà con với giáo sư Trần Văn Bình, cựu giáo sư Petrus Ký, Phó Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, về sau là Phó Viện Trưởng Viện Giám Sát. Nhạc mẫu tôi có người chị là mẹ của bác sĩ Trần Thành Trai (YK64) (Bác sĩ Trai là con bạn dì với vợ tôi), và có một người em là má của bác sĩ Nguyễn Kim Hải (YK72), dược sĩ Nguyễn Kim Sơn (DK70).

Nhờ làm việc cần cù, chăm chỉ, nên nhạc phụ tôi cũng rất khá về tài chánh. Ngoài căn nhà ở đường Trần Quốc Toản, đại lộ 3 tháng 2 sau nầy, (về sau mở pharmacie) còn có một dãy nhà cho thuê ở đường Hoàng Đạo (sau là Trần Văn Đang).

Hai vợ chồng chúng tôi sinh được 3 người con, con gái đầu lòng sinh năm 1970, con trai sinh năm 1972 và con gái út sinh năm 1974.

Vợ chồng tôi sống rất hòa thuận, vui vẻ, không bao giờ cãi nhau. Lúc đầu, chúng tôi ở riêng, mướn một phòng ở đường Hai Bà Trưng, sau nầy chúng tôi dọn vào nhà riêng ở đường Hoàng Đạo. Bà xã tôi, ngoài công việc ở Đại

Học Y Khoa, còn đứng tên tiệm thuốc cho ông bà nhạc tôi ở đường Trần Quốc Toản, góc đường Cao Thắng, xéo trước cửa của Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.

Năm 1974, bà xã tôi được học bổng lên đường sang Hawaii tu nghiệp về môn Microbiology, do sự đề cử của giáo sư Vũ Quí Đài, lúc đó, bà xã tôi đang mang thai, nếu sinh đúng ngày là sau tháng 9 năm 1974 và nếu vậy hai tháng sau mới cứng cáp, thì mới có thể lên đường vào tháng 11 năm 1974. Bên AMA cho biết là phải khởi hành vào tháng 9 năm 1974, không đi thì sẽ cúp học bổng không được đi. Bà xã tôi lúc đó bị Placenta Previa, nhau đóng thấp, rất nguy hiểm, phải làm việc nhẹ và nghỉ ngơi. Bà xã tôi không chịu nghe vẫn làm việc tại Đại Học Y Khoa và tối lại về nhà làm ở pharmacy. Một hôm tôi đang nói chuyện với bà xã về việc đặt tên cho con, thì bà xã tôi bị băng huyết, do nhau đóng thấp, tôi phải vội vàng kêu xe đưa đi ngay vào BSV Từ Dũ cấp cứu và nhờ giáo sư bác sĩ Vũ Thiện Phương và chị bác sĩ Lê Nguyệt Anh mổ ngay (lúc đó thai kỳ được 7 tháng). Mọi việc được êm xuôi. Bà xã được thoát chết trong gang tấc và tháng 9 năm 1974 đã kịp lên đường đi Mỹ. Cùng đi Mỹ với bà xã tôi có bác sĩ Huỳnh Diên Quý (YK64) tu nghiệp về Oncology (chương trình tu nghiệp nầy được dự trù kéo dài 1 năm từ tháng 9/74 đến 9/75).

Con gái út tôi sinh năm đó là năm Dần. Bà má vợ tôi khuyên tôi không nên làm giấy khai sanh liền, đợi đến sau Tết đầu năm 1975, qua năm Mẹo hãy làm khai sanh. Vì con gái tuổi Dần cao số, khó lấy chồng nên tôi cũng làm

theo. Sau nầy, khi xuất cảnh, tôi phải khai về vụ nầy, may nhờ có giữ một số chứng từ và nhân chứng, nên mọi việc êm xuôi.

Không tin ở số phận thì cũng phải tin và tin ở những điều xảy ra cho mình. Số là, tôi làm đám cưới với nhà tôi vào ngày 20/12/1969, đó là ngày tốt có rất nhiều đám cưới tại nhà thờ Tân Định. Ngày hôm đó, cha sở phải làm 3 đám cưới liên tiếp, và đám cưới của tôi là lúc 11 giờ sáng (ít khi cha sở chịu làm vào giờ nầy, nhưng vì nể tôi).

Hôm đó, tôi không ngờ là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, đối diện nhà nhạc phụ tôi, làm lễ mãn khóa cho khóa I Cao Học Hành Chánh. Phái đoàn tôi đến rước dâu rất hùng hậu, có bác sĩ Lê Tiến Văn, phụ rể, thì bị chận lại không cho vào. Cuộc rước dâu dự trù vào 9:30 sáng, sau đó sẽ về nhà tôi, rồi ra nhà thờ Tân Định để làm lễ. Sau cùng, chúng tôi năn nỉ thì cảnh sát chỉ cho xe tôi và phụ rể được vào mà thôi. Xe ba tôi mới đến sau và một số bà con khựng lại và phải đi vòng đường khác, rồi phải đi bộ mới tới được nhà cô dâu ở đường Trần Quốc Toản, trước cửa Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Cuối cùng đến trễ giờ, chú tôi đại diện nói vài lời rồi đoàn rước dâu phải lên xe đi về nhà thờ cho kịp.

Còn việc khác, tôi cũng xin kể sau đây; hôm tôi tiễn bà xã đi du học cũng gặp trục trặc. Hôm đó, không biết vì lý do gì mà phi trường không cho ai được vào trong phòng đợi để tiễn người ra máy bay, tôi năn nỉ mãi mới được vào. Có lẽ bên trong có một VIP nào đó, cho nên các

người đưa tiễn bị chặn lại, tôi thấy cũng là một điều xui cho tôi. Sau nầy, ngồi ngẫm nghĩ lại những điều xui xẻo đã qua, tôi thấy đó như là những điềm báo trước...

Con gái tôi học rất giỏi, đậu thủ khoa ở trường trung học, khi lên đại học, học khá và đậu được MBA, hạng danh dự ở Đại Học Hawaii, nhưng ra đời bị vất vả (cao số về hôn nhân, về nghề nghiệp) mặc dầu rất giỏi, cuối cùng cũng vượt qua trở ngại và thành công.

Cuộc đời khó nói trước được. Trước 1975, tôi là bác sĩ của Hải Quân, làm việc ở Bến Bạch Đằng, lại có phòng mạch. Bà xã tôi là dược sĩ phụ với nhạc phụ mở pharmacie. Rồi được học bổng đi Hoa Kỳ tu nghiệp. Khi đi tu nghiệp, bà xã tôi dự định để dành một số tiền và sau đó, tôi đi du học Hoa Kỳ, sẽ cùng dành dụm, khi trở về sẽ mua nhà cửa và mở phòng mạch.

Năm 75, tôi đã được đề nghị lên Thiếu tá. Một tương lai tốt đẹp đang chờ tôi.

Biến cố 75, làm xáo trộn hết. Tôi ở tù cải tạo, vợ tôi ở phương xa, các con tôi phải gởi bên ngoại nuôi dưỡng…

Quả thật "Gió đưa cây cải về trời, Rau răm ở lại chịu đời đắng cay". Rau răm (Nam) bị đắng cay vì cuộc đời có nhiều khúc quanh quan trọng…

CUỘC HÔN NHÂN THỨ 2 CỦA TÔI

Khi về San Francisco làm việc và sau khi đã ổn định mọi việc, tôi có ý định lập gia đình trở lại. Tôi thố lộ với bạn bè, với các bác sĩ đàn anh, đàn chị như bác sĩ-giáo sư Đỗ Thị Nhuận, bác sĩ Vũ Ngọc Oánh, bác sĩ Đoan Chính, chị Bạch Tuyết ở cạnh nhà tôi, thì mọi người đều hăng hái giúp tôi.

Bỗng một ngày đẹp trời, 3 người bạn dược sĩ của tôi là dược sĩ Đoàn Mạnh Tuấn, dược sĩ Phan Phi Hùng và dược sĩ Đoàn Từ Thiện mời tôi ăn cơm. Hôm đó, tôi cũng hơi bận vì có hai cháu gái ở Hawaii sang thăm và tôi bị cảm nhẹ, nên tôi chần chờ, nhưng mấy anh bạn đó nói sẽ giới thiệu cho tôi một cô dược sĩ còn độc thân, vui tính, lại trẻ nữa. Thế là tôi vội vàng đi ngay.

Khi tôi đến dự buổi tiệc tại nhà anh Hùng ở Milpitas, thì tôi gặp cô dược sĩ đó tên N., nhưng mấy anh ấy xếp chỗ cho tôi ngồi gần một dược sĩ khác, đó là dược sĩ Phạm Quý Hiền (DK67). Số là dược sĩ Hiền, hôm đó có chương trình xuống Nam Cali đi thăm người bà con, rồi bất ngờ, lại đổi ý không đi. Và sau đó được các bạn mời ăn cơm chung cho vui.

Buổi ăn rất vui vẻ, tôi có nói chuyện chung với mọi người và nói chuyện với cô dược sĩ N. và dược sĩ Hiền.

Sau khi ăn, các anh bạn nhờ tôi đưa dược sĩ N. về Oakland. Trên đường về, tôi có dịp nói chuyện với N. và quan sát về tính nết của N. Tôi cũng nói rõ cho N. biết hoàn cảnh của tôi. N. và tôi nói chuyện với nhau vui vẻ nhưng tôi thấy N. có những nhận xét khác tôi nên tôi hơi ngại. Có lẽ, N. chỉ mới 35 tuổi, nhỏ hơn tôi một giáp.

Sau khi tôi về nhà, các bạn tôi, dược sĩ Tuấn, dược sĩ Thiện đều có hỏi tôi nhận xét thế nào về dược sĩ N. Riêng dược sĩ Tuấn đề nghị tôi nên quên cô N. đi và hãy tấn công dược sĩ Hiền đã, dược sĩ Hùng cũng khuyên tôi như vậy. Tôi thấy rất có lý và làm theo.

Dược sĩ Hiền tuy lớn tuổi (hơn dược sĩ N. 16 tuổi), nhưng có vẻ trẻ đẹp và sắc sảo. Về tính nết cũng vui vẻ, cởi mở, không khách sáo "Có sao nói vậy người ơi" và không tham vọng.

Tôi gọi điện thoại tới dược sĩ Hiền nói chuyện và xin số nhà, chỗ ở để qua thăm. Chúng tôi đã tìm hiểu nhau, đi đến những buổi họp mặt của học sinh Gia Long, Hội y sĩ…

Dược sĩ Hiền cũng thấy tôi hoạt bát, vui vẻ, và trong nhiều buổi họp mặt, cũng hát hò vui vẻ… và nhận thấy tôi là một người có tài, cho nên dược sĩ Hiền nói với tôi "Anh có tài, theo anh, tôi không sợ bị đói".

Trước đó, dược sĩ Hiền đã có nhiều người muốn ngắm nghía nhưng không chịu. Dược sĩ Hiền thích một người trí thức, có tài để chung sống, còn nếu không tìm được thì sẽ không đi bước nữa.

Dược sĩ Hiền gốc người Bắc Ninh, bên ngoại cũng thuộc thành phần giàu có, bên nội gốc Hà Nội. Cụ thân sinh là Trung Tá Phạm Văn Tám ở trường Quân Y, sau đậu cử nhân văn khoa và thi đậu kỳ thi tuyển của Giám Sát Viên, trở thành Thanh Tra Giám Sát Viên.

Gia đình gồm một người chị là giáo viên, lấy chồng là anh Thuyết, đại học Sư Phạm, giáo sư Chu Văn An. DS Hiền là người thứ 2. Người thứ 3 là cô Phạm Thúy Hòa, cử nhân Văn Khoa, được đi Mỹ học ở Cornell và lập gia đình với một giáo sư đại học tên là Richard Piper. Kế đến là dược sĩ Phạm Minh Thuận (DK68) có chồng là dược sĩ N. M. Hùng (DK68). Một người em nữa là dược sĩ Phạm Lê Minh (DK70), có chồng là bác sĩ Phạm Thế Trường (YK65). Người em kế là bác sĩ Phạm Mạnh Chí (YK72), rồi Phạm Gia Tường, Trung úy Hải Quân. Và cuối cùng là cô em út Phạm Lê Vinh, kỹ sư computer, du học ở Mỹ từ năm 1971.

Cụ thân mẫu có mở một pharmacy cho dược sĩ Hiền đứng tên tại chợ Nguyễn Tri Phương.

Dược sĩ Hiền ra trường 1967, được trưng dụng y tế làm việc ở Bộ Y Tế. Nhiệm sở đầu tiên là BV Toàn Khoa Đà Lạt từ năm 67-68. Sau đó về làm việc tại BV Chợ Rẫy được khoảng hai năm. Lập gia đình với anh Vương Nam Dzương, kỹ sư Công Chánh khóa 3, tốt nghiệp năm 1964. Dzương là anh ruột bác sĩ Vương Bình Dzương (YK67). DS Hiền làm việc một thời gian tại BV Chợ Rẫy, rồi xin thôi vì có con nhỏ. Anh Dzương sau đó về làm việc ở Tổng Cục Gia Cư, và hai người có nhà riêng ở cư xá Thanh Đa.

Gia đình hai người đang có một tương lai rất xán lạn như gia đình của tôi vậy. Bỗng biến cố năm 1975, tất cả đều sụp đổ!

Cụ Tám (thân sinh DS Hiền) phải đi học tập tận ngoài Bắc vì là Thanh Tra Giám Sát Viện. Còn tiệm thuốc thì bị tịch thu và buộc gia đình bà cụ phải đi kinh tế mới. Cụ chống đối rồi bị kết là phản động, bị bắt giam, một thời gian sau mới được thả. Gia đình thấy, nếu ở lại sống dưới chế độ cộng sản có lẽ không xong, nên có kế hoạch vượt biên.

Anh Dzương thì đi vượt biên mấy lần đều bị bắt, 3 lần tất cả. Sau nầy, gia đình DS Hiền đóng tàu để đi hết cả nhà gồm chị và anh rể, (DS Hiền ở lại, anh Dzương đi với 2 con) và một số người thân trong gia đình. Nhưng không may, chiếc tàu bị chìm, tất cả mọi người trong gia đình DS Hiền đều mất tích.

Sau đó DS Hiền được người em là cô Phạm Thúy Hòa bảo lãnh sang Mỹ. Cuộc sống lúc đầu cũng vất vả lắm. DS Hiền phải đi làm Medical technologist ở phòng xét nghiệm, rồi cố gắng đi học để thi lại lấy bằng dược sĩ.

Khi quen nhau, tôi và Hiền cũng chần chừ, chưa muốn tiến tới hôn nhân ngay. Nhưng bỗng một hôm, xảy ra trận động đất 7.9 Richter ngày 20/10/1989, nhà tôi rung chuyển gần muốn sập. Tôi chỉ biết đưa mắt nhìn vào bức hình Chúa treo ở tường lung lay rất mạnh mà cầu nguyện. Mức địa chấn nếu mạnh lên một chút, nhà tôi đang ở trong khu Parkmeced SF chắc đã sập rồi, và biết đâu tôi cũng chết rồi.

Bởi vậy, tôi thấy cuộc đời ngắn ngủi quá và tôi xin Hiền hãy chấp nhận làm đám cưới với tôi. Hiền cũng xin bà cụ để cho Hiền đi thêm bước nữa. Cuối cùng bà cụ cũng đồng ý.

Rồi đám cưới của tôi được cử hành vào ngày 14/7/1990 với các phụ rể là bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi, dược sĩ Phan Phi Hùng, bác sĩ Nguyễn Hoàng Đức. Đám cưới rất vui nhộn với MC là bác sĩ Nguyệt Mehlert, nhạc sĩ Viễn Phương, với hơn 200 quan khách. Đại diện nhà trai là bác sĩ Vũ Quí Đài, vì bà cụ tôi ở Việt Nam không qua được. Bác sĩ Nguyễn Đình Lợi đại diện nhà gái.

Khi làm đám cưới xong thì tôi còn đang ở và làm việc tại San Francisco. Hiền lúc đó đang ở San Leandro và đi làm trong bệnh viện Fairmont ở Hayward. Hiền đi làm rất vất vả vì phải lái xe từ San Francisco về đến bệnh việc khoảng 30 miles. Một thời gian sau, tôi được làm ở San Jose trong chương trình Phòng Ngừa Rượu và Ma Túy và dọn về Milpitas ở.

Lúc đầu, tôi đi làm rất khỏe vì làm việc ngay tại San Jose, còn bà xã làm việc xa mà làm ca chiều từ 4 giờ đến 12 giờ khuya, khi về nhà, gần 1 giờ sáng, còn tôi sáng sớm phải dậy đi làm từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

Hiền là một người rất chịu khó, đã thi đậu dược sĩ từ lâu mà chưa hành nghề, nên khi gặp tôi, quyết định trở lại ngành dược sĩ, Hiền đã đậu bằng dược sĩ ở Nevada và thi TOEFL để lấy bằng NPLEX là bằng hành nghề dược sĩ của California và toàn quốc Hoa Kỳ. Sau nầy mở một

tiệm thuốc có tên là Nam Pharmacy, nhưng vẫn làm 2 jobs: ban ngày pharmacy từ 10 – 3 giờ chiều, rồi 4 – 12 giờ khuya ở bệnh viện. Rồi sau về hưu, mới làm việc toàn thời gian ở pharmacy.

Tình duyên tôi dang dở ở giai đoạn đầu, nhưng ở cuộc hôn nhân thứ hai, cuộc sống tôi đã tốt đẹp và "con tim đã vui trở lại".

Hiền là một người chịu khó làm việc, nội trợ rất giỏi, thích trồng trọt, nên mọi việc nhà đều có Hiền lo. Hiền nấu ăn rất ngon. Tôi được Hiền chăm sóc rất kỹ và "kiểm soát" tôi rất kỹ.

Tôi được rảnh rang trong cộng việc cộng đồng. Công việc của tôi phải ra cộng đồng nhiều. Chương trình Sức Khỏe Là Vàng, tôi phải lên TV, tiếp cận với đồng bào để nói lên tai hại của rượu và ma túy và làm sao cho con em đừng dính vào ma túy. Nhiều gia đình, người chồng phải lo việc tài chánh, có khi phải làm 2 jobs, còn tôi, tôi không bận tâm vì mọi việc đã có bà xã lo. Sau nầy, tôi có làm Hội trưởng Hội Ái Hữu Petrus Ký, cũng có bàn tay bà xã tôi giúp đỡ.

Người ta thường nói: sau lưng một người đàn ông thành công thì có một người phụ nữ đứng phía sau. Trường hợp tôi, người phụ nữ ấy là bà xã tôi. Nhiều gia đình, người vợ nắm hết tài chánh, nhưng bà xã tôi đã giao cho tôi mọi việc chi tiêu.

Tính đến nay, chúng tôi đã sống với nhau 32 năm, tuy có lúc cũng khắc khẩu, nhưng chúng tôi không hề giận

nhau. Một điều cũng vui là: tôi đã làm rể Gia Long hai lần vì hai bà đều là nữ sinh Gia Long, rồi tôi đi làm rể DK67 hai lần vì hai bà đều là Dược Khoa 67. Đó là một hân hạnh ít người có được.

Tôi và bà xã tôi là "rổ rá gặp nhau" và bà xã tôi thường nói: tôi may mắn gặp được ông, ngày ấy ông có tài và hay hát lắm. Riêng tôi: duyên số tôi cũng may, tôi bước thêm một bước nữa và bước thứ hai đẹp hơn bước thứ nhất. Trong dịp kỷ niệm 25 năm đám cưới, tôi đã tổ chức một buổi tiệc với chữ là TẠ ƠN ĐỜI, CÁM ƠN VỢ HIỀN thiệt là vui. Hậu vận tôi được như thế là tốt lắm rồi. TẠ ƠN CHÚA! CÁM ƠN VỢ HIỀN.

CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN TẠI HOA KỲ: HAWAII

Hawaii có gì lạ không anh?

Hawaii là một quần đảo rất đẹp ở Thái Bình Dương, được coi là Thiên Đàng Hạ Giới, nơi nghỉ mát lý tưởng của những người Mỹ và của du khách trên thế giới (có nhiều người Mỹ nói rằng: phải đến Hawaii đi tắm biển trước khi xuôi tay, nhắm mắt), mỗi năm ước tính có 3-5 triệu du khách đến tham quan và nghỉ mát, khí hậu thật ôn hòa, mát dịu.

Hawaii trở thành tiểu bang thứ 50 của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ vào ngày 21/8/1959. Hawaii có nhiều quần đảo, nhưng có 8 quần đảo chánh là Kauai 519.4 dặm vuông, Niihau 70 dặm vuông, Oahu 593.6 dặm vuông, Molokai 260.9 dặm vuông, Lanai 140.4 dặm vuông, Maui 728.6 dặm vuông, Kahoolawe 4.5 dặm vuông, Hawaii (Big Island) 4034.2 dặm vuông.

Tổng số dân số Hawaii khoảng 1.1 triệu, đa phần sinh sống trên đảo Oahu vì khí hậu và phong cảnh thuận lợi cho du khách. Đảo Hawaii là đảo lớn nhất và cũng có nhiều phong cảnh đẹp và núi lửa Kilauae, nhưng dân số chỉ độ trên 100,000 người thôi, còn các đảo khác như Kauai độ 50,000, đảo Maui độ 80,000 người.

Mặc dầu dân da trắng chiếm đa số, nhưng nếu đi du lịch tại bãi biển, hay đi tham quan các nơi ta thấy những người da vàng, dân bản xứ, dân Nhật Bản và Á Châu nhiều (có thể nói là một thành phố Á Châu tại đảo Oahu), Honolulu có thể nói như là một thành phố lớn nhất của đảo Hawaii và coi như là thủ đô của tiểu bang, đông dân nhất, là trung tâm tài chánh lớn của các đảo Thái Bình Dương. Tại Honolulu có một bãi biển danh tiếng là Waikiki, đó là một bãi biển đẹp và nhiều khách sạn, trung tâm mua sắm, ai từng là du khách cũng phải đi tham quan và tắm biển.

Khi tôi được định cư và sinh sống tại Hawaii, thì người Việt Nam ở tại đây chỉ có 6,000 hoặc 7,000 người. Tuy ít người, nhưng cộng đồng Việt Nam tại đây đã tạo một sức mạnh đáng kể vì có nhiều người Mỹ gốc Việt đã thành công tại Hawaii. Người Việt Nam tại đây đã làm hai nghề chính: lái taxi (lúc đó ở Hawaii có 1,500 taxi, thì Việt Nam có 367 chiếc do người Mỹ gốc Việt làm chủ, và một số người mướn xe để chạy), bán thức ăn trên các xe lunch (manapua), một số mở những gian hàng bán đồ kỷ niệm và thủ công nghệ, một số mở bán rượu, một số trồng rau và một số nghề khác như làm trong các hotel…

Với khí hậu thật ấm và tốt và những bãi biển đẹp nhất của nước Mỹ, một xã hội phóng khoáng, không thấy có kỳ thị màu da, khí hậu giống như Việt Nam, có nhiều trái cây… làm cho nhiều người Việt Nam đã tới nơi đó định cư luôn, không rời đi đâu cả.

Tuy nhiên, thành phố Honolulu không phải là nơi dễ sanh sống, mặc dầu nơi đây là một thành phố du lịch và

một trung tâm thương mãi lớn nhất của Hoa Kỳ, lý do là vì không có kỹ nghệ, không có sản xuất máy móc… và vật giá cao và một số đồ ăn uống phải nhập cảng ở đất liền. Giá nhà cửa cũng cao vào bậc nhất nước Mỹ, lúc tôi ở đó, thì chỉ thua New York và California (SF, Los Angeles) mà thôi. Ở đất liền vì đời sống đắt đỏ, nên lương bổng rất cao, chẳng hạn ở San Francisco, San Jose, hoặc Los Angeles, nhưng lương bổng ở Hawaii thì kém đất liền độ 20%, do đó rất khó sống, không như ở California dễ sanh sống hơn.

Những người Việt Nam đã ở lâu năm (trước 75) là GS Nguyễn Đăng Liêm, giáo sư ngôn ngữ học tại đại học Hawaii, là phu quân chị Trần Huỳnh Điệp (học y khoa từ năm 1963-68 và năm 1968 định cư tại Hoa Kỳ). Do giới thiệu của GS Trần Văn Tấn, khoa trưởng đại học Sư Phạm Saigon, tôi có gặp anh Liêm, và có một thời gian làm việc với anh.

BS Nguyễn Thế Thanh, sang Hawaii du học từ năm 1973 để lấy PhD về Public Health.

BS Tôn Thất Viên (Y Khoa Huế 68), chuyên khoa Giải Phẫu Thần Kinh ở Tổng Y Viện Cộng Hòa, tu nghiệp tại Tripler Hospital từ năm 1974, bị kẹt lại nơi đây. Sau ngày 30/4/75, họ không cấp học bổng nữa vì không còn là quân y sĩ của Việt Nam Cộng Hòa, bị chấm dứt chương trình huấn luyện và phải ra ngoài kiếm việc làm. Về sau, anh kiếm được một việc làm về phụ mổ cho bác sĩ giải phẫu ở bệnh viện St Francis. Anh phải học lại để thi ECFMG (Educational Commission for Foreign Medical

Graduates) và qua Dallas làm residency về gây mê, rồi mới trở về Hawaii hành nghề năm 1981 (sau khi đậu Federation Licensing Examination, FLEX).

Một số bác sĩ tị nạn năm 1975: BS Trịnh Văn Hải (YK 52), BS Nguyễn Đức Thông (YK 68).

Ngày 30/4/1975 là ngày đen tối nhất của miền Nam Việt Nam. Miền Nam Việt Nam đã trải qua một cơn đại hồng thủy.

BS Thanh cũng thế, cũng bị tạm ngưng chương trình học lấy PhD và phải thi lại ECFMG rồi đi training. Khi xong training về làm việc ở phòng khám bệnh viện Lanakila, Honolulu.

Bà xã tôi cũng hết được làm chuyên viên tại bệnh viện với tư cách Visiting Assistant Professor và phải ra bên ngoài, tạm thời phải làm phòng xét nghiệm để sinh sống.

Tình hình lúc đó rất căng thẳng và hoang mang vô cùng, không biết tương lai ra sao.

Và sau nầy mới có chương trình giúp đỡ người tị nạn kiếm việc làm, học hành và thi lại.

Sau một vài tháng để ổn định lại nơi ăn chốn ở, tôi bắt đầu học lại vào đầu năm 1984. Năm nầy đã có nhiều đổi thay. Hiệp Hội Y Sĩ Hoa Kỳ đã bỏ kỳ thi ECFMG cũ (thi 1 ngày) và thay bằng kỳ thi FMGEMS gồm hai ngày giống như thi National Boards, ngày đầu thi Basic Sciences (gồm những môn như anatomy, biochemistry, bacteriology, physi- ology…) và ngày thứ 2 thi Clinical Sciences và English. Kỳ thi FMGEMS rất khó nên nhiều

bác sĩ ngoại quốc đã bị rớt. Trong các khóa 1984, 1985, 1986 tỉ lệ thi đậu rất thấp, nghĩa là thi rất khó, vì phải thi những bài thi giống như bài thi của sinh viên năm thứ 1, 2, 3, 4 của trường Đại Học Y Khoa Mỹ.

Đối với một số sinh viên ra trường khoảng năm 1974, 1975, có học một số sách Y Khoa Mỹ thì tương đối cũng đỡ, nhưng với đa số chúng tôi, thật là khó khăn. Chúng tôi coi như phải học lại từ đầu Y Khoa.

Mặc dầu không có tiền và không có trợ cấp, tôi cũng đã mua một số sách mới để học. Khi đó, tôi cũng đến Trung Tâm Kaplan, một trung tâm luyện thi, nơi đang có những bài luyện thi, những cuốn băng cassette giảng bài và phân tích các câu hỏi. Trung tâm nầy nghe nói trước đây có rất nhiều đề tủ, khi vào thi thì gặp những câu hỏi y chang, nhưng tới phiên tôi học, thì không trúng tủ nữa, phải học trong sách và đọc sách nhiều thì mới đậu được. Đồng thời, xin vào làm thường trú (residency) cũng rất khó khăn, ít có bác sĩ ngoại quốc được nhận trong những năm đó. Tôi biết có nhiều bạn đã đỗ ECFMG từ các năm 1982, 1983 mà mãi đến năm 1989 mới vào được chương trình residency. Tôi biết anh Phạm Quang Thùy (YK70) đã đậu ECFMG từ năm 1982, 1983, cũng không được vào chương trình residency mãi đến 1988 anh mới được nhận vào chương trình nầy. Anh đã hành nghề tại Nam California từ năm 1990. Trong Quân Y Hải Quân có BS Lê Thu Thanh cũng vậy, đậu năm 1983, mãi đến năm 1990 mới xin được làm residency về psychiatry. Trong thời gian chờ đợi, anh phải làm điện tử và làm thư ký

văn phòng cho USCC (US Catholic Charities). Và anh đã hành nghề lại từ năm 1994 tại Stockton.

Hoàn cảnh gia đình tôi lúc đó gặp nhiều khó khăn. Các con tôi còn nhỏ, còn tôi, vì đi theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình nên không có trợ cấp, đồng thời, vì nhận thấy tầm quan trọng của y khoa phòng ngừa (preventive medicine) nên tôi đã quyết định theo học ngành y tế công cộng. Tôi ghi danh học Public Health tại Đại Học Hawaii và đã thi đậu Master of Public Health năm 1987. Trong thời gian trên, Ban Giảng Huấn Đại Học Hawaii đã cho tôi được tham gia chương trình huấn luyện chung với các bác sĩ Thường Trú về Y Khoa Phòng Ngừa. Ngoài ra, trong thời gian nầy, tôi có làm việc tại bộ Y Tế Hawaii, trong chương trình Sức Khỏe Tâm Thần cho người Việt và làm việc cho Catholic Charities (Cơ Quan Bác Ái Công Giáo, để kiếm chút lợi tức chi phí trong gia đình.

Khi đi học, tôi gặp được nhiều bác sĩ y khoa trên khắp thế giới (trên 100 nước) từ các nước như Liên Xô, Pháp, Đức, Trung Cộng… Phải nói nơi đây là một nơi rất tốt để học về Medicine Tropicale (y học nhiệt đới). Ngoài ra lại có một trung tâm (East West Center) để giúp các bạn có hai nền văn hóa đông tây có thể học hỏi lẫn nhau. Tôi được biết các lãnh đạo trên thế giới đều dừng chân tại Honolulu, như TT Nguyễn Văn Thiệu, Chủ Tịch Giang Trạch Dân và nhiều vị lãnh đạo khác khi đi công du đều ghé ngang qua Honolulu.

Nhờ có chuyên môn về y khoa, khi học về Public Health, tôi cũng đỡ vất vả, có nhiều môn tôi đã học rồi,

nay học lại như microbiology, parasitology…

Tôi phải trau dồi Anh văn để thuyết trình mà thôi. Khi làm luận văn tốt nghiệp, tôi đã chọn đề tài về bệnh Hansen, là một bệnh tủ của tôi trong bô môn da liễu. Ở Hawaii lúc đó rất ít người Việt, không có chương trình giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, như ở California.

Chưa vui sum họp đã sầu chia ly

Như tôi đã viết từ các bài trước, tôi đến Hawaii từ tháng 10 năm 1983 để định cư do sự bảo lãnh của bà xã tôi.

Khi ở Việt Nam bà xã tôi sức khỏe cũng bình thường, thỉnh thoảng làm việc nhiều quá hay bị mệt. Nhưng khi qua bên Hawaii, một hôm khám bệnh thì phát hiện bị bệnh Lupus (Systemic Lupus Erythematosus, SLE). Bệnh nầy thường bị bệnh đau nhức khớp xương, bị mệt và không làm việc nặng được. Bệnh nầy phải dùng thuốc Prednisone thường xuyên. Do hoàn cảnh khó khăn, bệnh hoạn, cô đơn, bà xã tôi gặp một đồng nghiệp, cũng là giáo sư Trường Dược Khoa, cũng đang định cư tại đây, và có việc làm vững chắc rồi, giúp đỡ, an ủi. Ông cũng có một hoàn cảnh là bà vợ đã lấy chồng khác và đang định cư tại Pháp. Ông đang định cư tại Mỹ với 2 con trai. Hai người đi đến và sống chung với nhau.

Khi gần đi Mỹ, tôi mới được biết tin nầy. Cho nên khi máy bay đáp xuống Honolulu, tôi cũng mừng, mà cũng hồi hộp.

Khi về nhà (khách sạn mà bà xã mướn cho tôi ở tạm), trong một đêm không ngủ, bà nói với tôi là không tiếp

tục sống chung với tôi nữa vì đã có gia đình rồi, và hứa sẽ giúp tôi làm lại cuộc đời.

Tôi đâu biết làm sao, tôi cũng không oán trách ai, miền nam Việt Nam đã bị một cơn đại hồng thủy, nhiều gia đình đã bị ly tán, không phải lỗi tại ai cả. Còn tôi, vì "ngu dại", không biết tình hình chính trị, tưởng là có chánh phủ ba thành phần, và mình là bác sĩ chắc cũng không sao đâu, và cuối cùng bị kẹt lại và không thấy hòa bình trở lại trên quê hương yêu dấu đâu cả, mà chỉ thấy Nước đã mất, Nhà đã tan.

Bà xã tôi, sau khi giúp tôi mướn nhà cửa và cho con cái đi học, đã nộp đơn ly dị tôi. Theo luật pháp ở Mỹ, nếu hai người đồng ý, không tranh chấp về tài sản, về nuôi dưỡng con cái, thì không cần phải ra tòa và chánh án sẽ ra một phán quyết sau khi hội ý với luật sư. Tôi là bị cáo, bà là nguyên đơn. Tôi có quyền giữ 3 đứa con. Tôi không đòi tiền cấp dưỡng gì cả, tôi cũng không xin phân chia tài sản. Theo luật Hoa Kỳ, nếu hai bên (vợ, chồng) xa cách nhau hơn 2 năm là có quyền xin ly dị (tôi đã xa vợ tôi gần 10 năm). Tôi không được lãnh trợ cấp welfare và không xin được medicaid.

Tôi phải tự túc, nhưng bà xã tôi cấp cho tôi môt số tiền nhỏ mỗi tháng để nuôi đứa con trai, còn hai cháu gái, sau nầy, tôi giao cho má cháu nuôi, và mỗi tuần, má cháu đưa 2 cháu về nhà tôi ở cuối tuần.

Người ta đi Mỹ thì vui

Tôi nay đi Mỹ chịu nhiều đắng cay.

Tôi đã gặp nhiều đắng cay của cuộc đời, và Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Bởi vậy, đang ở thiên đàng hạ giới mà lòng tôi có lúc cũng không vui, tôi vào nhà thờ cầu nguyện, và nhiều lần nước mắt tôi tuôn trào, khi nhìn lên bàn thờ Đức Mẹ.

Sau đó, tôi đã bị một căn bệnh, tôi đã bị sụt hết 36 pounds trong vòng mấy tháng, tôi ngủ không được, tim đập như hồi hộp, tôi tưởng bị trầm cảm và lo âu mà ra. Tôi không có Medicaid. Một hôm tôi đến Cơ Quan Bác Ái Công Giáo để học Anh văn, bà phước thấy tôi ốm quá nên nói với tôi "Tao thấy mầy chắc chết đến nơi rồi, đây tao cho mầy $100 để mầy đi khám bệnh". May quá, mấy bác sĩ người Phi cùng học với tôi ở Kaplan giới thiệu cho một bác sĩ cũng học chung với họ ở Phi, nay đã đậu lại và đã mở phòng mạch. Bác sĩ nầy khám cho tôi và cho tôi đi xét nghiệm. Kết quả tôi bị chứng cường tuyến giáp trạng mà tôi không biết. Bác sĩ Phi chữa cho tôi khoảng độ một năm và tôi khỏi bệnh, nhưng tôi phải đi tái khám và theo dõi luôn. Bác sĩ Phi cũng không lấy tiền thù lao và cho tôi được làm test free. Tôi chỉ mua thuốc trị bệnh mà thôi. Sau đó, tôi đã lành hẳn. Tôi cũng ráng đi học thi ECFMG và Flex độ 2 lần nhưng không xong và chuyển hướng sang học Public Health.

Vào mùa thu năm 1986, tôi đã ghi danh học chương trình Master of Public Health tại đại học Hawaii, ở Manoa (Oahu). Điều kiện để theo học tại trường Public Health là phải có bằng bác sĩ, hoặc B.A., B.S. của Mỹ hoặc là bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ ở các đại học trên thế giới, tôi được nhận

vào học vì có bằng bác sĩ ở Việt Nam. Tôi phải thi Anh văn TOEFL với số điểm 550 và phải có giấy giới thiệu (letter of recommendation), tôi có nhận được giấy giới thiệu của BS Đặng Tất Khiêm, cựu bác sĩ đại tá Hải Quân, chỉ huy trực tiếp của tôi, và GS Nguyễn Thanh Liêm, giáo sư ở đại học Hawaii.

Tôi ghi danh học full time và làm công việc cho sinh viên (work study) có tiền sinh sống, tôi làm 20 giờ một tuần, với mức lương tối thiểu khoảng 4.5 – 5$/1 giờ, mỗi tuần lễ được gần $100, và mỗi tháng được khoảng $400. Vì là single father và có con nhỏ, lương tháng hơi thấp, nên tôi nộp đơn và xin được food stamp, để mua thức ăn và sau đó, tôi xin được housing của chính phủ, mỗi tháng chi trả hơn $100 tiền nhà, nên tôi cũng đủ tiền sinh sống.

Trong thời gian làm việc (work study), trường đại học gởi tôi ra làm tại US Catholic Charities, và Catholic Charities lại gởi tôi đến làm việc tại Cộng Đồng Việt Nam Tự Do với anh Nguyễn Chương. Anh Chương là một giáo chức ở Việt Nam, tốt nghiệp đại học sư phạm Saigon ban Anh văn 1962, sau nầy anh bị nhập ngũ vào QL/VNCH, anh là những người đầu tiên đến Hawaii. Anh cùng các anh Nguyễn Đình Khang, LM Vũ Khánh Tường, lập ra Cộng Đồng Việt Nam Tự Do. CĐVNTD là một cơ quan bất vụ lợi, đã giúp cho đồng bào tị nạn mới qua. Anh thường phiên dịch các giấy tờ, bằng cấp, khai sanh từ Việt ngữ sang Anh ngữ. Anh cũng giúp anh em xin trợ cấp hoặc xin license để lái taxi bán Manapua. Tôi có giúp anh Nguyễn Chương trong việc phiên dịch giấy tờ, và giúp đỡ

những người tị nạn mới qua. Tôi có hoạt động trong Cộng Đồng Việt Nam Tự Do và Hội Ái Hữu Quân Cán Cảnh tại đây. Ngoài ra, tôi có làm việc với GS Nguyễn Đăng Liêm để soạn ra cuốn Public Health, với cuốn sách gồm những câu hỏi để đi bệnh viện và đi phỏng vấn xin welfare. Tôi có ra tòa để thông dịch cho đồng bào Việt Nam tại đây.

Cuối năm 1987, tôi đã học xong và đậu bằng Master of Public Health, đồng thời tôi cũng xong chương trình huấn luyện y khoa phòng ngừa của đại học Hawaii.

Chương trình huấn luyện nầy dành cho các bác sĩ ngoại quốc với 3 năm học tập. Tôi coi như đã xong 2 năm, còn một năm nữa là học xong chương trình và có thể American Board of Preventive Medicine, nhưng vì tôi là di dân và sẽ là công dân Mỹ, nên họ bắt buộc tôi phải có ECFMG hoặc Flex mới được, nên tôi đành chấm dứt chương trình học tập.

Như tôi đã nói ở trên, ở Hawaii, hơi khó kiếm việc và lương bổng cũng không cao. Dù năm 1988, tôi mới xin được việc làm, tôi làm ở đại học Hawaii trong chương trình OPERATION MANONG là một chương trình giúp sinh viên Á Châu và gia đình tị nạn. Tôi cũng có làm trong chương trình Mental Health của bộ Y Tế.

Có một việc làm rất tốt cho tôi, đó là giám đốc chương trình sức khỏe của người tị nạn (trước đây do chị Linda Liêm (Trần Huỳnh Điệp) làm, nay chị thôi không làm, họ mướn người khác), tôi và một người nữa được vào chung kết, nhưng họ lại muốn một người Nhật (dân Nhật Bổn ở Hawaii là mạnh nhất ở đây). Ở Hawaii, họ không

trả lương như ở California, hoặc các tiểu bang khác: thí dụ như có bằng master và làm việc như chuyên viên giáo dục y tế, hay chuyên viên dịch tễ, lương chỉ từ $20,000 - $24,000, trong khi đó ở California thì khoảng $25,000 - $30,000, hoặc từ $30,000 -$40,000.

Lương bác sĩ lúc đó ở California từ $70,000 - $80,000, thì ở Hawaii chỉ độ $45,000 - $55,000.

Giáo sư thực thụ đại học ở California $60,000 - $80,000 thì ở Hawaii $40,000 - $50,000.

Sau khi ly dị vào đầu năm 1984, tôi và bà xã coi nhau như hai người bạn. Sau nầy, mỗi năm, tôi sang Hawaii để thăm con tôi, tôi có ghé thăm bà xã cũ và anh chồng mới.

Ở đời, khi bị sa cơ thất thế, người ta mới thấm thía về cách đối xử của người đời.

Khi ở Hawaii, tôi không buồn về hoàn cảnh, tôi không oán trách ai, tôi chỉ lo học bài và làm việc và lo tương lai cho con tôi. Nhưng điều làm tôi buồn là tiếng thị phi ở đời. Một vài người coi thường tôi, có người nói: "Chắc tôi ăn ở làm sao mà bị vợ bỏ", "Làm sao mà học để trở lại bác sĩ được?"

Nhưng, tôi cũng gặp được nhiều người tốt. Tôi có một y tá trước làm dưới quyền tôi, họ sẵn sàng giúp tôi, nhưng tôi không nhận.

Qua đây, tôi phải học đánh máy, hoặc căn bản về computer. Tôi nhớ tôi có lấy hai lớp về đánh máy. Dĩ nhiên, tôi đánh máy rất dở, vì đâu có dùng 5 ngón tay lanh lẹ như người khác, và phải liếc vào bàn chữ (keyboard),

nhưng ông thầy giáo tội nghiệp tôi, ông nói tôi làm sao đừng ngó vào keyboard và đường vào tờ giấy, chỉ gõ bình thường, thì cho tôi đậu ngay, chứng nhận cho tôi đánh máy một phút 45 chữ để tôi kiếm việc làm (khi kiếm việc làm, cần có giấy chứng nhận đánh máy 45 chữ/1 phút). Tôi cám ơn ông và cho ông biết là tôi học đánh máy để đánh bài vở khi đi học lại mà thôi. Khi tôi vào thư viện, phải có thẻ và phải mượn mỗi lần 1, 2 cuốn sách và phải trả lại đúng ngày. Người quản thủ thư viện thấy tôi thường vào thư viện, nên cho phép tôi muốn mượn sách gì thì mượn, không cần phải xuất trình thẻ và không cần phải trả đúng ngày. Khi tôi đi làm photocopy và có notary tại ngân hàng, thì cô đặc trách về notary lại cho tôi miễn phí (không lấy thù lao). Khi đi học đại học Public Health, theo nguyên tắc thì phải trả học phí, không xin học bổng được. Tôi vào gặp Bà Phó Khoa Trưởng Đặc Trách Học Vụ, tôi kể hoàn cảnh tôi cho bà nghe và được bà (cô độ 40 tuổi) cho tôi được học miễn phí. Khi học Anh văn, đi luyện giọng, tôi phải vào phòng lab, nên vào phòng thì phải có thẻ và chỉ được một số giờ mà thôi, nhưng bà xếp phòng lại cho tôi khi nào muốn vào thì vào, không sao cả. Rồi về vấn đề Anh văn, tất cả phải thi Anh văn lại, và phải học thêm vài lớp về nói và viết. Tôi chỉ phải học một lớp mà thôi, trong khi đó nhiều sinh viên các quốc gia khác, phải học 3, 4 lớp.

Tôi muốn xin học thêm, các giáo sư đều nói tôi học đã đủ rồi, không cần thêm nữa.

Một hôm, tôi vừa vào Bộ Y Tế Hawaii để làm việc thì

có cô thư ký gặp tôi, nói tôi phải vào phòng gặp ông giám đốc, có chuyện cần. Tôi rất lo, vì tôi sợ có chuyện chẳng lành xảy ra cho tôi, chắc tôi bị đuổi việc. Nhưng khi tôi vào phòng, thì ông giám đốc nói với tôi: "Tôi có một tin vui cho anh, anh ngồi xuống đây. Có một job rất tốt ở California, San Francisco, và tôi nghĩ anh rất qualify cho job nầy". Rồi ông đưa cho tôi một job đăng trên báo của American Public Health với nội dung: Trường đại học y khoa San Francisco, chương trình Sức Khỏe Là Vàng cần tuyển dụng một người Việt Nam có bằng Master of Public Health, có kinh nghiệm viết lách và sinh hoạt cộng đồng để phục vụ trong Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng, mục đính là giao lưu và giúp đỡ người Việt Nam cai thuốc lá. Rồi ông lại nói: hôm nay, hãy đưa resume để tôi sửa lại cho. Anh nên qua California mới có tương lai khá đẹp…

Tôi mừng quá, sửa chữa lại resume và gởi đơn ngay.

Sự thực, khi ra trường, tôi cũng muốn ở lại Hawaii, gần gũi các con tôi. Tôi cũng có nhiều bạn Việt, Phi, Mỹ… rất tốt với tôi. Nhưng đối với tôi, tôi thấy khó sống và khó kiếm vợ. Ở đây, ít người Việt Nam quá, rất nhiều đàn ông và thiếu vắng đàn bà. Có nhiều cô Mỹ, Phi, Nhật Bổn cùng học chung với lớp tôi, tôi có thăm dò, nhưng mấy cô chưa chịu.

Tôi nộp đơn để xin việc, độ một tháng sau, thì tôi nhận được thơ phúc đáp của ông Chris Jenkins, đặc trách chương trình nầy. Tôi mở thư ra xem, tôi tưởng ông trả lời bằng tiếng Mỹ, không ngờ ông trả lời lại bằng tiếng Việt và mở đầu bằng câu: "Anh Nam thân mến. Tôi đã nhận

được thư anh và tôi biết anh có nhiều kinh nghiệm, mong được hợp tác với anh".

Ông viết rõ ràng và hay quá, tôi rất sợ vì biết mình sẽ làm việc với ông, không phải dễ đâu vì ông quá rành Việt ngữ. Được biết, ông đã từng ở Việt Nam, dạy Anh văn ở đại học Đà Lạt và kết hôn với chị Tuyết (cháu ruột của GS Nguyễn Văn Út).

Tháng 8/1988 tôi đại diện cho Cộng Đồng Việt Nam Tự Do đi dự hội Toàn Quốc Người Việt ở Palo Alto, California. Tôi có gọi cho bác sĩ Stephen Mc. Phee, là GS Đại Học Y Khoa San Francisco, giám đốc đặc trách Sức Khỏe Là Vàng, là sếp của ông Chris Jenkin, lúc đó ông Chris Jenkin đi Việt Nam. Tôi đã xin gặp ông.

Tôi không ngờ ông phỏng vấn tôi luôn và cho tôi công việc làm. Tôi nhớ, ông đã phỏng vấn tôi chỉ 3, 4 câu về thân thế và quá trình làm việc của tôi. Tôi kể cho ông nghe sơ qua về cuộc đời tôi, khi đi học, khi vào quân đội và sau năm 1975, tôi ở về phe bại trận và bị đi tù cải tạo. Sau khi cải tạo về, tôi làm việc ở bệnh viện Da Liễu, và nay định cư tại Mỹ. Tôi cũng nói cho ông biết sơ qua về hoàn cảnh gia đình của tôi. Ông nghe có vẻ cảm động và phục tôi.

Ông hỏi tôi tại sao lại chọn Public Health mà không thi lại để trở lại hành nghề bác sĩ. Tôi nói, tôi muốn lắm, nhưng hoàn cảnh gia đình tôi và số tuổi của tôi không cho phép tôi nhiều thời gian đi học, tập sự để hành nghề trở lại**.** Hơn nữa bây giờ cánh cửa của ngành y khoa dành cho các bác sĩ ngoại quốc đã khép kín lại rồi. Bây giờ là

lúc mà Public Health là quan trọng số một đối với cộng đồng Việt Nam. Người Việt Nam ở trong nước chỉ đi khám bác sĩ khi có bệnh và muốn bác sĩ cho thuốc, chích thuốc, để chữa bệnh mà thôi. Về phòng ngừa như khám sức khỏe, chích ngừa, dinh dưỡng… không ai quan tâm đến. Lại nữa, ở Việt Nam có quá nhiều người hút thuốc lá và uống rượu, khi qua Mỹ, họ vẫn tiếp tục hút thuốc và uống rượu, vì thế nguy cơ ung thư phổi, gan, bệnh tim mạch rất cao… Do đó, để phòng ngừa những bệnh nầy, phải có chương trình giáo dục y tế, như chương trình Sức Khỏe Là Vàng. Nghe nói, ông thích quá. Rồi ông lại hỏi, nếu tôi là giám đốc chương trình cai thuốc lá, tôi phải làm gì. Tôi nói: phải có chương trình giáo dục y tế, phải có những tài liệu bằng Việt ngữ, những video về tai hại của thuốc lá, và những thông tin tuyên truyền trên đài tivi tiếng Việt, rồi sau đó, mình phải mở những lớp học cai thuốc lá miễn phí và phải có phần thưởng để dụ họ đến học, thì chương trình mới hữu hiệu và họ sẽ từ từ bỏ hút thuốc. Ông lại hỏi tôi có sinh hoạt với cộng đồng Việt Nam và có viết sách không. Tôi nói có và cho ông xem những tài liệu đã soạn thảo với giáo sư Nguyễn Thanh Liêm về danh từ Public Health và cuốn sách khi đi khám bác sĩ, hay xin welfare.

Khi tôi nói xong, ông liền đứng dậy và nói với tôi: Job nầy là của anh rồi.

Sau khi đi Việt Nam về, anh Chris Jenkins có gọi tôi sang California để phỏng vấn. Anh là giám đốc Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng. Tôi phải bay sang California

một lần để phỏng vấn. Tôi đã gặp Chris Jenkins và hai anh nữa trong ban phỏng vấn, đó là: BS Hoàng Tuấn Anh (YK70) và ông Vũ Đức Vượng, giám đốc Trung Tâm Tị Nạn Đông Nam Á. Các anh đều hỏi tôi về khả năng chuyên môn, và sinh hoạt cộng đồng Việt Nam tại Hawaii, điều quan trọng là đã có kinh nghiệm sinh hoạt cộng đồng và thứ hai là có viết sách gì không? Rất may cho tôi là ở Hawaii, tôi có làm việc với GS Liêm, cùng ông viết 2 cuốn sách: tự điển Anh Việt (Public Health) và 1 cuốn sách về câu hỏi khi đi bệnh viện và xin welfare.

Khi đưa ra những tài liệu, tôi viết cùng GS Liêm, thì các anh ấy rất là vui.

Trong số 3 người được vào final để phỏng vấn job nầy thì có 2 người cũng nặng ký lắm. Đó là BS Nguyễn Tuấn Phong, y sĩ Trung Tá Việt Nam Cộng Hòa, Giám đốc Chương Trình Bảo Trợ Mẫu Nhi Bộ Y Tế trước năm 1975 và cũng đã làm việc cho WHO (Y Tế Quốc Tế) ở Philippines năm 1975. Anh đã từng du học tại Tulane (Florida) và có bằng Master of Public Health năm 1958. Anh cũng đã đậu ECFMG và Flex, nhưng chưa xin được Training.

BS Phạm Quý Giao (YK70), cũng đậu Master of Public Health, cũng đã làm việc tại Bộ Y Tế tiểu bang Kansas, và cũng có nhiều kinh nghiệm về Public Health và có một người bà con quen biết Chris Jenkins.

Ông Jenkins muốn chọn BS Phong, nhưng bác sĩ Mc Phee chê ông nầy già quá, còn tôi (Nam), trẻ hơn và nói chuyện có duyên, tuy rằng Anh văn không được hay lắm.

Do đó, đến tháng 10/1988, tôi đã rời bỏ Hawaii, nơi tôi đến học hỏi và sinh sống tại đó trong 5 năm trời với nhiều nỗi buồn vui, tôi khóc nhiều vì tôi xa hai đứa con gái…

Như đã nói ở trên, cuộc sống ở Hawaii, khó khăn hơn đất liền vì không được giúp đỡ như ở California.

Trong khi ở California, ở Oklahoma vào năm 1975, có những chương trình giúp đỡ để tái huấn luyện các bác sĩ Việt Nam, như ở Oklahoma, họ cho tiền để đi học và có những bác sĩ đã đi trước giúp đỡ người đi sau như BS Nông Thế Anh, Đào Thế Xương thì tại Hawaii, không có chương trình đó, nên nhiều bác sĩ, trí thức phải làm nhiều công việc nặng nhọc. Tôi biết BS Trịnh Văn Hải (YK52), (cùng lớp với BS Nguyễn Hoài Đức, chủ tịch Y Sĩ Đoàn Việt Nam), cựu Phụ Tá Tổng Trưởng Bộ Lao Động Việt Nam, khi qua Mỹ phải làm nurse aide (tá viên điều dưỡng) và phải làm việc ban đêm, vì anh muốn dùng thì giờ ban ngày để đi học. Anh không chơi với ai và anh chỉ thân với hai anh Viên và Thanh mà thôi.

Ngành dược sĩ cũng vậy, cũng không có chương trình giúp đỡ hoặc tái huấn luyện. Dược sĩ chỉ có thể làm xét nghiệm viên mà thôi. Có anh Đại Tá Hải Quân lúc mới qua phải làm security guard.

Đa số người Việt tại đây đều ra chạy taxi, và lái xe lunch… hoặc bán những đồ kỷ vật. BS Thiều Lợi (YK72), do gia đình bảo lãnh đã đến trước độ 1, 2 năm, cũng phải lỡ dở việc học và ra bán đồ kỷ niệm, anh đã mất cách đây mấy năm. Sau nầy, tôi có khuyến khích anh học lại, anh chỉ thi 1, 2 kỳ rồi bỏ luôn và hành nghề buôn bán.

Có 3 người làm vẻ vang người Việt là GS Nguyễn Đăng Liêm, giáo sư thực thụ về Ngôn Ngữ Học ở Hawaii, anh là cựu học sinh Petrus Ký (PK56) trên tôi độ 5, 6 lớp, có bằng cử nhân Văn Khoa ở Saigon, Master ở Michigan, Ph.D. Australia.

GS Nguyễn Văn Huệ, PhD, nguyên kỹ sư canh nông ở Saigon, được đi du học PhD tại Hoa Kỳ trước 1975 và đã đậu tiến sĩ năm 1981. Anh là giáo sư thực thụ về môn Chemistry of Soil ở đại học Hawaii. Hai anh nầy rất hiền lành và tốt, tôi được quen biết và thân với hai anh nầy.

Còn một ông nữa là GS Trương Bửu Lâm, nguyên giáo sư đại học Văn Khoa Saigon, có dạy History ở đại học Hawaii (có khuynh hướng thiên Cộng), nên tôi không giao thiệp. Khi tôi ở đó, có GS Trần Văn Khê, giáo sư thỉnh giảng về âm nhạc, tôi cũng không giao thiệp với ông.

Ngoài ra có BS Huỳnh Văn Thanh (YK73), giảng sư về Oncology tại đại học Y Khoa Hawaii rất nổi tiếng. Ngoài vấn đề y khoa, anh còn nghiên cứu về Thiền và đã đi giảng thuyết về Thiền trên thế giới.

Một người khác nữa rất thành công là ông Ba Lẹ đã mở cơ xưởng về bánh mì đầu tiên tại Hawaii, sau nầy phát triển nhiều nơi trên Hoa Kỳ.

Về tôn giáo, phía công giáo có một nhà thờ Mỹ có thánh lễ Việt ngữ vào chúa nhật cho Cộng Đồng Việt Nam với số giáo dân tham dự khoảng 200 người. Người công giáo ở rải rác, tổng cộng chỉ độ 1,000 người. Vị linh mục đầu tiên là Linh Mục Vũ Đình Trác, rất nổi tiếng,

tiến sĩ về Triết học Việt Nam đã là cha quản nhiệm ở đây. Rồi đến một linh mục cũng nổi tiếng là Linh Mục Cao Phương Kỷ, là cha quản nhiệm Cộng Đồng Việt Nam tại Hawaii. Khi tôi tới Hawaii thì cha vừa về California, sau khi tôi về California, cha có trở lại làm việc một thời gian, rồi về Dòng Đồng Công ở Missouri.

Về Phật giáo, có hai chùa: Một tu viện Huyền Không do Thượng Tọa Thích Thông Hải và một chùa do Thượng Tọa Thích Trí Hai (chùa Linh Sơn). Hai chùa nhỏ nhưng rất đẹp và có một số khá đông Phật tử thường đến hai chùa nầy.

Tại đây lại có ba vị mục sư Tin Lành, quản nhiệm Cộng Đồng Việt Nam. Mục sư tôi gặp là Mục sư Huỳnh Ngọc Thạch. Mục sư Thạch trước đây là Thiếu Tá Quân Vận. Lúc đầu, khi mới tới Hawaii, ông làm phục vụ dọn dẹp trong một bệnh viện. Một hôm, ông gặp một mục sư người Mỹ, thấy ông có vẻ hiền lành, đã giúp ông tu thành mục sư đầu tiên của Việt Nam tại đây. Ngoài ra, tôi biết thêm hai mục sư nữa là Mục sư Phan Văn Lục, Mục sư Bùi Văn Minh (hai vị nầy đều là sĩ quan QL/VNCH).

Bởi vậy, nhiều lúc buồn chán ở Hawaii, có lúc tôi định ra chạy taxi (part time) để kiếm tiền, thì các bạn bè khuyên tôi không nên, vì nếu chạy taxi, khó mà học trở lại lắm.

Và có lúc, tôi muốn trở thành mục sư, vì mục sư có lương bổng, có bảo hiểm sức khỏe. Tôi đã học một năm về thánh kinh ở đại học Hawaii, vì nếu tôi muốn, tôi cũng có thể trở thành mục sư rồi. Nhưng sau đó, tôi bỏ ý định vì chán, chỉ học Public Health.

Năm 75 là một năm có sự đổi đời. Đổi đời ở trong nước, mà ra ngoại quốc cũng vậy. Có những anh trong nước, chỉ là lính tráng, trình độ văn hóa kém, mà sang đây may mắn thành công, có tiền nên hiu hiu tự đắc, không coi ai ra gì. Cũng có những trí thức khoa bảng, sĩ quan cấp tá, tướng, qua đây bị thất thế, có việc làm khiêm nhượng, cũng phải ngậm đắng nuốt cay, và có những lúc buồn chán.

Rồi qua đây, do sự xung đột văn hóa, hay do nếp sống văn hóa khác mà xảy ra những vụ xung đột trong gia đình, hay vì ghen tuông, nghi ngờ hiểu lầm mà xảy có việc đáng tiếc.

Về chánh trị, thì tại Hawaii, Mặt Trận của Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh hoạt động mạnh ở đây trong năm 1984… Sinh hoạt của Mặt Trận rất rầm rộ, có đảng bộ, gây quỹ, treo cờ VNCH trong f những ngày lễ. Lúc đầu có sự thân thiện giữa Cộng Đồng Việt Nam Tự Do và Mặt Trận, nhưng sau đó, có sự rạn nứt.

Một số sinh viên Việt Nam tốt nghiệp cũng qua đất liền tìm việc làm. Số dược sĩ mở dược phòng tư, chỉ độ 1, 2 người. Bác sĩ y khoa cũng vậy, chỉ độ vài người mở phòng tư. Đa số bác sĩ làm cho bệnh viện, hoặc làm cho chánh phủ (tổng số không quá 10 người).

Tuy nhiên, nói về khí hậu thì Hawaii là một nơi dưỡng bệnh tốt nhất trên thế giới (Oahu, Maui…). BS Liễu Thanh Tâm, có lúc sang Hawaii gặp tôi nhưng thấy đắt đỏ quá nên bỏ ý định. BS Nguyễn Nhất Thống, có lần qua Hawaii (năm 1987) có gặp tôi và BS Huỳnh Văn Thanh

cũng muốn sinh sống tại đây, nhưng sau khi thấy đắt đỏ quá, nên thôi không qua nữa.

Tôi đã ở Hawaii 5 năm, 5 năm đó tôi phải học lại, phải sắp xếp lại cuộc sống, giải quyết vấn đề gia đình và tham gia sinh hoạt cộng đồng. Chính điều đó giúp cho tôi có một cái vốn học vấn, và một số kinh nghiệm sinh hoạt cộng đồng, nên khi qua California, tôi có thể lập lại cuộc đời.

Hawaii là một nơi mà phong cảnh rất đẹp mà tôi may mắn đã được dừng chân và sống tại nơi đây.

Con đường sự nghiệp vì đã không dừng chân tại đây, tôi mang những kinh nghiệm quý báu qua California, một mảnh đất mới gọi là thiên đàng và chặng dừng chân đầu tiên là San Francisco.

Đã có câu nói: Nếu đi Mỹ (Hoa Kỳ) mà chưa dừng chân tại San Francisco, thì coi như chưa tới Mỹ. Tôi đã tới San Francisco và San Francisco có gì lạ không anh?

SAN FRANCISCO
CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE LÀ VÀNG

San Francisco có gì lạ?

San Francisco là một thành phố nổi tiếng của Hoa Kỳ và của California với nhiều danh lam thắng cảnh, nơi thu hút 25 triệu du khách mỗi năm. San Francisco cũng là trung tâm thương mãi, tài chính và văn hóa của miền bắc California.

San Francisco nằm trong quận hạt San Francisco với diện tích (tính chung với Quận hạt) là 231.89 dặm vuông (600.59km2 với dân số hiện nay là 873.965, đứng hạng thứ 4 trong tiểu bang California và hạng 17 ở Hoa Kỳ. Năm 1990, khi tôi làm việc và sinh sống tại San Francisco thì dân số là 723.959 người. Lợi tức trung bình mỗi đầu người, hiện nay là $160.749/năm, đứng hạng nhứt nước Mỹ.

Từ năm 1990, San Francisco trở nên nổi tiếng vì là một trung tâm du lịch của thế giới, cũng là một trung tâm tài chánh. Nơi đây còn là trụ sở của những công ty và ngân hàng có tầm vóc thế giới như Wells Fargo, Salesforce, Uber, Dropbox, Twitter và General Electric company. Tôi may mắn được làm việc tại San Francisco. Năm 1988 khi tôi đến nơi đây thì nhằm lúc trời rất lạnh, nhưng khí hậu nơi đây rất lý tưởng. Thời tiết rất ôn hòa, nóng nhất cũng khoảng 80 độ Fvà lạnh nhất khoảng 30 độ F. Nhiệt

độ trung bình (tháng 9) khoảng 62 độ F, ít khi xuống dưới 30 độ F hoặc lên cao hơn 90 độ F.

Ngoài lãnh vực thương mại, tài chánh, San Francisco có những đại học nổi tiếng như đại học y khoa UCSF, San Francisco State University… Có cầu Golden Gate rất nổi tiếng, đó là một biểu tượng của thành phố San Francisco, có Aquarium, có Alcatraz Island (nhà tù nổi tiếng), có con đường Lombardi rất nổi tiếng là ngoằn ngoèo… San Francisco cũng nổi tiếng vì có thêm thành phần những người gay, lesbian và homeless. Nhưng phải nói là một thành phố đẹp, thơ mộng và rất đáng sống nếu có một job tốt. Vì thế, nhiều người nói, nếu đi Hoa Kỳ mà chưa ghé San Francisco thì chưa được nói là đến Hoa Kỳ.

Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng

Tôi làm việc tại bệnh viện của Đại Học Y Khoa San Francisco số 400 đường Parnassus. Văn phòng của chúng tôi trực thuộc Department of Medicine với bác sĩ Mc Phee, là trưởng ban. Công tác chính của chúng tôi là phục vụ và tiếp xúc với đồng bào người Việt tại San Francisco, nhưng vì nơi đây đồng bào ở rải rác khó tập trung nên chúng tôi phải mở rộng chương trình đến thành phố San Jose.

San Jose ở phía Nam San Francisco, là một thành phố nổi tiếng với cộng đồng Việt Nam sinh sau đẻ muộn, nhưng nó đã trở thành một cộng đồng vững mạnh từ năm 1988. Các bác sĩ Việt Nam, sau khi vượt biên và sau khi được tái huấn luyện đã trở về mở phòng mạch tại San Jose, các dược sĩ và nha sĩ cũng thế. Lại có nhiều luật sư Việt Nam cũng hành nghề tại đây. Ngành địa ốc, nail được phát triển,

rồi có đài phát thanh Việt ngữ, chương trình truyền hình Việt ngữ và quan trọng nhất có một hội Chợ Tết vào năm 1990 với số người tham dự trên 40.000 người, sau nầy có lúc lên đến 57.000 người. Báo chí Việt ngữ cũng bắt đầu ra hàng ngày như các tờ Việt Nam, Thời Báo…Tuần báo có báo Yêu và quan trọng nhứt có tuần báo Thằng Mõ.

Như vừa nói trên, San Francisco là một thành phố nổi tiếng của California với nhiều danh lam thắng cảnh và có một đại học y khoa nổi tiếng là Đại Học Y Khoa San Francisco (UCSF). San Francisco cũng có cộng đồng Việt Nam bắt đầu thành lập, có nhiều cơ sở thương mại, nhiều cơ quan giúp đỡ người Việt Nam như Trung Tâm Tị Nạn Đông Nam Á. Sau nầy đã có một cộng đồng Việt Nam với vị chủ tịch là dược sĩ Phạm Đỗ Hùng rất năng nổ và hăng say. Một sự kiện đáng chú ý là ngay đường Larkin có một billboard lớn quảng cáo bằng Việt ngữ (kích thước ngang 2-4 thước, dài 6-8 thước ở khu Tenderloin) với nội dung: *Anh không muốn bạn anh bị ung thư, tại sao anh mời bạn anh hút thuốc?* Đây là một billboard Việt ngữ đầu tiên tại Hoa Kỳ được dựng lên trong khu phố đông đúc người Việt.

Billboard nầy do Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng của Đại Học Y Khoa San Francisco dựng lên, do tài trợ của chánh phủ tiểu bang, mục đích nói lên tai hại của thuốc lá trong cộng đồng Việt Nam.

Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng là chương trình gì?

Mục đích ra sao?

Trong một cuộc nghiên cứu của trường Đại Học Y

Khoa San Francisco vào năm 1987, người ta thấy trong cộng đồng Việt Nam có tới 56% nam giới hút thuốc lá. Cộng đồng Việt Nam là một cộng đồng phát triển nhanh, kể từ năm 1975 đến năm 1990 có tới 600.000 người Việt Nam tới Hoa Kỳ. Bác sĩ Everelt Koop, Tổng cục trưởng cục y tế công cộng từ năm 1984, đã nói lên tầm quan trọng của thuốc lá trong những nguyên nhân gây bệnh ung thư… Vì thế, Đại Học Y Khoa San Francisco, với bác sĩ McPhee và ông Chris Jenkin đã xin được tài trợ để thành lập ***Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng***. Mục đích là ngăn ngừa việc hút thuốc lá trong cộng đồng Việt Nam.

Chương trình nầy lãnh đạo bởi bác sĩ McPhee, ông Chris Jenkin là giám đốc, tôi là phó giám đốc chương trình. Chương trình chúng tôi sẽ thiết lập đặc biệt cho người Việt Nam để giúp họ biết cái tai hại của thuốc lá, giúp họ cai thuốc lá. Ngoài ra còn có thêm một công tác khác là giúp đỡ về chế độ dinh dưỡng để phòng ngừa ung thư.

Chương trình gồm có những tài liệu viết bằng Việt ngữ về thuốc lá, các brochures, video… và xuất hiện trên truyền hình để thông tin về tai hại thuốc lá và khuyến khích những người ghiền mau mau bỏ hút thuốc.

Bài viết đầu tiên của tôi có tựa là ***Thuốc Lá Và Bệnh Tim*** được đăng trên tuần báo Yêu (ngày 4/8/1989) và đã được đồng bào đón nhận nồng nhiệt. Sau đó bài ***Thuốc Lá Và Bệnh Ung Thư Phổi*** được đăng trên tờ Việt Nam (ngày 26/8/1989) và các báo khác.

Một bước quan trọng nữa là các bài về đề tài thuốc lá và các bài khác được đăng trên tuần báo Thằng Mõ, đây

là một tuần báo được đồng bào yêu thích nhất và gây một tiếng vang trong cộng đồng Việt Nam. Sau đó, một cuốn sách nhỏ dầy 32 trang với đề tài ***Làm Thế Nào Để Bỏ Hút*** đã được ra đời.

Đây là cuốn sách 32 trang, trình bày rất đẹp, lần đầu tiên xuất bản tại Hoa Kỳ với rất nhiều hình ảnh như một cuốn sách của Mỹ, được phát không tại các văn phòng bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ… và tại Hội Chợ Tết. Vì đẹp, nên nhiều người lấy về giữ làm tài liệu, không vất đi như những báo quảng cáo khác. Đó cũng là một phương pháp tuyên truyền hữu hiệu để các bạn ghiền thuốc lá suy ngẫm và từ từ sẽ bỏ hút thuốc.

Kế đến là video cũng với đề tài ***Làm Thế Nào Để Bỏ Hút Thuốc***. Đây là một video dài khoảng 20 phút, giống như các video y khoa của Mỹ với các diễn viên là người đã hút thuốc, cá nhân đã bỏ hút thuốc, những thanh niên, bác sĩ… nói lên tai hại của thuốc lá, những phương pháp bỏ hút, tập thể dục… rất hữu hiệu cho những người muốn cai thuốc lá. Video nầy đã được trình chiếu nhiều lần trên đài TV của anh Đỗ Vẫn Trọn, chương trình của anh Nguyễn Mạnh. Đây cũng là video về y khoa bằng Việt ngữ lần đầu tiên được thực hiện ở Hoa Kỳ. Video nầy do anh luật sư Nguyễn Mạnh và cô Đỗ Mùi thực hiện. Chúng tôi cũng đã được chương trình truyền hình của anh Mạnh phỏng vấn về ***Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng*** và về thuốc lá.

Chương trình của anh Đỗ Vẫn Trọn cũng có quảng cáo về các lớp cai thuốc lá, phỏng vấn về tai hại của thuốc lá.

Chúng tôi cũng đã mở lớp cai thuốc lá hoàn toàn miễn phí, lại có phần thưởng $50 cho những người tham dự. Sau nầy, chúng tôi còn cấp thuốc cai miễn phí cho những người tham dự.

Rồi đến Hội Chợ Tết tại Fairground, San Jose, một Hội chợ Tết quy mô, hoành tráng, thu hút được sự chú ý của đồng bào. Đồng bào Việt Nam không những ở San Jose và các vùng lân cận như Sacramento, Oakland, San Francisco…đều đổ về đây tham dự.

Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng đã đem tất cả tài liệu phát không cho cộng đồng và còn tặng thêm một cuốn lịch Phước Lộc Thọ rất đẹp nên được đồng bào hưởng ứng nồng nhiệt. ***Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng*** lúc đó lại phối hợp với Hội Y Sĩ Việt Nam Vùng Bắc California do bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi làm chủ tịch, đến Hội chợ Tết trong hai ngày với công tác đo huyếp áp, thử cholesterol, tiểu đường… và cố vấn sức khỏe cho đồng bào. Gian hàng nầy cũng được đồng bào đến đông nghẹt để được thử máu, đo tension và được cố vấn y tế, được tặng quà miễn phí. Mỗi năm đều có Chợ Tết và được mọi người hưởng ứng nồng nhiệt, nhiều đồng bào phải xếp hàng chờ để được thử máu.

Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng là chương trình y tế cộng đồng đầu tiên tại San Francisco và tại Hoa Kỳ đã giúp cho cộng đồng Việt Nam ý thức được tai hại của thuốc lá, và đã giúp một số người bỏ hút. Sau đó, chương trình đã phát triển mạnh về giáo dục y tế trong lãnh vực ung thư, như ung thư vú, ung thư cổ tử cung… và có lúc nhận được tài trợ $3 triệu mỗi năm để làm việc.

Tôi làm việc tại chương trình nầy được 2 năm, thì lại được sở Y tế của Quận Hạt Santa Clara mời sang ***Chương Trình Phòng Ngừa Rượu và Ma Túy*** từ tháng 10/1990.

Vì tôi hay xuất hiện trên truyền hình và báo chí, nên Sở Y Tế Quận Hạt Santa Clara (ở phía Nam San Francisco) đã chú ý đến tôi. Lúc đó, cộng đồng Việt Nam tại San Jose (thành phố này thuộc Quận Hạt Santa Clara) phát triển rất mạnh, nhưng cũng có một vài biểu hiện tiêu cực như số người Việt Nam bị DUI (uống rược lái xe) nhiều quá và vì có nhiều quán nhậu nên cũng có một vài đáng tiếc xảy ra, Sở Y Tế Quận Hạt Santa Clara muốn tìm một người Việt Nam để thiết lập chương trình Phòng Ngừa Ma Túy. Do sự giới thiệu của bác sĩ Nguyễn Văn Tạo, bà giám đốc chương trình đã gặp tôi và thuyết phục tôi về San Jose.

Tôi xuống làm việc ở San Jose, nhưng vẫn cộng tác mật thiết với ***Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng*** ở San Francisco.

Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng đã gây một tiếng vang sâu rộng đến Nam California, đến tiểu bang Texas, và cả ở Việt Nam… nhờ sau nầy được điều khiển bởi một người Việt Nam là giáo sư Nguyễn Thanh Tùng, giáo sư thực thụ Đại Học Y Khoa San Francisco và có trong ban cố vấn của Tổng Thống Obama.

CHẶNG DỪNG CHÂN CUỐI CÙNG SAN JOSE

Sau khi dừng chân ở San Francisco, tôi đã đến San Jose để làm việc và sinh sống. Từ đó đến nay, đã trên 32 năm với bao công tác, sinh hoạt… và rất nhiều kỷ niệm. Tôi đã lập lại cuộc đời tôi tại đây.

San Jose chắc hẳn có nhiều chuyện lạ và chuyện sinh hoạt của tôi, và đời sống tôi có nhiều bước ngoặt. Tôi lần lượt sẽ kể cho quý vị về các sinh hoạt của tôi, nhưng trước hết, tôi muốn trình bày về một chương trình cho cộng đồng Việt Nam: Chương Trình Phòng Ngừa Rượu và Ma Túy.

CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA RƯỢU VÀ MA TÚY

Tôi bắt đầu làm việc tại Quận hạt Santa Clara vào đầu tháng 10-1990. Lúc đầu tôi phải lái xe từ San Francisco đến San Jose (50 miles) để đi làm, thường là 1 tiếng đồng hồ lái xe. Sau nầy, tôi mới di chuyển xuống sinh sống và làm việc tại San Jose.

Bà xếp của tôi, trước đây là một y tá, có chồng là một quân nhân Mỹ từng chiến đấu ở Việt Nam, nên muốn thiết lập một chương trình Phòng Ngừa Rượu và Ma Túy giống như chương trình Sức Khỏe Là Vàng của đại học y khoa San Francisco.

Bà xếp của tôi là bà Marshe Koster, R.N, M.A, lúc

đầu đã tuyển dụng anh Phan Minh Quý để phụ trách chương trình nầy. Anh Quý, trước 75, là giáo sư Triết ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử, Việt Nam, tốt nghiệp đại học Sư Phạm năm 1952. Định cư tại Mỹ, anh đã đậu bằng Master of Social Work. Anh Quý rất xông xáo và cũng có kinh nghiệm hoạt động cộng đồng, nhưng không có chuyên môn về y tế cộng đồng. Anh Quý đã giới thiệu bà Marshe Koster và bà phụ tá gặp tôi và tuyển dụng tôi làm việc một chương trình mới, một chương trình đầu tiên ở Mỹ về ngừa uống rượu (quá chén).

Anh Quý về sau làm việc ở Department of Merter Health và đã về hưu gần 15 năm nay.

Do đó, ngoài tôi ra, chúng tôi đã lập ra một Hội Đồng Cố Vấn (Prevention Task Force) để cố vấn cho chương trình. Chúng tôi đã mời bác sĩ, luật sư, lãnh đạo tôn giáo… trong số đó có BS Nguyễn Văn Tạo, luật sư Đỗ Văn Quang Minh, linh mục Nguyễn Mạnh Tân, Thượng tọa Thích Giác Lượng, giáo sư Trần Công Thiện, anh Nguyễn Văn Lợi, chủ nhà hàng Golden Chopstick.

Hội Đồng Cố Vấn cứ 2 tháng họp một lần để nghe chúng tôi báo cáo những hoạt động và cho ý kiến để chúng tôi thực hiện hiệu quả, vì lúc đó cộng đồng Việt Nam đã trưởng thành, công việc làm ăn rất khấm khá nên nhiều quán ăn nhậu mọc ra như nấm và nhiều quảng cáo về rượu được phát hình trên TV và đài phát thanh.

Cũng như Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng, tôi bắt đầu viết các bài y tế thường thức về tác hại của rượu đối với sức khỏe được đăng trên tuần báo Thằng Mõ ở San Jose. Bài nầy đã được độc giả đọc rất thích thú, sau nầy

được các báo khác đăng lại vì lúc đó tài liệu y học bằng Việt ngữ rất hiếm, trên toàn quốc Mỹ chưa có ai viết ra.

Song song với công việc trên, tôi thường xuyên xuất hiện trên đài truyền hình của ông Đỗ Vẫn Trọn để được phỏng vấn. Người phỏng vấn tôi là MC Quốc Bảo. Tôi cũng làm các brochure ngắn về rượu và sau đó là ma túy.

Sau nầy, tôi tổng hợp lại những bài viết đã đăng báo và họp thành một cuốn sách có tên là "*Làm Thế Nào Để Bảo Vệ Sức Khỏe*". Cuốn sách gồm nhiều chương, nói về các vấn đề nóng hổi như rượu, ma túy, bệnh AID, thuốc lá, huyết áp cao.

Cuốn sách chính thức ra mắt vào tháng 9-1992 tại nhà hàng Ritz ở đường số 1 với số quan khách khoảng 200 người gồm nhiều nhân vật ở cộng đồng Việt Nam và cộng đồng Mỹ… vì đó là một cuốn sách đầu tiên bằng Việt ngữ xuất bản ở Hoa Kỳ.

Cuốn sách được in 3000 cuốn và đã được phát không cho đồng bào tại các hội chợ Tết, hội chợ Y Tế và các phòng mạch bác sĩ.

Sau đó, tôi đã dịch cuốn sách Grow Up Drug-Free với tựa đề "*Giúp Trẻ Em Lớn Khôn Không Vướng Mắc Ma Túy*" với nội dung là hướng dẫn cha mẹ sinh hoạt với con cái, nói chuyện với các em. Cuốn sách cũng được nhiều ấn bản và phát không cho cộng đồng với sự bảo trợ của báo Mercury News.

Ngoài ra, nhận thấy tầm quan trọng của rượu cho nên một ngân khoản 10.000 đô la được tài trợ để chúng tôi nghiên cứu về vấn đề uống rượu của cộng đồng Việt Nam. Sở Y tế đã mời tiến sĩ Amonth Padille, giáo sư đại học

Stanford cộng tác trong chương trình nghiên cứu kể trên.

Hai thành phần người Việt tham gia vào cuộc nghiên cứu nầy trên 300 người được chọn một cách tình cờ trong niên giám điện thoại và đồng ý hợp tác. Nhóm người thứ nhì thuộc thành phần say rượu bị bắt và đang theo chương trình học tập của ADCI gồm 61 người.

Theo cuộc nghiên cứu nói trên, đa số phái nam thường dùng rượu, phụ nữ dùng rượu rất ít. Tuy nhiên, giới phụ nữ có công ăn việc làm tại đây dễ có cơ hội dùng rượu luôn. Những người đã nghiện rượu thuộc phái nam, độc thân, có công ăn việc làm. Tuy những lý do đưa đến nghiện rượu phần lớn người ta cho biết vì xuống tinh thần, vì những khó khăn riêng trong gia đình và ngoài xã hội.

Sau cuộc nghiên cứu nầy, chúng tôi được cơ quan An Toàn Lưu Thông (Office of Traffic Safety) của… Bay California tài trợ để lập chương trình "Cảnh giác về rượu dành cho người Việt" với ngân sách $100.000/1 năm.

Chương trình chúng tôi có mời anh Trần Đình Tuấn (LCSW) đang làm việc ở Social Services và chị Nguyễn Thị Kim Phượng (MCW), counselor ở Mission College cộng tác với chương trình chúng tôi.

Chúng tôi đã soạn một cuốn sách để các cơ quan có thể sử dụng và tổ chức những buổi học tập dành cho công chúng, kèm theo một bộ phim với đề tài *Hướng Về Tương Lai* với 3 chuyện phim: *Hoa Kỳ*, dài 14 phút, *Gia Đình và Men Rượu* dài 14 phút, *Từ Men Rượu* 11 phút, và 1 cuốn sách dành cho học viên đã sử dụng.

Sau đó, chúng tôi mời trên 10 hội đoàn và cơ quan để tổ chức những buổi hội thảo về vấn đề rượu, dùng các

mạng của chúng tôi. Mỗi cơ quan nhận được $2.000 và có tặng cho mỗi người tham dự $20. Trong số cơ quan tham dự có IRCC, có hội Ái Hữu Gia Long, năm đó hội trưởng là BS Lê Phương Thúy.

Sau đó, chúng tôi đã thiết lập một chương trình giảng dạy về DUI cho người Việt Nam.

Người bị bắt về tội uống rượu lái xe sẽ bị nhiều hình phạt, ngoài ra phải học một lớp học và cố vấn tâm linh trong 15 tuần lễ, mỗi tuần 2 giờ. Lúc đầu, các lớp nầy do Department of School Services của chúng tôi phụ trách và giảng viên người Việt Nam là BS Phạm Nhựt Hồng (YK59). Sau nầy vì quá đông và cơ sở hơi chật hẹp nên đã ký khế ước với các cơ quan bên ngoài do đó các học viên tránh được mặc cảm phạm tội. Sở chúng tôi được giao cho cơ quan AACI (Asian American for Community Involment) phụ trách chương trình nầy. AACI là một cơ quan y tế xã hội bất vụ lợi do bác sĩ Alain Seed làm giám đốc. Bác sĩ Seed là một bác sĩ chuyên khoa tâm thần, gốc người Trung Hoa, rất am hiểu văn hóa của người Hoa và người Việt Nam, ông rất khôn ngoan, lanh lợi và biết cách dùng người. Ông quen nhiều chánh trị gia có uy tín gốc người Hoa, người Nhật… nên xin được nhiều tiền tài trợ. Ông thường tuyển dụng nhiều bác sĩ gốc Á châu, nhất là bác sĩ Việt Nam mới qua Mỹ, chưa thi lại bằng hành nghề vào cơ quan của ông để làm việc.

Cơ quan của ông có nhiều chương trình dành cho người Việt như: thuốc lá, bệnh AIDS, ma túy, tâm thần… Về chương trình tâm thần, ông có mời BS Nguyễn Văn Tạo làm bác sĩ điều trị và cố vấn cho cộng đồng Việt Nam. BS Tạo có giới thiệu tôi với bác sĩ Alain Seed làm cố vấn

các chương trình tâm thần, thuốc lá…

Về chương trình DUI, ông có nhờ tôi và BS Phạm Nhựt Hồng viết một chương trình để giảng dạy cho chương trình nầy. BS Hồng nguyên là y sĩ Trung Tá, chỉ huy trưởng Trung Tâm 3 Hồi Lực ở Việt Nam trên 15 năm, ông đã làm việc tại Trung Tâm Navarez (Mental health) ở trên đường Tully.

Trong thời gian trên, tôi còn cộng tác với Hội Y Sĩ Việt Nam Bắc California, mở các lớp giáo dục y tế cộng đồng miễn phí. Chúng tôi mời được nhiều bác sĩ đến giảng dạy với nhiều đề án như tim mạch, tiểu đường, nhức đầu, mắt cườm… Chúng tôi được giảng dạy tại bệnh viện San Jose đường Santa Clara và được bệnh viện tài trợ chi phí. Chương trình nầy do BS Mai Diệp Hùng làm trưởng ban và tôi làm điều hợp viên.

Cuốn sách nầy đã được Sở Y Tế Quận hạt Santa Clara bảo trợ đã in 3.000 cuốn với chi phí hơn $10.000 được phát không cho đồng bào ở cơ sở y tế, hội chợ y tế, chương trình Sanh Dễ Đẻ Vui…

Cuốn sách được phát hành vào cuối năm 1996 khi Quận hạt nhận thức được sự phát triển của cộng đồng và nhu cầu y tế cho người Việt Nam. Sở đã tuyển dụng 3 bác sĩ Việt Nam làm việc tại các y viện thuộc bệnh viện Bascom, đó là BS Lê Công Đan, Trần Hiếu Độ, John Chánh và nhiều bác sĩ Việt Nam khác.

Cuốn sách nầy ngoài những bệnh thông thường, còn có hướng dẫn về cách chọn bác sĩ, làm thẻ khai bệnh, tổ hợp y tế…

Cuốn sách nầy cũng được coi như là những tài liệu

đầu tiên bằng Việt ngữ ở Hoa Kỳ và trên thế giới. Đồng bào đã đón nhận nồng nhiệt, các báo, đài đăng các bài in trong sách, nhứt là báo Thằng Mõ có rất nhiều người đọc.

Tôi đã làm việc 13 năm tại *Chương Trình Phòng Ngừa Rượu và Ma Túy*, sau đó Sở Y Tế đã điều động tôi qua các chương trình khác: *Chương trình cai thuốc lá, Chương trình chủng ngừa…*

Tôi đã làm việc cho tới ngày nghỉ hưu đầu năm 1999.

Một sự kiện cũng vui vui là ngoài công tác trong cơ quan chánh phủ, cuối tuần tôi phục vụ trong giáo xứ Việt Nam và giáo xứ Saint Patrick đã mời tôi giảng dạy trong chương trình Dự Bị Hôn Nhân với các đề tài: Tính dục trong hôn nhân công giáo (Human Sexuality), Family Planing (Kế hoạch hóa Gia đình trong Công giáo)…

Tôi đã giảng dạy chương trình nầy gần 20 năm và nay đã 80 tuổi, tôi vẫn tiếp tục dạy chương trình nầy.

Trong lớp học nầy, rất vui là được nói chuyện về sinh lý, thuốc Viagara… Các bạn trẻ rất vui khi thảo luận với tôi về các vấn đề nầy.

Nay đã 80 tuổi, mà các tuần tôi vào phục vụ trong ban Phụng Vụ nhà thờ Saint John thuộc Giáo xứ St. Patrick (Đức Mẹ La Vang) và tham dự các sinh hoạt cộng đồng.

Ở tuổi xế chiều, tôi đã có một niềm vui nho nhỏ, đóng góp chút ít cho đất nước, cho cộng đồng Việt Nam. Đó là những đóng góp khiêm tốn của tôi trong suốt 20 năm phục vụ ngành y tế công cộng và quả thật, ngành y tế công cộng đã giúp cho ngành y khoa điều trị, tức là giúp ích rất nhiều cho bệnh nhân đã phòng ngừa bệnh tật.

RA MẮT SÁCH ĐẶC BIỆT

Nói đến San Jose thì phải nói đến những buổi ra mắt sách và diễn thuyết. Các tác giả ở xa viết xong một quyển sách thường đến Santa Ana trước rồi đến San Jose để 'trình làng', hoặc ra mắt sách ở San Jose trước rồi đến Santa Ana. Nếu không đến được hai nơi nầy để ra mắt sách, họ coi như chưa ra mắt sách. Do đó, ở San Jose có rất nhiều buổi ra mắt sách. Có lúc tháng nào cũng có. Có khi, có tuần có 2, 3 buổi ra mắt sách. Theo như nhà văn Giao Chỉ, nếu tổ chức ra mắt sách mà có trên trăm người tham dự coi như "thành công", nhưng thực tế thì nếu có nhiều buổi ra mắt sách trùng hợp thì số khách "văn chương" giới hạn sẽ bị chia tam chia tứ nên có chỗ ra mắt sách chỉ được mấy chục người. Lúc có nhiều cuộc ra mắt sách hay diễn thuyết thì độc giả và thính giả đành phải chọn lựa.

Trong tháng 6 và tháng 7 vừa qua có nhiều buổi ra mắt sách nhưng nổi bật nhất là có 3 bác sĩ từ các nơi xa đến San Jose để ra mắt sách. Đó là các BS Lê Ánh, BS Nguyễn Công Trứ, BS Nguyễn Hy Vọng. Tuy có 3 buổi ra mắt sách của giới "tu bíp" chúng ta, nhưng may mắn là 3 buổi ra mắt sách nầy không trùng hợp nên số thính giả, độc giả không bị ảnh hưởng vì không bị trùng hợp.

a. Buổi ra mắt sách của bác sĩ Lê Ánh.

BS Lê Ánh là gà nhà của lớp Y Khoa Saigon 1968 đã cho ra mắt cuốn sách của anh "*Từ Hòn Khói Tôi Đi*" vào

chiều Chúa Nhật 8/6/2014 tại nhà hàng Grand Fortune, San Jose, đồng thời cũng Mừng Thọ 80 của anh (bác sĩ sinh năm 1934 tại Hòn Khói, quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa).

Hiện diện trong buổi ra mắt sách có những thân hữu, gia đình, những bạn học trường Võ Tánh, Nha Trang…. Đặc biệt hầu hết anh em thuộc Y Khoa 68 tại vùng Bắc California như BS Lại Quốc Kỳ, Huỳnh Thêm, Phạm Đoan Chính, Nguyễn Duy Hảo, Nguyễn Thúc Cường, Đoàn Văn Phùng, Nguyễn Thanh Toại, Trần Văn Hai, Trần Văn Nam… Riêng bác sĩ "Châm Cứu" Trần Ngọc Bửu vì lý do sức khỏe nên không tham dự được.

Cuốn sách kể lại cuộc đời của BS Lê Ánh từ thuở thiếu thời nơi đồng chua nước mặn làng Phú Thọ, Hòn Khói, Nha Trang… rồi vào Đại Học Y Khoa… bị tù cải tạo, làm việc với chế độ cộng sản rồi vượt biên, ở trại tị nạn, rồi qua Hoa Kỳ định cư, lập lại cuộc đời, xây dựng sự nghiệp nơi xứ sở tự do… nuôi dưỡng vợ con… và kể lại những kỷ niệm từ khi đi học cho đến vào y khoa Saigon, ra trường, hành nghề bác sĩ. BS Ánh đã tỉ mỉ ghi lại cuộc đời mình, nhất là thời gian theo học Đại Học Y Khoa Saigon và giai đoạn hành nghề y khoa ở Pleiku, rồi hành nghề ở Saigon trước khi vượt biên cùng ba con, sau khi đến Mỹ mới bảo lãnh vợ và các con còn lại…

Buổi ra mắt sách của anh đặc biệt có nhiều diễn giả đã được trang trọng giới thiệu lên diễn đàn và tất cả đều hết lời khen ngợi… Như vậy, buổi ra mắt sách của BS Lê Ánh đã rất thành công khiến bác sĩ Ánh trong lời cảm ơn sau

đó, đã cảm động rơi lệ hai, ba lần và BS Ánh đã hát ba bài để tặng bạn bè, thân hữu và khách văn chương và vui vẻ ký tặng sách cho bạn bè và các độc giả yêu mến văn chương đã đến tham dự đông đảo.

b. Buổi ra mắt sách của bác sĩ Nguyễn Công Trứ.

Nếu là người học và đọc văn học sử Việt Nam chắc không khỏi "ngập ngợ" khi nghe đến tên Nguyễn Công Trứ vì tên đó là tên của Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ, một nhân tài văn học và cũng là một võ tướng hào kiệt, một kinh tế gia giỏi giang với chương trình "kinh tế" thiết lập các khu dinh điền thời triều Nguyễn cực thịnh. BS Nguyễn Công Trứ có lẽ đã được cha mẹ yêu quý và kính trọng vị tướng có tài kinh bang tế thế triều Nguyễn mà lấy tên Ngài đặt tên cho anh, nhưng anh đã không đi theo con đường của Nguyễn Tướng Công mà lại chọn y khoa làm con đường sự nghiệp…

BS Nguyễn Công Trứ đến từ tiểu bang New York, Hoa Kỳ, cất công tận miền cực đông, vượt mấy nghìn dặm băng ngang nước Mỹ đến San Jose để ra mắt một tác phẩm mà nhiều người đã khen là một tác phẩm xứng đáng để đời cho con cháu. Cuốn hồi ký của anh đã viết về quãng đời tranh đấu với nhiều gian khổ để vượt qua những giai đoạn éo le của lịch sử dân tộc và các quãng đời gian khổ của chính mình để vươn lên. Buổi lễ được tổ chức vào lúc 1 giờ trưa ngày Thứ bảy 12 tháng 7 năm 2014 tại Khu Hội Cựu Tù Nhân Chánh Trị Bắc California, trên đường Gish Road.

BS Nguyễn Công Trứ thuộc khóa y khoa 1963-1970,

cùng khóa với các BS Trần Đình Đôn, Nguyễn Lương Tuyền. BS Trứ đã làm nội trú tại các bệnh viện Bình Dân (1968-1970) và Hùng Vương (1970-1972) dưới sự hướng dẫn của hai GS Đặng Trần Hoàng và Nguyễn Thị Nhị, sau đó, bị động viên (trưng tập) và phục vụ tại Quân Y Viện Qui Nhơn từ 1972 tới 1975 với cấp bậc Y Sĩ Trung Úy.

Đây là tập hồi ký dầy hơn 200 trang viết về những gì anh đã làm tại Quân Y Viện Qui Nhơn vào tháng 3 năm 1975, khi VC vi phạm Hiệp Định Paris 1972, xua quân xâm chiến toàn bộ Việt Nam Cộng Hòa và tất cả trong tình trạng tan đàn sảy nghé, các cấp chỉ huy quân sự và quân y bỏ chạy hết, chỉ còn mình ông ở lại với các y tá can đảm ở lại tiếp tục săn sóc các thương bệnh binh.

Sau đó, anh Trứ bị VC bắt đi tù cải tạo gần 5 năm tại trại tù Kim Sơn K18. Anh cũng là người đã lo việc an táng thi hài Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42, Sư Đoàn 22 Bộ Binh cùng chiến binh tại sân cờ Quân Y Viện Qui Nhơn sau khi vị Đại Tá nầy tuẫn tiết, không chịu để rơi vào tay "quân thù". Sau khi ra tù, anh đã tìm đường vượt biên, đến được Hoa Kỳ, sau nhiều gian nan, nguy hiểm… Qua bao nhiêu cố gắng trong gian khổ, học lại, được nhận vào chương trình huấn luyện thường trú về quang tuyến X (radiology), gia nhập quân đội Hoa Kỳ, rồi vượt bao khó khăn, gian khổ để lấy được văn bằng hành nghề chuyên môn về quang tuyến. Lúc vượt biên, anh chưa lập gia đình, mãi đến khi đến trại tị nạn, anh đã gặp được người yêu lý tưởng... Trong cuộc sống hôn nhân, cũng đầy sóng gió, nhưng anh vẫn cố gắng vượt qua mọi khó khăn

để vợ con có cuộc sống đầy đủ và an bình. Hiện anh chị sống với nhau rất hạnh phúc và có 3 con, các con đều đã trưởng thành và nên người.

Cuốn sách được viết ra với tất cả chân thành và rất thực, với tất cả nỗi niềm của anh, kể cả những cay đắng mà anh đã trải qua, trong khi nhiều anh em đồng nghiệp khác đã không may mắn như anh, phải bỏ nghề, tìm đại một "job" nào đó để kiếm tiền nuôi gia đình, giúp đỡ cha mẹ và anh em còn kẹt nơi quê nhà. Với tác phẩm nầy, anh muốn để lại cho giới trí thức trẻ và con cháu hiểu rõ những gì đã xảy ra sau biến cố 30-4-1975.

Buổi ra mắt sách rất thành công và cảm động với khoảng trên 150 khách "văn chương", tham dự vui vẻ và nhiều anh chị em văn nghệ sĩ đã góp phần trong một chương trình văn nghệ thật đặc sắc và cá nhân tôi cũng đã tham gia trong Ban Tổ Chức và đóng góp với tác giả về cuốn sách nầy và tác giả cũng đã đưa vài chương lên mạng lưới toàn cầu (internet) và được học giả khắp nơi khen ngợi nồng nhiệt và số sách đem theo đã được "bán hết" và số tiền bán sách đã được anh ủng hộ bệnh viện cùi tại Việt Nam.

c. Buổi ra mắt sách của bác sĩ Nguyễn Hy Vọng

BS Nguyễn Hy Vọng từ Nam California đã đến miền Bắc California ra mắt hai quyển sách "*Những Nẻo Đường Tiếng Việt*" và "*Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt*" vào lúc 2 giờ chiều Thứ bảy ngày 19 tháng 7 năm 2014 tại Phoenix Art Center, San Jose. Được biết, BS Nguyễn Hy Vọng, sinh năm 1931 tại Huế, tốt nghiệp Đại Học Y Khoa

Saigon năm 1958, hành nghề y khoa tại Nam Việt Nam từ năm 1959 đến năm 1975. Đến Hoa Kỳ, anh hành nghề Thần Kinh Tâm Trí (psychiatrist) từ năm 1978 đến năm 1997 và đã nghỉ hưu từ đó đến nay. BS Nguyễn Hy Vọng học cùng lớp với BS Vũ Quí Đài. Anh cũng đã từng dạy Vạn vật tại Trung học Petrus Ký và Chu Văn An Saigon từ 1955 tới 1958. Do đó, buổi ra mắt sách đã được các hội Ái Hữu Petrus Ký, Chu Văn An và Quốc Học Huế nhiệt liệt yểm trợ.

Hai cuốn sách của BS Nguyễn Hy Vọng quả thực là h a i tác phẩm đồ sộ, do tác giả đã dày công nghiên cứu và biên soạn trong hơn 30 năm tức từ năm 1981 đến nay. Quyển *Những Nẻo Đường Tiếng Việt* dầy 300 trang viết về nguồn gốc hình thành tiếng Việt, cấu trúc, văn phạm và ngữ pháp tiếng Việt. Trong bộ *Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt* dầy 2230 trang, gồm 3 cuốn, nặng gần 5 kg, tác giả Nguyễn Hy Vọng đã dầy công nghiên cứu nguồn gốc các chữ, rồi giải thích ý nghĩa của chữ đó trong tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh và cả các tiếng từ tiếng Hán, tiếng Miên (Cambodge, Khmer), tiếng Thái, tiếng Chàm… Công trình nghiên cứu như vậy quả thật vĩ đại và công phu, hầu như chưa có tác giả nào từng viết kỹ càng, rộng rãi, công phu như thế.

Sau phần trình bày và giới thiệu tác giả của các diễn giả, BS Nguyễn Hy Vọng đã lên diễn đàn nói về những "khám phá lý thú" độc đáo như nguồn gốc tiếng Việt ở Đông Nam Á do 3 gốc Taic (Thái Lan), Mon (Mường) và Khmer (Miên) mà ra chứ không phải xuất phát từ Trung

Hoa. Theo gợi ý nầy của bác sĩ Vọng, người ta nhớ lại tác phẩm "*Nguồn Gốc Mã Lai Trong Tiếng Việt*" của nhà văn Bình Nguyên Lộc… Tác giả cũng giải thích các chữ kép của Việt Nam, 2 chữ kép đều có nghĩa, thí dụ "săn sóc", chữ săn có nghĩa là theo dõi, còn sóc là sức khỏe (tiếng Ấn), thế nên người bác sĩ thì "săn sóc", người y tá thì "chăm sóc", như chữ "mời mọc", chữ mọc có nghĩa là đến, mời mọc có nghĩa là mời đến.

Hai cuốn sách đều rất giá trị và được đông đảo bà con San Jose chiếu cố. Bộ Từ Điển của tác giả đã bán hết sạch tại San Jose. Buổi ra mắt sách đã rất thành công và đã thu hút được trên 150 khách tham dự, đầy kín hội trường.

Cả ba buổi sinh hoạt "ra mắt sách" đều thành công, được báo chí địa phương tường thuật và ca ngợi. Riêng theo ý tôi, các bạn y khoa chúng ta nên có cuốn sách "*Vượt Qua Gian Khổ*" của BS Nguyễn Công Trứ và hai bộ sách của BS Nguyễn Hy Vọng. Riêng sách "*Từ Hòn Khói Tôi Đi*" của BS Lê Ánh dầy trên 600 trang thì bác sĩ đã tặng tất cả bạn bè (chứ không bán), chắc mọi người đã có đủ và đã đọc rồi.

Đây là lần đầu tiên, có ba vị bác sĩ từ ba nơi khác nhau, vô tình mà đã cùng đến tổ chức ra mắt sách trong vòng 2 tháng cũng tại một nơi là San Jose của chúng ta và đều thành công.

Hẳn chúng ta cũng đã biết các BS Ngô Thế Vinh, Đặng Đức Nghiêm (Nam California) Huỳnh Hữu Cửu, Văn Văn Của, Tôn Kàn (tức Nguyễn Trùng Khánh, tự "Khánh Chửi"), Nguyễn Thanh Giản, Phạm Thế Trường

đều có sách xuất bản riêng. Riêng BS Nguyễn Duy Hảo, bút hiệu Ba Lăng, chủ biên Đặc San Y Khoa 68, cũng đã cho ra mắt cuốn sách "*Tìm Trong Kỷ Niệm*" vào cuối năm 2012 và tập thơ "*Có Một Tình Yêu*" với những bài thơ tình lãng mạn đã được các bạn đồng nghiệp nồng nhiệt đón nhận.

d. Buổi ra mắt sách của bác sĩ Phạm Tự Đại

Ngày 13 tháng 12, 2019 trong buổi sinh hoạt của Hội Y Sĩ Việt Nam vùng bắc Cali, BS Phạm Tự Đại (YK69) đã cho ra mắt cuốn *Tự Điển về Thuật Ngữ Y Khoa có tên là Tự Điển Thuật Ngữ Y Khoa Lâm Sàng và Cận Lâm Sàng Anh Việt (English Vietnamese Dictionary of Medical and Paramedical Terms).*

BS Đại, tốt nghiệp Y Khoa Saigon 69, nguyên giảng viên ở bảo sanh viện Hùng Vương và trường Quân Y Quân Lực VNCH. Anh cho biết, anh đã bắt đầu soạn cuốn tự điển từ năm 1973 khi anh làm việc tại Ban Tu Thư của trường Quân Y QL/VNCH. Sang Hoa Kỳ năm 1984, anh tiếp tục soạn thảo và đã hoàn thành năm 2019, gần 37 năm ròng rã. Đây là cuốn sách nặng ký nhất (gần 5kg), dài nhất (trên

2000 trang khổ lớn), nhiều danh từ chuyên môn nhất từ trước đến nay (so với các cuốn sách xuất bản trước 1975 của VNCH, và sau 1975 của CHXHCNVN).

Tôi đã có đọc lướt qua và thấy anh trình bày rất rõ ràng, rất cẩn thận, chú thích rất nhiều, có nhiều hình minh họa, để cho các độc giả dễ hiểu các danh từ chuyên môn.

Theo nhận xét của tôi cũng như là nhận định của tác giả thì sách nầy sẽ trợ giúp các bác sĩ, các sinh viên y khoa, các học giả muốn viết các bài nghiên cứu hay tham luận bằng tiếng Việt, cũng như các em học sinh, sinh viên y khoa tại Việt Nam muốn tìm hiểu hay học hỏi thuật ngữ y khoa bằng tiếng Việt. Theo tôi được biết, sở dĩ tác giả đã khổ công làm việc là vì anh "yêu tiếng Việt" và muốn bảo tồn văn hóa, bảo tồn tiếng Việt (hiện nay trong nước có phổ biến một loại tiếng Việt lai căng Tàu). Tôi thiết tưởng cuốn sách nầy cần nên có trong tủ sách gia đình để tham khảo và tra cứu khi cần. Muốn mua sách nầy, xin liên lạc với BS Phạm Tự Đại hoặc nhà xuất bản Hoa Tiên 408-971-1350 hoặc 714- 892-7675.

Cũng vào dịp cuối năm 2019, ở San Jose có hai buổi ra mắt sách rất thành công. Đó là:

1. Buổi giới thiệu Tự Lực Văn Đoàn và các cây bút hậu duệ do nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật và Văn Thơ Lạc Việt tổ chức. Tuyển tập nầy có 2 phần chính: 1/Phần phê bình, nghiên cứu về tác giả và tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn do các nhà nghiên cứu, nhà văn tên tuổi như giáo sư Trần Huy Bích, giáo sư Dương Ngọc Sum, nhà văn Trần Việt Hải, Bùi Bích Hà, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Văn Sâm, Trần Mạnh Chí, Quyên Di,… 2/Bài viết của các hậu duệ Tự Lực Văn Đoàn về các thể loại thơ, văn, nhạc,… Đặc biệt gồm nhiều cây bút như Nguyễn Tường Thiết (con của Nhất Linh), Nguyễn Tường Giang (con của Thạch Lam). Bác sĩ Nguyễn Tường Giang có đóng góp 6 bài thơ trong tuyển tập nầy. Ban biên tập gồm Việt

Hải và Trần Mạnh Chí. Tuyển tập nầy được xuất bản với sự giúp đỡ của nhà sách Khai Trí, đại diện là anh Nguyễn Hùng Tâm và một số thân hữu hảo tâm.

Tuyển tập nầy rất phong phú và gồm nhiều bài viết có giá trị. Theo tôi, nên có trong tủ sách gia đình. Có thể liên lạc với địa chỉ email: www.nhanvannghethuat.com.

2. Buổi ra mắt Tạp Chí Văn Chương. Vào ngày 13 tháng 10, 2019, nhà văn Thanh Thương Hoàng, một ký giả nổi danh và là một nhà văn lão thành đã cho ra mắt Tạp Chí Văn Chương tại nhà hàng Dynasty rất long trọng với hơn 120 quan khách rất chọn lọc. Tạp Chí Văn Chương, ngoài phần sáng tác của các nhà văn, nhà thơ hiện tại, để bảo tồn văn chương Việt, có đăng lại những văn thơ giá trị của các bậc tiền bối. Chúng tôi nhận thấy các bài viết cũ của giáo sư Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Thụy Long, Đào Văn Bình, Thanh Thương Hoàng, Ngô Đức Diễm… Ngoài ra, còn có các bài viết của các bác sĩ có tiếng trong y giới như Mùi Quí Bồng (YK71), Nguyễn Dương (YK69, nguyên y sĩ Đại Tá trong Quân Lực Hoa Kỳ).

Sách được xuất bản 3 tháng 1 lần, một năm 4 cuốn. Theo lời nhà văn và cũng là ký giả lão thành Thanh Thương Hoàng, với mục đích bảo tồn văn hóa, bảo tồn "Tiếng Việt mến yêu" của chúng ta, nên ông chịu "khổ công" mặc dầu năm nay ông đã 90 tuổi. Chúng tôi rất khen ngợi những đóng góp của ông trong nền văn học hải ngoại. Xin liên lạc tcvanchuong@gmail.com hoặc chieu.nguyen7@gmail.com.

T.B. Rất nhiều vị đã đến ra mắt sách tại San Jose và đã được đông đảo đồng hương tham dự. Đó là các cuốn sách của giáo sư Nguyễn Tiến Hưng, cựu tổng trưởng Kế Hoạch VNCH, luật sư Lâm Lễ Trinh, cựu bộ trưởng Nội Vụ VNCH, Nguyễn Bá Cẩn, cựu thủ tướng VNCH và gần đây có 2 cuốn sách rất quý giá, đó là Tuyển Tập Nguyễn Thanh Liêm của cựu thứ trưởng Giáo Dục VNCH, gần 600 trang nói về nền giáo dục VNCH, và cuốn sách của Khương Hữu Điểu, cựu phụ tá tổng ủy viên Kinh Tế Tài Chánh của nội các Nguyễn Cao Kỳ. Nói đến cuộc đời và sự dấn thân của ông trong những chương trình phát triển kinh tế của VNCH với tựa đề là Đông gặp Tây, hành trình qua chiến tranh và hòa bình. Có thể nói cuốn sách của ông là một cuốn sách in đẹp nhất từ trước tới giờ và nội dung rất hay, tôi nghĩ nên có trong mọi tủ sách gia đình.

NHỮNG SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG TẠI SAN JOSE

NIỀM VUI CỦA NHỮNG VỊ CAO NIÊN Ở SAN JOSE

- Hát cho nhau nghe: Có một phong trào lan rộng, nhất là ở hai vùng Nam, Bắc California. Nam Cali thì hạng nhất, nhưng Bắc Cali cũng không thua kém gì. Đó là Phong Trào "Hát Cho Nhau Nghe". Đây cũng là một niềm vui của những vị cao niên. Khởi đầu là chương trình hát karaoke, nay xem ra thì hát karaoke đã lỗi thời. Có nhiều nhà hàng, trung tâm sinh hoạt, trung tâm cộng đồng tổ chức "hát cho nhau nghe". Những người tham dự thường là những vị cao niên đã hưu trí, đã ở lứa tuổi 60, 70 trở lên. Nhiều vị trên 80 cũng thường đến dự, trong đó có nhiều vị bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ. Ban nhạc thường là "one man band". Các "ca sĩ" tham dự phải ghi danh sớm và lần lượt sẽ lên trình diễn bài ca của mình. Hết một đợt sẽ tiếp tục đợt hai nếu còn thì giờ. Nhờ phong trào này, nhiều vị đã ca rất hay, không thua gì ca sĩ chuyên nghiệp. Nhiều bác sĩ đã tham gia chương trình này, có vị đến từ Oakland, San Francisco, Sacramento, vì ở đó không có chương trình này, chỉ có ở San Jose mà thôi. Nhiều vị mỗi tuần đi một hai lần. Hỏi thăm thì các "cụ" cho biết, ở nhà buồn quá, đi hát cho đỡ buồn, có dịp gặp bạn bè, và nhắc lại những kỷ niệm thân ái ngày xưa, sống lại những

giây phút vui tươi, thoải mái, giúp giảm stress. Các "cụ bà" cũng thế. Nhiều cụ lúc đầu còn thấy ngại ngần, sợ sệt, nhưng nay đã quen rồi nên hát rất dạn dĩ. Các "cụ" đều thấy vui và thoải mái.

- Ngoài chương trình "hát cho nhau nghe", các "cụ" còn hay tham gia chương trình khiêu vũ cũng được tổ chức ở các trung tâm trên, hoặc ở các nhà hàng. Ở Trung Tâm Roosevelt, đường Santa Clara, nơi thành phố San Jose dành cho quý vị cao niên, mỗi tuần hai lần vào thứ tư và thứ bẩy, có hát karaoke, có ăn trưa với giá rẻ và có khiêu vũ. Mỗi người chỉ đóng 1$ và được ăn bánh ngọt, uống cà phê. Parking miễn phí. Đó là một exercise làm thư giãn, giảm stress. Bây giờ đã thành thói quen, tôi không bao giờ vắng mặt. Mỗi thứ tư, thứ bẩy có trên 100 "cụ" tham dự, có lần con số lên đến 170, 180.

Ngoài ra, tại tư gia, thường là nhà các bác sĩ, luật sư... có tổ chức họp mặt và có chương trình văn nghệ "hát hò" rất vui vẻ... Đó là niềm vui của những vị cao niên San Jose.

- Tập Thể Dục: Ngoài các niềm vui trên, người ta còn thấy các cụ tham gia các chương trình tập thể dục "Tai Chi", Live Dancing do một số trung tâm y tế hay hội đoàn hướng dẫn. Các chương trình này không thâu lệ phí, hoặc lệ phí nhẹ nhàng.

- Đi Du Lịch: Dạo này, có nhiều trung tâm ở San Jose tổ chức du lịch, đặc biệt dành cho người Việt Nam. Du lịch một ngày cũng có, hay 3-5 ngày, hoặc đi xa như Hawaii, Yellowstone... với lệ phí phải chăng, các hướng dẫn viên là các anh chị em trẻ.

CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI SAN JOSE

Người Việt Nam vì hoàn cảnh, phải lìa xa quê hương, sinh sống tại những nơi khác, nhưng dù thế nào cũng cố gắng quây quần với nhau, thăm viếng nhau trong tinh thần:

- Vẫn giữ phong tục, tập quán Việt Nam, vẫn đi lễ nhà thờ, chùa chiền…

- Nhà thờ Việt Nam: Có nhiều thánh lễ (riêng Giáo Xứ Việt Nam Đức Mẹ La Vang có ít nhất 19 thánh lễ thường xuyên (cuối tuần), không kể các thánh lễ hàng ngày (sáng, chiều) và bất thường, đặc biệt vào mùa chay hay mùa giáng sinh hay khi có các cha hay các Đức Giám Mục từ nơi khác viếng thăm. Ngoài ra còn ở các cộng đoàn khác (ở giáo xứ địa phương có các cha Việt Nam làm chánh xứ hay phó xứ thì cũng có đủ các thánh lễ cuối tuần (chủ nhật, thứ bẩy), các thánh lễ đặc biệt tùy mùa chay hay giáng sinh, các cha hay giám mục từ nơi khác viếng thăm và các chương trình tĩnh tâm, giảng thuyết và thánh lễ hàng ngày, sáng chiều... Thêm nữa, còn có các lớp Việt Ngữ, Giáo Lý dành cho các em thiếu nhi với trên 2000 em tham dự tại Giáo Xứ Đức Mẹ La Vang (không đủ chỗ, phải mượn các nhà thờ khác) do Tòa Giám Mục cho phép, chưa kể các lớp Việt Ngữ và Giáo Lý ở các cộng đoàn Việt Nam, ở các giáo xứ Mỹ với hàng ngàn các em.

- Chùa chiền Việt Nam: Có gần 20 chùa. Các cụ thường đi chùa vào các ngày chúa nhật hay mồng một, rằm âm lịch.

- Các sinh hoạt: Giá sinh hoạt dù tăng cao nhưng các gia đình Việt Nam vẫn sống vui vẻ, đầy đủ do sự cần kiệm, đùm bọc lẫn nhau.

- Giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần lá lành đùm lá rách: các cuộc lạc quyên giúp đỡ cho trẻ mồ côi, anh chị em thương phế binh kẹt lại ở quê nhà vẫn được cộng đồng Việt Nam sốt sắng tham gia. Mùa lụt ở San Jose vừa rồi, cộng đồng Việt Nam đóng góp tích cực và tham gia cứu trợ những người thuộc Khu Vực 7 bị lụt...

Mùa hè là mùa nở rộ của các sinh hoạt cộng đồng với các cuộc pinic hè của các hội đồng hương, hội ái hữu, liên trường, các đại hội của cựu quân nhân các quân binh chủng, các sinh hoạt văn nghệ, các buổi ra mắt sách...

Năm nào cũng vậy, mùa hè là mùa sôi động với các đại hội toàn cầu của Quân Binh Chủng, của các trường Trung Học và picnic của nhiều hội đoàn, xin kể một số những sinh hoạt:

- Mở đầu cho các đại hội của các quân binh chủng là Đại Hội Toàn Cầu của Quân Chủng Hải Quân vào ngày 2 và ngày 3 tháng 6, 2017 tại Dynasty Restaurant và tại Santa Clara Convention Center, với khoảng 600 sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và gia đình tham dự. Đây là lần đầu tiên một Đại Hội quy tụ đầy đủ các thành phần của quân chủng Hải Quân gồm tướng lãnh, sĩ quan (tá và úy), hạ sĩ quan và binh sĩ các cấp. Đặc biệt Đề Đốc Trần Văn Chơn, nguyên tư lệnh Hải quân, dù đã 97 tuổi, vẫn tham dự và phát biểu mạch lạc, vui vẻ...

Ngoài ra còn có sự hiện diện của bà quả phụ Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang (87 tuổi), một vị cựu Đề Đốc Hải Quân Hoa Kỳ, từng tham chiến tại Việt Nam, một Đại Tá Hải Quân Hoa Kỳ (đương chức), người Mỹ gốc Việt, nguyên là người tị nạn là Đại Tá Nguyễn Văn Huấn, con trai của cựu Trung Tá Nguyễn Tuấn.

Chương trình thật đặc sắc gồm nhiều bài tham luận của nhiều diễn giả Việt Mỹ... Cảm động nhất là lời phát biểu của Đề Đốc Trần Văn Chơn: "Ngoài sự thương nhớ khôn nguôi nhà tôi mà tôi tin chắc là bà đã ở trên thiên đàng và đang chờ tôi. Tôi nhớ nhất là các anh em thủy thủ giờ cũng đang trạc tuổi tôi, rồi nhớ hồi đó, sĩ quan và thủy thủ đã cùng ăn chung, nằm chung một nhà trên các con tầu nhỏ bé, học hỏi làm việc từ thời khai sinh ra hải quân Việt Nam. Tôi nhớ các anh em đó, tôi chúc các anh em được nhiều sức khỏe và tôi đoan chắc là chúng ta sẽ cùng đồng bào hành động để một ngày sẽ trở về quê hương trong vinh quang".

Chương trình còn có phần văn nghệ đặc sắc và dạ vũ. Dịp này Đại Hội cũng cho ra mắt Đặc San Kỷ Niệm 65 năm thành lập Quân Chủng Hải Quân và còn có cuốn Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (do Trung Tá Vũ Hữu San biên soạn) gồm nhiều bài viết thiệt công phu, đầy đủ, rất có giá trị.

- Sau Đại Hội Hải Quân còn có Đại Hội Kỷ Niệm 57 năm Thành Lập Binh Chủng Biệt Động Quân tại San Jose vào ba ngày 14, 15, 16 tháng 7, năm 2017 sắp tới. Tiệc mừng được tổ chức tại nhà hàng Dynasty vào ngày chót

của chương trình Đại Hội là ngày 16 tháng 7, 2017 từ 6 giờ chiều đến 11 giờ khuya. Đặc biệt, Đại Hội có tổ chức một buổi chào cờ trọng thể tại tiền đình Quận Hạt Santa Clara với sự hiện diện của cựu Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất...

- Về phần Picnic Hè thì Hội Đồng Hương Khánh Hòa- Nha Trang đã đi đầu với buổi pinic tổ chức vào ngày 25 tháng 6, 2017 tại Lake Cunningham Park, đặc biệt với Ban Chấp Hành Mới. Nhờ có BS Vũ Tất Cường là Trưởng Ban Văn Nghệ của Hội, nên chương trình rất xôm tụ và có nhiều người tham dự (khoảng 500 người, gồm đồng hương và thân hữu). Phần văn nghệ, đặc biệt cũng rất xôm tụ với nhiều ca sĩ thân hữu và địa phương. Phần ẩm thực cũng khá đặc biệt với những món ăn phong phú do các mạnh thường quân đóng góp. Đặc biệt năm nay còn có phần biểu diễn thể dục khí công do BS Phạm Gia Cổn, võ sư sáng lập môn thể dục khí công hoàng hạc,đến từ Nam California, được nhiều người chú ý, đặc biệt là các vị cao niên.

Picnic thứ nhì là của lính, do một số hội đoàn chung phần tổ chức vào ngày 9 tháng 7, 2017 cũng tại Lake Cunningham Park với sự tham dự của các cựu quân nhân các quân binh chủng và gia đình (khoảng 500 người). Đây là lần thứ hai anh em lính VNCH đã có dịp gặp nhau, hàn huyên tâm sự và nhớ lại những kỷ niệm xưa cùng các chiến hữu, nhất là hát cho nhau nghe... với các "giọng ca lính" nhưng không kém phần điêu luyện càng làm tăng thêm không khí thân thiện, đầm ấm.

Riêng Picnic của Liên Trường, gồm nhiều hội nên

năm nào tổ chức cũng xôm tụ, và được tổ chức vào ngày 13 tháng 8, 2017. Xôm tụ vì gồm nhiều trường như Gia Long, Petrus Ký, Trưng Vương, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Hồ Ngọc Cẩn, Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Đoàn Thị Điểm, Quốc Học-Đồng Khánh Huế, Trung học Tân An, Võ Tánh-Nữ Trung học Nha Trang... nên nhân số tham dự rất đông, các mục văn nghệ cũng rất phong phú. Khởi từ kỳ hè 1990, đến nay đã được 18 kỳ và là dịp để các trường quy tụ anh chị em bạn học ngày xưa để gặp gỡ, hàn huyên, tâm sự và vui chơi trong dịp hè. Năm nào cũng có cả ngàn người tham dự và lại có thêm các trường khác, nên nhân số càng đông vui...

Rất tiếc, chưa thấy các trường Pháp như Taberd, Jean Jacque Roussau hay Marie Curie, Couvent des Oiseaux, Yersin... tham dự. Cũng không thấy các trường tư như Nguyễn Bá Tòng, Hưng Đạo... tham dự mặc dù các trường này cũng có đông người ở vùng này.

MỘT VÀI NÉT VỀ HỘI Y SĨ VIỆT NAM VÙNG BẮC CALIFORNIA

Vào năm 1988, cộng đồng Việt Nam ở San Jose đã phát triển tột bực và rất vững mạnh, do đó, có nhiều hội đoàn, hội ái hữu và hội thân hữu nghề nghiệp bắt đầu thành lập để tương trợ lẫn nhau và để phát triển nghề nghiệp hữu hiệu hơn, Trong số các hội đoàn, thì hội Ái Hữu Cựu Petrus Ký Bắc California được thành lập vào cuối năm 1986 và bắt đầu hoạt động vào đầu năm 1987. Hội Y Sĩ Việt Nam vùng Bắc Cali được thành lập năm 1988 với chủ tịch đầu tiên là BS Vũ Ngọc Oánh, ban chấp hành gồm 5 người, do anh em bầu ra. Nhiệm kỳ đầu tiên là 1988-1990, ngoài bác sĩ Oánh còn có 2 bác sĩ trẻ tích cực là BS Nguyễn Văn Tạo, BS Lê Phương Thúy. Nhiệm kỳ thứ hai do BS Nguyễn Hoàng Hải làm chủ tịch cũng có 2 bác sĩ rất tích cực và nổi tiếng là BS Hà Xuân Du, BS Lê Nguyên. Bác sĩ Hải làm chủ tịch 2 nhiệm kỳ 1990-1992 và 1992-1994. Trong nhiệm kỳ thứ hai, tôi cũng được bầu vào ban chấp hành. Sau đó đến BS Nguyễn Xuân Ngãi làm chủ tịch từ 1994-1996, trong ban chấp hành của bác sĩ có tôi, BS Trịnh Ngọc Huy, BS Cai Văn Dung và BS Lê Nguyên. Sau đó đến BS Phan Mỹ Dung, BS Phạm Hoàng Tánh, BS Hoàng Nguyên Khôi, BS Jacqueline Nguyễn, BS Nguyễn Văn Thịnh, BS Đặng Cao Phúc, BS Hậu Liên, BS Michael Quách lần lượt đảm nhận chức chủ tịch. Lúc

đầu hội hoạt đông như một hội ái hữu, sau nầy phát triển thành một hội có tính cách nghề nghiệp và thân hữu, quy tụ tất cả bác sĩ của miền Nam Việt Nam, không phân biệt có hành nghề hay không, và các bác sĩ tốt nghiệp bên Mỹ. Hội phát triển đều đều và vững mạnh.

Sau đây là một số sinh hoạt tiêu biểu:

Hội Y Sĩ Bắc Cali (1) sinh hoạt rất đều đặn, mỗi năm đều có một buổi họp mặt đầu năm (thường là buổi gala, với văn nghệ, khiêu vũ với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi) và thông thường có những buổi học tập CME (độ 2, 3 tháng một lần) và thường thường chấm dứt với mục "hát cho nhau nghe" với các ca sĩ là các bác sĩ hoặc phu nhân và dạ vũ nên các đồng nghiệp thường có dịp gặp nhau để hàn huyên tâm sự. Mỗi năm, hội còn tổ chức lễ phát thưởng cho các em học sinh xuất sắc (lớp 12) thuộc các gia đình Việt Nam trong vùng. Hội cấp phát 10 phần thưởng, mỗi phần thưởng là $1,000. Ban Tuyển Chọn do Hội đề cử và dựa theo một số tiêu chuẩn để chọn trao tặng cho các em học sinh xuất sắc. Phần thưởng này do các bác sĩ hội viên đóng góp. Ngoài ra, mùa hè ấm áp vui vẻ, Hội cũng tổ chức một buổi pinic cho các hội viên và gia đình.

Song song với Hội Y Sĩ có tính cách ái hữu còn có một tổ chức có tính chuyên nghiệp là Premier Care, là một Tổ Hợp Y Tế do các bác sĩ Việt Nam quản trị với số thành viên khoảng 200 mà số bác sĩ Việt Nam trong tổ hợp tới khoảng 90 vị. Premier Care đã hoạt động trên 16 năm và Hội Đồng Quản Trị của tổ hợp gồm các bác sĩ tích

cực như BS Huỳnh Thêm, BS Trần Vĩnh Thái, BS Ngô Ngọc Tuyên. Tổ hợp Premier Care cũng thường tổ chức những buổi họp mặt với các đề tài thuyết trình về các tiến bộ trong ngành y khoa. Kết thúc buổi họp mặt luôn có những màn văn nghệ và dạ vũ do chính các bác sĩ hội viên cũng như không hội viên cùng quý phu nhân hoặc quý phu quân trình diễn.

Ngoài ra, mỗi năm vào khoảng tháng 9, tháng 10, Hội Y Sĩ và Premier Care, mỗi hội, thường tổ chức một Hội Chợ Y Tế với các công tác chích ngừa cảm cúm, thuyết trình hướng dẫn y khoa, đo huyết áp, đường và mỡ trong máu, hướng dẫn về cách theo dõi và giữ gìn sức khỏe với các bệnh tiểu đường, huyết áp cao, đo nồng độ xương (để khám phá bệnh xốp xương và hướng dẫn cách điều trị và ăn uống theo đúng cách dinh dưỡng tiêu chuẩn. Hội cũng tổ chức rút thăm trúng các máy đo huyết áp, máy đo đường huyết (đường trong máu) thường do các viện bào chế tặng.

Vì phần văn nghệ rất đặc sắc lại có nhiều phục vụ hữu ích như trên và có cung cấp miễn phí cả phần ăn trưa nhẹ, nên được đông đảo đồng bào hưởng ứng, số người tham dự có khi lên đến cả ngàn người, thật vui vẻ....

Mới chừng hai năm trở lại, cũng có một Tổ Hợp Y Tế có tên là NCA mới được thành lập do một số bác sĩ Việt Nam quản trị và có một số thành viên là các bác sĩ ngoại quốc.

Ngoài ra, cũng có những "việc lạ" cần nêu lên là:

- Tuy ở San Jose dân số Việt Nam có trên 100 ngàn mà

mãi đến đầu năm 2013 mới có quyết định chính thức của thành phố San Jose để đặt tên cho khu vực đường Story, từ freeway 101 exit vào và kéo dài cho đến góc đường Senter Rd là Little Saigon và có bảng chỉ exit chính thức. Vào ngày 28-2-2013, Nha Lộ Vận Tiểu Bang đã cho gắn bảng chỉ đường vào Little Saigon từ các hướng bắc và nam của xa lộ 101. Như vậy, nếu đi trên xa lộ 101 từ Nam lên Bắc hay từ Bắc xuống Nam sẽ thấy bảng đề exit là Little Saigon. Theo báo Việt Tribune, chiều Chúa Nhật 3-3-2013, cả ngàn người Việt tụ họp về Unify Center trên đường Story Road để mừng thắng lợi của một cuộc tranh đấu kéo dài năm năm cho danh xưng Little Saigon tại San Jose, thủ phủ của Thung Lũng Điện Tử mà người Việt gọi là Thung Lũng Hoa Vàng. Cuộc đấu tranh cho tên Little Saigon làm xôn xao dư luận trong vùng và toàn Hoa Kỳ. Buổi lễ chính thức để ăn mừng đã có sự hiện diện của nhiều dân cử Hoa Kỳ, các đại diện của cộng đồng Việt Nam và ngoại quốc, đánh dấu sự đấu tranh thành công cho danh xưng Little Sagon khiến nhiều người Việt vui mừng.

- San Jose không có Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong Việt Mỹ như ở Nam Cali, nhưng cũng có một công trình xây cất có tên là Công Viên Văn Hóa Việt Nam. Đây là một cố gắng của Cộng Đồng Việt Nam từ lâu, tuy nhiên vì chưa được hưởng ứng ý kiến đồng nhất của toàn thể người Việt Nam tại đây nên chưa hoàn toàn hoàn thành được. Hiện nay chương trình này do BS Nguyễn Xuân Ngãi vận động để xúc tiến công việc xây cất, hy vọng sẽ sớm hoàn tất...Theo tin tiết lộ thì sẽ có một phần xây cất

được khánh thành vào mùa thu năm nay...

- Bên cạnh những chương trình ấy, San Jose cũng có một Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân. Đây là bảo tàng viện duy nhất của người Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản có lưu trữ nhiều hình ảnh và những vật dụng mà thuyền nhân đem theo trên đường vượt biên, vượt biển, kể cả nhiều vật kỷ niệm trước năm 1975 hay trong thời gian bị tập trung cải tạo. Ngoài ra còn có bộ huy chương của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và nhiều quân dụng, quân phục của Việt Nam Cộng Hòa. Hy vọng sẽ là những di tích dành cho các thế hệ con cháu sau này biết đến. Mặc dù đây là một cơ sở nhỏ gồm một căn nhà 2 tầng trên đường Senter Rd, nhưng cũng đã thu hút được sự chú ý của nhiều người Việt Nam và ngoại quốc đến viếng thăm. Đa số các quan khách Việt Mỹ, khi đến San Jose, đều có ghé tới nơi này. Mới đây, vào cuối tháng 4-2013, cựu Đại Tướng Trần Thiện Khiêm cũng đã đến thăm viếng Viện Bảo Tàng này.

- Chi tiết cuối cùng là sự xuất hiện của cựu Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa, Đại Tướng Trần Thiện Khiêm. Đại Tướng Khiêm đã xuất hiện trên một Chương Trình Dân Sinh do cựu Đại Tá Vũ Văn Lộc phỏng vấn. Buổi phỏng vấn đã được chiếu trên đài Viet Today và cũng được một số báo chí đề cập đến. Đây là một chuyện lạ vì Đại Tướng Khiêm trước đây rất ít nói và không thấy xuất hiện ở những nơi sinh hoạt cộng đồng.

Chú thích:

(1) *Tính đến nay Hội Y Sĩ Việt Nam đã hoạt động được 35 năm và do các bác sĩ tự đảm nhiệm các hoạt động. Năm nay, học bổng đã được tăng lên $2.000 và mỗi năm đều có tổ chức một buổi phát phần thưởng rất long trọng để khuyến khích các em.*

(2) *Premier Care đến nay cũng đã hoạt động được 26 năm. Hội hoạt động rất mạnh và mỗi năm đều có tổ chức Hội Chợ Y Tế cho đồng bào. Đầu năm Hội cũng tổ chức một buổi gala để mời các thân hữu và hội viên với một chương trình văn nghệ thật đặc sắc với một số ca sĩ của Paris By Night và Asia.*

KẾT LUẬN

Mỗi người có một số phận. Nhiều tác giả khi kết thúc hồi ký hoặc tự truyện, đều để lại những lời khuyên cho thế hệ mai sau hoặc đưa ra những nhận định về viễn ảnh Việt Nam Cộng Hòa trong tương lai. Riêng tôi, tôi không dám làm những việc ấy mà chỉ biết tổng kết lại cuộc đời của mình.

Phải công nhận rằng ở thời đại của chúng tôi và lứa tuổi của tôi thì chúng tôi đã trải qua một cuộc chiến khốc liệt giữa hai miền Nam Bắc với số thương vong trên 3 triệu (2 triệu miền Bắc, hơn 1 triệu miền Nam) và Hoa Kỳ hơn 58,000 chiến sĩ với 11 vị tướng và một đề đốc hải quân (6 chết ngay trên chiến trường và 6 chết vì những nguyên nhân khác).

Sinh trong thời loạn ly, mặc dầu gia đình nghèo và cô thế, tôi may mắn được học hành đến nơi đến chốn, theo ước muốn của tôi và của gia đình, từ tiểu học đến đại học, tôi được học gần như miễn phí hoàn toàn và còn được cấp học bổng.

Khi bị động viên, tôi đã được phục vụ trong quân y Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, ít gặp nguy hiểm so với các bạn khác. Sau đó, tôi cũng được phục vụ ngành hành chánh tài chánh cũng tốt lắm.

Bạn bè tôi, nhiều người đã ngã gục, trong đó có nhiều bác sĩ đồng khóa.

Nhưng sau cuộc chiến, tôi là nạn nhân bị nhiều cay đắng: nước mất, nhà tan. Tôi bị đi tù cải tạo, vợ con bị xa cách. May thay tôi được sang Hoa Kỳ qua chương trình ODP, đầu tiên ở Hawaii, rồi San Francisco, sau đó là San Jose.

Tôi đã làm công chức ba chế độ, đã phục vụ hai ngành y tế quan trọng, đã viết những tài liệu Việt ngữ đầu tiên tại hải ngoại, trên 30 năm phục vụ cộng đồng Việt Nam tại San Jose.

Tôi may mắn sống đến tuổi nầy, so với một số bạn bè đã ra người thiên cổ, trong chiến tranh hoặc tại nước Mỹ nầy. Tôi đã có hai cháu gái, một cháu trai đã lập gia đình, đều có công ăn việc làm vững vàng, tài chánh khá giả. ....

PHỤ BẢN

THƯƠNG TIẾC BÁC SĨ TRẦN VĂN NAM
HỘI TRƯỞNG HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH PETRUS TRƯƠNG VĨNH KÝ

Tám mươi tuổi một đời người
Trải qua gian khổ vẫn cười như hoa
Trăm năm trong cõi người ta
Đồng môn, thân hữu đậm đà mến thương
Sao anh buông gánh giữa đường
Thiên đàng Chúa gọi, đoạn trường trần gian
Để bao tiếc nhớ vô vàn
Người đi khuất bóng ngập tràn xót xa ...

Tám mươi tuổi vẫn chưa già
Chín mươi, bách tuế mới là cao niên
Thiên đàng Chúa gọi người hiền
Mấy vần thơ mọn, triền miên ý tình ...

Đồng môn Petrus Ký
Thiên Tâm
(Đặng Phương Trạch)

Vĩnh Ly

thế là nhắm mắt xuôi tay
thế là cũng đến cái ngày biệt ly
kiếp người ở trọ từ khi
về đâu sau một chuyến đi cuối cùng...

-tường vi

PHÁT BIỂU ỨNG KHẨU CỦA GIÁO SƯ LƯU KHÔN (*),

Đại diện cho Hội Ái Hữu
Cựu Học Sinh Petrus Ký Bắc California
tại tang lễ bác sĩ Trần Văn Nam

Xin kính chào Bác sĩ,

Kính thưa Bác sĩ, Bác sĩ có biết không ! Tin Bác sĩ đột ngột vĩnh viễn ra đi chẳng khác nào một tiếng sét khiến tất cả mọi người đều bàng hoàng xúc động, thương tiếc, xót xa.

Bác sĩ có biết không ! Là một nhà hoạt động cộng đồng lúc nào cũng sẵn sàng tham gia sinh hoạt các hội đoàn, các đoàn thể, Bác sĩ đã để lại trong lòng mọi người biết bao tình cảm tốt đẹp, biết bao kỷ niệm êm đềm.

Riêng đối với anh em cựu học sinh Petrus Ký chúng tôi, cho dù tất cả chỉ còn là kỷ niệm mà thôi, nhưng hình ảnh của Bác sĩ, hình ảnh của người anh cả trong đại gia đình cựu học sinh Petrus Ký tại Miền Bắc California,hình ảnh đó chắc chắn sẽ không bao giờ phai nhạt trong tâm trí của tất cả chúng tôi.

Kính thưa Bác sĩ,

Tôi xin có lời cầu nguyện cho hương linh bác sĩ được hưởng nhan Thiên Chúa. Và để nói lời chia tay, chúng tôi xin nhắc lại mấy câu thơ trong bài "Khóc Bạn " (**) của cụ Nguyễn Khuyến:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

....

Và

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua.

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,

Viết đưa ai, ai biết mà đưa;

Giường kia treo những hững hờ,

Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.

Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở,

Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan !

Xin vĩnh biệt Bác sĩ !

(*) GS Lưu Khôn là cựu giảng sư ĐH Văn Khoa Sàigon, cựu hiệu trưởng trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ và cũng là cựu học sinh Petrus Ký.Ông còn là thành viên ban cố vấn hội CHS Petrus Ký Bắc California.

(**) Nguyễn Khuyến (Tam Nguyên Yên Đỗ) làm bài thơ này gồm 38 câu năm 1902 khi hay tin bạn thân đồng khoa là cựu Tổng Đốc Nam Đinh Dương Khuê (1839-1902) từ trần.

Lời phát biểu của đại diện các hội đoàn khác

- **Nhóm Liên Trường Cựu Học Sinh Trung Học, Bắc California**

Ông Nguyễn Xuân Giang, cựu học sinh Trung Học Võ Trường Toản, Saigon, đã thay mặt cho đại diện các trường trong Liên Trường ngỏ lời chia buồn cùng tang quyến và nhắc lại các sinh hoạt mà bác sĩ Nam đã đóng góp với tư cách là Hội trưởng Hội CHS Petrus Ký Bắc CA, mà Hội là một thành viên trong Nhóm Liên Trường.

- **Nhóm Người Việt Cao niên Thuộc Trung Tâm Roosevelt San Jose, CA.**

Bà Nguyễn Kim Trung, đại diện nhóm quý vị cao niên nói trên, đã ngỏ lời chia buồn cùng tang quyến và xúc động kể lại một số kỷ niệm đáng nhớ với bác sĩ Nam trong thời gian anh đã sinh hoạt ở đây những năm sau khi về hưu.

- Một số hội đoàn và thân hữu khác cũng muốn nói lời chia tay nhưng rất tiếc vì thời gian hạn hẹp, đã không thực hiện được.

Nhớ về Hội Trưởng Trần Văn Nam

Đinh Văn Hùng Sơn , 6/2023

Những năm gần đây thỉnh thoảng tôi hay thay BS Nam đi dự các buổi tiệc thân hữu của các hội đoàn bạn. Một vài lần tôi đã gặp cùng một câu hỏi rằng tôi quen với BS Nam hồi nào và trong trường hợp nào. Có lẽ người hỏi nghĩ tôi là người rất thân cận với anh. Thật ra tôi đi thay đơn giản chỉ vì thời gian của tôi uyển chuyển được, trong khi gặp lúc các thành viên khác trong Hội có nhiều việc bận rộn.

Mỗi lần như vậy làm tôi nhớ lại lần đầu tôi quen anh, khoảng 34 năm trước, lúc anh mới từ Hawaii dời qua định cư và làm việc ở San Francisco. Xin kể tóm tắt như sau:

Một chị bạn của một người anh vợ tôi có cô con gái sắp thành hôn với một bạn cùng lớp. Cô cậu vừa tốt nghiệp Cao học tại ĐH Stanford và đám cưới sẽ tổ chức thân mật ở một câu lạc bộ trong trường. Quan khách gồm cả Việt lẫn Mỹ, trong đó có các giáo sư và bạn cùng lớp với cô cậu nên cần hai người MC cho hai ngôn ngữ. Có lẽ một phần vì gia đình cô dâu đơn chiếc, lại có anh vợ tôi giới thiệu, phần khác có lẽ vì trong công việc cũ tôi đã có chút ít quen thuộc với ĐH này nên tôi được nhờ giúp làm một trong hai MC nói trên. Người MC kia là BS Nam.

Một thời gian sau, không còn nhớ bao lâu, chúng tôi

gặp lại nhau trong các buổi họp mặt của Hội Cựu Học Sinh Petrus Ký Bắc CA . Lúc đó tôi mới biết anh Nam học Petrus Ký trên tôi vài lớp .

Năm 1999, khi đắc cử Hội trưởng, anh ngỏ ý nhờ tôi giúp làm Hội Phó cho anh. Qua vài lần nói chuyện thấy anh có nhiều suy nghĩ tương đồng nên tôi nhận lời. Có hai dự tính chính mà Hội muốn thực hiện trong sinh hoạt lúc đó: một là sinh hoạt đúng giờ giấc để tránh phải nghe câu người VN thường tự chế giễu thời đó (và cả đến bây giờ?) "*Không ăn đậu không phải Mễ. Không*....! ". Thứ hai là cố gắng để trong các buổi họp mặt, ngoài các mục thông thường sẽ có thêm phần nói chuyện cô đọng dưới 1 giờ, về các đề tài thiết thực cho đời sống. Thuyết trình viên là những chuyên gia uy tín trong các lãnh vực văn hóa, xã hội, kỹ thuật, gần gũi thực tế nhứt là trong lãnh vực y khoa. Và trong suốt nhiều năm Hội đều thực hiện được trong mỗi lần họp mặt. Đây là điểm đặc thù mà ít thấy các hội đoàn khác trong vùng thực hiện được.

Cũng nhờ khéo giao thiệp và uy tín của anh Nam cùng một vài anh khác của Hội mà trong các lần họp mặt, Hội đã được các mạnh thường quân sốt sắng ủng hộ. Đặc biệt còn có sự tham dự của các nhân vật được biết đến khá nhiều trong lịch sử nửa thế kỷ qua. Có thể kể như các cựu Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, Tướng Lâm quang Thi, Đề đốc Trần Văn Chơn, Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Trần Khương Trinh và Mai văn An, GS Nguyễn Xuân Vinh, Tướng Nguyễn Khắc Bình, Viện trưởng ĐH Bách Khoa Thủ Đức Đỗ Bá Khê,.. và gần đây, trước dịch Covid 19 còn có Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng Trưởng Tài

Chánh Nguyễn Đức Cường, v.v… Có lần sau phần thuyết trình Thủ Tướng Cẩn và Viện trưởng Đỗ Bá Khê đã đến trò chuyện, bắt tay khen đề tài thuyết trình rất hữu ích và khuyến khích Hội nên tiếp tục. Một số trong nhiều vị nói trên từng là học sinh Petrus Ký, chưa kể còn có các cựu hiệu trưởng và nhiều đàn anh thế hệ trước của Petrus Ký, nhiều người tuy ở xa cũng đến dự.

Trong vai trò Hội trưởng, anh quan tâm rất nhiều đến uy tín của Hội. Vài năm trước có lần một vài cựu học sinh ở Petrus Ký Âu Châu và ở Hoa Kỳ đột nhiên phát động gây quỹ ở cả Nam lẫn Bắc Cali để chi trả vài chục ngàn dollars cho dự tính an vị bức tượng học giả Petrus Ký đã tạc xong từ trước. Tượng này dự tính đặt nơi sân sau, trong khu đậu xe (!) của một Nữ Tu Viện ở San Jose, Bắc CA. Hội Petrus Ký Bắc CA bất ngờ đối diện với câu hỏi là Hội có nên tham gia vận động cuộc gây quỹ đó và có tán đồng đặt bức tượng ở vi trí như nói trên hay không. Anh Nam đã hỏi ý kiến các thành viên trong Hội rất nhiều lần để đi đến quyết đinh chung là không tham dự. Mấy ngày sau đó anh vẫn còn do dự, gọi tôi hai lần để cùng nghĩ lại coi đó có phải là quyết định đúng hay không, vì đây là vấn đề "*quan trên ngó xuống người ta trông vào*" của Hội.

Sau những năm sinh hoạt chung, tuy không nói ra nhưng tôi nghĩ các thành viên trong Ban Chấp Hành cũng như Ban Cố Vấn đều thấy anh là người làm việc chu đáo, lời lẽ luôn hòa nhã dù anh có lối nói chuyện rất mạnh mẽ, sôi nổi.

Trong hầu hết các lần họp Ban Chấp Hành, anh đều đến trước giờ họp. Trong khi chờ mọi người đến đông đủ anh

thường kể cho nghe những tin tức cộng đồng mới nhứt mà anh biết được qua các tiếp xúc rộng rãi. Đôi khi anh lại kể chuyện cũ thời còn đi học và làm việc ở VN. Anh kể chuyện rất hào hứng, có những chuyện làm ai cũng cười ồ nhưng anh thì không cười. Chuyện còn nhớ nhứt anh kể là vào một hai năm cuối Y Khoa, như một số SV khác, anh xin và được Bộ Giáo Dục cho phép dạy giờ ở bậc trung học. Anh cầm tờ giới thiệu của Bộ đến trường cũ Petrus Ký của anh để xin dạy. Vô cùng bất ngờ, anh bị từ chối. Ông hiệu trưởng cho biết hồ sơ anh rất đáng khen nhưng e ngại chính của ông là anh còn trẻ lại ốm yếu nhỏ con quá, sợ không "trị" nổi các học sinh Đệ Nhứt, Đệ Nhị vô cùng tinh nghịch. Vả lại các học sinh đó không nhỏ tuổi hơn anh bao nhiêu! Rồi cười cười anh nói tiếp: "*Không phải chỉ bị một lần mà năm sau tôi trở lại xin nữa, cũng bị từ chối, cũng lý do như vậy*!" Chuyện này cho người ta thấy ít nhiều sự độc lập và phần nào tính cách tự trị trong hệ thống giáo dục thời đó. Đây đúng là trên bảo mà dưới không nghe!

Anh Nam có trí nhớ ít người có. Mỗi lần họp mặt Petrus Ký, theo thông lệ anh mở đầu với lời chào mừng và kế đó là phần báo cáo các sinh hoạt của Hội. Nếu để ý sẽ thấy anh trình bày chi tiết từng mục với ngày tháng và các con số rõ ràng mà trong tay không hề có một tờ giấy gì để tham chiếu. Có lẽ nhờ có trí nhớ đặc biệt như vậy mà thời trung học anh đã học nhảy lớp tới 2 lần. Anh xong chương trình trung học chỉ 5 năm thay vì 7 năm, sau đó học Dự bị Y Khoa rồi thi đậu vô Y khoa. Ai cũng biết Y khoa là một trong số ít các trường có tỷ lệ thu nhận rất

thấp. Một chi tiết lý thú khác mà chị Hiền- vợ anh- cho biết là hầu hết các số điện thoại anh thường liên lạc anh đều nhớ trong đầu mà không ghi xuống ở đâu cả. Vì vậy khi anh ra đi chị vô cùng lúng túng khi cần báo tin buồn về anh cho mọi người. Với trí nhớ đặc biệt đó nếu không theo ngành y khoa biết đâu nếu muốn, anh có thể là một điệp viên có hạng!

Như nhiều người khác, anh cũng yêu hát hò. Nhớ thường mỗi lần tập dợt tại nhà BS Châu để chuẩn bị văn nghệ họp mặt Petrus Ký, anh hay tạt qua để xem (xét ?). Một lần nọ cao hứng anh xin ban nhạc cho hát thử một bài. Hát xong anh hỏi nhỏ BS Châu và tôi: "*Hai ông thấy sao ? Nghe được hông?*". Bản ruột của anh là bài "Không" của Nguyễn Ánh 9 mà sau này thấy anh trình diễn rất tới. Anh hát rất có hồn, nắm tay đưa lên cao biểu lộ sự quyết tâm theo những tiếng "không", "không" trong câu hát, nhìn sôi động hơn cả Elvis Phương khi hát bài này trên các video!

Năm 2018 sau khi xuống Nam Cali họp mặt Petrus Ký toàn cầu về, tôi gọi hỏi thăm về chuyến đi, nhân tiện hỏi Petrus Ký Bắc CA có đóng góp mục văn nghệ nào không. Anh vui vẻ trả lời:

-" Ông Châu không đi , ông không đi, đâu còn ai nên tôi xung phong làm luôn !

- Anh hát bài gì ?
- Thì bài "Không" ! Bà con vỗ tay quá trời !

Gần đây, sau mười mấy năm là Hội Trưởng nhiều lần anh muốn tổ chức bầu lại để có một Hội Trưởng khác,

đặc biệt mong có một người thuộc thế hệ trẻ hơn để mang lại không khí mới và để tránh sợ có người dị nghị là anh "độc diễn". Ý định này chưa thực hiện được vì anh em nào được đề cử cũng đều không dám nhận vì nghĩ chắc không chu toàn công việc được như anh. Các cựu học sinh Petrus Ký thuộc lớp trẻ hơn thì có vẻ chú tâm nhiều với những sinh hoạt riêng tư khác nên vấn đề này vẫn còn đang dở dang. Bây giờ thì anh không còn phải ưu tư vì chuyện này nữa!

Kỷ niệm qua trên 23 năm sinh hoạt với anh còn nhiều, phải cần có thì giờ nhớ lại và sắp xếp mạch lạc nếu muốn kể thêm, nhưng thôi, bài cũng đã dài.

BS Nam ra đi chắc chắn đang để lại trong lòng những người từng quen biết anh nhiều xúc động và thương tiếc lâu dài.

Đinh Văn Hùng Sơn, Tháng 6/2023

ĐIẾU VĂN B/S TRẦN VĂN NAM

(Các bạn đồng khóa Y Khoa 68)

Kính thưa các vị chức sắc Công giáo

Kính thưa các vị đại diện Cộng đồng San Jose

Kính thưa gia đình Bác sĩ Trần văn Nam

Kinh thưa các Bác sĩ thân hữu

Thưa các bạn Bác sĩ đồng khóa (1961-1968) Đại học Y Khoa Saigon

Thưa quý vị,

Hôm nay đây, chúng ta cùng có mặt để đưa tiễn Bác sĩ Trần văn Nam, người bạn đã đột ngột từ trần vào buổi sáng ngày thứ Sáu 24 tháng 2. BS Nam là một nhân tố trong cộng đồng người Việt tỵ nạn tại SJ, và là người bạn thân thương của lớp y khoa tốt nghiệp năm 68 chúng tôi.

Bác sĩ Trần văn Nam sinh ngày 19 tháng 7 năm 1943, theo học tại Đại học Y Khoa Saigon niên khóa 61-68, trình luận án BS năm 1969 với đề tài về sản phụ khoa, do Giáo sư Nguyễn Thiện Phương bảo trợ. BS Nam là một trong những sinh viên trẻ tuổi nhất trong lớp.

Suốt 7 năm trời miệt mài học tập, BS Nam luôn sát cánh với bạn bè, khi thì trong giảng đường, lúc thì đi thực tập, khi thì giải phẫu các tử thi, lúc thì chia xẻ trách nhiệm trong những phiên trực gác. 7 năm trời, chúng tôi chung thầy, chung bạn, chung trường, chung lớp. Tình

bằng hữu, tương thân tương ái, thực vô cùng gắn bó.

Vì tình trạng chiến tranh của đất nước ngày càng khốc liệt, chúng tôi, ngoài áp lực của chương trình học tập bận rộn, còn phải chịu đựng những áp lực do những biến động của thời cuộc: khi các Giáo sư trong trường bị ám sát, những cuộc sách động bãi khóa của các sinh viên thân Cộng, các cuộc biểu tình chống chính quyền của Phật giáo, và kinh hoàng nhất là biến cố Tết Mậu Thân 1968, với những cảnh tượng máu đổ thịt rơi. Những xáo trộn này đã không làm chúng tôi nhụt chí. Anh Nam đã sát cánh với các bạn đồng khóa, tự nguyện có mặt ngày đêm trong bệnh viện để cùng hàn gắn những vết thương của chiến tranh.

7 năm học qua nhanh, chúng tôi tốt nghiệp vào mùa hè năm 1968. BS Nam cùng với các nam bác sĩ đồng khóa, lên đường làm nhiệm vụ của những người trai trong thời loạn. BS Nam về phục vụ cho binh chủng Hải quân, cấp bậc sau cùng là Đại úy.

Rồi ngày 30 tháng 4 năm 75 ập đến như một cơn hồng thủy. BS Nam cũng như các bạn đều bị tập trung trong các trại cải tạo dưới danh nghĩa "học tập". Sau hai năm rưỡi tù đầy, BS Nam được trả tự do, và về phục vụ tại Y viện da liễu Thanh Quan một thời gian ngắn.

Năm 1983, BS Nam được bảo lãnh qua Hoa Kỳ với 3 người con, hai gái và một trai. Bác sĩ theo học ngành Y tế công cộng [Public Health] tại Đai học Hawaii. Khi tốt nghiệp, BS Nam về làm việc tại thành phố San Jose,

California năm 1987.

Với bản chất là người lạc quan, năng động, và tháo vát, BS Nam đã chứng tỏ sự đa tài trong các công tác phục vụ cộng đồng tại SJ, trong thời gian gần 20 năm. BS Nam đã phụ trách chương trình "Sức khỏe là vàng", mở các lớp học thường xuyên cho các sản phụ "sanh dễ, đẻ mau", tổ chức các buổi nói chuyện về đề tài "*Ngừa rượu và ma túy*", "*Bài trừ thuốc lá*", khuyến khích đồng bào đi soi ruột để đề phòng ung thư trực tràng, hướng dẫn phụ nữ cách tự khám vú và làm mammography hàng năm để sớm khám phá ra căn bệnh ung thư vú. BS Nam luôn có mặt trong các buổi khám bệnh ngoài trời miễn phí cho mọi người, và còn viết nhiều tài liệu về các căn bệnh thường thức để phát cho đồng bào.

Ngoài những hoạt động trong lãnh vực y tế, BS Nam còn hăng hái đóng góp cho những công tác văn hóa, tham gia tổ chức trong những ngày Tết Nguyên Đán, Tết Trung thu, văn nghệ liên trường, tham dự các buổi ra mắt sách, phát học bổng cho các học sinh nghèo. BS Nam còn là hội trưởng hội đoàn Petrus Ký, với những buổi văn nghệ họp mặt hàng năm, tạo cơ hội cho những người bạn cũ từ bốn phương về gặp gỡ.

B/S Nam cũng không hề vắng mặt trong những buổi lễ tưởng niệm ngày Quốc hận 30 tháng 4, ngày mất hai đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Trong các buổi họp mặt thân hữu, BS Nam đã không ngần ngại, lên đóng góp những bài hát đầy sinh động, tạo không khí vui nhộn trong hội trường. BS Nam cũng viết

bài thường trực cho tờ đặc san Y Khoa 68, do BS Nguyễn Duy Hảo làm chủ nhiệm, với đề tài "San Jose có gì lạ không em?".

Trong gần 20 năm trời phục vụ cộng đồng San Jose. BS Nam đã chứng tỏ là một người có trái tim phục vụ đầy nhiệt huyết. Sự ra đi của BS Nam đã khiến Cộng đồng Công giáo mất đi một con chiên ngoan đạo, Cộng đồng người Việt tỵ nạn tại San Jose, mất đi một nhà hoạt động năng nổ, đa tài. Gia đình mất đi người chồng, người cha, người ông gương mẫu, và các bạn đồng khóa Y Khoa 68 mất đi một người bạn vui tính, hòa đồng.

BS Nam ra đi để lại người vợ hiền, 3 người con đã thành đạt, và 3 đứa cháu.

Trước sự mất mát to lớn này, chúng tôi, các Bác sĩ Y Khoa khóa 68, xin thành thực chia buồn cùng chị Hiền và gia đình, và xin cầu nguyện cho hương hồn Bác Sĩ Nam được hưởng ơn phúc Chúa ban trên Thiên Đàng.

ĐIẾU VĂN BS TRẦN VĂN NAM

Tôi là LÊ NGỌC LINH, biết anh TRẦN VĂN NAM trên 30 năm qua, từ 1991 đến nay.

Tôi gặp anh Nam lần đầu trong một nhà hàng VN tại vùng Tenderloin San Francisco lúc anh Nam mới đến Mỹ, đang làm tại một bệnh viện ở San Francisco; còn tôi lúc đó đang phụ trách ngành Mãi Dịch và Đấu Thầu mua hàng tại Công Ty Dầu Hỏa CHEVRON. Tôi hơn anh Nam 11 tuổi nhưng trở thành anh em tương đắc, quý nể nhau, gặp nhau mỗi tháng đôi ba lần tại vùng Tenderloin, ăn thức ăn Việt, nói tiếng Việt, trong bối cảnh lưu vong, người cùng xứ và nghe anh Nam tâm sự làm việc khó nhọc trong thời gian đầu đã mang đến cho tôi một tình cảm gắn bó giữa những người tha hương chống Cộng. Qua những lần tiếp xúc, tôi nhận thấy anh Nam là con người nhiệt huyết năng động. Một thời gian sau, anh Nam kết hôn với chị Phạm Quý Hiền, dọn về San Jose và chúng tôi cũng đã hoan hỉ dự tiệc cưới.

Sau khi anh Nam được tín nhiệm làm Hội Trưởng Hội PETRUS KÝ Bắc Cali, tôi đã thấy ngay những sinh hoạt rất nổi bật và khác biệt so với các trào hội trưởng khác nên đã không ngần ngại hưởng ứng và ủng hộ mỗi khi anh Nam yêu cầu. Anh là một người bạn tốt, khéo léo, không bao giờ lợi dụng. Khi Hội tổ chức picnic hè, tôi tặng cho Hội hai con heo quay nhưng anh Nam nói: “Lần sau, xin anh cho một con thôi!” Trước COVID, nhân dịp

Tết anh em chúng tôi gặp nhau ba năm liền tại Nhà Hàng Ánh Hồng San Jose để đốt pháo mừng Xuân, và trong giai đoạn còn COVID, anh em vẫn tiếp tục gặp gỡ hàn huyên khi thì tại quán 360 Độ, lúc thì Ánh Hồng Lion Plaza. Hai ngày trước khi anh Nam ra đi, chúng tôi còn nói chuyện qua phone!

"Sinh Lão Bịnh Tử", không ai tránh khỏi, dù là vua chúa, Tổng thống hoặc nguyên thủ quốc gia, dù là nhân vật tên tuổi hoặc vô danh, dù giàu hay nghèo, nhưng sau khi ta ra đi câu hỏi quan trọng nhứt mà người đời có thể hỏi về ta là: "*Có ai còn nhớ người* đó *khi sống* đã *hành xử như một người tốt không?"* Nếu được xem là người tốt, thật không có gì cao quý, vẻ vang bằng; đó mới thật sự là Chiến Thắng, đó là Khải Hoàn Ca và là niềm an ủi vô biên cho những người thân yêu còn lại. Trong con mắt tôi, anh Nam là một người bạn tốt cho đến những ngày cuối của cuộc đời!

Anh đã *hoàn tất xong cuộc hành trình lâu dài của* đời *mình, và sắp* được *an hưởng cuộc sống vinh quang* đời đời *bên cạnh Chúa. Anh rất xứng* đáng *vì anh là tín* đồ *ngoan* đạo*, luôn làm theo các* điều *răn dạy của Chúa.*

Xin gởi đến anh lời chào "Ngàn Thu Vĩnh Biệt"!

Ngày 16 tháng 3, 2023

MỤC LỤC

Tiểu Sử 7

Lời Nói Đầu 9

Quê Anh Ở Đâu? 11

Con Đường Trước Mắt: Sinh Hoạt Của Tôi Sau Khi Cải Tạo Về 20

Cha Già Dấu Yêu 50

Những Ngày Tháng Không Quên: Tù Cải Tạo 28

Trường Petrus Ký Giữa Thập Niên 50 71

Những Năm Cuối Trung Học 82

90 Năm Thành Lập Trường Petrus Ký & 30 Năm Thành Lập Hội Ái Hữu Petrus Ký Bắc Cali 94

Vài Nét Về Trường Đại Học Y Khoa Saigon (1961-1968) 107

Hình Ảnh Các Thầy 126

Vui Buồn Với Khu Ngoài Da Bình Dân 133

Một Số Nét Về Hành Nghề Y Sĩ Tại Miền Nam Trước Năm 1975 142

Vui Buồn Trong Nghề Nghiệp 157

Hình Ảnh 166

Kỷ Niệm Hoạt Động Trong Liên Đoàn Sinh Viên Công Giáo Saigon 177

Kỷ Niệm Phục Vụ Quân Y Hải Quân
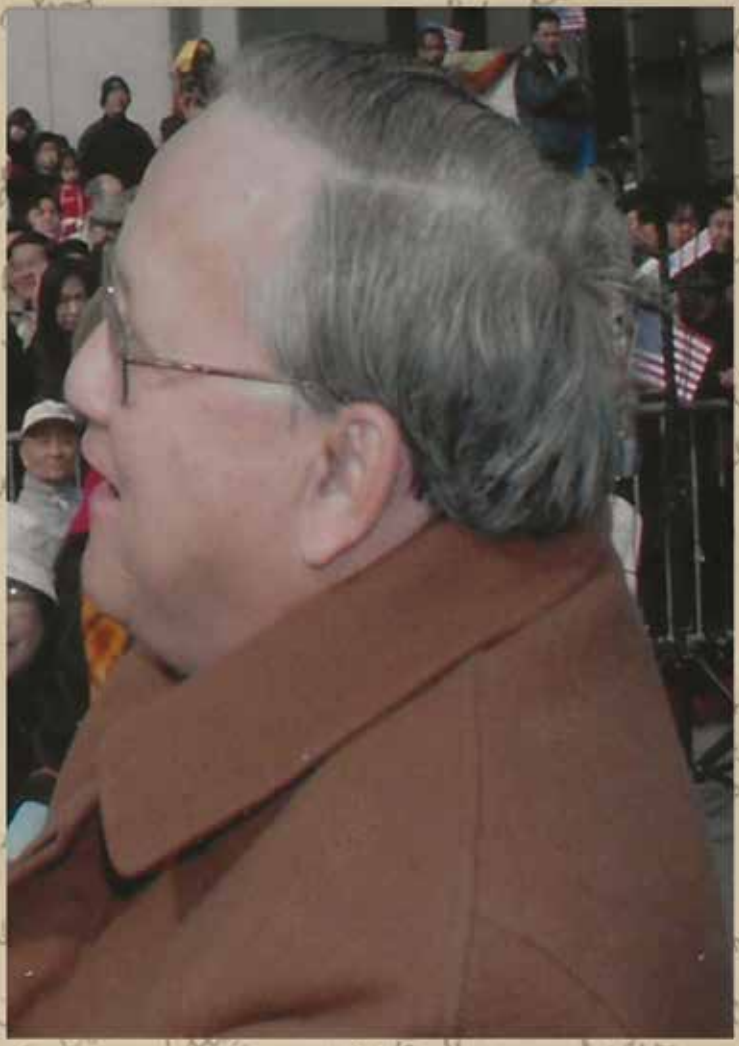
Quân Lực VNCH 188
Cuộc Hôn Nhân Đầu Tiên Của Tôi.....210
Cuộc Hôn Nhân Thứ Hai Của Tôi 217
Chặng Đường Đầu Tiên Tại Hoa Kỳ: Hawaii.....224
San Francisco Với Chương Trình Sức Khỏe Là Vàng 246
Chặng Dừng Chân Cuối Cùng: San Jose 253
Ra Mắt Sách Đặc Biệt.....260
Những Sinh Hoạt Cộng Đồng Tại San Jose.....271
Một Vài Nét Về Hội Y Sĩ Việt Nam
Vùng Bắc California 278
Kết Luận.....284
PHỤ LỤC.....286
Thơ: Thương Tiếc BS Trần Văn Nam (Thiên Tâm Đặng Phương Trạch).....287
Thơ: Vĩnh Ly (Tường Vi).....288
Điếu Văn Của Hội Ái Hữu Petrus Ký
(GS Lưu Khôn) 289
Điếu Văn Liên Trường/Nhóm Thân Hữu Roosevelt..291
Cảm Nghĩ Về BS Trần Văn Nam
(Đinh Văn Hùng Sơn) 292
Điếu Văn BS Trần Văn Nam (YK68) 298
Điếu Văn Chia Tay
(Thân hữu Petrus Ký: Lê Ngọc Linh) 302